

468

ME TERESA



NGUỒN SÁNG TỪ TRÁI TIM

VHSC

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA SÀI GÒN

MEG GREENE

Translated from the English Language edition of:

MOTHER TERESA: A BIOGRAPHY

by Meg Greene

Copyright © 2004 by Meg Greene

Originally published by Greenwood Press,
an imprint of ABC-CLIO, LLC, Santa Barbara, CA, USA.

Vietnamese Copyright © 2010 by First News – Trí Việt
Translated into and published in the Vietnamese language by
arrangement with ABC-CLIO, LLC.

All rights reserved.

MOTHER TERESA: A BIOGRAPHY

– MẸ TERESA - NGUỒN SÁNG TỪ TRÁI TIM –

Công ty First News – Trí Việt giữ bản quyền xuất bản và phát hành ấn bản tiếng Việt trên toàn thế giới theo hợp đồng chuyển giao bản quyền với ABC-CLIO, LLC, Hoa Kỳ.

Bất cứ sự sao chép nào không được sự đồng ý của First News đều là bất hợp pháp và vi phạm Luật Xuất bản Việt Nam, Luật Bản quyền Quốc tế và Công ước Bảo hộ Bản quyền Sở hữu Trí tuệ Berne.

CÔNG TY VĂN HÓA SÁNG TẠO TRÍ VIỆT – FIRST NEWS

11H Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1, TP. HCM

Tel: (84.8) 38227979 – 38227980 – 38233859 – 38233860

Fax: (84.8) 38224560; Email: triviet@firstnews.com.vn

Web: www.firstnews.com.vn

MEG GREENE

MOTHER TERESA

Nguồn sáng từ trái tim

Biên dịch:

Lưu Tuấn Dũng – Minh Tươi – Vương Long

- FIRST NEWS -

TG 344/10



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA SÀI GÒN

Lời nói đầu

Xét trên nhiều phương diện, viết tiểu sử Mẹ Teresa là một thách thức lớn đối với các nhà tiểu sử học chúng tôi. Trước đây, hầu hết các quyển tiểu sử về bà đều được viết dưới cái nhìn tôn kính, một chiều, khiến người ta dễ quên rằng bà cũng là con người bình thường bằng xương bằng thịt, sống ngay trong thời đại của chúng ta. Có cả một danh sách dài về những gì Mẹ Teresa đã làm được và những giải thưởng bà đã nhận, nhưng tất cả không thể hiện đời sống nội tâm của bà. Tuy nhiên, chính sự bình dị ở Mẹ Teresa là điểm khởi đầu cho một nhà tiểu sử học bắt đầu câu chuyện cuộc đời bà theo một cách khác. Làm thế nào một người phụ nữ bình thường lại có thể làm say mê và mang đến sự bình an trong tâm hồn cho hàng triệu con người đủ các màu da, sắc tộc, tôn giáo và trở thành một trong những tượng đài lớn nhất của thời đại?

Dù không tìm kiếm hay mong đợi một sự công nhận hay tường thưởng công trạng nào, nhưng Mẹ Teresa có một tầm ảnh hưởng vô cùng lớn khắp toàn cầu. Công việc truyền đạo của bà trên danh nghĩa những người bạn cùng nhất trong xã hội Ấn Độ ấn tượng đến mức nhiều người đặt câu hỏi rằng kinh nghiệm cá nhân đã giúp bà làm tất cả những việc ấy ra sao. Xét

Mother Teresa: A Biography

một cách toàn diện, Mẹ Teresa thông minh, khiêm tốn nhưng thụ động. Bà là một giáo viên không có gì nổi trội và là một nữ tu sĩ bình thường, hay làm đồ nến trong các buổi lễ. Tuy nhiên, bà có một đức tính làm bà trở nên khác biệt trong cái thế giới rất đòi hỏi thường này: bà có một niềm tin sắt đá vào Chúa.

Nhưng, sự nổi tiếng khiến cho mỗi hành động, mỗi lời nói của Mẹ Teresa đều bị dư luận chú ý. Niềm tin đối với những học thuyết Cơ đốc giáo và cái nhìn truyền thống xem nhẹ vị trí của phụ nữ trong xã hội khiến bà trở thành mục tiêu chỉ trích của những người theo học thuyết tự do. Nhưng trước tất cả những sóng gió do sự nổi tiếng đem lại, Mẹ Teresa vẫn luôn giữ vững lập trường rằng mình chỉ là một công cụ của Chúa.

Năm 2003, Giáo hoàng John Paul II tuyên chân phúc cho Mẹ Teresa, nghi thức cuối cùng trên con đường trở thành một vị thánh của bà. Đối với những người yêu mến bà thì đây là một thủ tục đương nhiên phải có vì trong tim họ, Mẹ Teresa từ lâu đã là một vị thánh. Tuy nhiên, việc phong thánh này cũng gây xôn xao dư luận một thời. Nhiều người thậm chí còn lớn tiếng phản đối nhằm trì hoãn việc phong thánh cho bà. Do đó, thiết nghĩ chúng ta cũng nên tiếp tục tìm hiểu về cuộc đời và sự nghiệp của bà. Cuốn tiểu sử này không chỉ nghiên cứu về cuộc đời của Mẹ Teresa, mà còn tìm hiểu về những niềm tin đã giúp định hình cuộc đời đó. Cuộc đời và niềm tin của bà liên quan chặt chẽ tới nhau, nếu không nghiên cứu song song cả hai, chúng ta rất dễ bỏ qua những điểm quan trọng về người phụ nữ vừa bình thường vừa phi thường này.

- Meg Greene

NHỮNG MỐC QUAN TRỌNG TRONG CUỘC ĐỜI MẸ TERESA

- 1900** Nikola Bojaxhiu (cha) và Drana (mẹ) chuyển tới thành phố Skopje ở Macedonia. Nikola khởi nghiệp bằng việc thành lập một công ty xây dựng, làm ăn phát đạt và đưa gia đình tới sinh sống tại một ngôi nhà gần sông Vardar.
- 1905** Aga Bojaxhiu (chị gái) ra đời.
- 1908** Lazar Bojaxhiu (anh trai) ra đời.
- 26/8/1910** Agnes Gonxha Bojaxhiu, cô con gái út của Nikola và Drana được sinh ra tại Skopje, thủ phủ của Cộng Hòa An-ba-ni thuộc Macedonia. Ngày 27 tháng 8, Agnes được làm lễ rửa tội tại nhà thờ Thánh Tâm Chúa Giêsu.
- 1913** Chiến tranh Balkan kết thúc; Macedonia bị phân chia thành các phần của Serbia, Hy Lạp và Bulgaria.
- 1919** Nikola Bojaxhiu qua đời một cách đáng ngờ.
- 1925** Gonxha bắt đầu có hứng thú với công việc truyền đạo và đặc biệt quan tâm tới Ấn Độ.
- 29/11/1928** Gonxha rời nhà để gia nhập Dòng Nữ tu Loreto, bà đến nữ tu viện tại thị trấn Rathfarnham thuộc vùng ngoại ô của thành phố Dublin, Ireland.

Mother Teresa: A Biography

6/1/1929 Gonxha được cử đến Ấn Độ, bắt đầu cuộc đời tu hành tại thị trấn Darjeeling.

24/5/1931 Sau hai năm làm nữ tu tập sinh, Gonxha nhận lễ tiên khấn và trở thành nữ tu với tên thánh là Teresa.

24/5/1937 Lễ khấn trọn của sơ Teresa diễn ra tại trường Loreto, thị trấn Darjeeling, Ấn Độ.

1938-1948 Sơ Teresa bắt đầu dạy môn Địa lý tại trường trung học Thánh Mary, thành phố Calcutta, nơi sau này bà trở thành hiệu trưởng.

1946 Ngày 10 tháng 9, bà nhận được ơn gọi cách riêng của Chúa.

15/8/1947 Ấn Độ thoát khỏi ách đô hộ của thực dân Anh. Kết quả là ba quốc gia mới được thành lập, bao gồm Ấn Độ, Pakistan và Ceylon (Sri Lanka ngày nay).

1948 Sơ Teresa xin phép rời Dòng Loreto để sống và làm việc độc lập cho những người nghèo trong thành phố Calcutta. Đồng thời, bà chọn bộ áo sari trắng viền xanh với mong muốn trở thành người phụ nữ nghèo khó nhất tại Ấn Độ, và cũng nói lên khát vọng noi gương Mẹ Maria Đồng trinh. Việc làm đầu tiên của bà là mở một ngôi trường trong khu ổ chuột Motijhil. Ngày 12 tháng 4 cùng năm, Giáo hoàng Pius XII cho phép bà tiếp tục tu hành và dưới quyền quản lý trực tiếp của Tổng giám mục thành Calcutta. Vào tháng Tám, bà tới Patna – thủ phủ bang Bihar, Ấn Độ. Tại đây, trong ba tháng, bà

Mẹ Teresa - Nguồn sáng từ trái tim

đã học một khóa huấn luyện cấp tốc về chăm sóc người bệnh tại Hội Nữ tu Truyền giáo Y học. Tháng 12, bà trở lại Calcutta và trở thành công dân Ấn Độ.

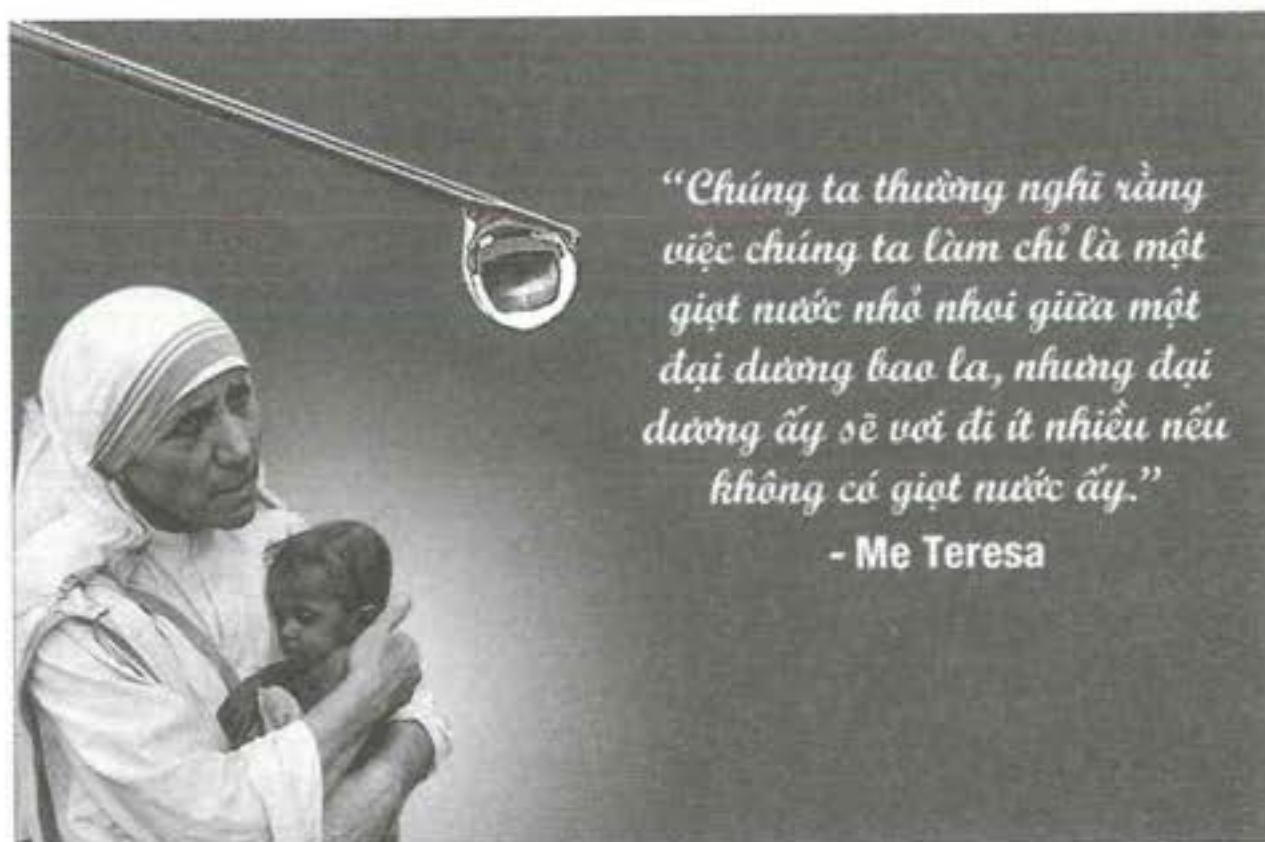
- 1949** Tháng 2, bà chuyển vào sinh sống cùng gia đình Gomes tại số 14 đường Creek. Tháng 3, một cô gái trẻ người vùng Bengal tên là Subashini Das xin được đi theo Mẹ Teresa và trở thành môn đệ đầu tiên của bà.
-
- 7/10/1950** Dòng Thừa sai Bác ái được thành lập với 10 chỉ nguyện sinh đầu tiên.
- 1952** Ngôi nhà số 54A đường Lower Circular trở thành trụ sở đầu tiên của Dòng Thừa sai Bác ái. Đây cũng là ngôi nhà đầu tiên chăm sóc những người hấp hối, cạnh ngôi đền ở Kalighat, với tên gọi Nirmal Hriday. Sơ Teresa trở thành Mẹ Teresa.
- 1953** Dòng Thừa sai Bác ái đã có buổi lễ tiên khởi cho những người mới gia nhập; Shishu Bhavan - ngôi nhà đầu tiên dành cho trẻ em khuyết tật và bị bỏ rơi được mở cửa.
- 1957** Mẹ Teresa bắt đầu chăm sóc những người phong hủi tại Calcutta.
- 1959** Những căn nhà tình thương đầu tiên nằm ngoài Calcutta được mở cửa.
- 1960** Lần đầu tiên kể từ khi đặt chân tới Ấn Độ năm 1929, Mẹ Teresa bắt đầu ra nước ngoài để mở rộng hoạt động từ thiện.

Mother Teresa: A Biography

- 1962 Mẹ Teresa là người đầu tiên không phải người Ấn Độ được nhận giải thưởng uy tín Padma Shri.
- 1963 Dòng Thừa sai Bác ái cho nam tu sĩ được thành lập.
- 1965 Shantinagar - Nơi Bình yên cho Người Phong hủi, được mở cửa.
- 1969 Hội Cộng sự viên Thừa sai Bác ái chính thức được thành lập và trở thành một tổ chức quốc tế của các anh chị em phi giáo hội – một thực thể tinh thần, một yếu tố quan trọng hỗ trợ hoạt động của Dòng Thừa sai Bác ái.
- 1979 Mẹ Teresa được trao giải Nobel Hòa bình.
- 1980 Thái tử Charles Anh Quốc thực hiện chuyến viếng thăm đặc biệt Dòng Thừa sai Bác ái tại Calcutta.
- 1983 Khi đến thăm Rome, bà bị một cơn đau tim.
- 1985 Được Hoa Kỳ trao tặng Huân chương Tự do.
- 1987 Dòng Thừa sai Bác ái mở nhiều viện xá chăm sóc những người nhiễm HIV - AIDS.
- 1989 Bà bị cơn đau tim thứ hai và được bác sĩ gắn máy trợ tim.
- 1991 Bất chấp mong muốn được rút lui vì lý do sức khỏe của Mẹ Teresa, các nữ tu vẫn nhất trí tiếp tục tôn Mẹ Teresa là Mẹ Bề trên.
- 1992 Công nương Diana của Anh Quốc đến thăm Mẹ đang dưỡng bệnh tại Rome.

Mẹ Teresa - Nguồn sáng từ trái tim

- 1994** Ngày 1 tháng 4 Mẹ Teresa đến Việt Nam, đây là quốc gia thứ 111 có sự hoạt động của Dòng Thừa sai Bác ái. Hai nhà dòng tại Việt Nam là nhà thứ 501 và 502.
- 1994** Bộ phim tài liệu *"Thiên thần của Địa ngục"* được trình chiếu trên Kênh 4 BBC.
- 1996** Bà được trao tặng danh hiệu Công dân Danh dự Hoa Kỳ. Cũng trong năm này, Mẹ Teresa bắt đầu bị các cơn đau tim nặng.
- 1997** Sơ Nirmala được chọn làm người kế nhiệm Mẹ Teresa với vị trí Mẹ Bề trên của Dòng Thừa sai Bác ái.
- 5/9/1997**, đúng vào đêm trước lễ truy điệu Công nương Diana của Anh Quốc, Mẹ Teresa qua đời tại Calcutta.



CHƯƠNG 1

THÀNH PHỐ SKOPJE

Trước đây, thành phố Skopje thuộc Macedonia^(*), là một phần của An-ba-ni và là một trung tâm thương mại sầm uất đầu thế kỷ 20. Nằm bên bờ thượng lưu của sông Vardar, Skopje cao hơn mực nước biển hơn 240 mét. Mùa hè ở đây kéo dài và khô hanh, trong khi mùa đông ẩm ướt, lạnh lẽo và đầy sương mù. Skopje không phải là một thành phố lớn thời bấy giờ; vào đầu thế kỷ, dân số nơi đây vào khoảng 25.000 người.



Thành phố Skopje - nơi Mẹ Teresa chào đời.

Thành phố Skopje được người Dardan - tổ tiên của người An-ba-ni hiện đại đến từ Illyna thuộc miền Tây bán

* Macedonia: Nằm trên bán đảo Balkan, thuộc Hy Lạp cổ đại và là quê hương của Alexander Đại đế.

đảo Balkan và người Thrace sống ở phía Bắc Hy Lạp cổ đại xây dựng vào thế kỷ thứ 3 trước Công nguyên. Thời đó, Skopje được biết đến với tên gọi Skupi, sau này thuộc sự kiểm soát của người Rumani. Đến thế kỷ thứ 6, khu vực này chịu sự thống trị của Berekheziti, một nhóm người Slavic, chính họ đã đặt cho thành phố tên gọi như ngày nay.

Đến thế kỷ thứ 9, do sự suy yếu của Đế chế Byzantine, An-ba-ni bắt đầu rơi vào sự thống trị của các thế lực ngoại bang hùng mạnh gồm người Bulgari, quân thập tự chinh Norman đến từ Pháp, người Angenvi đến từ Nam Ý, người Venetian và người Serb. Sự chiếm đóng hà khắc của người Serbia bắt đầu từ năm 1347 khiến một số lớn người An-ba-ni phải di cư tới Hy Lạp và các đảo Aegean.

Vài thập kỷ sau, người An-ba-ni lại phải đối đầu với một mối đe dọa mới. Người Thổ Nhĩ Kỳ mở rộng đế chế của mình, với tên gọi Đế chế Ottoman, vươn tới thôn tính bán đảo Balkan. Đế chế Ottoman bắt đầu chiếm đóng An-ba-ni vào năm 1388, và tới giữa thế kỷ 15, họ đã thôn tính toàn bộ vương quốc. Cho dù kiểm soát được toàn bộ lãnh thổ, người Thổ Nhĩ Kỳ không mấy thành công trong việc quản lý người An-ba-ni. Vào năm 1443, Gjergj Kastrioti, còn được gọi là Skenderbeg, huy động các hoàng tử An-ba-ni đẩy lùi người Thổ Nhĩ Kỳ. Trong 25 năm tiếp theo, Skenderbeg cho dựng một pháo đài kiên cố trên núi nhằm đẩy lùi mọi nỗ lực tái chiếm đóng lãnh thổ An-ba-ni của người Thổ Nhĩ Kỳ. Sự kháng cự dũng mãnh của Skenderbeg nhằm chống lại một trong những thế lực mạnh nhất thời bấy giờ

đã khiến cả phương Tây nể phục. Thêm vào đó, ông còn giành được sự hậu thuẫn to lớn từ Vương quốc Naples, Giáo hoàng, Venice và Ragusa (một vùng thuộc phía Tây Nam Sicily). Tuy nhiên, cái chết của Skenderbeg vào năm 1468 đã khiến cuộc kháng chiến của An-ba-ni suy yếu dần. Đến năm 1506, quốc gia này lại bị người Thổ Nhĩ Kỳ chiếm đóng. Một lần nữa An-ba-ni bị sáp nhập vào Đế chế Ottoman. Tuy nhiên, tinh thần chiến đấu của Skenderbeg vẫn âm ỉ, người dân An-ba-ni vẫn kiên định giữ gìn bản sắc, duy trì ý thức độc lập. Đó cũng chính là nguồn cổ vũ tinh thần lớn lao giúp họ nỗ lực đấu tranh không ngừng cho sự thống nhất và độc lập đất nước.

MỘT DÂN TỘC BỊ LÃNG QUÊN

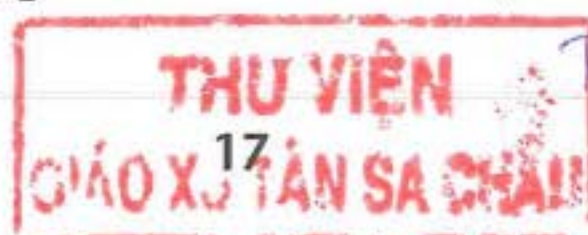
Thổ Nhĩ Kỳ đã thiết lập sự thống trị đối với người An-ba-ni cùng lúc với sự bắt đầu thời kỳ Phục hưng tại Ý. Sự thống trị của Thổ Nhĩ Kỳ tại bán đảo Balkan khiến cho khu vực này bị cô lập, không có điều kiện tiếp xúc, trao đổi với Tây Âu. Do đó, An-ba-ni đã không có cơ hội tham gia, hoặc hưởng lợi ích từ những thành tựu thời Phục hưng. Không những thế, sự thống trị của Thổ Nhĩ Kỳ còn khiến đời sống người dân nơi đây hết sức khổ cực. Kinh tế, thương mại cũng như nghệ thuật và văn hóa đều bị tàn phá nặng nề. Để thoát khỏi sự đàn áp, khoảng một phần tư dân số An-ba-ni đã trốn tới miền Nam Ý, Sicily, và phía Bắc bờ biển Dalmatia. Vô số những người ở lại phải cải đạo theo Hồi giáo - quốc giáo của Đế chế Ottoman.

Mặc dù thống trị An-ba-ni hơn 400 năm nhưng Thổ Nhĩ Kỳ vẫn thất bại trong việc mở rộng quyền lực trên khắp lãnh thổ. Tại các cao nguyên, người Thổ chỉ xây dựng được một chính quyền danh nghĩa. Nằm ngoài vùng kiểm soát của quân đội và chính phủ, người An-ba-ni trên cao nguyên không chịu đóng thuế, không phục vụ quân đội và không hàng phục. Họ chỉ nhượng bộ Thổ Nhĩ Kỳ bằng một khoản nộp hàng năm cho Constantinople. Ngay cả những người An-ba-ni nằm dưới sự thống trị của người Thổ Nhĩ Kỳ cũng chứng tỏ rằng họ không dễ bị kiểm soát. Một lần nữa, họ lại nổi dậy chống lại quân xâm lược.

Nhằm lung lạc ý chí đấu tranh dưới sự dẫn dắt của tinh thần Ki-tô giáo cũng như khát vọng độc lập của người An-ba-ni, Thổ Nhĩ Kỳ đã đề ra kế hoạch cải đạo, buộc người An-ba-ni theo đạo Hồi. Đến cuối thế kỷ 17, khoảng hai phần ba dân số An-ba-ni đã theo đạo Hồi. Cũng giống như những người từng cải đạo theo Thiên Chúa giáo trước đây, những người này theo đạo Hồi không phải xuất phát từ niềm xác tín tôn giáo, mà chỉ là để thoát khỏi tình trạng bạo lực và bóc lột của chính quyền đối với người Ki-tô giáo. Một ví dụ cụ thể là những người từ chối cải đạo sẽ phải đóng một loại thuế nặng nề, trong khi người Hồi giáo thì được miễn. Chính kế hoạch "*Hồi giáo hóa*" đã khiến sự rạn nứt tôn giáo trong xã hội An-ba-ni (hình thành từ thời Trung Cổ) ngày càng nặng nề. Những gì còn sót lại của sự chia rẽ tôn giáo này tiếp tục tồn tại đến thế kỷ thứ 19, khi những nhà lãnh đạo của phong trào thống nhất An-ba-ni dùng khẩu hiệu "*tôn giáo của An-ba-ni là*

An-ba-ni giáo” để vượt qua rào cản tôn giáo và xây dựng một tinh thần thống nhất.

Đến giữa thế kỷ 19, Đế chế Ottoman suy yếu. Thổ Nhĩ Kỳ lúc này bị xem như “*Con bệnh của châu Âu*” và gặp khó khăn trong việc kiểm soát các lãnh thổ chiếm đóng. Nhận thấy đây là cơ hội thoát khỏi ách thống trị của Đế chế Ottoman, người An-ba-ni cùng với các dân tộc khác trên bán đảo Balkan đã tìm cách giành độc lập. Năm 1878, giới lãnh đạo phong trào độc lập An-ba-ni đã gặp nhau tại Prizren - một thị trấn thuộc Kosovo để thành lập Liên minh Prizren của An-ba-ni. Liên minh đề ra hai mục tiêu chính. Mục tiêu thứ nhất là thống nhất An-ba-ni, đang bị Thổ Nhĩ Kỳ chia rẽ thành bốn vùng: Kosovo, Shkodra, Monastir và Janina (Lúc đầu, Liên minh Prizren không chủ trương giành độc lập cho An-ba-ni mà chủ trương thành lập bốn bang tự trị thuộc Đế chế Ottoman). Mục tiêu thứ hai, liên minh phát động một phong trào đề cao văn hóa quốc gia An-ba-ni, làm nổi bật nét đặc trưng của ngôn ngữ, văn học, nghệ thuật và giáo dục của An-ba-ni. Mặc dù liên minh bị đàn áp vào năm 1881, nhưng tinh thần yêu nước vẫn không ngừng sôi sục. Được liên minh truyền cảm hứng, năm 1908, giới lãnh đạo An-ba-ni đã họp tại Monastir để xây dựng hệ thống quốc ngữ cho dân tộc mình. Chủ yếu là dựa vào hệ chữ cái La-tinh, hệ thống chữ cái này thay thế cho một vài chữ khác bao gồm chữ Ả Rập và chữ Hy Lạp, rồi được đưa vào sử dụng. Không ai có thể xem thường giá trị quốc ngữ An-ba-ni trong phong trào giành lại độc lập và bản sắc dân tộc của An-ba-ni.



TG. 3HH / 10.

Để dập tắt hoàn toàn phong trào, giới cầm quyền Thổ Nhĩ Kỳ hứa hẹn cải tổ chính quyền của họ ở An-ba-ni và giành nhiều quyền hơn cho người An-ba-ni, như cho họ tự quyết định những vấn đề địa phương. Tuy nhiên, vào năm 1908 (cùng năm người An-ba-ni xây dựng hệ thống chữ quốc ngữ của riêng mình), một tổ chức với tên gọi Thanh niên Thổ Nhĩ Kỳ, với quyết tâm hiện đại hóa và tăng cường sức mạnh của đế quốc đã chiếm đoạt chính quyền và lờ đi những lời hứa với người An-ba-ni. Tức giận trước việc làm ấy, người An-ba-ni đã nổi dậy và vào năm 1912, họ buộc Thổ Nhĩ Kỳ phải chấp nhận trao cho mình những quyền lợi gần như độc lập.

Nhận thức được triển vọng độc lập của An-ba-ni, các dân tộc láng giềng tại Balkan vốn đã chuẩn bị kỹ kế hoạch chia cắt lãnh thổ, chính thức tuyên bố chiến tranh với Thổ Nhĩ Kỳ vào tháng 10 năm 1912. Để giúp đất nước tránh khỏi sự hủy diệt, các đại biểu An-ba-ni họp mặt tại Vlorë vào ngày 28 tháng 11 năm 1912 và cho ra đời bản Tuyên ngôn Vlorë, chính thức tuyên bố An-ba-ni độc lập.

Ngay giữa sự hỗn loạn về các mâu thuẫn sắc tộc, quốc gia và tôn giáo, một đứa trẻ đã ra đời tại Skopje để rồi một ngày kia, đứa trẻ ấy đã vượt qua tất cả những sự khác biệt này để *“thực hiện công việc được Chúa giao phó nơi trần gian”*.

GIA ĐÌNH

Nikola Bojaxhiu là một trong những người yêu nước nhiệt thành nhất tại Skopje, đồng thời ông còn là một

nhà thầu xây dựng và một nhà nhập khẩu thực phẩm. Là con trai trong một đại gia đình giàu có, gắn bó lâu năm với lĩnh vực thương mại, Bojaxhiu chuyển từ Prizren tới Skopje do sự phát triển tại trung tâm thương mại tại nơi này. Bojaxhiu nhanh chóng mua một ngôi nhà ở Skopje. Vốn là một người đầy tham vọng, chỉ trong một thời gian ngắn, ông đã sở hữu một lượng bất động sản lớn. Một trong những thương vụ đầu tiên của ông là cung cấp thuốc cho một trong những bác sĩ giỏi nhất ở thị trấn. Sau này ông còn hợp tác với một doanh nhân người Ý – một người buôn bán rất nhiều mặt hàng như dầu, đường, quần áo và da thuộc.

Bojaxhiu thông thạo năm ngôn ngữ và từng đi qua nhiều nước châu Âu, vùng Cận Đông và Bắc Phi. Ngoài ra, ông còn tham gia nhiều hoạt động chính trị tại địa phương, phục vụ trong chính quyền thị trấn. Công ty xây dựng của ông tham gia xây rạp chiếu phim đầu tiên tại Skopje. Không chỉ là một người yêu thích nghệ thuật, ông còn là một tín đồ ngoan đạo của Thiên Chúa giáo La Mã.

Bojaxhiu cưới Dranafle Bernai tại Prizren - thành phố mà Liên minh An-ba-ni được thành lập và là nơi ông từng sinh sống. Họ quay trở lại Skopje sau khi kết hôn, định cư tại một ngôi nhà rộng với một khu vườn lớn. Không lâu sau đó, Dranafle sinh hạ ba người con: con gái đầu lòng Aga, năm 1904; cậu con trai kế Lazar, năm 1907, và vào ngày 26 tháng 8 năm 1910, họ chào đón sự ra đời của cô con gái thứ hai, cũng là người con út, Agnes

Gonxha. Một ngày sau, 27 tháng 8, Gonxha, nghĩa là “nụ hoa” theo tiếng An-ba-ni, được rửa tội tại nhà thờ công giáo địa phương.

Khi trưởng thành, Gonxha ít khi kể về tuổi thơ của mình, bà chỉ nói đơn giản rằng mình có một tuổi thơ êm đềm. Những thông tin về tuổi thơ của bà do anh trai Lazar cung cấp. Khi miêu tả tuổi thơ của ba anh chị em, người anh trai này cũng kể về một cuộc sống bình yên, không phải lo lắng bất cứ điều gì. Mặc dù là một người nghiêm khắc, Nikola rất yêu các con. Không ngày nào lũ trẻ không ngóng trông ông về nhà, và thường thì ông sẽ mua đồ chơi cho chúng để thể hiện tình yêu và sự quan tâm của mình. Bojaxhiu luôn cuốn hút các con khi kể về những nơi ông từng đặt chân đến trong các chuyến đi của mình. Gia đình Bojaxhiu thường có rất nhiều khách ghé thăm, hoặc để bàn chuyện kinh doanh hoặc bàn chuyện chính trị.

Drana Bojaxhiu, hay Nana Loke (“Người mẹ tinh thần”) theo cách gọi của các con, là một người vợ An-ba-ni truyền thống; bà làm công việc nội trợ và chăm sóc chồng con. Mỗi ngày, trước khi Nikola về đến nhà, mọi việc đều được bà sắp đặt tươm tất.

Cũng như chồng mình, Drana là một người nghiêm khắc và không mấy kiên nhẫn trước những việc làm ngớ ngẩn. Một trong những kỷ niệm tuổi thơ được Gonxha kể lại rằng: một buổi tối, khi lũ trẻ túm tụm nói chuyện và câu chuyện của chúng ngày càng trở nên ngớ ngẩn, Drana ngồi im lặng, lắng nghe. Rồi bà rời phòng và tắt cầu dao

điện khiến cả nhà tối om. “Bà nói với chúng tôi rằng không đáng lãng phí điện để mấy thứ nhảm nhí tiếp tục diễn ra.” - Gonxha kể (*). Nét tính cách này của bà được truyền lại cho người con gái nhỏ tuổi nhất; khi trưởng thành, Mẹ Teresa luôn phản đối việc lãng phí thời gian và ngôn từ.

Agnes Gonxha còn giống mẹ ở nhiều điểm khác: một cô bé mũm mĩm có khuôn mặt trái xoan và chiếc mũi đặc biệt... Tất cả khiến người ta vừa nhìn vào đã nhận ra Drana và Gonxha là hai mẹ con. Lazar kể lại rằng Gonxha rất độ lượng và thích giúp đỡ người khác, dù lắm khi lòng tốt của mình khiến cô gặp rắc rối. Ví dụ, việc Gonxha giúp anh trai leo lên tủ thức ăn để ăn vụng mứt làm bà Drana hết sức không hài lòng.

NIỀM TIN VÀ TỔ QUỐC

Tất cả những người con trong gia đình Bojaxhiu đều sớm thấm nhuần tư tưởng “Niềm tin và Tổ quốc”. Tư tưởng này được in sâu vào tâm trí suốt những năm tháng tuổi thơ của họ. Lòng tự hào dân tộc mạnh mẽ của người An-ba-ni, cụ thể là ở người cha Nikola Bojaxhiu, đã trở thành một phần tất yếu trong cuộc đời họ. Lazar nhớ lại rằng cả ba anh chị em từng được cha khuyên răn không bao giờ được quên mình là con ai và nguồn gốc từ đâu. Ngoài việc mở rộng cửa chào đón các cuộc thảo

* Trích “*Such a Vision of the Street: Mother Teresa – The Spirit and the Work*” (Hình tượng thánh thiện giữa đời thường: Mẹ Teresa – Tinh thần và Sự nghiệp), tác giả Eileen Egan (New York: Sách Hình, 1986), trang 9.

luận chính trị, Nikola còn tài trợ cho các hoạt động vì mục đích độc lập của An-ba-ni. Ngày 28 tháng 11 năm 1912 là một ngày đầy hạnh phúc của gia đình Bojaxhiu, khi ấy Gonxha mới 2 tuổi. Đó là ngày An-ba-ni tuyên bố độc lập; Nikola và những người yêu nước đã chơi nhạc và nhảy múa suốt đêm.

Nikola là người đã truyền lại cho các con ý thức về bản sắc và lòng tự hào dân tộc; nhưng chính Drana là người đã nuôi dưỡng sự phát triển tinh thần cho các con. Hầu như tối nào gia đình Bojaxhiu cũng tập trung trong phòng khách để đọc kinh rôze (rosary). Drana cũng giám sát việc cầu nguyện buổi tối của các con. Là một người công giáo ngoan đạo và hầu như ngày nào cũng đi lễ nhà thờ, Drana muốn các con không chỉ tìm hiểu về tôn giáo mà còn áp dụng vào đời sống. Việc này nói dễ hơn làm. Cộng đồng Thiên Chúa giáo La Mã tại An-ba-ni và Skopje nói riêng khá nhỏ, nhưng họ sống rất khăng khít với nhau.

Không chỉ cống hiến cho các hoạt động tôn giáo, Drana còn tin tưởng tuyệt đối rằng làm việc tốt sẽ đem lại những giá trị tinh thần to lớn. Bà luôn sẵn sàng giúp đỡ mọi người. Trong chuyện này, bà được chồng ủng hộ và con gái Gonxha phụ giúp. Mỗi ngày, Nikola đều dành một khoản tiền để Drana có thể giúp đỡ người nghèo tại nhà. Thông thường, những người kém may mắn này không chỉ nhận được sự giúp đỡ của gia đình Bojaxhiu, mà họ còn được mời ở lại dùng bữa cùng gia đình. Điều này nhắc nhở những đứa trẻ rằng những người thiếu thốn cũng là một

phần trong đại gia đình nhân loại. “*Một số người là họ hàng của chúng ta,*” - Drana nói với các con, - “*nhưng tất cả đều là con người*”^(*). Một trong những kỷ niệm sâu sắc nhất của Lazar là lần thấy mẹ chăm sóc một người phụ nữ bị bấu cho đến khi cô ấy hồi phục. Ngoài việc chào đón người lạ tới nhà, Drana còn tới thăm hỏi, mang thức ăn, tiền bạc và thuốc thang tới tận nhà những người nghèo. Những dịp như vậy, Gonxha thường đi cùng mẹ đến từng nhà, giúp đỡ họ về cả vật chất lẫn tinh thần. Lối sống Ki-tô hữu của Drana đã trở thành tấm gương định hình cuộc sống tinh thần và số phận cô con gái Gonxha sau này.

Khi tới tuổi đến trường, lũ trẻ nhà Bojaxhiu đi học tại Nhà thờ Thánh Tâm. Bốn năm đầu, chúng học bằng tiếng An-ba-ni. Đến năm thứ năm, chúng bắt đầu học bằng tiếng Séc-bi - Croatia ^(**). Sau khi rời trường học tại nhà thờ, chúng bắt đầu đi học tại các trường công, nơi tất cả đều được dạy bằng tiếng Séc-bi - Croatia. Ngay từ sớm, Gonxha đã thể hiện mình là một học sinh tài năng và chăm chỉ.

BI KỊCH

Sau khi An-ba-ni giành được độc lập, Nikola vẫn tiếp tục tham gia vào các hoạt động chính trị của đất nước. Vào năm 1919, khi giới lãnh đạo An-ba-ni đang cố gắng

* Trích: “*Mother Teresa*” (Mẹ Teresa), tác giả Kathryn Spink (San Francisco: Harper & Row, 1997), trang 6-7.

** Séc-bi-Croatia: Một thứ tiếng phổ thông tại Balkan, được dùng tại các nước Croatia, Serbia, Montenegro, Bosnia và Herzegovia.

giành quyền kiểm soát Kosovo, Nikola được mời tới tham gia một cuộc hội thảo chính trị tại Belgrade^(*), Nam Tư. Ông đột ngột ngã bệnh khi đang tham dự một bữa tiệc. Nhận được tin xấu, Drana cử Gonxha đi tìm linh mục địa phương nhưng vị linh mục này không có ở nhà. Vô vọng và không biết phải làm gì, Gonxha bèn đi tới ga tàu hỏa Skopje với hy vọng sẽ tìm được một vị linh mục nào đó. Thật may mắn, cô đã tìm được và mời vị linh mục ấy đến thăm cha mình. Khi họ tới nơi, tình hình đã rất nghiêm trọng, Nikola đang hấp hối. Vị linh mục tới bên giường ông vừa kịp lúc để thực hiện lễ Xức dầu – nghi thức dành cho người Thiên Chúa giáo trước khi chết, hay còn gọi là lễ Ban phước cho Bệnh nhân. Ngay khi vị linh mục vừa kết thúc nghi lễ, Nikola bắt đầu bị xuất huyết và được đưa đi bệnh viện cấp cứu. Ca mổ khẩn cấp không thành công, người cha tráng kiện và thân thiện của Gonxha qua đời ở tuổi 45. Các bác sĩ và gia đình nghi ông bị các kẻ thù chính trị đầu độc, nhưng họ không tìm ra bằng chứng.

Cuộc sống của gia đình Bojaxhiu thay đổi đột ngột chỉ trong vòng một đêm. Sau cái chết của Nikola, công sự của ông đã chiếm hữu toàn bộ doanh nghiệp và không dành cho gia đình ông bất kỳ một khoản nào. Mặc dù Drana có quyền đòi lại những gì thuộc về gia đình mình, nhưng bà lại không có một tài liệu nào để chứng minh quyền sở hữu, đồng thời cũng chẳng còn sức lực, thời gian và tiền bạc để theo đuổi một vụ kiện. Kết quả là gia đình Bojaxhiu chỉ còn lại căn nhà là tài sản duy nhất.

* Belgrade: Thủ đô và là thành phố lớn nhất của Serbia.

Cái chết của Nikola khiến trái tim Drana tan nát. Bà rơi vào tình trạng đau khổ, thậm chí có lúc lâm vào tuyệt vọng. Trách nhiệm với các em ngày càng nặng nề đối với người chị cả Aga. Sau vài tháng, Drana bắt đầu hồi phục tinh thần. Ít nhất thì gia đình bà vẫn còn nơi cư ngụ, tuy rằng với tất cả tài sản của chồng đã bị mất, bà vẫn chưa tìm ra lối thoát để nuôi sống các con.

“NƠI NÀO CÓ MẸ, NƠI ĐÓ LÀ MÁI ẤM”

May mắn thay, Drana Bojaxhiu cũng có sự nhạy bén kinh doanh tiềm ẩn. Bà nhanh chóng xác định được mục tiêu để xây dựng lại cuộc sống và chăm lo cho các con. Lúc đầu, bà bán các hàng thêu tay của mình, không lâu sau đó bà còn bán nhiều loại vải nổi tiếng của Skopje. Lazar vẫn nhớ như in rằng mình thường đi cùng mẹ đến các nhà máy dệt để tư vấn cho ban giám đốc nhà máy các mẫu thiết kế và chất liệu nhằm làm tăng doanh số bán ra.

Khi tình hình tài chính của gia đình Bojaxhiu được cải thiện, ngôi nhà của họ lại một lần nữa trở thành nơi nâng đỡ những người cơ nhỡ. Ngay khi có khả năng, Drana lại bắt đầu dành riêng một khoản tiền giúp đỡ những người bản cùng; và mặc dù rất bận rộn, bà vẫn sắp xếp thời gian đi thăm họ. Ít nhất mỗi tuần một lần, bà đi thăm một bà cụ bị gia đình hắt hủi. Một người phụ nữ nghèo nghiện rượu cũng được hưởng sự quan tâm chăm sóc và lòng hào hiệp của Drana. Sáu đứa trẻ mồ côi được nhận về sống chung với gia đình. Và một lần nữa Drana tiếp tục gây

ấn tượng với các con về ý nghĩa của việc giúp đỡ những người kém may mắn. Bà thường dạy các con rằng khi làm một điều tốt, hãy thể hiện một cách âm thầm và đừng gây sự chú ý về những việc tốt mình làm.

Drana luôn sáng tạo trong cách dạy các con. Một ngày, bà gọi các con lại và bảo chúng kiểm tra một giỏ đầy táo ngon. Sau đó bà đặt một quả táo hỏng vào trong giỏ rồi đẩy lại. Ngày hôm sau, bà gọi các con lại và cho chúng thấy rất nhiều quả táo ngon ngày hôm qua đã bắt đầu bị hỏng. Bài học thật đơn giản nhưng sâu sắc: chỉ cần một kẻ xấu cũng có thể gây ảnh hưởng không tốt tới rất nhiều người khác. Từ bài học ấy, bà khuyên các con nên tránh xa những người bạn xấu vì sợ rằng các con cũng có thể vướng phải số phận như những quả táo ngon trong giỏ kia. Sức ảnh hưởng của bà đối với các con rất lớn, nhất là sau khi cha chúng qua đời. Mặc dù bà phải quản lý công việc kinh doanh song song với việc giúp đỡ người nghèo, nhưng bà vẫn luôn dành thời gian cho các con, dạy dỗ chúng chu đáo. Sự hiện diện của Drana có ảnh hưởng lớn đến nỗi Gonxha sau này khẳng định rằng: *"Nơi nào có mẹ, nơi đó chính là mái ấm"*^(*).

TÌM MỘT LỐI ĐI

Khi các con ngày một lớn, Drana yêu cầu chúng tham gia nhiều hơn vào các hoạt động của nhà thờ địa phương. Ngoài mẹ ra, thì Nhà thờ Thánh Tâm có ảnh hưởng sâu

* Trích: *"Mother Teresa"*, tác giả Kathryn Spink, trang 6.

sắc nhất đối với Gonxha lúc nhỏ. Nhà thờ không chỉ là một nơi dạy Kinh thánh, mà còn là một trung tâm sinh hoạt văn hóa đặc thù của An-ba-ni, đây cũng là nguồn lực củng cố tinh thần dân tộc của gia đình Bojaxhiu.

Trong ba người con, Gonxha là người hăng hái nhất trong việc tham gia các hoạt động của nhà thờ. Cô thể hiện khuynh hướng mộ đạo từ rất sớm. Gonxha học đàn măng-đô-lin chính là để được chơi nhạc cho nhà thờ. Cùng với chị gái Aga, Gonxha tham gia vào ban thánh ca; cả hai chị em họ sớm được mọi người biết đến với giọng hát hay và thường xuyên được hát đơn ca.

“Lần đầu tiên tôi cảm nhận được sự thôi thúc trở thành nữ tu là khi tôi 12 tuổi.” - Mẹ Teresa nhớ lại^(*). Ngoài chia sẻ này, bà chỉ hé lộ một ít thông tin về những sự kiện thúc đẩy bà đi theo con đường của một nữ tu. Mẹ Teresa luôn giữ kín các trải nghiệm tôn giáo trong suốt cuộc đời mình. Bà không bao giờ bàn luận về chủ đề đó. Mong ước được trở thành nữ tu sĩ của bà kỳ diệu ở chỗ khi bà 12 tuổi, bà chưa từng nhìn thấy một nữ tu sĩ nào. Tuy nhiên, mong ước cống hiến cuộc đời cho tôn giáo của Gonxha không hề làm người mẹ ngạc nhiên. Trong ba người con, Gonxha có thể trạng yếu nhất. Cô mắc chứng ho mãn tính và phổi yếu. Drana cho rằng nếu con gái út của bà không phải là người qua đời đầu tiên thì cô bé sẽ được Chúa gọi đến bên mình theo cách nào đó^(**). Mặc dù chỉ mới 12 tuổi

* Trích *“Mother Teresa: The Authorized Biography”* (Tiểu sử chính thức về Mẹ Teresa), tác giả Navin Chawla (Rockport, Mass.: Element, 1992), tr. 3.

** Người theo đạo Thiên Chúa tin rằng khi họ chết tức là được Chúa gọi về.

nhưng Gonxha tin rằng cô đã xác định được lối đi cho cuộc đời mình, và sau này, chưa bao giờ cô có ý định thay đổi quyết định đó. Trong sáu năm tiếp theo, cô tiếp tục đến trường và tham gia các hoạt động của nhà thờ. Suốt quãng thời gian đó, chưa một lần nào cô nhắc lại ý định đi tu của mình.

CHA JAMBREKOVIC

Cha Franjo Jambrekovic - một linh mục Dòng Tên (*) từ Croatia đến với giáo xứ Thánh Tâm vào năm 1925. Sự hiện diện của ông đã tạo nên một ảnh hưởng sâu sắc đối với Gonxha. Thành lập thư viện của giáo xứ là một trong nhiều ý tưởng được cha Jambrekovic thực hiện thành công. Gonxha thường xuyên đến thư viện này và vui đầu đọc sách trong nhiều giờ đồng hồ liền. Cha Jambrekovic còn thiết lập chi nhánh của Hội Thiếu niên Thiên Chúa giáo Mary - một tổ chức dành cho các bé gái do các linh mục Dòng Tên sáng lập, và Gonxha đã tham gia. Cuối cùng, cha Jambrekovic còn thành lập Hội Thanh thiếu niên Thiên Chúa giáo chuyên tài trợ cho các cuộc điều

* Theo wikipedia.com, **Dòng Tên** (còn gọi là **Dòng Chúa Giêsu**; tiếng La-tinh: *Societas Iesu* = Hội dòng Giêsu, viết tắt là **S.I.**) là một dòng tu lớn của Công giáo. Được thành lập bởi Ignatius Loyola, người Tây Ban Nha xứ Basque, và các cộng sự viên vào năm 1535 tại Paris. Dòng được Giáo hoàng Paul III phê chuẩn năm 1539. Dòng mau chóng phát triển mạnh trong các công việc truyền giáo và giáo dục đến châu Á, châu Phi và châu Mỹ. Hiện nay Dòng có mặt ở hơn 100 quốc gia trên thế giới, với 19.200 tu sĩ (năm 2007). Bề trên tổng quyền của Dòng hiện nay là linh mục Adolfo Nicolás.

Nguyên tên bằng tiếng La-tinh *Societas Iesu* nghĩa là *Đoàn Giêsu*, người Việt Công giáo gọi là Dòng Tên, là do thói quen kiêng gọi tên Chúa Giêsu.

hành, các bữa tiệc, các buổi hòa nhạc và các hoạt động dã ngoại của thanh thiếu niên trong giáo xứ.

Và điều quan trọng nhất đối với Gonxha là cha Jambrekovic đã kể lại những nỗ lực truyền giáo mà Dòng Tên đang thực hiện cho các con chiên giáo xứ Thánh Tâm nghe. Ông giải thích rằng vào năm 1924, một nhóm tu sĩ Dòng Tên người Nam Tư đã đến Bengal, Ấn Độ, họ thường gửi về những lá thư đầy xúc động mô tả điều kiện sống khủng khiếp của những người nghèo khổ bệnh tật nơi này. Cha Jambrekovic đã đọc một số lá thư cho những người quan tâm trong giáo xứ nghe. Thỉnh thoảng lại có một nhà truyền giáo tới giáo xứ Thánh Tâm để bàn về công việc của Dòng Tên tại Ấn Độ và quyên góp tiền từ thiện. Cha Jambrekovic luôn nhiệt tình giúp đỡ và giới thiệu họ với mọi người. Gonxha cũng giúp đỡ bằng cách chỉ cho những em nhỏ biết vị trí Ấn Độ trên bản đồ thế giới. Kể từ khi cha Jambrekovic đến giáo xứ, Gonxha năng nổ hơn trong việc tham gia các nhóm cầu nguyện và cầu nguyện nhiều hơn cho sự thành công của công cuộc truyền giáo. Cô khuyên một người họ hàng gửi số tiền kiếm được từ việc dạy thêm đàn măng-đô-lin giúp đỡ những người nghèo tại Ấn Độ.

Lòng nhiệt tâm mà cha Jambrekovic thường thể hiện khi nói về những hoạt động truyền giáo của Dòng Tên đem đến một cảm giác mới mẻ trong tinh thần mộ đạo của Gonxha. Cho tới thời điểm này, cô đã tham gia vào rất nhiều hoạt động của nhà thờ như tham gia ca đoàn, giúp tổ chức lễ hội trong giáo xứ, dạy giáo lý cho các em nhỏ.

Chính tình yêu với việc dạy học và lòng mộ đạo tha thiết đã khiến Gonxha suy nghĩ về khả năng làm công việc truyền giáo. Khi còn bé, cô mơ ước được làm nhiều việc từ thiện cho người nghèo tại châu Phi. Nhưng càng nghe về sự nghiệp truyền giáo tại Ấn Độ, cô càng nung nấu nhiều hơn về sứ mệnh này.



*Agnes Gonxha Bojaxhiu
thời niên thiếu.*

Cuối những năm hai mươi của thế kỷ 20, Gonxha trở thành một thiếu nữ quyến rũ và chín chắn hơn so với độ tuổi của mình. Cô là một học sinh giỏi, luôn gọn gàng sạch sẽ, đầy kỷ luật và ngăn nắp. Sự thân thiện cùng sẵn lòng giúp đỡ mọi người khiến Gonxha được mọi người trong cộng đồng thực sự quý mến. Giống như mẹ, cô luôn quan tâm tới những người thiếu thốn.

Cũng trong khoảng thời gian ấy, Gonxha mang những trăn trở riêng về ý định trở thành nữ tu sĩ. Cô có tài viết văn, làm thơ và luôn mang theo bên mình một quyển sổ nhỏ để ghi chép những sáng tác và cảm nhận của mình. Cô vẫn chơi nhạc với bạn bè, và đôi lúc thấy thích thú với ý tưởng trở thành một nhà văn hay nhạc sĩ. Rất nhiều bạn bè đã tiếc cho Gonxha khi cô không theo đuổi sự nghiệp của một nhà văn hay nhạc sĩ.

Phân vân về quyết định cho cả cuộc đời mình, Gonxha tìm tới cha Jambrekovic để xin lời khuyên. Trong lúc nói chuyện, cô đã hỏi vị linh mục này rằng làm thế nào để một người có thể biết chắc chắn mình được ơn gọi của Chúa. Cha Jambrekovic trả lời rằng khi một người thực sự nhận được *Ơn gọi*, họ sẽ cảm thấy hạnh phúc với quyết định của mình và không bao giờ phải nghi ngờ về điều đó. Nhiều năm sau đó, Mẹ Teresa khẳng định rằng chưa bao giờ bà hoài nghi về quyết định của mình, và rằng chính Chúa đã quyết định hộ bà.

Năm 1928, Gonxha tròn 18 tuổi, cô thường xuyên đến Đền thờ Đức Mẹ tại Letnice, nằm ở lưng chừng Núi Đen gần Skopje. Tại đó, cô cầu nguyện để có được sự dẫn dắt. Nơi này có ý nghĩa rất đặc biệt với Gonxha. Một trong những sự kiện nổi bật của giáo xứ là cuộc hành hương tới Đền thờ Đức Mẹ diễn ra hàng năm. Khi cha cô còn sống, gia đình cô thường có mặt đầy đủ trên một chiếc xe ngựa và hòa vào dòng người hành hương. Sau khi ông mất, mỗi năm mẹ cô hành hương đến đây hai lần: một lần đi cùng với mọi người, và lần còn lại bà đi bộ một mình. Gonxha luôn háo hức mong chờ dịp này, nhưng vì lý do sức khỏe, đôi khi Drana phải để cô ở nhà. Chính ở Đền thờ Đức Mẹ, Gonxha đã tìm được câu trả lời chắc chắn cho con đường sắp tới của mình.

Một ngày nọ, Gonxha trở về nhà sau chuyến viếng thăm ngôi đền. Cô báo với mẹ rằng cô quyết định sẽ trở thành nữ tu, và do lòng nhiệt thành với công việc truyền

giáo nên cô sẽ xin vào Dòng Nữ tu Loreto - một chi nhánh Ireland của Học viện Đức Mẹ Đồng trinh Maria. Cả ngày hôm ấy, Drana đã đóng cửa, một mình trong phòng. Hôm sau, khi ra khỏi phòng, bà cầu nguyện và chúc phúc cho con gái, đồng thời bà cũng nhắc nhở Gonxha rằng khi đã chọn con đường tu hành thì cô phải hoàn toàn giao phó cuộc đời mình cho Chúa mà không nghi ngờ, không sợ hãi, không do dự và không hối tiếc.

Tại thời điểm này, anh trai Lazar của Gonxha đã đi học xa nhà vài năm tại Áo trước khi gia nhập quân đội An-bani với quân hàm thiếu úy. Khi nhận được tin về quyết định của em gái mình, Lazar đã viết thư hỏi xem liệu em có chắc chắn hay không. Gonxha trả lời: *"Anh cảm thấy mình quan trọng khi phục vụ cho một ông vua của hai triệu người. Còn em, em đang phục vụ cho vị Vua của cả thế giới"* (*).

Chẳng bao lâu sau, đến lúc Gonxha phải rời nhà. Khi cô tới Paris, Mẹ Bề trên của Dòng Nữ tu Loreto phỏng vấn để xem xét việc chấp nhận Gonxha vào Dòng. Vào ngày 15 tháng 8 năm 1928, ngày lễ Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời, Gonxha hành hương lần cuối tới Đền thờ Đức Mẹ tại Letnice. Sau đó cô tham dự buổi hòa nhạc do Hội tôn giáo địa phương tổ chức để chúc mừng và chụp ảnh cô. Tối hôm ấy, rất nhiều khách khứa tới nhà cô để chúc cô lên đường bình an. Rất nhiều bạn bè và họ hàng mua quà tặng cô; và một trong những món quà cô yêu quý nhất là chiếc bút máy bằng vàng do một người họ hàng tặng.

* Trích: *"Mother Teresa"*, tác giả Kathryn Spink, tr. 11.

Ngày hôm sau, Gonxha ra ga tàu hỏa Skopje để bắt đầu cuộc hành trình. Mẹ và chị gái đi tiễn cô tới tận thành phố Zagreb^(*); bạn bè của Gonxha cũng tới tạm biệt cô. Từ cửa sổ toa tàu, Gonxha đã bật khóc, vẫy khăn chào tạm biệt bạn bè. Tại Zagreb, ba mẹ con họ tận dụng tối đa thời gian còn được ở bên nhau; và cuối cùng, vào ngày 8 tháng 10, Gonxha lên tàu đi Paris cùng với một người phụ nữ trẻ tên Betika Kanjc, cũng đang mong gia nhập Dòng Nữ tu Loreto. Mẹ và chị gái của cô trở về Skopje. Gonxha ôm hôn tạm biệt mẹ mà không biết rằng đó là lần cuối cùng hai mẹ con cô còn gặp nhau.

* Zagreb: Thủ đô và là thành phố lớn nhất của Croatia.

CHƯƠNG 2

ĐÁP LẠI ƠN KÊU GỌI



Đoàn tàu lăn bánh rời khỏi ga Zagreb thẳng tiến Paris. Gonxha bắt đầu suy nghĩ về những tháng ngày sắp tới. Gia đình và bạn bè đang xa dần phía sau cô. Nếu được Dòng Nữ tu Loreto chấp nhận, điều đó có nghĩa là suốt quãng đời còn lại cô sẽ phải sống xa gia đình và đất nước. Thậm chí có thể cô sẽ không bao giờ được quay trở về thăm quê hương nữa. Khả năng gia đình đến thăm cô cũng thật mong manh; chuyến đi sẽ rất tốn kém, mẹ và anh chị cô gần như không có cơ hội. Đoàn tàu vẫn lăn bánh thẳng tới Paris và dù trong lòng có một chút buồn bã lẫn cô đơn, Gonxha vẫn tin rằng lựa chọn của mình là đúng đắn. Từ nay, cuộc đời cô đã được hiến dâng cho Chúa.

HỌC VIỆN ĐỨC MẸ ĐỒNG TRINH MARY

Dòng Loreto mà Gonxha hy vọng được gia nhập có một lịch sử lâu đời và đầy chông gai. Vào năm 1609, một phụ nữ Anh tên là Mary Ward đã thành lập *Học viện Đức Mẹ Đồng trinh Mary (The Institute of the Blessed Virgin Mary)*, tiền thân của Dòng Nữ tu Loreto ngày nay. Mary Ward cho rằng phụ nữ cần có quyền bình đẳng và được hưởng quyền giáo dục ngang bằng như nam giới. Khi thành lập Học viện, bà đã nghĩ đến việc những nữ tu của mình sẽ sống và cư xử trong xã hội ra sao. Bà không muốn họ sống khép kín như ở các dòng nữ tu khác, thay vào đó họ cần biết thực hành những điều được dạy trong sách Phúc âm^(*) rằng phụ nữ sẽ mang tình yêu của Chúa đến những người cần nhất: những người nghèo, người bị áp bức và người yếu đuối không được bảo vệ. Ngoài ra, bà cũng chủ trương rằng học viên của mình sẽ đứng ở vị trí độc lập, không lệ thuộc vào hệ thống phẩm trật, chức sắc mà giáo hội dành cho các nam tu sĩ.

Bà lấy mô hình từ Dòng Tên. Dòng Tên được Ignatius Loyola - một người được phong tước hiệp sĩ, đồng thời cũng là tu sĩ - thành lập vào năm 1539. Các tu sĩ Dòng Tên không chỉ là những nhà truyền giáo, mà còn là những thầy giáo giỏi. Loyola cho rằng việc đưa ra những chỉ dẫn

* Đạo Thiên Chúa có hai cuốn Kinh thánh: Cựu ước và Tân ước. Cựu ước vốn là cuốn kinh Hebrew của Do Thái giáo. Tân ước là một tập hợp các sách Phúc âm được viết sau khi Chúa Jesus chịu chết. Phúc âm có nghĩa là "tin tốt lành".

về tôn giáo và đạo đức sẽ tạo điều kiện cho thanh thiếu niên sống một cuộc đời mộ đạo. Cùng với việc thuyết giảng về tinh thần phụng sự, Dòng Tên đã hiến dâng sự phục vụ tuyệt vời nhất cho Chúa và Nhà thờ.

Mary Ward quan tâm tới nền giáo dục Thiên Chúa giáo một phần do sự ngược đãi đối với Thiên Chúa giáo tại Anh sau khi Vua Henry VIII cắt đứt quan hệ với giáo hội năm 1534; kết quả là những người Anh theo Thiên Chúa giáo đã rời đảo quốc này để tìm đến nền giáo dục tôn giáo bên trong lục địa châu Âu. Mary Ward và các cộng sự lập nên ngôi trường đầu tiên tại thị trấn St. Omer^(*), Pháp. Người dân địa phương gọi nhóm của bà là Những Quý Bà Người Anh (The English Ladies), tên gọi này vẫn còn được dùng ở khắp Tây Âu. Bất chấp những khó khăn về tài chính, bà tiếp tục thành lập các trường học và tu viện tại Bavaria (Đức), Áo và Ý. Việc di chuyển của bà giữa các tu viện ở các nước khác nhau chủ yếu được thực hiện trên đôi chân của bà.

Mặc dù thành công nhưng Mary Ward cũng vấp phải một số khó khăn. Việc nâng vị thế của phụ nữ trong tôn giáo là quá xa lạ, đặc biệt là với Thiên Chúa giáo. Vì vậy, vào năm 1631, giới chức sắc nhà thờ đã đàn áp Học viện. Bị kết tội tà giáo, Mary Ward bị Tòa án dị giáo tổng giam, bị rút phép thông công^(**) và bị Giáo hội Thiên Chúa La Mã cấm hoạt động. Chỉ đến khi có sự can thiệp của Giáo

* Một thị trấn nằm tại phía Bắc nước Pháp, sát với eo biển nối với Anh.

** Rút phép thông công trong Giáo hội Thiên Chúa giáo La Mã có nghĩa là bị tước bỏ quyền lợi và đặc ân như một tín đồ/thành viên của giáo hội.

hoàng Urban VIII, bà mới được thả ra và được khôi phục tư cách trọn vẹn của một tín hữu. Tổ chức của bà ngày nay hoạt động dưới sự bảo hộ trực tiếp của Giáo hoàng.

Vào năm 1639, Mary Ward trở về Anh, lúc này cái nhìn đối với Thiên Chúa giáo đã được cải thiện dưới thời Vua Charles I. Vị vua này lấy một công chúa theo đạo Thiên Chúa và bản thân ông cũng có thiện cảm với tôn giáo này. Ward ở lại Anh cho đến khi qua đời vào năm 1645. Đó cũng là giai đoạn Học viện rơi vào tình trạng hỗn loạn. Vua Charles I bị cuốn vào cuộc nội chiến chống lại những kẻ thù chính trị và tôn giáo - một cuộc chiến mà ông nắm chắc phần thất bại. Lúc này sự bảo bọc của Charles dành cho Học viện trở nên lỏng lẻo. Một nhóm người Anh theo Phong trào Tin Lành Kháng cách (Radical English Protestants), hay Thanh giáo^(*) (Puritans) đang giành ưu thế trong cuộc nội chiến chống lại vua Charles. Trường học và tu viện của Mary Ward tại Anh bị giải tán. Vào năm 1650, một năm sau khi những người Thanh giáo xử tử hình vua Charles I, các thành viên của *Học viện Đức Mẹ Đồng trinh Mary* một lần nữa phải rời bỏ nước Anh đến Pháp tìm sự che chở của Giáo hội. Mãi đến năm 1677, họ mới quay lại Yorkshire dưới sự bảo hộ của vua Charles II - con trai của vua Charles I, sau khi ông khôi phục quyền lực vào năm 1660. Cũng như cha mình, Charles II

* Phong trào Kháng cách bắt đầu vào thế kỷ XVI tại châu Âu nhằm chống lại hệ thống thứ bậc và những quan điểm tôn giáo của Thiên Chúa giáo La Mã. Kết quả của phong trào này là sự hình thành nhiều nhánh tôn giáo khác như đạo Tin Lành (Baptism), Hội Giám lý (Methodist)... Thanh giáo cũng thuộc phong trào Kháng cách, nhưng diễn ra chủ yếu tại Anh.

có thiện cảm với Thiên Chúa giáo. Chính sự kiên trì của Ward cũng như các nữ tu, cùng với sự bảo hộ kéo dài của cả Vatican và chính quyền Anh, đã giúp Học viện tồn tại và tiếp tục đi theo tôn chỉ mà Mary Ward từng đề ra.

DÒNG TU LORETO

Nhận thấy cần phải có một nền giáo dục Thiên Chúa giáo cho quê hương, Giáo hội Ireland mời Mary Ward về thiết lập một ngôi trường tại Dublin. Tuy nhiên, do Học viện chưa thể gửi ngay các sơ đến nên họ sắp xếp cho một phụ nữ trẻ địa phương tên là Frances Ball gia nhập hội và có trách nhiệm tuyển thêm nhiều phụ nữ Ireland khác. Năm 1814, Ball lên đường tới York và trở về Dublin vào năm 1821. Bà sống với hai người bạn gái tại Viện Rathfarnham. Frances Ball quyết định gọi nhóm của mình là nhóm "Loreto". Tên gọi này dần trở nên quen thuộc và cuối cùng nhóm của bà được biết đến với tên "*Dòng Nữ tu Loreto*", mặc dù tên chính thức vẫn là *Học viện Đức Mẹ Đồng trinh Mary*.

Đầu năm 1841, một nhà truyền giáo người Đức yêu cầu Frances Ball gửi thành viên của hội tới Ấn Độ. Cho đến thời điểm đó, nhiều người Ireland đã tham gia vào quân đội Anh và đóng quân tại Ấn Độ. Lúc này, Ấn Độ đang là thuộc địa của Đế quốc Anh. Rất nhiều người trong số họ đã lập gia đình và có con. Nếu một trong hai vợ chồng qua đời hoặc rời bỏ gia đình, Giáo hội sẽ mất đi con em của họ. Vào đầu năm 1834, các tu sĩ Dòng Tên bắt

đầu đến Bengal, gần Calcutta để giải quyết vấn đề này. Họ lập trường Thánh Xavier và nhận học trò bất kể theo đạo Thiên Chúa, Hindu hay đạo Hồi. Nhưng họ sớm nhận ra rằng cần phải có một ngôi trường riêng dành cho con gái của những người lính Ireland theo đạo Thiên Chúa.

Lần đầu tiên được ngỏ ý về việc gửi các nữ tu tới Ấn Độ để dạy trong một trường nữ sinh, Frances Ball đã từ chối một cách lịch sự và dứt khoát. Có quá nhiều trẻ em ngay tại Ireland cần được giúp đỡ, trong khi nữ tu ở đây đang thiếu. Vị tu sĩ truyền giáo người Đức nói rằng việc Frances từ chối gửi người đến Ấn Độ chẳng khác nào bà đang gián tiếp từ chối giảng dạy giáo lý cho các em nhỏ ở đó. Lý lẽ này khiến Frances do dự. Bà cho phép vị tu sĩ nọ đặt vấn đề trực tiếp với các nữ tu của bà và họ sẽ tự quyết định việc có đi Ấn Độ hay không.

Cuối cùng, bảy nữ tu sĩ quyết định đi Ấn Độ, đánh dấu sự khởi đầu công việc truyền giáo của Dòng Loreto tại đây. Vào ngày 23 tháng 8 năm 1841, bảy nữ tu cùng hai linh mục và sáu nữ tập sinh lên tàu thẳng hướng Ấn Độ. Gần 4 tháng sau, họ cập bến tại Calcutta. Nhóm của họ sống và dạy học tại ngôi nhà số 5 đường Middleton Row. Họ đã dọn bớt đồ đạc sang trọng đi nơi khác để có một loạt phòng ốc đơn giản phục vụ cho việc sống và dạy học. Ngay phòng ăn với chiều dài đến 21 mét cũng được sử dụng làm đại sảnh của trường.

Sau đó, các nữ tu đến cô nhi viện địa phương, gần nhà thờ lớn để gặp người quản lý nhà thờ và lũ trẻ. Vào

ngày 10 tháng 1 năm 1842, trường Loreto mở cửa đón nhận các học sinh nội trú và ngoại trú đầu tiên. Theo truyền thống của Dòng Loreto, chỉ những con em trong các gia đình đủ khả năng mới phải trả học phí. Số tiền đó, cộng với các khoản quyên góp khác được dùng làm chi phí cho trẻ em nghèo, duy trì trại trẻ mồ côi và một viện tâm thần dành cho các góa phụ.

Những bản báo cáo đầu tiên mà sơ Frances nhận được từ Ấn Độ chứa đầy nhiệt huyết và tạo ra một dòng người tình nguyện đi Ấn Độ hỗ trợ công việc của *Dòng Loreto* tại Calcutta. Bất chấp tin tức một số nữ tu chết vì dịch tả, dòng người tình nguyện vẫn tiếp tục. Chính nhóm giáo viên dũng cảm và tiên phong ấy đã thôi thúc Gonxha Bojaxhiu lên đường sang Ấn Độ.

VIỆN RATHFARNHAM



Khi tới Paris, hai cô gái trẻ Gonxha và Betike được đưa tới Villa Molitor để gặp Mẹ Eugene MacAvin, người quản lý Dòng Loreto tại Paris. Họ được phỏng vấn với sự trợ giúp của một người phiên dịch của sứ quán Nam Tư. Cả hai người đều được nhận và được gửi đến Dublin và ở lại Dòng Loreto trong Viện Rathfarnham.

Vào tháng Chín, hai người tới Viện Rathfarnham. Đó là một tòa nhà đơn giản bằng gạch đỏ; Gonxha cảm thấy được an ủi phần nào khi nhìn thấy tượng Đức Mẹ trong sân. Hai người phụ nữ trẻ nhận mỗi người một bộ quần áo nữ tu màu trắng, một chiếc khăn trùm màu đen theo trang phục nữ tu Loreto. Sáu tuần tiếp theo, họ dành phần lớn thời gian học tiếng Anh, ngôn ngữ mà họ sẽ dùng để dạy giáo lý sau đó. Để làm quen và sử dụng tiếng Anh thông thạo hơn, họ được bảo tuyệt đối không dùng tiếng mẹ đẻ. Cả Betike và Gonxha đều nghiêm túc thực hiện. Không giống như các nữ tu bản xứ, Gonxha và Betika nhận được ít lời chỉ giáo và không có nhiều cơ hội làm quen với các nữ tu cũng như các nữ tập sinh khác trong Tu viện Loreto. Gonxha có vẻ như được thừa hưởng từ cha năng khiếu về ngoại ngữ, thêm vào đó là sự giúp đỡ của Mary Emmanuel McDermott cũng là một tập sinh tại Tu viện Loreto. Sáu tuần sau, vào ngày 1 tháng 12 năm 1928, Gonxha và Betike lên tàu đi Ấn Độ để đón nhận một cuộc sống mới. Ở đó, cả hai sẽ phải trải qua thời kỳ sơ tu – giai đoạn học tập và cầu nguyện mà bất kỳ một nữ tu nào cũng phải trải qua trước khi khấn trọn.

Chuyến hải hành của họ dài và gian khó. Họ đi qua kênh đào Suez, Biển Đỏ, Ấn Độ Dương và cuối cùng là Vịnh Bengal. Họ tổ chức lễ Giáng sinh trên tàu cùng với ba nữ tu thuộc Dòng Francis cũng đến Ấn Độ để truyền giáo. Họ ngồi quanh một mô hình bằng giấy tượng trưng cho sự ra đời của Chúa Giêsu và hát những bài ca Giáng sinh. Điều duy nhất khiến họ lấy làm tiếc là không có một vị linh mục

nào trên tàu để làm lễ Misa^(*). Nhưng điều này hoàn toàn thay đổi khi họ cập cảng Colombo, Sri Lanka. Một vị linh mục đã lên tàu đi cùng họ đến cuối cuộc hành trình.

Vào ngày 6 tháng 1, năm 1929, tàu của họ đến Calcutta. Nhưng thời gian này, Gonxha có rất ít cơ hội làm quen với môi trường xung quanh. Chỉ sau vài ngày, ngày 16 tháng 1, cô được cử đến Viện Sơ tu Loreto – nơi dành cho những người dự tu tại Darjeeling, một khu nghỉ mát sang trọng trên đồi, cách Calcutta 640 ki-lô-mét về phía Bắc.

CUỘC SỐNG TẠI TU VIỆN LORETO

Đối với Gonxha Bojaxhiu, cuộc sống tại *Tu viện Loreto* quả là nghiêm khắc và kỷ luật. Cô như rơi vào một thế giới khác, một thế giới biệt lập và khép kín. Hai năm tiếp theo, trong trang phục nữ tu Loreto, Gonxha tiếp tục học tiếng Anh và tiếng Bengal. Dưới sự giám sát của bà giáo, các thực tập sinh trẻ đến xưng tội mỗi tuần. Bữa ăn tối là thời gian để họ lắng nghe một trong các sơ đọc về cuộc đời của các vị thánh, hoặc về luật lệ của Dòng Loreto. Hàng ngày từ 9 đến 11 giờ, Gonxha và các nữ tập sinh khác dạy học tại trường Thánh Teresa. Tại đây, thường có khoảng hai mươi cậu bé và cô bé đến để nghe giảng. Gonxha sớm trở nên nổi bật vì tinh thần làm việc chăm chỉ, vui vẻ và rộng lượng.

* Thánh lễ Misa: Khởi nguồn từ Bữa Tiệc ly giữa Đức Giêsu và các môn đệ đêm trước khi ông chịu khổ nạn trên thập giá.

Vào ngày 24 tháng 5 năm 1931, Gonxha Bojaxhiu đọc lời tuyên thệ – nguyện sống trọn đời trong sáng, bình dị và phụng sự Chúa với tư cách là một nữ tu Dòng Loreto. Theo truyền thống, Gonxha phải chọn một tên mới cho mình để làm biểu tượng cho cuộc sống mới. Cô đã chọn một cái tên để tưởng nhớ đến vị nữ tu người Pháp sống vào cuối thế kỷ 19 – Thánh nữ Thérèse Martin - một người đến với Chúa từ khi còn rất trẻ và đặc biệt quan tâm tới công cuộc truyền giáo. Mười lăm tuổi, Thérèse Martin được Giáo hoàng ban đặc ân nhận thẳng vào Dòng tu kín Carmelite (Đan viện Cát Minh) và trong suốt cuộc đời mình, Thérèse dành trọn lời cầu nguyện và sức lực giúp đỡ các nhà truyền giáo. Bà hy vọng bản thân mình một ngày nào đó sẽ trở thành một nhà truyền giáo và sẽ phục vụ cho Nữ đan viện Carmelite tại Hà Nội, Việt Nam. Tiếc rằng, giấc mơ chưa kịp trở thành hiện thực thì bà mắc bệnh lao và mất vào năm 24 tuổi.

Trong quãng đời ngắn ngủi của mình, Thérèse Martin luôn cố gắng để vinh danh Chúa theo cách mà bà gọi là “*con đường nhỏ*” - hiến dâng cả cuộc đời cho Chúa giống như một đứa trẻ yêu kính cha mẹ. Vào năm 1927, Giáo hoàng Pius XI phong thánh cho Thérèse Martin với danh hiệu Thánh Thérèse (Teresa) Hải đồng Giêsu - người đỡ đầu sứ mệnh truyền giáo. Xét về cuộc đời của Gonxha, sự lựa chọn của cô hoàn toàn không có gì đáng ngạc nhiên.

Tuy nhiên, lựa chọn của Gonxha gặp phải một vấn đề nhỏ, một nữ tu trong đan viện đã chọn tên Marie-Thérèse.

Không muốn thay đổi lựa chọn của mình, Gonxha quyết định chuyển sang cách phiên âm theo tiếng Tây Ban Nha: “Teresa”. Nhưng ngay cả việc thay đổi tên vẫn gây ra sự hiểu nhầm suốt cuộc đời cô, người ta nghĩ cô lấy tên của vị thánh vĩ đại người Tây Ban Nha, Teresa Avila. Mỗi khi được hỏi, cô đều kiên nhẫn giải thích về sự lựa chọn của mình. Tại Tu viện Loreto, để dễ phân biệt, Teresa được mọi người đặt biệt danh là Teresa Bengal, do khả năng nói tiếng Bengal rất giỏi của cô.

TERESA BENGAL

Không lâu sau lời tuyên thệ của mình, Gonxha Bojaxhiu (lúc này được biết đến với tên gọi Sơ Teresa) lên tàu rời Darjeeling tới Calcutta. Tại đây, cô bắt đầu dạy học tại trường Thánh Mary nằm ở phía Đông Calcutta. Cô sống và làm việc tại đây trong suốt 17 năm tiếp theo.

Vào những năm hai mươi của thế kỷ 20, sự tương phản giữa hai thành phố Darjeeling và Calcutta thật đáng ngạc nhiên. Darjeeling có một bầu không khí cao nguyên trong lành, với những đồng cỏ đầy hoa, một thành phố thanh lịch với kiến trúc châu Âu hiện đại và những mặt hàng nhập khẩu xa xỉ. Không những thế, đây còn là nơi nghỉ ngơi lý tưởng cho những ai không quen với khí hậu nóng ẩm ở Ấn Độ. Còn với Calcutta, đó lại là một thành phố sôi động, đa văn hóa, là thủ đô chính trị của nước Ấn thuộc Anh. Thành phố này có mật độ dân số dày đặc. Một mặt, Calcutta chứa đựng một nền văn hóa, nghệ thuật

phong phú của Ấn Độ; mặt khác, nó lại tồn tại khá nhiều khu ổ chuột đầy người nghèo và “hạ đẳng”.

Khi tới đây, sơ Teresa được đưa tới khu phía tây thành phố, nơi có trường học và tu viện của các sơ Loreto. Tại đây, *Dòng tu Loreto* làm việc với giáo đoàn *Các Con gái của Thánh Anne* - một giáo đoàn địa phương do *Dòng Loreto* thành lập vào năm 1898. Những nữ tu Bengal này không mặc trang phục áo dài và khăn trùm đen như truyền thống phương Tây, thay vào đó là bộ đồ sari truyền thống của phụ nữ Ấn Độ. Họ mặc sari màu trắng vào những ngày hè nóng, sari màu xanh dương vào những ngày thu và đông.

TRƯỜNG THÁNH MARY

Đó là một ngôi trường ẩn sau những bức tường cao màu xám với cánh cổng sắt thật lớn. Đi qua cánh cổng ấy, người ta sẽ thấy một dãy phòng với sân chơi và những thảm cỏ được chăm sóc kỹ lưỡng. Trong trường, một vài tòa nhà mang phong cách kiến trúc đa dạng. Bên cạnh tòa nhà hành chính và một dãy phòng học chính là trường Thánh Mary. Trường còn có ký túc xá dành cho các nữ tu và học sinh nội trú - hầu hết là trẻ mồ côi, những cô bé đến từ các gia đình tan vỡ chỉ còn bố hoặc mẹ.

Được thành lập vào năm 1841, ngôi trường tại khu Entally là một trong sáu ngôi trường của Dòng nữ tu Loreto tại Calcutta, chuyên dạy trẻ mồ côi, con cái của các gia đình giàu có hoặc ngoại quốc sinh sống tại đây. Tất cả học sinh đều mặc đồng phục. Đối với các sơ, không

có sự khác biệt giữa học sinh giàu và nghèo, châu Âu hay Ấn Độ, theo đạo Thiên Chúa hay không. Ngoài ra, trường còn được biết đến với vai trò đào tạo các “Cô gái Loreto” - những phụ nữ trẻ Ấn Độ. Sau khi tốt nghiệp Trường Loreto, những phụ nữ này hoặc sẽ giảng dạy, hoặc sẽ tham gia vào các tổ chức phúc lợi xã hội tại Calcutta và Ấn Độ. Sau này Trường Loreto còn đào tạo những nữ thẩm phán đầu tiên cho Tòa dân sự Tối cao Delhi và Tòa dân sự Tối cao Calcutta, ngoài ra một vài thành viên trong Quốc hội Ấn Độ cũng từng nhận bằng của Loreto. Tổng cộng, có khoảng 500 trẻ em và thiếu nữ theo học tại các trường Loreto ở Entally.

Tại đây, sơ Teresa cùng các sơ thuộc giáo đoàn *Các Con gái của Thánh Anne* đảm nhận công việc dạy học. Sơ Teresa dạy lịch sử và địa lý. Do trường Thánh Mary dạy bằng cả tiếng Anh lẫn tiếng Bengal nên cô có thêm điều kiện hoàn thiện ngôn ngữ Bengal cho mình. Ngoài ra, cô còn sớm học thêm một ngôn ngữ mới - tiếng Hindu. Các lớp học của cô khá đa dạng, có lúc cô dạy trong một nhà thờ cổ, giờ được chia thành năm lớp; lại có lúc cô dạy trong một lớp vốn trước kia là chuồng ngựa, hoặc thậm chí có lúc cô dạy ngoài sân trường.

Mặc dù các tu sĩ Loreto sống khép kín sau những bức tường của trường và của tu viện nhưng họ vẫn không tránh khỏi ảnh hưởng của sự nghèo đói cùng cực trong vùng; bản thân sự tồi tàn của ngôi trường đã nói lên điều đó. Mỗi ngày, trước khi bắt đầu dạy học, theo thói quen

sơ Teresa thường xắn tay áo lau sàn nhà trước ánh mắt ngạc nhiên thích thú của lũ trẻ, bởi vì chỉ có những người thuộc tầng lớp hạ đẳng trong xã hội mới phải làm những công việc như vậy. Chứng kiến điều kiện sinh hoạt, ăn ngủ thiếu thốn của bọn trẻ, sơ Teresa không khỏi thương cảm, day dứt.

Tuy nhiên, cô cũng tìm được nguồn an ủi động viên từ niềm hạnh phúc và biết ơn của bọn trẻ. Chỉ một cử chỉ bình dị như đặt tay lên vầng trán lấm lem hay nắm tay một em nhỏ cũng đủ đem lại cho cô niềm vui lớn. Nhiều đứa trẻ bắt đầu gọi cô bằng “Ma”, nghĩa là “Mẹ”, và cô rất quý trọng tên gọi đó.

Theo một học trò cũ của cô thì một trong những nhiệm vụ sơ Teresa luôn sẵn sàng đảm nhận đó là việc tổ chức các lớp học cho học sinh tiểu học. Bên cạnh đó, sơ Teresa luôn đảm bảo học trò nhỏ của mình được tắm rửa thường xuyên; nhiều em nhỏ rất thích được cô tắm và luôn mong chờ đến lượt mình. Cuối mỗi năm học sẽ có nhiều giải thưởng cho các học sinh; và với bọn trẻ, phần thưởng quý giá nhất là những cục xà bông.

Học trò cũ của sơ Teresa nhớ lại rằng sơ là một giáo viên rất dễ gần. Vào những ngày Chủ nhật, khi dạy các lớp giáo lý, cô thường kể những câu chuyện về tuổi thơ, ngày còn ở Skopje. Giờ học địa lý của cô thường rất vui nhộn; nhiều học sinh cho rằng cô khiến thế giới trở nên sống động theo cách mà trước đó chúng chưa từng thấy hoặc chưa từng cảm nhận được. Điều này thật đáng ngạc

nhiên bởi cô biết rất ít về thế giới rộng lớn bên ngoài, trong gần 30 năm sống tại vùng đất này cô chưa hề đi đâu xa cả.

Xét về mọi mặt, sơ Teresa lại một lần nữa cho thấy tinh thần làm việc và cống hiến hết mình. Cô có một sức chịu đựng dẻo dai. Một ngày làm việc tại trường Thánh Mary thường rất dài. Từ 5 giờ sáng, ngay khi thức dậy, các sơ đã bắt đầu cầu nguyện và đọc sách Phúc âm. Tất cả đều phải tham gia lễ Misa vào lúc 6 giờ sáng. Lớp học bắt đầu từ 9 giờ sáng và kết thúc vào 3 giờ chiều, sau đó đến giờ uống trà. Thời gian khác trong ngày được dùng để chăm sóc trẻ nhỏ. Ngoài ra, các sơ còn có thêm những công việc khác như chấm bài, soạn bài và quản lý các em trong giờ chơi. Sơ Teresa còn quản lý thêm việc ăn tối và ngủ nghỉ của bọn trẻ. Tinh thần tự giác là điều không thể thiếu nếu muốn hoàn thành mọi thứ đúng giờ. Không làm được điều đó, một nữ tu khó có đủ khả năng ở lại dòng.

Trong thời gian làm việc tại trường, sơ Teresa thực sự chứng tỏ mình là một nữ tu mộ đạo nhưng cô không cố ý thể hiện một cách thái quá. Cô rộng lượng và không chấp nhận bất cứ sự tàn nhẫn nào, cho dù người đó là người lớn hay trẻ em. Giữ một thái độ nghiêm nghị với trẻ nhỏ, sơ Teresa ít khi thể hiện sự giận dữ trước những hành động sai trái của chúng. Mặc dù công việc nặng nề khó nhọc, cô vẫn luôn mỉm cười vui vẻ với mọi người. Cô rất thích những câu chuyện hài hước và khi được nghe những câu chuyện như thế, cô thường ôm bụng cười.

Mặc dù các sơ tại Dòng Loreto nguyên sống trong nghèo khổ, nhưng với Teresa, bằng cách nào đó cô luôn gom về mình những thứ các chị em trong nhà dòng không muốn. Tấm khăn trải giường của cô có nhiều miếng vá hơn của những người khác. Đôi giày cô mang thường cũ nát, thậm chí không vừa chân, điều này khiến chân cô bị biến dạng sau một thời gian dài. Nhưng cô luôn giữ thái độ khiêm tốn và kiên định, không bao giờ than phiền. Xét về mọi mặt, cô chỉ là một nữ tu sĩ bình thường với sứ mệnh phụng sự tôn giáo. Cô cũng không phải là người thông minh đặc biệt, kiến thức của cô chỉ ở mức tương đối. Một số người tại tu viện nhớ đến cô do cô không làm tốt công việc thấp nển trong lễ Tạ ơn. Một nữ tu sĩ sống cùng cô trong khoảng thời gian này kể lại: *“Cô ấy là một nữ tu bình thường. Chúng tôi chỉ xem cô như một nữ tu của dòng với lòng mộ đạo và hiến dâng hết mình”*^(*). Chính việc rất đổi bình thường này đã khiến hành trình của sơ Teresa trở nên phi thường.

Sơ Teresa cũng giúp đỡ *Hội Đức Mẹ Đồng Trinh* - tổ chức từng có ảnh hưởng lớn đến cuộc sống của cô tại Skopje. Cùng với Cha Julien Henry - một tu sĩ Dòng Tên người Bỉ, sơ Teresa đã tham gia các buổi họp, buổi cầu nguyện, và các nhóm học tập được nhiều tổ chức tài trợ. Thêm vào đó, cùng với Cha Henry, cô còn hướng dẫn các cô gái trong hội trợ giúp người nghèo.

* Trích: *“Mother Teresa: The Authorized Biography”*, tác giả Navin Chawla (Rockport, Mass.: Element, 1992), tr. 15.

Phía bên kia tường tu viện là một khu ổ chuột có tên Motijhl, hay còn gọi là Pearl Lake (Hồ Ngọc trai), được đặt theo tên một cái ao nước đục ngầu nằm tại trung tâm của vùng. Tuy nhiên, cái ao này cung cấp nước uống, nấu ăn và tắm giặt cho người dân trong vùng. Xung quanh đó là những túp lều nền đất rách nát. Điều kiện sinh hoạt nơi này vô cùng thiếu thốn. Đối với Cha Henry, đây cũng là một dịp để dạy những cô gái tại trường Thánh Mary về công việc bác ái. Các buổi học trong tuần, ông dành thời gian gặp gỡ các cô gái ở độ tuổi từ 13, 14 cho đến 23, 24.

Vào các ngày thứ Bảy, những cô gái này sẽ ra ngoài tu viện. Họ chia thành từng nhóm nhỏ đến thăm các gia đình sống tại khu ổ chuột Motijhl. Họ thường mang những món quà nhỏ cho trẻ em nghèo trong khu này. Một số nhóm thì đến Bệnh viện Nilratan Sarkar để thăm bệnh nhân, an ủi thân nhân người bệnh hoặc giúp bệnh nhân viết thư gửi người thân. Mặc dù rất quan tâm đến những nỗ lực của học trò mình nhưng sơ Teresa không thể tham gia cùng họ bởi những luật lệ khép kín của Dòng Loreto. Tuy nhiên điều quan trọng nhất là nó tạo ra một mối quan hệ gián tiếp giữa sơ Teresa với những người nghèo tại Calcutta.

Vào ngày 24 tháng 5 năm 1937, sơ Teresa quay trở lại Darjeeling để khấn trọn lần cuối. Trong buổi lễ, Teresa nguyện hiến dâng cuộc đời mình cho *Dòng Loreto*. Cô nguyện sống một cuộc đời nghèo khổ, trong trắng và chu toàn bốn phận phụng sự Thiên Chúa. Khi quay trở lại

Calcutta, cô tiếp tục lao vào những ngày tháng bận rộn với công việc dạy học trước sự vui mừng của một số em nhỏ đang lo lắng rằng cô sẽ đi luôn không trở về. Không có gì thay đổi, ngoại trừ việc bây giờ cô sẽ được gọi bằng Mẹ Teresa, cái tên sẽ gắn kết với cô cho đến hết cuộc đời. Ở tuổi 27, dường như sứ mệnh của cô đã được sắp đặt. Cùng thời điểm, Ấn Độ cũng đang trong thời kỳ cố gắng tự định đoạt số phận cho riêng mình.



VIÊN NGỌC TRÊN VƯƠNG MIỆN

Đất nước Ấn Độ mà Mẹ Teresa đặt chân đến đã không còn là viên ngọc sáng lấp lánh trên vương miện của Đế chế Anh. Cho tới năm 1929, người Anh đã có mặt tại Ấn Độ hơn ba thế kỷ và đã cai trị toàn Ấn Độ hơn 70 năm. Vào đầu thế kỷ hai mươi, phong trào chống đối của người bản xứ Ấn Độ hướng tới việc tự trị phát triển ngày càng mạnh khiến chính quyền Anh không khỏi lo lắng.

Sự hiện diện của người Anh trên đất Ấn là một câu chuyện dài và đau thương. Chuyện bắt đầu từ cuộc viễn du của nhà thám hiểm Vasco da Gama, người Bồ Đào Nha vào cuối thế kỷ mười lăm. Ấn Độ trở thành mảnh đất màu mỡ khiến các nước châu Âu đều thèm muốn. Bồ Đào Nha là nước đầu tiên tuyên bố quyền sở hữu toàn bộ dân số và nguồn tài nguyên thiên nhiên trên đất Ấn. Trong hai thế kỷ tiếp theo, người Hà Lan, Anh và Pháp đều muốn thách thức với người Bồ Đào Nha về việc buôn bán ở Ấn Độ.

Trong số các nước châu Âu tuyên bố chủ quyền tại Ấn Độ, cuối cùng chiến thắng thuộc về tay Anh. Vào năm 1600, bắt đầu bằng sự kiện cho ra đời Công ty Đông Ấn Anh, người Anh thiết lập các trạm buôn bán tại các thành phố chính gồm Madras, Bombay và Calcutta. Mặc cho sự hiện diện của người Pháp đang tranh giành lãnh thổ, người Anh nhanh chóng tạo được ảnh hưởng rộng lớn trên mảnh đất này. Đến năm 1757, người Anh đã thiết lập một vị thế vững chắc tại Ấn Độ.

Lúc đầu, Công ty Đông Ấn Anh chỉ là một tổ chức thương mại, nhưng dần dần đã trở thành một thế lực chính trị. Sự bành trướng của công ty này bắt đầu từ việc tiếp cận các cuộc xung đột bằng cách sử dụng lính địa phương Ấn Độ, được gọi là Sepoys, một việc làm dường như không mấy quan trọng. Đến năm 1849, quyền lực của Công ty Đông Ấn Anh đã mở rộng ra hầu hết tiểu lục địa bằng cách xâm lược hoặc thông qua các hiệp định.

Mặc dù sử dụng binh lính người bản xứ nhưng người Anh luôn được chia phần lớn hơn đối với các chiến lợi phẩm. Các nhà truyền giáo bắt đầu truyền bá đạo Cơ Đốc và văn hóa Anh vào đất Ấn nhưng không phải người Ấn nào cũng muốn từ bỏ truyền thống của mình. Kết quả là một làn sóng chống đối bắt đầu nổi lên và bùng phát vào năm 1857 sau khi có một nguồn tin lan truyền trong binh lính bản xứ rằng những vỏ đạn bằng giấy mà họ phải dùng răng để xé được quét mỡ bò và mỡ lợn. Bò là con vật linh thiêng trong đạo Hindu, còn người Hồi giáo thì ghê tởm lợn. Thông tin đó đã tạo ra cuộc Nổi Dậy Lớn của lính bản xứ, còn được gọi là cuộc Đại Khởi nghĩa Ấn Độ 1857 khiến hàng trăm binh lính Anh bị giết. Khi cuộc khởi nghĩa bị dập tắt, Công ty Đông Ấn Anh không còn quyền kiểm soát nước Ấn thuộc địa nữa. Một năm sau đó, Hoàng gia Anh lấy lại quyền thống trị Ấn Độ. Khoảng hai thập niên sau, vào năm 1876, Quốc hội Anh tuyên bố Ấn Độ là một phần của Đế chế Anh; một năm sau đó, Nữ hoàng Victoria được phong làm nữ hoàng của cả Ấn Độ.

TỪ THỜI KỲ CAI TRỊ CỦA ANH QUỐC

Trong một phần tư thế kỷ tiếp theo, sau cuộc Đại Khởi nghĩa Ấn Độ 1857, sự thống trị của Anh tại Ấn lên đến đỉnh điểm. Nhưng do vẫn ám ảnh về cuộc khởi nghĩa, chính quyền Anh đã áp dụng hàng loạt biện pháp nhằm tránh một cuộc nổi dậy khác xảy ra. Để kiểm soát tình hình hàng ngày tại các tỉnh thành của thuộc địa này,

hoàng gia Anh đã bổ nhiệm một vị Phó vương tại Ấn Độ. Tuy nhiên, các hoàng tử người Hồi giáo và Hindu vẫn nắm quyền kiểm soát gần 600 tiểu vương quốc mà hầu hết là các lãnh thổ tự trị. Nhưng họ không được gây chiến với nhau, và để kiểm soát họ, vị Phó vương bổ nhiệm một đại diện của mình tại mỗi tiểu vương quốc. Người này có nhiệm vụ cố vấn cho các nhà cầm quyền.

Cách này mang lại sự yên ổn nội tại tạm thời để người Anh phát triển nền kinh tế Ấn Độ. Người Anh không chỉ xây dựng mạng lưới đường bộ và đường sắt mà còn xây kênh đào, hệ thống tưới tiêu và nhà máy. Họ đưa ra những luật lệ, hệ thống cảnh sát của phương Tây, các thành phố hiện đại vào Ấn Độ và xây dựng nhiều trường học. Dù người Anh đã có những nỗ lực phát triển đất nước Ấn Độ nhưng nhiều người Ấn Độ vẫn không bằng lòng với thái độ xa cách và đòi hỏi của chính quyền Anh. Ngày càng nhiều trí thức Ấn Độ được đào tạo theo nền giáo dục Anh bắt đầu mơ tới một đất nước Ấn Độ tự do. Vào năm 1885, Quốc hội Ấn Độ được thành lập, đánh dấu một sự khởi đầu mới của phong trào đấu tranh có tổ chức và ngày càng lớn mạnh để giành quyền độc lập cho Ấn Độ.

HƯỚNG ĐẾN MỘT ẤN ĐỘ TỰ DO

Năm 1914, khi Chiến tranh Thế giới thứ nhất nổ ra, binh lính Ấn Độ được gọi đi hỗ trợ quân Anh và quân đồng minh chống phát xít Đức. Mặc dù những người lính này làm theo mệnh lệnh, nhưng trong sự bùng phát của chiến tranh, tinh thần yêu nước của họ ngày càng sôi sục.

Nhận thấy cần phải làm gì đó để xoa dịu những người yêu nước này, năm 1919, chính quyền Anh đã thông qua đạo luật cải cách, xây dựng các hội đồng địa phương cho phép người Ấn tham gia vào việc xây dựng các chính sách nông nghiệp, giáo dục và hệ thống y tế công. Nhưng với các nhà dân tộc cực đoan, nhất là những người đi theo sự lãnh đạo của Mohandas K. Gandhi thì hội đồng địa phương vẫn chưa đủ. Nhóm người này nhanh chóng kiểm soát Quốc hội Ấn Độ. Thêm vào đó, Gandhi còn kêu gọi người dân chống lại thực dân Anh thông qua việc bất hợp tác, hoặc một số hình thức chống đối bất bạo động khác như tẩy chay hàng hóa Anh, không cho con theo học các trường của Anh, phớt lờ luật của tòa án Anh, từ chối những danh hiệu và tước vị do người Anh phong tặng. Hoạt động chống đối còn bao gồm cả các cuộc bầu cử và hệ thống thuế má của người Anh. Với việc bất hợp tác này, người Ấn Độ hy vọng sẽ làm tê liệt bộ máy của Anh trên đất Ấn, từ đó giành lại độc lập cho Ấn Độ. Hàng trăm ngàn người đã nghe theo lời kêu gọi của Gandhi tham gia vào chiến dịch chống đối bất bạo động của ông. Quốc hội Ấn Độ nhanh chóng có một lượng lớn người ủng hộ.

Tình hình tại Ấn Độ lúc này giống như một thùng thuốc nổ, sẵn sàng nổ tung bất cứ lúc nào. Năm 1927, một cuộc bạo động nổ ra khi Quốc hội Anh không cho bất kỳ người Ấn Độ nào được quyền tham gia vào ủy ban để điều tra về chính phủ Ấn Độ. Ngay sau đó, chính quyền Anh bắt giữ Gandhi và những người ủng hộ, nhưng họ không thể dập tắt lời kêu gọi của ông. Năm 1929, Jawaharlal

Nehru được bầu làm Chủ tịch Quốc hội Ấn Độ. Cũng như Gandhi, Nehru hết sức tâm huyết cho một Ấn Độ độc lập. Cuối cùng, vào năm 1935, Quốc hội Anh thông qua Đạo luật Chính phủ Ấn Độ, cho phép bầu cử các cơ quan lập pháp tại các tỉnh, nhưng giới hạn tư cách bầu cử dựa trên tài sản và trình độ học vấn. Mẹ Teresa tới Ấn Độ làm việc giữa lúc chính quyền Anh và người dân Ấn Độ đang trong tình trạng đối đầu hết sức căng thẳng.

CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI

Phong trào đấu tranh bất bạo động ngày càng phát triển tại Ấn Độ. Đến năm 1939, tinh thần đấu tranh ấy càng thêm sục sôi khi Chiến tranh Thế giới thứ hai nổ ra. Và, cũng giống như Thế chiến thứ nhất, nước Anh tuyên chiến với Đức trên cả danh nghĩa Ấn Độ mà không hề tham khảo ý kiến của họ.

Hệ quả là Ấn Độ rơi vào Nạn Đói Lớn (Great Famine) năm 1942-1943. Hệ thống giao thông bị quân Anh trưng dụng; thậm chí những chiếc thuyền nhỏ dùng để vận chuyển lúa gạo từ Bengal đến Calcutta cũng bị huy động để phục vụ cho quân đội. Lượng gạo nhập khẩu từ Myanma, chiếm 10% khối lượng lương thực của Bengal, bị cắt đứt gây nên tình trạng thiếu hụt nghiêm trọng. Do đang vướng vào cuộc chiến nên Chính phủ Ấn đành để các địa phương tự giải quyết vấn đề.

Giá gạo tăng cao khiến những tay đầu cơ và những kẻ cho vay nặng lãi trở nên giàu có. Khoản tiền dự trữ

ít ỏi của các gia đình nghèo tại các miền quê bị cạn kiệt, họ buộc phải bán đất đai. Không có gì để ăn, hàng ngàn người rời bỏ quê hương tới Calcutta, túm tụm lại quanh những nồi cháo cứu trợ vốn đã chật ních người. Nơi trú ngụ cho người nghèo không còn đủ chỗ. Mỗi ngày có thêm hàng ngàn người nằm chết trên phố. Cộng thêm vào đám đông hỗn loạn đó là những người bỏ chạy khỏi quân Nhật. Sự ồn ào trên đường phố chỉ chột lảng xuống khi người ta tìm nơi trú ẩn tránh bom từ máy bay Nhật. Nạn đói đã cướp đi sinh mạng của ít nhất hai triệu người Ấn. Một thông số khác cho thấy số người chết có thể lên đến bốn năm triệu người. Số lượng người chết nhiều đến độ ở một số nơi, những giàn hỏa thiêu theo phong tục Ấn Độ cháy mãi không dứt.

Các nữ tu tại Entally cũng chịu những ảnh hưởng trực tiếp từ chiến tranh. Số lượng trẻ sơ sinh bị bỏ lại trước cửa Tu viện Loreto tăng lên gấp nhiều lần. Có lúc Mẹ Teresa phải đương đầu với vấn đề nan giải: làm thế nào để cho 24 em bé bú bình cùng một lúc? Nhiều trẻ mồ côi chạy trốn khỏi quân Nhật tới tu viện và trường học xin tị nạn. Ngoài ra, tu viện còn mở cửa đón các nhà truyền giáo chạy trốn khỏi quân Nhật.

Chẳng bao lâu sau, quân đội Anh yêu cầu mượn tu viện Entally và trường học làm bệnh viện quân y; khu ký túc xá - nơi ở của trẻ mồ côi trở thành nơi trú ngụ của các binh lính Anh bị bệnh, bị thương hoặc đang hấp hối. Các nữ tu Loreto phải di tản, đem theo học sinh và trẻ mồ côi

tới tạm trú trong các khách sạn tại Darjeeling, Shillong và Lucknow. Mẹ Teresa ở lại Calcutta, trú ngụ tại một tòa nhà nằm trên đường Đan Viện. Tại đó cô tiếp tục dạy học và chăm sóc các con chiên nhỏ của mình.

NGƯỜI ĐỒNG HÀNH THÂN THIẾT

Năm 1937, Mẹ Teresa giữ nhiều trọng trách hơn; cô được bổ nhiệm làm quản lý Trường Tiểu học Thánh Teresa và các lớp dạy giáo lý vào Chủ nhật cho lũ trẻ. Suốt những năm chiến tranh, cô còn đảm đương vị trí hiệu trưởng kể từ khi Mẹ du Cenacle ngã bệnh vào năm 1944. Việc Mẹ Teresa ở lại thành phố trong chiến tranh có một tác động lớn đối với học trò. Mong ước của cô là giúp cho cuộc sống của lũ trẻ không bị ảnh hưởng quá mức cần thiết. Vào thời điểm đó, trường học có thể bị dời đi bất cứ lúc nào, nhưng Mẹ Teresa luôn cố gắng để thói quen hàng ngày của bọn trẻ ít bị thay đổi nhất.

Chính trong giai đoạn này, Mẹ Teresa đã gặp một người đàn ông sau này trở thành người cha tinh thần và bầu bạn với cô trong suốt 45 năm tiếp theo - Cha Celeste Van Exem - một linh mục Dòng Tên người Bỉ tới Ấn Độ vào năm 1944. Là một chuyên gia về Hồi giáo và thế giới Ả-rập, ông tới Calcutta với một mục đích làm việc với người Hồi giáo tại đây. Vào ngày 11 tháng 7 năm 1944, ông cùng hai linh mục khác chuyển tới một ngôi nhà tại Baithakana, nằm không xa với cộng đồng nhỏ của Mẹ Teresa trên đường Đan Viện. Khi được nhờ tổ chức lễ Misa

cho Mẹ Teresa, Cha Van Exem nhớ lại lúc đầu ông từ chối và nói rằng ông “được gọi đến Ấn Độ để làm việc với người Hồi giáo chứ không phải với các bà sơ. Lúc đó tôi là một linh mục trẻ muốn làm việc với các nhà trí thức; tôi không muốn bận rộn với các bà sơ”^(*).

Tuy nhiên, ngày hôm sau, Cha Van Exem đến gặp Mẹ Teresa. Ấn tượng đầu tiên của ông về cô là một nữ tu sĩ rất giản dị, không có gì nổi bật ngoài lòng lo lắng hết sức cho người nghèo khó. Trong khi đó, Mẹ Teresa đánh giá rất cao vị linh mục và không lâu sau đó, cô đề nghị ông làm người đỡ đầu tinh thần cho mình. Một lần nữa, Cha Van Exem lại ngần ngại. Ông nói rằng ông không muốn trở thành người đỡ đầu tinh thần cho một bà sơ và ông cho rằng nguyện vọng của cô đi ngược với những lý do ông đến Calcutta. Nhưng ông cũng nói rằng cô nên viết nguyện vọng của mình rồi gửi đến tổng giám mục của thành phố. Vị tổng giám mục đã chấp thuận nguyện vọng của Mẹ Teresa, vì vậy Cha Van Exem đành phải miễn cưỡng tuân theo quyết định của vị tổng giám mục. Sau này Mẹ Teresa thường xuyên tới xin ông lời khuyên và chỉ dẫn về mặt tinh thần.

ƠN KÊU GỌI

Năm 1945, chiến tranh kết thúc, Mẹ Teresa cùng các con chiên của mình quay trở lại tu viện tại Entally. Thời

* Trích: “Mother Teresa: The Authorized Biography”, tác giả Navin Chawla, (Rockport, Mass.: Element, 1992), tr. 15.

gian này, cô thường viết thư gửi cho mẹ để kể về cuộc sống của mình tại Calcutta. Mẹ cô đã dọn tới Tirana, An-ba-ni vì cả Aga và Lazar đều đang sinh sống ở đó. Drana nhắc nhở con gái rằng cô tới Ấn Độ là để giúp đỡ người nghèo; bà cũng nhắc con gái nhớ đến tấm gương của chính bà khi bà mang về chăm sóc một người phụ nữ mà mọi người đều từ chối. Chính lời khuyên ấy đã tiếp thêm động lực cho Mẹ Teresa trên bước đường phụng vụ tại tu viện.

Không lâu sau khi cuộc chiến với Nhật kết thúc, Ấn Độ lại một lần nữa lâm vào cảnh chiến tranh đổ máu. Lúc này Quốc hội Ấn Độ đang tập trung giành độc lập khỏi ách thống trị của Anh. Cùng làm việc với Quốc hội Ấn Độ là Liên đoàn Hồi giáo, dưới sự lãnh đạo của luật sư Mohammed Ali Jinnah. Liên đoàn Hồi giáo gây sức ép với Quốc hội Ấn Độ để thiết lập một quốc gia riêng cho người Hồi giáo Ấn Độ với tên gọi Pakistan.

Vào ngày 16 tháng 8, năm 1946, Liên đoàn Hồi giáo triệu tập một cuộc họp mặt các thành viên tại Maidan, Calcutta, còn gọi là *Ngày Hành động Trực tiếp (Direct Action Day)*. Bài diễn thuyết của các thành viên thuộc Liên đoàn Hồi giáo càng tăng thêm sức nóng cho đám đông vốn đã rất nhiệt tình. Và kết quả là bốn đêm tiếp theo, cả thành phố chứng kiến cảnh bạo loạn đẫm máu giữa những người Hindu và người Hồi giáo. Thành phố lâm vào cảnh hỗn loạn khủng khiếp. Binh lính thiêu rụi các cửa hàng, bất chấp có người đang ở trong đó. Mương rãnh đầy xác người. Đàn ông, phụ nữ và trẻ em bị tấn

công bằng dao và bị bỏ mặc cho đến chết trên đường. Các bộ phận trên cơ thể người vương vãi khắp đường phố đầm máu. Khắp nơi, người ta đều nhìn thấy xác chết và chim kền kền lượn vòng trên đầu. Cuộc bạo loạn kết thúc với 5.000 người chết và 15.000 người bị thương.

Đối với Mẹ Teresa và lũ trẻ, cuộc bạo động đồng nghĩa với việc lương thực và nhu yếu phẩm bị cắt đứt. Đối diện với viễn cảnh 300 học sinh bị bỏ đói, Mẹ Teresa phá vỡ một quy định chính của hội: ra ngoài tu viện một mình tìm thực phẩm. Sau này, Mẹ Teresa mô tả lại khung cảnh khi đó:

Tôi bước ra ngoài trường Thánh Mary tại Entally. Tôi có 300 bé gái sống trong khu nội trú mà không có gì để ăn. Chúng tôi không được phép ra khỏi tu viện nhưng tôi vẫn đi. Trên đường phố đầy xác người bị đâm chém hoặc đánh đến chết, nằm ở đủ mọi tư thế kỳ lạ trên vũng máu khô của chính họ. Một chiếc xe tải chở đầy lính chặn tôi lại và nói rằng tôi không nên ở ngoài đường lúc này. Tôi bảo họ rằng tôi buộc phải ra ngoài và chấp nhận mạo hiểm vì tôi có 300 trẻ nhỏ không có gì để ăn. Những người lính đó có gạo và họ lái xe đưa tôi về lại tu viện, và cho chúng tôi một vài bao gạo.^()*

Sau cuộc bạo loạn, Mẹ Teresa bị suy nhược và được chỉ đạo cho nghỉ ba giờ đồng hồ mỗi buổi chiều. Bề trên lo rằng tình trạng sức khỏe vốn đã ốm yếu của cô có thể

* Trích: "Succa: a Vision of the Street: Mother Teresa – The Spirit and the Work", tác giả Eileen Egan (New York: Sách Hình, 1986), tr. 27-28.

khiến cô nhiễm bệnh lao, một căn bệnh từng cướp đi sinh mạng của nhiều nữ tu tại Calcutta. Cha Van Exem nhớ lại đây là quãng thời gian duy nhất ông thấy người con tinh thần của mình bật khóc, nản lòng vì sự ốm yếu và không đủ sức lực để làm tròn nhiệm vụ của mình.

Cuối cùng, Bề trên quyết định Mẹ Teresa cần có một sự đổi mới về tinh thần và tạm dừng các công việc nặng nhọc tại tu viện và trường học. Mẹ Teresa được lệnh rời tu viện Loreto ở Entally, Calcutta vào tối thứ Hai 9/9/1946 để đi Darjeeling dự một khóa tĩnh tâm tám ngày. Vào ngày hôm sau, trên chuyến xe lửa, Mẹ Teresa lần đầu tiên nghe thấy tiếng của Chúa Giêsu nói trong tâm hồn bà. Những tháng sau đó, qua một số thị kiến nội tâm khác, Mẹ nghe thấy Chúa Giêsu muốn bà thiết lập một cộng đồng dẫn thân phục vụ tầng lớp nghèo khổ nhất trong số những người nghèo khổ. Cảm nghiệm trên chuyến xe lửa ấy là bước ngoặt trong cuộc đời của Mẹ Teresa; Mẹ luôn luôn nói đến cảm nghiệm này như là một “ơn gọi trong ơn gọi”. Sau này, ngày 10 tháng 9 đã được Dòng Thừa sai Bác ái chọn làm “Ngày Linh hướng” hàng năm.

Từ năm 1946 cho tới khi qua đời, Mẹ Teresa không tiết lộ một chi tiết nào về ơn linh hướng để bắt đầu Dòng Thừa sai Bác ái này, hay về tiến trình nhận thức dẫn tới việc chính thức thành lập một hội dòng riêng vào ngày 7/10/1950. Điều đó cho thấy Mẹ muốn tôn trọng tính cách linh thiêng của tặng ân mà bà nhận được từ tận sâu thẳm tâm hồn mình.

CHƯƠNG 3

MỘT HƯỚNG ĐI MỚI VÀ MỘT HÀNH TRÌNH MỚI

Không mấy người phủ nhận rằng *Ngày Linh hướng* là ngày đánh dấu bước ngoặt trong cuộc đời Mẹ Teresa. Nhưng cũng có một số câu chuyện trong cuộc đời bà gây nên sự hiểu nhầm về việc bà rời khỏi Dòng Loreto cũng như tiếng gọi bà nghe thấy trên chuyến tàu tới Darjeeling. Một trong những lời đồn về lý do chính khiến Mẹ Teresa rời khỏi Dòng Loreto là vì thường xuyên phải chứng kiến sự giết chóc tàn bạo trong cuộc bạo động tháng 8 năm 1946. Một câu chuyện khác lại quy kết một cách sai lầm rằng nguyên nhân dẫn đến sự ra đi của bà là do bà luôn phải nhìn khu ổ chuột Calcutta từ cửa sổ phòng ngủ của mình.

Mẹ Teresa không xa lạ với cảnh nghèo khổ tại Calcutta. Ngay từ những ngày đầu tiên tới đây, khi còn là một nữ tập sinh, bà đã phải chứng kiến cảnh ấy và dạy dỗ biết

bao trẻ em nghèo. Trước khi lên tàu tới Darjeeling, bà vẫn tin chắc rằng mình đang đi theo con đường Chúa sắp đặt và cách tốt nhất để bà phụng sự Chúa là trở thành một nữ tu Dòng Loreto.

Nhưng rồi, tất cả bỗng thay đổi.

NHỮNG BƯỚC ĐI ĐẦU TIÊN

Theo như Mẹ Teresa kể lại: *“Thông điệp rất rõ ràng. Tôi biết cuộc đời mình thuộc về đâu. Nhưng tôi không biết làm sao để tới đó”*^(*). Vừa từ Darjeeling trở về, bà liền tìm tới Cha Van Exem và cho ông xem kế hoạch được bà thảo sẵn trên hai trang giấy. Quay về phòng mình, Cha Van Exem đặt tờ giấy đó dưới bức tranh *Trái tim Thanh khiết của Mẹ Maria* do Mẹ Teresa tặng ông nhân dịp Giáng sinh. Hai giờ đồng hồ sau, ông quay lại phòng và đọc chúng. Ông nhận ra những điều cơ bản Mẹ Teresa cần làm đó là bà phải rời Dòng Loreto, nhưng vẫn phải giữ những lời tuyên thệ của mình. Bà cần phải lập nên một giáo đoàn mới hoặc một hội nữ tu chuyên giúp đỡ người nghèo tại khu ổ chuột. Các thành viên của giáo đoàn mới này phải có một lời tuyên thệ đặc biệt rằng sẽ cống hiến cuộc đời cho người nghèo. Sẽ không có học viện, bệnh viện hoặc bệnh xá nào hỗ trợ những hoạt động này. Mẹ Teresa và các nữ tu sĩ của bà sẽ phải làm việc với những người nghèo khổ nhất trong số những người nghèo khổ

* Trích: *“Mother Teresa: The Authorized Biography”*, tác giả Navin Chawla (Rockport, Mass.: Element, 1992), tr. 21.

của xã hội. Họ sẽ phải tập trung vào những người không có gia đình và không được xã hội chấp nhận.

Cha Van Exem không yêu cầu Mẹ Teresa giải thích gì thêm. Nhiều năm sau, ông nói ông tin rằng lựa chọn của Mẹ Teresa là đúng đắn, cũng như quyết tâm rời bỏ Skopje để trở thành một nữ tu sĩ của bà vậy. Nếu trước đó, bà đành phải rời bỏ mẹ mình thì giờ đây, bà lại sẵn sàng rời khỏi nơi cư ngụ an toàn tại Tu viện Loreto để lang thang trên khắp các đường phố Calcutta giúp đỡ người nghèo.

Vào tháng 10 năm 1946, khi quay trở lại Dòng Loreto, Mẹ Teresa dẫn đầu một cuộc ẩn tu, giúp những hạt mầm của cuộc phiêu lưu mới bà đề ra bắt đầu nảy nở. Cảm thán từ sự kiện khi bị đóng đinh trên cây thập tự, nơi Chúa Giêsu từng thốt lên rằng *"Ta khát"*, Mẹ Teresa đã đặt ra những quy định cơ bản cho hướng đi mới của mình: *"để làm dịu cơn khát vô cùng của Chúa Giêsu trên cây thập giá vì tình yêu thương đối với con người"*^(*). Tư tưởng này có tầm ảnh hưởng to lớn đến nỗi khi tổ chức của bà lớn mạnh và xây dựng nhiều nhà thờ, mỗi nhà thờ đều được khắc hai chữ: TA KHÁT (I THIRST). Trong việc thành lập Dòng Thừa sai Bác ái, bà yêu cầu những người được chọn không chỉ tuyên thệ về việc sống một cuộc đời nghèo khó, trong sạch, ngoan đạo, mà còn phải tuyên thệ sẽ cống hiến hết mình cho những người bản cùng nhất trong xã hội.

* Trích: *"Mother Teresa"*, tác giả Kathryn Spink (San Francisco: Harper & Row, 1997), tr. 24.

Rời bỏ tu viện là một việc không dễ dàng chút nào đối với Mẹ Teresa. Nhiều năm sau, bà đã công nhận rằng đây là việc làm khó nhất trong đời, khó hơn cả quyết định rời bỏ gia đình và quê hương. Ngoài việc phải vượt qua những đấu tranh tư tưởng và cảm xúc, bà còn cần sự cho phép của Bề trên mới được rời khỏi dòng. Theo lời khuyên của Cha Van Exem, Mẹ Teresa quyết định cầu nguyện trong vài tháng. Vào tháng 1 năm 1947, Mẹ Teresa viết thư gửi Tổng giám mục Ferdinand Périer trình bày kế hoạch của bà; tiếp theo đó là cuộc viếng thăm của Cha Van Exem.

Cha Van Exem đã nhầm khi nghĩ rằng vị Tổng giám mục sẵn sàng đồng ý với kế hoạch của Mẹ Teresa. Nhiều năm sau, Périer kể lại lần đầu tiên ông biết về Mẹ Teresa như sau:

Một ngày, khi tôi đang viếng thăm tu viện Entally thì một ai đó nói với tôi rằng có một nữ tu trẻ có những ý tưởng rất kỳ quặc. Khi gặp những trường hợp như vậy, tôi thường cho phép người đó thoải mái giải thích về ý tưởng của họ. Nếu họ có sự khiêm tốn, ngoan đạo, biết vâng lời, thì chắc chắn những ý tưởng đó không xuất phát từ sự bốc đồng mà là từ thánh ý Chúa.^()*

Mặc dù có đầu óc cởi mở, Tổng giám mục Périer không chỉ phản đối lại ý tưởng về một nữ tu sĩ đơn độc sống giữa những người nghèo khổ trên đường phố Calcutta, mà ông còn thấy lo ngại về việc một trong những linh mục của

* Trích: "Mother Teresa of Calcutta: A Biography" (Tiểu sử Mẹ Teresa Calcutta), tác giả Edward Le Joly (San Francisco: Harper & Row, 1977), tr. 10 -11.

mình lại rất nghiêm túc về ý tưởng đó. Sau cuộc họp mặt với Cha Van Exem, vị Tổng giám mục ra lệnh cho Mẹ Teresa chuyển tới Asansol, một thành phố cách Calcutta 175 dặm về phía Tây Bắc. Tại đây, nhiệm vụ của bà là trông coi bếp và vườn cây; đồng thời tiếp tục dạy môn Địa lý. Cha Van Exem khuyên Mẹ Teresa không nên tiếp tục nói về kế hoạch của mình trong thời điểm hiện tại. Cả hai vẫn giữ mối quan hệ thường ngày qua thư từ.

SỰ CHẤP THUẬN MIỄN CƯỜNG

Sau khi chuyển Mẹ Teresa ra khỏi tu viện Entally, Tổng giám mục Périer tìm hiểu thêm một vài thông tin về bà. Giữ kín những thông tin này, ông nói chuyện với Cha Julien Henry thuộc *Nhà thờ Thánh Teresa*, đồng thời cũng là cha sở của *Nhà thờ Thánh Mary* tại Darjeeling và là thầy giáo dạy môn Thần học. Vị Tổng giám mục thận trọng hỏi Cha Henry nghĩ gì khi một người phụ nữ châu Âu mặc bộ đồ sari truyền thống của phụ nữ Bengal và làm việc giữa những người nghèo sống vật vờ trên đường phố. Hai người bàn luận về khả năng thành công của bà và liệu hội mới của bà có thể thu hút những phụ nữ trẻ tham gia hay không. Họ cũng xét đến phản ứng của dư luận trước việc làm này trong khi đã có sẵn nhiều người đang giúp đỡ người nghèo?

Cha Henry cho rằng trên lý thuyết, đề xuất của vị Tổng giám mục thực sự khả thi. Ít nhất thì đây cũng là một cuộc đánh cược, nhưng Cha Henry nói với vị Tổng

giám mục rằng đây là một cuộc đánh cược rất đáng thực hiện. Hứng thú về triển vọng giúp đỡ người nghèo tại Calcutta, Cha Henry thậm chí còn yêu cầu giáo đoàn của mình cầu nguyện cho sự thành công của chương trình này. Ông không nhận ra rằng người đứng sau ý tưởng này chính là Mẹ Teresa. Vị Tổng giám mục vẫn chưa kết thúc công việc của mình. Ngoài việc thảo luận với Cha Henry, ông còn hỏi ý kiến người đứng đầu Dòng Tên, sau đó hỏi ý kiến của chính quyền địa phương Ấn Độ và một chuyên gia về luật lệ của giáo hội.

Bên cạnh đó, ông cũng vấp phải một vài trở ngại. Vatican có vẻ không ủng hộ việc phát triển các tổ chức tôn giáo cho phụ nữ khi không thực sự cần thiết. Tại thời điểm đó, đã có quá nhiều tổ chức nhỏ của các nữ tu sĩ. Muốn xin thành lập một tổ chức mới một Giám mục cần phải chứng minh được rằng các tổ chức đang hoạt động không thể thể hiện công việc mà tổ chức mới muốn làm. Tại Calcutta, hội *Các Con gái của Thánh Anne* mà Mẹ Teresa từng cộng tác tại Dòng Loreto cũng đảm nhận công việc chăm sóc người nghèo. Họ ăn mặc theo truyền thống Ấn Độ, ngủ tại ký túc xá, ăn uống đơn giản và nói tiếng Bengal. Vậy giáo đoàn mới mà Mẹ Teresa muốn thành lập khác họ ở chỗ nào?

Vị Tổng giám mục hỏi Mẹ Teresa rằng bà có thể làm việc với hội *Các Con gái của Thánh Anne* hay không. Mẹ Teresa trả lời không. Hội *Các Con gái của Thánh Anne* có cách làm riêng và cách làm của họ khác với những gì bà đề xuất. Giáo đoàn của bà sẽ cơ động hơn; họ sẽ thăm hay

ở với người nghèo nếu cần thiết. Bà cũng nói rõ rằng bà không chỉ muốn làm việc với người nghèo mà còn muốn làm việc giữa “*những người nghèo khổ nhất trong số những người nghèo khổ*”^(*). Bà muốn bắt đầu từ con số không và đào tạo các nữ tập sinh theo cách riêng của mình.

Phải mất đến gần một năm, vị Tổng giám mục mới hài lòng với những thông tin mình nhận được. Chỉ đến lúc đó, ông mới cho phép Mẹ Teresa viết thư cho người đứng đầu Dòng nữ tu Loreto, xin phép được rút lui khỏi Dòng. Trong lá thư được Cha Van Exem đánh máy giúp, Mẹ Teresa giải thích lý do rời Dòng Loreto là vì bà mong muốn được tiếp tục phục vụ Chúa giữa những người nghèo. Trong lá thư này, Mẹ Teresa cũng xin được *ngoại tu*, có nghĩa rằng bà sẽ vẫn sống theo những lời tuyên thệ của mình nhưng sẽ phục vụ Dòng nữ tu Loreto theo một hình thức khác.

Tuy nhiên, khi vị Tổng giám mục đọc thư, ông yêu cầu Mẹ Teresa phải đổi từ *ngoại tu* thành *hoàn tục*. Điều đó có nghĩa là Mẹ Teresa sẽ không còn là một thành viên của Dòng Loreto nữa, trong khi vẫn phải tiếp tục tôn trọng lời tuyên thệ của một nữ tu sĩ. Phải rời Dòng Loreto là một sự mất mát khủng khiếp, nhưng Tổng giám mục Périer giải thích rằng bà phải tin tưởng hoàn toàn vào Chúa và gửi lá thư đi.

Lòng nặng trĩu u buồn, Mẹ Teresa gửi lá thư cho Mẹ Bê trên tại Rathfarnham vào tháng 1 năm 1948. Chưa đầy một tháng sau, bà nhận được thư trả lời:

* Trích: “*Mother Teresa of Calcutta: A Biography*”, tác giả Edward Le Joly (San Francisco: Harper & Row, 1977), tr. 12.

Hiển nhiên đây là mong muốn của Chúa nên ta cho phép con viết thư gửi Giáo đoàn tại Rome để thỉnh cầu một đặc lệnh. Đừng nói với Tổng giám mục. Đừng nói với các đấng Bề trên của con. Đừng nói với bất kỳ ai cả. Ta cũng không nói với hội cố vấn của mình. Con chỉ cần sự cho phép của ta là đủ. Tuy nhiên, đừng xin đặc lệnh được hoàn tục, hãy xin đặc lệnh được ngoại tu.^()*

Đó là một thông điệp với sự ủng hộ tuyệt đối của Mẹ Bề trên. Cả Mẹ Teresa và Cha Van Exem đều vui mừng khôn xiết về câu trả lời này. Mẹ Teresa liền viết một lá thư nữa, lần này là để gửi cho Tòa thánh Vatican tại Rome. Mặc dù Mẹ Bề trên khuyên bà không nên hỏi ý kiến bất kỳ ai, nhưng bà vẫn đưa lá thư cho Cha Van Exem, và ông lại đưa lá thư cho Tổng giám mục Périer. Vị Tổng giám mục lại một lần nữa đặt điều kiện là nếu muốn lá thư được gửi đến Rome thì Mẹ Teresa phải ghi cả sự cho phép được hoàn tục. Mặc dù rất sợ phải rời bỏ Dòng tu nhưng điều khiến Mẹ Teresa lo lắng nhiều hơn đó là việc viết thư cho vị Hồng y phụ trách vấn đề này. Bà nhờ Cha Van Exem giúp đỡ; ông trả lời đơn giản rằng “Đức Cha đáng kính” sẽ thông cảm và không bận tâm về tước hiệu, điều quan trọng là bà cần trình bày một cách rõ ràng và đơn giản nhất. Cuối cùng, vào tháng 2 năm 1948, bà gửi một bức thư tới Rome. Tổng giám mục Périer cũng gửi cùng với lời thỉnh cầu của Mẹ Teresa một lá thư nói rõ thời gian sinh sống và phục vụ của bà tại Calcutta.

* Trích: “*Mother Teresa*”, tác giả Kathryn Spink (San Francisco: Harper & Row, 1997), trang 29.

Nhiều tuần, rồi nhiều tháng trôi qua, vẫn không có hồi âm từ Rome. Cuối cùng, vào tháng 7 năm 1948, Tổng giám mục Périer cho gọi Cha Van Exem tới văn phòng của mình. Buổi chiều hôm ấy, ông nhận được hồi âm của Tòa thánh. Rome đã chấp nhận thỉnh cầu ngoại tu của Mẹ Teresa. Bà vẫn là thành viên của Dòng Loreto nhưng được làm việc bên ngoài tu viện. Đó là một thành công tuyệt vời cho Mẹ Teresa và là một minh chứng cho những giá trị cốt lõi mà người sáng lập Dòng Loreto, bà Mary Ward, trước kia từng bị từ chối. Tuy nhiên, một điều kiện được đưa ra: Mẹ Teresa chỉ được hoạt động ngoài tu viện trong vòng một năm, trong quãng thời gian này, Tổng giám mục sẽ theo dõi tiến trình và đánh giá kết quả công việc của bà để quyết định xem bà có phải trở lại tu viện hay không.

Vị Tổng giám mục cũng yêu cầu Cha Van Exem rằng trước khi tuần học đó kết thúc, ông không được hé lộ bất cứ tin gì từ Rome cho Mẹ Teresa. Mặc dù Mẹ Teresa khẩn khoản xin được biết quyết định của Tòa thánh nhưng vị Tổng giám mục vẫn rất cứng rắn: *Cô sẽ được biết vào Chủ nhật tới*. Với tâm trạng phấn khởi, Cha Van Exem đồng ý yêu cầu của vị Tổng giám mục.

Chủ nhật, ngày 8 tháng 8 năm 1948, như thường lệ, Cha Van Exem thức dậy và cử hành lễ Misa trong nhà thờ của Tu viện Loreto. Tiếp theo lễ nghi thông thường của mình, ông có bài thuyết giảng đầu tiên trong ngày bằng tiếng Bengal. Khi thánh lễ kết thúc, ông có bài thuyết

giáo tiếp theo bằng tiếng Hindu. Sau đó, ông yêu cầu Mẹ Teresa gặp riêng ông tại phòng khách của tu viện. Khi ông vừa thông báo với bà rằng ông đã nhận được hồi âm của Tòa thánh, theo như miêu tả của ông, lúc ấy gương mặt Mẹ Teresa bỗng tái nhợt, bà xin phép quay vào nhà thờ để cầu nguyện. Khi bà trở lại, ông mới cho bà biết tin vui: không những Rome đồng ý lời thỉnh cầu được rời tu viện của bà, mà còn công nhận bà tiếp tục là một nữ tu Loreto. Sau đó, bà ký vào ba bản sao của tờ đặc lệnh: một để hồi báo cho Rome, một cho vị Tổng giám mục và một cho riêng bà. Câu hỏi đầu tiên của bà ngay sau đó là: “*Bây giờ, con có thể tới khu ổ chuột được chưa?*”^(*).

CUỘC CHIA TAY XÚC ĐỘNG

Mặc dù Mẹ Teresa muốn lập tức bắt tay vào việc nhưng vẫn còn nhiều vấn đề phải làm trước khi khởi hành. Trước tiên bà cần thông báo cho tu viện việc mình sẽ dọn ra sống bên ngoài với những người cùng khổ. Tổng giám mục Périere rằng điều này sẽ khiến các nữ tu sĩ khác bị sốc. Và thực tế là ông đã nghĩ đúng. Khi vừa hay tin, Mẹ Bê trên đã phát ốm và nằm liệt giường suốt một tuần liền. Một nữ tu khác thì khóc mãi không thôi; nhiều người khác sốc vì thông báo trên hoặc hoang mang không rõ vì sao một nữ tu có vẻ rất hài lòng với cuộc sống tu tập như vậy lại muốn rời khỏi tu viện. Những người thân thiết với

* Trích: “*Such a Vision of the Street: Mother Teresa – The Spirit and the Work*”, tác giả Eileen Egan (New York: Sách Hình, 1986), trang 35.

Mẹ Teresa thì lo lắng cho sức khỏe của bà và những khó khăn khắc nghiệt mà bà sắp đối mặt trên các nẻo đường góc phố Calcutta. Một thông báo được dán lên tấm bảng đen yêu cầu các sơ không được bình luận về Mẹ Teresa, thay vào đó hãy cầu nguyện cho bà và tôn trọng quyết định của bà.

Trước khi rời khỏi tu viện, Mẹ Teresa mua ba bộ sari. Chúng đều có màu trắng với ba sọc xanh; trang phục giản dị này về sau trở thành đồng phục cho hội mới của bà. Bộ sari được làm từ loại vải rẻ tiền nhất lúc bấy giờ và là loại vải phụ nữ nghèo Bengal thường mặc. Các sọc xanh có ý nghĩa đặc biệt với Mẹ Teresa, màu sắc gợi nhớ về Đức Mẹ Đồng trinh Maria. Cha Van Exem làm phép chúc phúc cho những bộ quần áo đó, cùng với một cây thánh giá nhỏ và một cuốn Kinh Mân Côi, được đặt vào từng bộ quần áo tại Nhà thờ Thánh Mary trước sự chứng kiến của Cha Henry và một vị nữ tu khác. Đây cũng là một trong những nhiệm vụ cuối cùng cần có sự giúp đỡ của Cha Van Exem. Mẹ Teresa cũng viết một lá thư gửi cho mẹ mình ở quê nhà để giải thích mọi chuyện. Bà tin rằng nếu có một lá thư của người đỡ đầu tinh thần gửi kèm thì sẽ dẹp bỏ được mọi lo lắng của mẹ bà trước lựa chọn rời Dòng Loreto của con gái mình.

Cha Van Exem đã khuyên Mẹ Teresa nên học qua một khóa đào tạo về y tế bởi công việc tại khu ổ chuột sẽ rất cần đến những kỹ năng và hỗ trợ về y tế. Bà nghe theo và quyết định tới Patna, bang Bihar để học một khóa đào tạo tại bệnh viện của *Hội Nữ tu Truyền giáo Y học*. Tổng

giám mục Périer ủng hộ quyết định đó và sơ Stephanie Ingendaa - Mẹ Bề trên của Dòng đã nhiệt tình giúp đỡ Mẹ Teresa bằng mọi cách.

Vào ngày 16 tháng 8, một tuần sau khi biết tin về quyết định của Vatican, Mẹ Teresa thay đổi cách ăn mặc. Bộ áo chùng đen dài chấm đất cùng khăn choàng trắng và mạng che mặt đen được để lại. Giờ đây, bà mặc một bộ trang phục mới, tượng trưng cho sự cắt đứt quan hệ với bộ đồng phục tôn giáo bà từng mặc trong suốt hai thập kỷ qua. Mặc dù rất nhiều học trò ước mong được nhìn thấy bà trong bộ sari, nhưng việc rời Tu viện Loreto của bà vẫn khiến chúng hụt hẫng. Tối hôm đó, bà lặng lẽ rời tu viện trên một chiếc taxi hết như cách bà đã đến đây hai mươi năm về trước. Trong túi bà là năm rupee và một tấm vé tàu tới Patna.

MỘT KHỞI ĐẦU MỚI

Ngày 17 tháng 8, Mẹ Teresa đặt chân tới Patna - một thành phố cổ nằm bên bờ sông Hằng. Chào đón bà là sơ Stephanie. Họ cùng tới Bệnh viện Thánh Gia (Holy Family Hospital), nơi Mẹ Teresa sẽ tham gia một khóa học y tế trong vòng vài tháng.

Bệnh viện và tu viện nằm tại khu vực nghèo nàn hơn của Patna với tên gọi *Padri ki Haveli* (Nhà của các Cha), được đặt theo tên của nhà thờ đầu tiên trong thành phố. Bệnh viện Thánh Gia, trước đây vốn là một trường học có diện tích khá khiêm tốn, được xây hai tầng với một dãy

nhà nhỏ nằm tách riêng một bên gồm các phòng dành cho phẫu thuật và sinh nở. Nhân viên bệnh viện là các nữ tu kiêm bác sĩ; hầu hết họ là bác sĩ phụ khoa, sản khoa và ngoại khoa. Những nữ tu khác làm việc ở các vị trí như y tá, kỹ thuật viên phòng thí nghiệm và chuyên gia dinh dưỡng. Bệnh viện còn mở một khóa đào tạo y tá với rất nhiều cô gái trẻ Ấn Độ theo học.

Tu viện nơi Mẹ Teresa ăn ngủ trước kia là một phần của nhà thờ, được xây dựng bằng đá tảng, với trần nhà cao, nền nhà cũ kỹ, một cửa sổ nhỏ theo kiến trúc Gothic, và những bức tường vôi trắng. Phần chính của nhà thờ được chia nhỏ thành nhiều ô vuông bằng các thanh tre và vải bông trắng. Khu vực trước đây là nghĩa trang nay là khu vườn của bệnh viện; vào những đêm hè nóng bức, nhiều người vẫn mặc màn nằm giữa những bia mộ ngủ. Nhân viên bệnh viện ăn uống trong khu vực trước đây dành cho người phục vụ với một đầu bếp già người Hindu cai quản một phòng bếp nhỏ.

Do công việc ở bệnh viện quá bận rộn nên người ta không tổ chức chào đón Mẹ Teresa một cách trọng thị. Thay vào đó, bà được dẫn vào một phòng ngủ nhỏ, được dành cho một ghế trong phòng ăn, và được tham gia vào các hoạt động thường nhật của bệnh viện. Nhiều nữ tu nhận ra rằng Mẹ Teresa đang ở trong thời kỳ chuyển tiếp, và mặc dù bà biết mình phải làm gì, bà vẫn chưa rõ ràng về việc làm thế nào để chu toàn ơn gọi của mình. Trong lúc ấy, *Hội Nữ tu Truyền giáo Y học* cố gắng giúp bà cảm

thấy thoải mái như ở nhà và giúp bà chuẩn bị cho những công việc khó nhọc sắp tới.

Giờ đây, thay vì giảng bài cho học sinh, công việc hàng ngày của Mẹ Teresa đầy những trải nghiệm mới mẻ; bà chẳng bao giờ có thể biết công việc của ngày tiếp theo. Bất kỳ khi nào có một ca bệnh mới, một ca sinh nở hay phẫu thuật khẩn cấp, Mẹ Teresa đều được gọi đến cùng lúc với bác sĩ. Điều này không chỉ giúp bà có cơ hội luyện tập tiếng Hindu (thứ tiếng bà chưa thông thạo lắm) mà còn giúp bà trở nên quen thuộc với những sản phụ, những ca tai nạn nguy hiểm, những trẻ em bệnh tật bị bỏ rơi và cả những người chết trên bàn mổ.

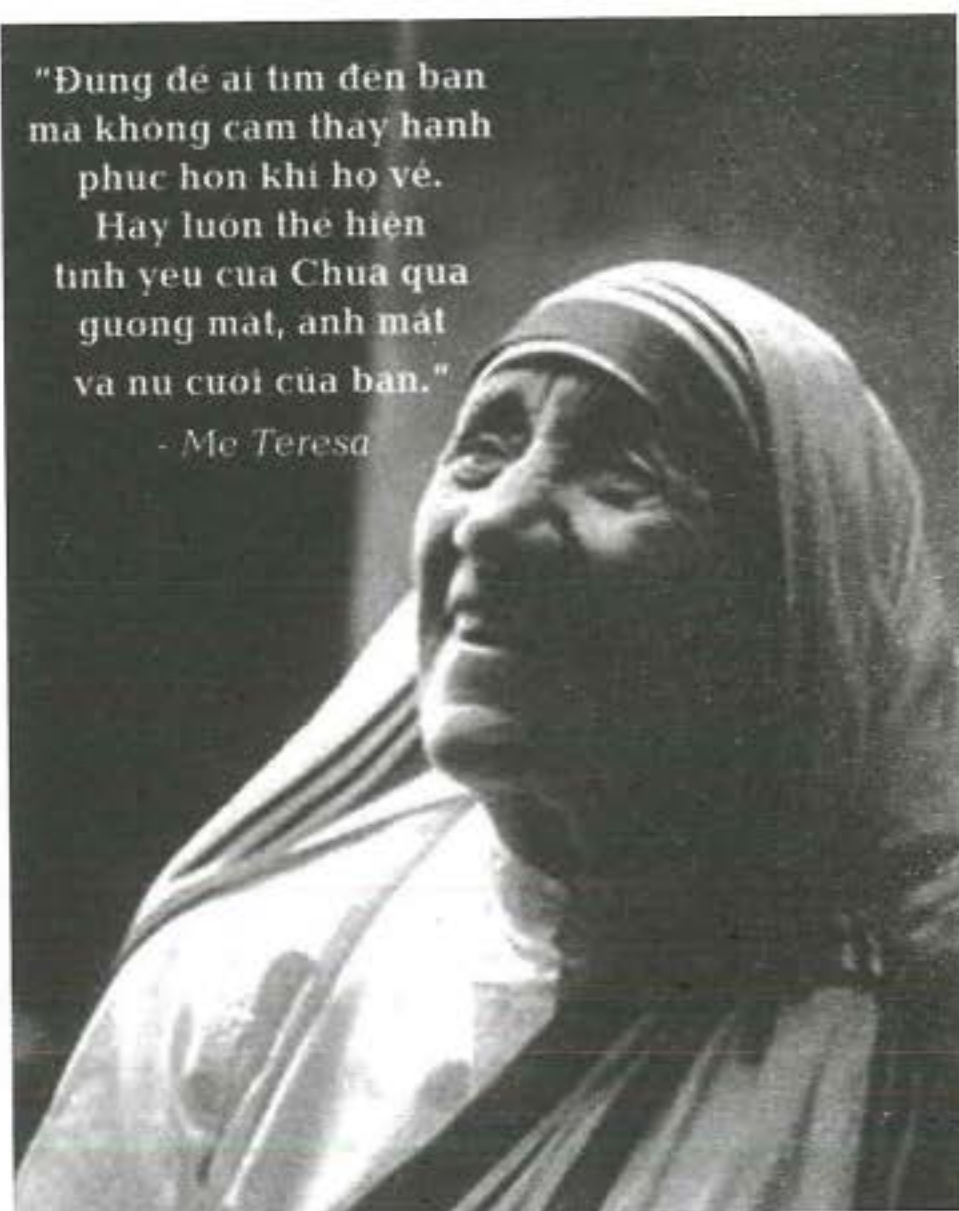
Bên cạnh đó, Mẹ Teresa còn học được cách trông nom chăm sóc bệnh nhân tả và đậu mùa trong cơn hấp hối. Một nữ tu nhớ lại, trước bất kỳ tình huống nguy kịch nào, Mẹ Teresa vẫn bình tĩnh và tập trung tối đa với bệnh nhân. Người ta luôn có một niềm tin đặc biệt khi bà nắm tay một bệnh nhân đang hấp hối, dỗ dành những em bé sợ bệnh viện, hay bế một đứa trẻ sơ sinh. Bà học được nhiều kỹ năng y tế đơn giản như sửa soạn giường bệnh, tiêm thuốc cho bệnh nhân và phân phát thuốc. Bà cũng tham gia hỗ trợ các ca sinh đẻ. Công việc này đem lại niềm vui đặc biệt cho bà. Khi làm việc với các chuyên gia dinh dưỡng, Mẹ Teresa học được những điều quan trọng về một khẩu phần ăn đầy đủ dinh dưỡng, hợp vệ sinh kết hợp với việc nghỉ ngơi hợp lý. Những kiến thức này trở thành những kiến thức hết sức quan trọng cho công việc

trong khu ổ chuột của bà. Mẹ Teresa ngày càng trở nên quen biết nhiều hơn các gia đình nghèo trong khu vực, bà tham dự các đám cưới, lễ hội và đám tang. Cứ thế, bà tiến dần vào thế giới của họ và trở thành thành viên trong cộng đồng của họ từ lúc nào không hay.

Trong quãng thời gian tại Patna, Mẹ Teresa đã có được người trợ lý đầu tiên. Một cô gái trẻ mắc bệnh lao hỏi Mẹ Teresa rằng liệu cô có thể phụ giúp bà giúp đỡ người nghèo hay không. Vào quãng thời gian cuối tại Bệnh viện Thánh Gia, bà đã chỉ định cô làm

"Đừng để ai tìm đến bạn
mà không cảm thấy hạnh
phúc hơn khi họ về.
Hãy luôn thể hiện
tình yêu của Chúa qua
guồng mắt, ánh mắt
và nụ cười của bạn."

- Mẹ Teresa



trợ lý cho mình. Trách nhiệm của cô gái này là chăm sóc các bệnh nhân lao và cùng họ cầu nguyện cho những người bị bệnh nặng. Thật tiếc là cô không thể cùng Mẹ Teresa tới Calcutta do bệnh tình của cô trở nặng và cô đã qua đời tại Bệnh viện Thánh Gia không lâu sau đó.

XÂY DỰNG NỀN MÓNG

Những buổi tối không phải làm việc tại bệnh viện, Mẹ Teresa thường dành thời gian thảo luận kế hoạch của mình với các thành viên của *Hội Nữ tu Truyền giáo Y học*. Bà đón nhận ý kiến đóng góp, những lời khuyên thiết thực và cả những lời chỉ trích để có thể lên kế hoạch hoạt động một cách tốt nhất. Một điều đã trở nên rõ ràng đó là nếu hội của Mẹ Teresa muốn làm việc với người nghèo, họ sẽ phải cam kết với bản thân *chỉ* làm việc với người nghèo mà thôi.

Những cuộc thảo luận này đã góp phần bổ sung rất nhiều quy tắc, điều lệ - nền móng mà giáo đoàn của Mẹ Teresa sau này làm theo. Một trong những bài học quý giá nhất chính là *quy tắc về sự cân bằng* được Mẹ Anna Dengel - người sáng lập ra *Hội Nữ tu Truyền giáo Y học* áp dụng. Cũng như Mẹ Teresa, Dengel cũng nhận được đặc lệnh của Vatican, thành lập một hội nữ tu đảm nhận công việc phẫu thuật và hộ sinh. Một trong những quy tắc của Mẹ Dengel là: sau hàng loạt công việc nặng nhọc về thể chất lẫn tinh thần thì việc dành thời gian nghỉ ngơi, lấy lại sức là điều không thể bỏ qua. Vì vậy, các nữ tu của bà thường xuyên phải nghỉ ngơi và ăn tu khi cần thiết để hồi phục sức lực lẫn tinh thần.

Các nữ tu cũng khuyên rằng với điều kiện sống nghèo khổ và công việc nặng nhọc hàng ngày, việc cầu nguyện cần được giám sát chặt chẽ, nhưng những buổi cầu nguyện này không nên diễn ra sau 9 giờ tối. Điều này sẽ giúp các

nữ tu có nhiều thời gian nghỉ ngơi, thư giãn hơn. Ngoài ra, bữa ăn của họ cần phải giàu protein, đặc biệt là bữa sáng, nhưng các loại thức ăn cũng cần phải đơn giản; không được bỏ bữa ngoại trừ trường hợp ốm đau. Mẹ Teresa vốn nghĩ rằng mình và các nữ tu sẽ không ăn gì ngoài gạo và muối - thực phẩm chính của người nghèo. Nhưng bà học được rằng chế độ dinh dưỡng này quá nghèo nàn; bà và các tu sĩ của mình sẽ không thể làm việc hiệu quả. Không những thế, chế độ dinh dưỡng này còn khiến họ dễ bị nhiễm những căn bệnh của người nghèo, trong khi mong muốn lớn nhất của họ là giúp người nghèo chữa trị và ngăn ngừa bệnh tật. Những lời khuyên này đã được Mẹ Teresa ghi nhận và thực hiện.

Mẹ Teresa dự kiến một ngày làm việc tám tiếng, bắt đầu từ năm giờ sáng. Với lịch làm việc như vậy, các sơ trong *Hội Nữ tu Truyền giáo Y Học* khuyên bà nên có một giờ nghỉ ngơi trong ngày để các nữ tu lấy lại năng lượng và tiếp tục thực hiện nhiệm vụ của mình. Họ cũng khuyên bà dành ra một ngày nghỉ trong tuần, Chủ nhật chẳng hạn. Với những người làm việc vào Chủ nhật thì nên cho phép họ nghỉ ngơi vào một ngày khác trong tuần. Ngoài ra, cần có một kỳ tĩnh tâm hàng năm cho mọi người, tách biệt hẳn nơi làm việc. Trang phục nên giản dị; Các nữ tu thuộc *Hội Nữ tu Truyền Giáo Y học* mặc áo chùng và đeo mạng che mặt màu trắng; họ thay đồ mỗi ngày, thậm chí hai lần một ngày. Khi Mẹ Teresa nói rằng những bộ sari vải cô-tông trắng sẽ thay thế những bộ áo chùng, các nữ tu sĩ khuyên rằng để bảo đảm sức khỏe, tất cả các bộ sari

phải được giặt hàng ngày, và mỗi nữ tu sĩ nên có ba bộ sari: một để mặc, một để thay đổi và một để dành cho những dịp đặc biệt hoặc khẩn cấp. Tám khăn choàng đầu là cần thiết để bảo vệ cơ thể trước mùa hè cực kỳ nóng của Ấn Độ, nhưng chỉ nên dùng ở mức tối thiểu và không được hồ vùi.

BUỐC VÀO ĐỜI

Vài tuần sau đó, Mẹ Teresa viết một lá thư gửi cho Cha Van Exem xin phép được tới Calcutta. Bà cảm thấy mình đã học được rất nhiều điều và nóng lòng muốn bắt tay vào việc. Nhận được thư, Cha Van Exem có phản quan ngại. Quãng thời gian Mẹ Teresa được đào tạo tại *Hội Nữ tu Truyền giáo Y học* quá ngắn ngủi và thực sự thì ông mong bà ở đó lâu hơn - ít nhất là sáu tháng, hoặc một năm. Vị Tổng giám mục cũng có cùng suy nghĩ với ông; cả hai người đều muốn Mẹ Teresa ở lại lâu hơn để đảm bảo bà có thể tận dụng được mọi cơ hội trau dồi kỹ năng y tế.

Nhưng những lá thư của bà vẫn liên tục được gửi tới. Bà đã học tất cả những gì có thể, cả những hiểu biết về một vài căn bệnh mà bà có thể chẳng bao giờ gặp tại khu ổ chuột trong thành phố. Hơn nữa, bà lập luận rằng mình sẽ học được nhiều hơn về dịch tả, bệnh lở loét và các căn bệnh khác khi bà trực tiếp tiếp xúc với người bệnh. *Hội Nữ tu Truyền giáo Y học* đồng ý để bà “ra đời”. Và đây cũng là thời điểm Mẹ Teresa bắt đầu nhiệm vụ của mình.

Cha Van Exem cảm thấy không được thuyết phục cho lắm, ông tới Patna để gặp Mẹ Teresa và sơ Stephanie để thảo luận về những việc cần làm. Khi tới Bệnh viện Thánh Gia, ông không tìm thấy bà trong đám đông y tá tại bệnh viện. Bỗng một giọng nói nhỏ nhẹ cất lên: "*Thưa Cha, con đang ở ngay đây*"(*). Cha Van Exem chưa bao giờ thấy Mẹ Teresa trong bộ đồ sari nên không nhận ra bà.

Khi gặp sơ Stephanie và nữ tu hướng dẫn Mẹ Teresa, Cha Van Exem lắng nghe hai người giải thích tại sao đã đến lúc để Mẹ Teresa ra đi. Họ nói rằng bà đã sẵn sàng cho cuộc sống giữa các khu ổ chuột, và rằng họ sẽ giúp đỡ khi bà cần lời khuyên hoặc chỉ dẫn về các vấn đề liên quan đến y tế. Cha Van Exem giải thích rằng ông và vị Tổng giám mục đều lo ngại rằng Mẹ Teresa khó có thể tránh khỏi những điều thị phi nếu bà thất bại. "*Cô ấy sẽ không phạm sai lầm!*" - Hai nữ tu bảo đảm với Cha Van Exem, và nhắc ông một lần nữa rằng họ cũng có phần trách nhiệm trong chuyện này. Trước sự ủng hộ của họ, Cha Van Exem đành miễn cưỡng chấp thuận cho Mẹ Teresa tới Calcutta.

* Trích: "*Mother Teresa*", tác giả Kathryn Spink (San Francisco: Harper & Row, 1997), trang 33.

CHƯƠNG 4

NIỀM HY VỌNG NHEN NHÓM TRONG KHU Ổ CHUỘT

Không lâu sau lần đến thăm Mẹ Teresa và *Hội Nữ tu Truyền giáo Y học*, Cha Van Exem gửi Mẹ Teresa một lá thư nói rằng Tổng giám mục đã nhất trí để bà quay lại Calcutta. Ông cũng đã tìm được cho bà một chỗ ở cùng với *Hội Nữ tu Hèn mọn của Người Nghèo (Little Sisters of the Poor)*. Ngày 9 tháng 12 năm 1948, bà đến Nhà Thánh Giuse dành cho người già, nằm tại số 2 đường Lower Circular, sau gần 4 tháng kể từ khi rời khỏi Tu viện Loreto. Trước khi rời Patna, Mẹ Teresa có nói chuyện với một bác sĩ của tu viện. Mặc dù bà không hề biết bắt đầu từ đâu và bằng cách nào, nhưng bà vẫn tin rằng Chúa sẽ dẫn đường cho bà. Với ý nghĩ ấy, bà quay trở lại Calcutta để thực hiện sứ mệnh của mình.

Mother Teresa: A Biography

Mặc dù Calcutta có thu nhập bình quân theo đầu người cao thứ 3 tại Ấn Độ, nhưng trong thành phố có cả một biển người nghèo đói, bất hạnh. Trên đường phố, nơi có người được sinh ra và chết đi từng giờ, thì đầy rẫy những người ăn xin, phong hủi cùng một lượng lớn dân tị cư từ các vùng quê nghèo đổ về. Nhiều trẻ sơ sinh bị bỏ lại trong các viện xá hoặc bỏ rơi cho đến chết trên đường phố, thậm chí bị vứt trong thùng rác. Hàng ngàn người sống trên các hè phố; 44% khu dân cư trong thành phố không có hệ thống nước thải. Đây chính là biển khổ mà Mẹ Teresa sắp sửa dấn thân vào.

Nhà Thánh Giuse là một lựa chọn tốt cho Mẹ Teresa; *Hội Nữ tu Hèn mọn của Người Nghèo* sống một cuộc sống khổ hạnh. Mặc dù làm việc thông qua các cơ quan khác, nhưng họ không có một nguồn thu nhập đều đặn mà phụ thuộc hoàn toàn vào tiền và thức ăn mà hội quyền góp được. Việc đặt trọn cuộc đời trong tay Chúa và tinh thần thiện nguyện của người khác sau này cũng trở thành nét đặc trưng của Dòng Thừa sai Bác ái. Lúc đầu Mẹ Bé trên không chắc chắn lắm về việc để Mẹ Teresa ở tại Nhà Thánh Giuse, nhưng cha Van Exem đã đảm bảo với bà rằng Mẹ Teresa đã nhận được đặc lệnh ngoại tu và bà vẫn nằm dưới sự bảo trợ của Tổng giám mục.

Khi tới nơi, Mẹ Teresa ẩn tu trong một thời gian ngắn dưới sự hướng dẫn của Cha Van Exem. Họ chỉ gặp nhau vào buổi sáng; còn buổi trưa, Mẹ Teresa cầu nguyện và tĩnh tâm. Những ngày đầu mới đến, Mẹ Teresa cũng dành

thời gian giúp đỡ các nữ tu sĩ khác chăm sóc các bệnh nhân lớn tuổi.

“HỒ NGỌC TRAI” MOTIJHL

Vào ngày 21 tháng 12 năm 1948, Mẹ Teresa rời căn phòng nhỏ của mình tại tầng một gần cổng ra vào của Nhà Thánh Giuse để dự thánh lễ Misa. Sau bữa sáng, bà rời tu viện, tới Mauli Ali bằng xe buýt để bắt đầu công việc của mình. Bà mặc một bộ đồ sari trắng, nhưng không giống như một phụ nữ Bengal nghèo khổ, bà quấn một miếng vải nhỏ quanh đầu. Vai áo bên trái của bà có cài ghim hình Chúa Giêsu bị đóng đinh trên thánh giá màu đen. Bà đi đôi dép da thô - món quà của các sơ ở Patna và không mang tất. Với một túi nhỏ thức ăn trưa đạm bạc, bà tiến vào thế giới của người nghèo khổ Calcutta.

Điểm dừng chân đầu tiên của bà là khu ổ chuột Motijhl, có nghĩa là “Hồ Ngọc trai”, nhưng thực tế ở đây không có một cái hồ nào cả mà thay vào đó là một cái ao đục ngầu nằm giữa khu ổ chuột cung cấp nước sinh hoạt cho cả khu. Nước thải chảy thẳng vào những mương rãnh lộ thiên và rác thải chất đống khắp đường phố. Người dân tại đây sống trong những ngôi nhà lụp xụp, nền đất dơ bẩn. Khu này chẳng có bất kỳ một trường học, bệnh viện hay trạm xá nào.

Motijhl là một tên gọi khá quen thuộc với Mẹ Teresa. Mặc dù bà chưa bao giờ tự mình ghé thăm nơi đây, nhưng rất nhiều học sinh của bà tại trường Thánh Mary từng

tới đây làm việc dưới sự dẫn dắt của Cha Henry. Bà nhận được sự giúp đỡ nhiệt tình của Cha Henry. Ông cung cấp cho bà danh sách những gia đình có con học tại trường của Tu viện Loreto. Mẹ Teresa cố gắng đến mức tối đa để thăm viếng các gia đình. Và kết quả là có một số gia đình hứa sẽ gửi con của họ tới cho bà vào sáng hôm sau.

MỌI KHỞI ĐẦU ĐỀU TỪ MẶT ĐẤT

Sáng hôm sau, trở lại Motijihl, Mẹ Teresa thực sự hạnh phúc khi thấy một vài em nhỏ đứng đợi bà ở chân cầu dẫn vào khu ổ chuột. Trong khi tìm một địa điểm để bà và các em có thể gặp mặt hàng ngày, Mẹ Teresa nhận thấy chỉ có một khoảng trống duy nhất quanh gốc cây bên cạnh bờ ao. Không có bảng đen, phấn trắng, sách hoặc bàn ghế, Mẹ Teresa phải bẻ nhánh cây làm bút và viết chữ trên mặt đất. Bọn trẻ ngồi xúm xung quanh quan sát bà viết từng chữ cái Bengal. Đó chính là sự khởi đầu mà sau này Mẹ Teresa miêu tả là “*sự khởi đầu từ mặt đất*”^(*), một trong những tư tưởng định hướng cho Dòng Thừa sai Bác ái về sau.

Chẳng bao lâu sau, số lượng học sinh của bà đã tăng theo cấp số nhân khi người ta đồn rằng có một ngôi trường được thành lập ngay tại Motijihl. Và rồi, tiếng đánh vần ê a của bọn trẻ bắt đầu thay thế cho những âm thanh thường nhật của khu ổ chuột. Sau khi lớp học buổi sáng

* Trích: “*Such a Vission of the Street: Mother Teresa – The Spirit and the Work*”, tác giả Eileen Egan (New York: Sách Hình, 1986), trang 43.

kết thúc, Mẹ Teresa thường tìm một nơi yên tĩnh để ăn trưa và uống nước. Một lần, bà dừng chân tại một tu viện địa phương và xin được vào dùng bữa trưa; các nữ tu sĩ ở đó nghĩ Mẹ Teresa là một người ăn xin nên đã từ chối. Họ chỉ cho bà ngồi ăn phía sau nhà, bên dưới chân cầu thang cùng với những người ăn xin khác.

Mẹ Teresa trở thành một hình ảnh quen thuộc một cách lạ lùng trên đường phố Calcutta: nhiều người ngoài nhìn người phụ nữ đơn độc, ăn mặc như một người Ấn Độ nghèo khổ, âm thầm bước vào những khu ổ chuột đầy nguy hiểm. Thậm chí ngay cả một trong những người ủng hộ bà nhiều nhất, Cha Michael Gabric - một linh mục Dòng Tên đến từ Nam Tư và là thành viên của nhóm truyền giáo có ảnh hưởng tới tuổi trẻ của Mẹ Teresa, cũng cảm thấy khó hiểu về hành động của bà. Ông từng thú nhận một cách thật thà trong một buổi phỏng vấn rằng: *“Chúng tôi nghĩ sơ ấy bị mất trí!”*^(*).

Theo yêu cầu của vị Tổng giám mục, Mẹ Teresa phải liệt kê toàn bộ những việc đã làm được của mình, bắt đầu từ ngày 25 tháng 12 năm 1948 cho đến ngày 11 tháng 6 năm 1949. Chỉ còn một phần nhỏ trong bảng liệt kê này còn sót lại. Qua bảng liệt kê ấy, người ta thấy toàn bộ những việc bà đã làm trong những ngày đầu tiên tại Motijhl, đặc biệt là những việc bà đã làm cho lũ trẻ. Chúng được bà tắm gội, dạy cách giữ gìn vệ sinh, dạy cách đọc chữ và học giáo lý. Bà cũng ghi lại niềm vui đặc

* Trích: *“Such a Vission of the Street: Mother Teresa – The Spirit and the Work”*, tác giả Eileen Egan (New York: Sách Hình, 1986), trang 43.

biệt của các em nhỏ và luôn nhớ lại những chuyện hài hước khi dạy chúng.

Trong nhật ký, Mẹ Teresa còn ghi lại nhiều kỷ niệm khác. Chẳng hạn, một lần khi viếng thăm một người đàn ông nghèo, nhận thấy ngón tay cái của người này đã bị hoại tử, Mẹ Teresa nói rằng cần phải cắt bỏ nó. Sau khi cầu nguyện, bà lấy kéo cắt ngón tay đó đi. Bệnh nhân của bà ngất xỉu ngã người sang một bên, còn bà thì ngã ra bất tỉnh theo hướng ngược lại. Bà thường dùng tiền đi xe buýt của mình để cho những người cần nó hơn, và đi bộ về nhà.

ĐÊM TÂM TỐI

Mặc dù những trang nhật ký của Mẹ Teresa còn lưu giữ có ghi chép về những con người và tình huống mà bà gặp phải, thậm chí cả những cảm xúc của bà trước công việc nhưng người ta vẫn khó có thể hình dung được sự cô đơn khủng khiếp của Mẹ Teresa những ngày tháng đầu tiên tại khu ổ chuột Calcutta. Với một người đã quen sống một cuộc sống yên bình và quy củ trong tu viện như bà, thế giới bên ngoài thật sự khó khăn và đầy mâu thuẫn. Nhưng bà có một niềm tin tuyệt đối vào Chúa, vì vậy bà đã tiếp tục công việc của mình, vượt qua mọi khó khăn nhọc nhằn hàng ngày.

Niềm tin còn giúp Mẹ Teresa tránh được cảm giác tuyệt vọng khi thấy kết quả công việc của bà đạt được rất ít. Calcutta lúc này đang gặp phải nhiều vấn đề nan

giải. Sau khi giành được độc lập từ tay người Anh, Ấn Độ bị chia cắt làm hai quốc gia: Pakistan Hồi giáo và Ấn Độ Hindu. Mặc dù đã thành lập được một quốc gia riêng biệt cho người Hồi giáo, cuộc xung đột giữa họ và người Hindu vẫn tiếp diễn, đôi lúc bộc phát thành những vụ bạo động đẫm máu khiến nhiều vùng bị tàn phá và nhiều gia đình lâm vào cảnh khốn cùng. Dòng người Hindu bắt đầu kéo tới những con phố vốn đã quá đông đúc ở Calcutta để mưu sinh. Rốt cục, tất cả đều rơi vào cảnh vô gia cư, nguồn cung cấp lương thực và nước uống ngày càng cạn kiệt. Nhiều người trong số họ lâm vào cảnh khốn cùng. Nguồn lương thực và nước uống bị nhiễm khuẩn do hệ thống nước thải quá tải. Lúc ấy, đối với nhiều người trong số họ, một rupee (khoảng 0,11 đô-la Mỹ) là cả một gia tài.

Nhưng tất cả những điều ấy không hề khiến Mẹ Teresa nhụt chí. Khi biết đến những hoạt động của bà, nhiều người đã chung tay đóng góp tiền bạc, nhu yếu phẩm, thời gian và sức lực. Các tài xế xe buýt đi ngang qua *Nhà Thánh Giuse* luôn dành cho bà chiếc ghế đầu. Một cựu giáo viên tại trường Thánh Mary tới giúp bà dạy học. Một lần nọ, bà tìm đến một linh mục thuộc giáo xứ địa phương nhờ giúp đỡ. Mặc dù ông nói rằng rất vui khi được giúp đỡ bà, nhưng ông không giúp đỡ hoặc khích lệ tinh thần bà được nhiều. Sau đó, Mẹ Teresa tìm đến một vị linh mục khác, người này rất cảm kích trước những việc bà làm. Ông tặng bà 100 rupee để giúp bà tiếp tục duy trì công việc. Đó là một khoản tiền lớn, và nhờ đó Mẹ Teresa

thuê được hai chiếc lều tại Motijhl với giá năm rupee mỗi chiếc. Một chiếc được dùng như trường học để bọn trẻ có thể ngồi học. Đây cũng là nơi chúng được phân phát sữa vào các bữa ăn trưa hoặc nhận phần thưởng là những bánh xà phòng.

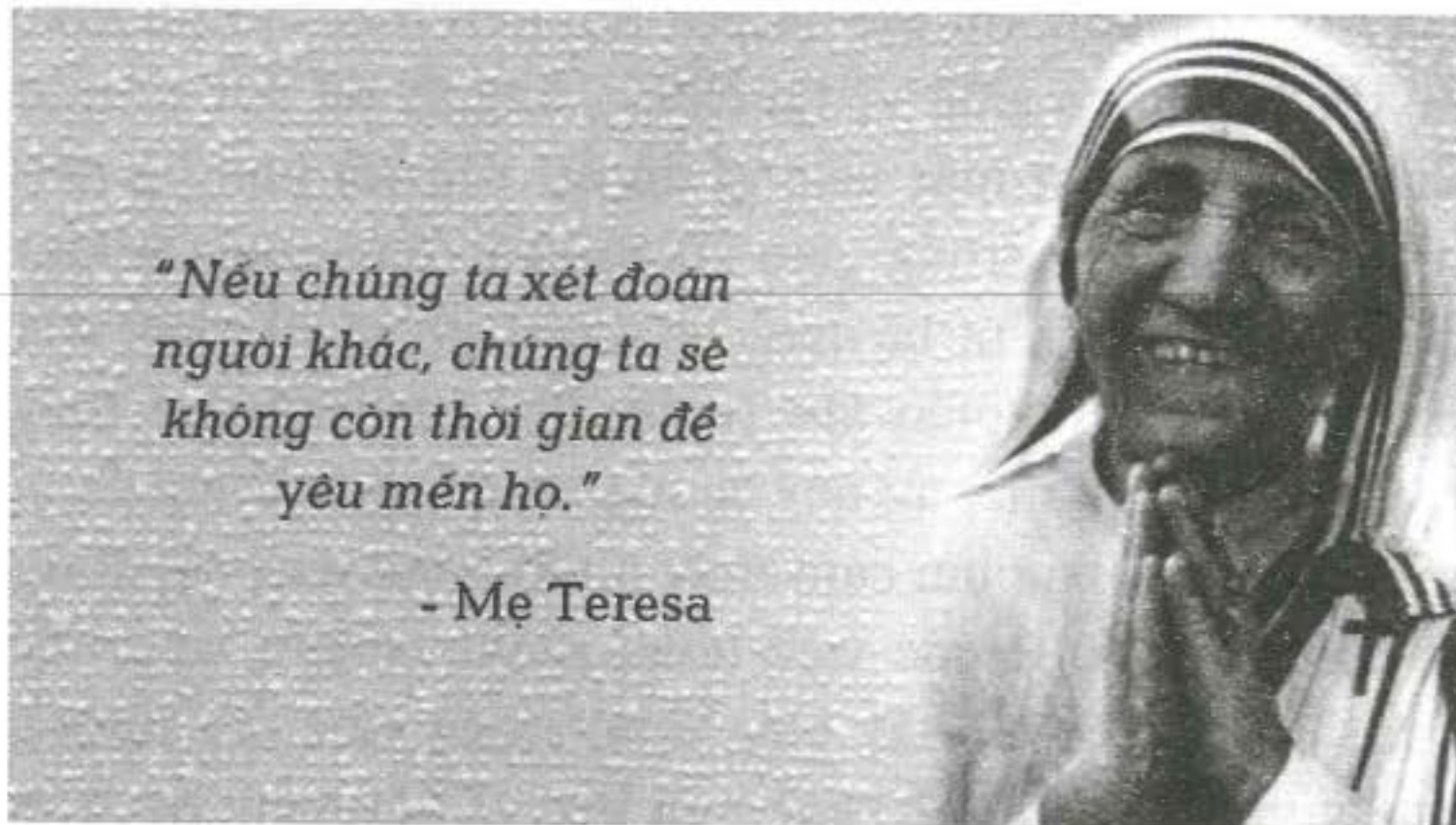
Sự nhiệt tình và ham học của lũ trẻ nhanh chóng lan ra cả cộng đồng. Đây đó, người ta mang đến những món quà nhỏ cho ngôi trường: một chiếc ghế, một cái bàn cũ, thậm chí cả sách và bảng đen. Đến ngày 4 tháng 1 năm 1949, chưa đầy hai tuần từ khi bắt đầu công việc, Mẹ Teresa đã có một ngôi trường nhỏ với 50 học sinh và 3 giáo viên. Lũ trẻ không chỉ được học các chữ cái và con số, mà còn được học cách theo thừa (đối với các bé gái) và cả những buổi học về cách vệ sinh thân thể, và học giáo lý. Ngôi trường đó sớm được ban phước một cách chính thức. Đó là một trong những thành công lớn nhất của Mẹ Teresa thời kỳ đầu. Chiếc lều còn lại được dùng vào việc khác, cũng không kém phần quan trọng: chăm sóc những người nghèo bệnh tật và hấp hối. Đây là nơi Mẹ Teresa đem đến sự thoải mái, niềm an ủi, và hơn tất cả là lòng tự trọng cho những người không nhà cửa và không còn niềm hy vọng. Một lần, khi chúng kiến một người phụ nữ nằm hấp hối trên hè phố, ngay bên cạnh một bệnh viện, Mẹ Teresa đã bế người phụ nữ ấy vào bệnh viện, nhưng bị từ chối do người phụ nữ này không có tiền. Người phụ nữ sau đó chết trên đường phố. Từ đó, Mẹ Teresa nung nấu quyết tâm rằng bà phải xây dựng một ngôi nhà dành cho những người bệnh tật và hấp hối.

Tuy vậy, bà vẫn luôn day dứt rằng mình đã đi đúng theo tiếng gọi của Chúa hay chưa. Có những lúc bà ước mình được quay trở lại cuộc sống bình yên tại Tu viện Loreto. Một lần, khi Mẹ Teresa tìm đến một vị linh mục nọ để xin sự trợ giúp về tài chính, ông ấy đã đối xử như thể bà đang làm một việc gì đó sai trái rồi bảo bà đến mà xin linh mục trong giáo xứ của bà. Ông quay đi một cách thô lỗ trong lúc bà đang cố giải thích về việc làm của mình. Điều này khiến Mẹ Teresa bật khóc và cảm thấy thiếu tự tin hẳn đi. Sau này bà nói rằng lúc đó Chúa đang thử thách bà; bà phải cảm thấy mình hoàn toàn vô dụng và quá kém cỏi trước việc hoàn thành nhiệm vụ trước mắt. Bà luôn cảm thấy khó khăn trong việc đặt những mong muốn của mình sang một bên và đặt niềm tin trọn vẹn vào Chúa, hy vọng rằng Người sẽ tiếp tục soi đường cho bà. Về sau, bà viết lại rằng đó là “*Sự ra đời trong tăm tối*”(*) của *Dòng Thừa sai Bác ái*.

Nhưng chính việc đi quyên góp thực phẩm, thuốc men, quần áo và tiền bạc đã giúp Mẹ Teresa thực hành một truyền thống khát thực lâu đời được tôn trọng. Xuyên suốt lịch sử Ấn Độ, các linh mục, những người tu hành và các giáo viên đều sống nhờ vào sự hỗ trợ của cộng đồng. Thư cầu xin hỗ trợ và những chương trình quyên góp dần dần được mở rộng. Nếu ở một số nền văn hóa phương Tây, việc công khai sống phụ thuộc vào người khác khiến

* Trích: “*Faith and Compassion: The Life and Work of Mother Teresa*” (Niềm tin và Lòng trắc ẩn: Cuộc đời và Sự nghiệp của Mẹ Teresa), tác giả Raghu Rai và Navin Chawla (Rockport, Mas.: Element, 1999), trang 39.

nhiều người xem thường thì tại Ấn Độ, cũng như truyền thống Thiên Chúa giáo La Mã, việc kêu gọi sự trợ giúp không phải là việc làm đáng chê trách.



SỐ 14 ĐƯỜNG CREEK

Những tháng đầu tiên trên đường phố Calcutta, Mẹ Teresa được người dẫn dắt tinh thần - Cha Van Exem - theo dõi qua từng bước đi của bà. Sau khi bàn bạc, Cha Van Exem và Mẹ Teresa đều thống nhất rằng đã đến lúc Mẹ Teresa cần phải có một địa điểm riêng để bắt đầu công việc mà không phải nhờ cậy vào *Hội Nữ tu Hèn mọn của Người Nghèo*. Nhưng những nỗ lực ban đầu của Mẹ Teresa trong việc tìm kiếm một ngôi nhà hợp với khả năng tài chính của bà không mấy thành công. Các chủ nhà thường không giữ lời hứa; hoặc khi nhìn thấy một nữ tu châu Âu xa lạ, họ từ chối thẳng thừng. Song, điều đó không khiến Mẹ Teresa nản chí, sau này, bà viết:

Chỉ đơn giản là Chúa muốn tôi làm một “nữ tu tự do” được bao bọc trong sự nghèo khó thánh thiện. Và hôm nay tôi mới học được một bài học rằng tại sao người nghèo đói lại khó thoát khỏi cái nghèo đến vậy... Tôi sẽ đi mãi cho đến khi cả chân và tay tôi đau đớn rã rời. Điều đó khiến tôi hình dung được rằng họ phải đau đớn cả thể xác và tinh thần để tìm được một mái ấm, thức ăn và sự trợ giúp.^()*

Cuối cùng, Cha Van Exem quyết định can thiệp. Ông đến gặp Albert Gomes – một giáo dân tại Bengal. Người này đang cùng các anh em trai, trong đó có Michael Gomes, sở hữu ngôi nhà tọa lạc tại số 14 đường Creek khu Đông Calcutta. Họ đồng ý cho Mẹ Teresa dọn vào một căn phòng trên tầng hai và bà sẽ không phải trả tiền thuê. Vị trí của căn nhà sau này được Mẹ Teresa miêu tả là “sự giàu có trong nghèo khó”^(**).

Tháng 2 năm 1949, bà dọn vào nơi ở mới, chỉ mang theo một chiếc vali nhỏ. Căn phòng của bà cực kỳ đơn sơ với một chiếc ghế, một cái thùng được dùng làm bàn và một số hộp gỗ dùng làm ghế ngồi. Trên tường là bức tranh Đức Mẹ Maria - món quà của Cha Van Exem. Nhiều năm trước đó, chính Mẹ Teresa đã tặng ông bức tranh này vào dịp Giáng Sinh.

Dần dần, Mẹ Teresa có thêm một số người trợ giúp và bầu bạn khiến bà không còn quá cô đơn giữa những

* Trích: *“Faith and Compassion: The Life and Work of Mother Teresa”*, tác giả Raghu Rai và Navin Chawla (Rockport, Mas.: Element, 1999), trang 38.

** Trích: *“Mother Teresa”*, tác giả Kathryn Spink (San Francisco: Harper & Row, 1997), trang 38.

khu ổ chuột. Charur Ma - một góa phụ làm đầu bếp trong Trường Thánh Mary tại Entally, thường cùng Mẹ Teresa đi mua sắm. Mable Gomes - cô gái trẻ của gia đình mà Mẹ Teresa đang sống cùng, thỉnh thoảng cũng đi cùng bà. Thậm chí cả Michael Gomes, mỗi khi có thời gian, cũng cùng Mẹ Teresa đi tới các cửa hàng dược phẩm vận động họ quyên góp thuốc men và dụng cụ y tế. Cha Van Exem cử một giáo dân trong giáo xứ tới giúp Mẹ Teresa hàng ngày viếng thăm những người nghèo và hấp hối. Đôi khi, đi cùng bà là một vài học trò cũ nhân dịp họ đến thăm bà. Khi thấy bà trong bộ đồ sari, họ đã bật khóc. Nhưng tất cả đều vui khi gặp lại bà và giúp đỡ bà hết sức tận tình.

Nhiều năm sau, Michael Gomes hồi tưởng lại những trải nghiệm của ông khi giúp đỡ Mẹ Teresa. Vào một buổi chiều mưa gió, Mẹ Teresa và Mable Gomes trở về từ khu ổ chuột. Cả hai đều ướt sũng, Mẹ Teresa xin lỗi vì đã để Mable bị ướt. Bà nói với Michael rằng cả hai vừa quay trở về từ một ngôi nhà mà chủ nhà, một người phụ nữ, phải đứng trong một căn phòng không mái, nước ngập tới đầu gối, tay cầm một chiếc chậu tráng men úp lên đầu đứa con nhỏ bệnh tật, che cho đứa bé khỏi cơn mưa. Ông chủ nhà đã cố tình dỡ mái chỉ vì người phụ nữ kia nợ ông ta hai tháng tiền nhà, tổng cộng 8 rupee. Ngay chiều hôm đó, Mẹ Teresa đã vội vã quay trở lại và trao cho người phụ nữ số tiền thuê nhà đó.

Vào một dịp khác, khi Michael cùng Mẹ Teresa đang trên một chuyến tàu hỏa đi quyên góp, họ lại gặp trời

mưa. Qua cửa sổ tàu, họ thấy một người đàn ông ướn sững nằm dưới gốc cây bên đường. Cả hai vội vã thu gom thuốc men và quay trở lại với hy vọng sẽ giúp được người đàn ông. Nhưng, khi họ tới nơi, ông ấy đã qua đời. Theo như Gomes nhớ lại, Mẹ Teresa rất đau khổ về việc ấy cũng như việc còn rất nhiều người nghèo và bệnh nặng khác, giống người đàn ông vô danh kia, muốn trần trối điều gì đó trong những giờ phút cuối cùng của cuộc đời mình nhưng không có người lắng nghe hay an ủi họ trước lúc lâm chung. Điều này thôi thúc bà cố gắng tìm kiếm một nơi để những người mắc bệnh nan y có thể ra đi trong thanh thản.

Gomes cũng kể lại rằng, ông thường đưa thêm thực phẩm cho Mẹ Teresa bất cứ khi nào có thể. Bà cũng thường xin ông một vài bơ gạo để đem cho những gia đình đang bên bờ vực chết đói. Tuy vậy, cũng có những lúc bà gặp phải thái độ thù nghịch. Gomes nhớ lại một lần trên tàu, một nhóm hành khách đã bình phẩm về trang phục nữ tu của bà và nói rằng chẳng qua bà chỉ là một người Thiên Chúa giáo đang cố gắng cải đạo Hindu. Lúc ấy, Mẹ Teresa chỉ ngồi lặng yên lắng nghe. Cuối cùng bà quay sang họ và nói: "*Ami Bharater Bharat Amar*" (Tôi là người Ấn Độ và Ấn Độ là quê hương tôi)^(*). Từ lúc đó, cả toa tàu rơi vào yên lặng cho đến cuối hành trình.

* Trích: "*Faith and Compassion: The Life and Work of Mother Teresa*", tác giả Raghu Rai và Navin Chawla (Rockport, Mas.: Element, 1999), trang 40.

“ĐÂY SẼ LÀ MỘT CUỘC SỐNG GIAN KHỔ”

Ngày 19 tháng 3 năm 1949, ngày lễ kính Thánh Cả Giuse - vị cha tinh thần của Chúa Giêsu và là người bảo hộ Đức Mẹ Maria, một cô gái trẻ xuất hiện trước nhà số 14 đường Creek. Đó là Subashni Das, một học sinh trường Thánh Mary tại Entally từ khi còn bé và từng là học trò của Mẹ Teresa. Lúc này, cô đang học năm cuối trung học. Cô tới xin gia nhập vào nhóm của Mẹ Teresa. Mẹ Teresa nhấn mạnh: “*Đây sẽ là một cuộc sống gian khổ. Con có sẵn sàng đón nhận không?*”^(*). Câu trả lời của Subashni Das là: “*Con sẵn sàng!*”. Và, với câu trả lời đó, cô gái trẻ trở thành thành viên đầu tiên của hội, lấy tên thánh Agnes - tên thánh của Mẹ Teresa. Sau này, cô trở thành người trợ giúp gần gũi nhất của Mẹ Teresa, và thay thế bà làm công việc của người quản lý đào tạo những nữ tu sĩ mới nhập hội cũng như đảm nhiệm công việc của mẹ bề trên khi Mẹ Teresa đi công tác nước ngoài.

Vài tuần sau đó, Magdalena Gomes - một học trò cũ của Mẹ Teresa cũng tìm tới ngôi nhà với mong muốn được tham gia giúp đỡ người nghèo cùng Mẹ Teresa. Cô lấy tên là sơ Gertrude và trở thành bác sĩ đầu tiên của hội. Tới lễ Phục sinh năm đó, ba người cùng sống trong căn phòng nhỏ bé tại gia đình Gomes, hàng ngày họ đến Motijihl để làm việc. Họ sống cuộc đời của các nữ tu, nhưng Giáo

* Trích: “*Faith and Compassion: The Life and Work of Mother Teresa*”, tác giả Raghu Rai và Navin Chawla (Rockport, Mas.: Element, 1999), trang 40.

hội Công giáo vẫn chưa chính thức công nhận họ là một dòng tu.

Chẳng bao lâu sau, có thêm hai người phụ nữ gia nhập cùng họ. Và đến đầu hè cùng năm, họ đã có tổng cộng 10 phụ nữ trẻ, tất cả đều là học trò cũ của Mẹ Teresa. Họ cùng sống với nhau tại ngôi nhà của gia đình Gomes. Vì tất cả đều chưa tốt nghiệp nên Mẹ Teresa trực tiếp giám sát họ, bảo đảm tất cả phải hoàn thành các môn học và thi đậu tốt nghiệp. Trong số 10 người đầu tiên, chỉ có 2 người rời bỏ hội. Những người khác tiếp tục ở lại và trở thành những nữ tu thực tập đầu tiên của Dòng Thừa sai Bác ái.

Để có thêm chỗ ở cho những người mới tới, gia đình Gomes mở thêm căn phòng trên cùng. Thực ra đó là một cái gác xép lớn. Nhóm đã dùng một phần diện tích trong phòng làm nhà nguyện. Cha Henry cho họ nệm và một bệ thờ bằng gỗ. Phía trên bệ thờ, họ đặt bức tranh Đức Mẹ Maria mà Cha Van Exem tặng Mẹ Teresa trước đó.

Mẹ Teresa lên lịch làm việc cho các thành viên trẻ. Một chiếc chuông báo giờ được dùng để đánh thức họ mỗi sáng, gọi họ khi tới giờ ăn và thông báo thời gian cầu nguyện, nghỉ ngơi và làm việc. Mỗi sáng, họ thức dậy, khoác lên mình bộ sari và rời nhà để đi làm việc ở những khu vực nghèo nhất Calcutta. Họ làm việc theo lịch cố định: buổi sáng dạy học, buổi trưa thăm nom, chăm sóc người bệnh và người hấp hối. Cho đến lúc đó, họ đã có được hai ngôi trường: ngôi trường đầu tiên ở khu

Motijhl và ngôi trường thứ hai do Mẹ Teresa thuê thêm một phòng nhỏ ở khu ổ chuột tại Tiljala.

Mẹ Teresa và các thành viên trong nhóm còn mở một phòng khám bệnh và phát thuốc cho người nghèo ngay tại phòng học ở một trường học của giáo xứ địa phương. Sau giờ học, phòng học lớn được biến thành nơi chăm sóc bệnh nhân lao. Người ta thường thấy một hàng dài người khám bệnh tại hành lang dẫn tới phòng học này. Các nữ tu sĩ luôn cố gắng đưa những người bệnh nặng nhất tới các bệnh viện. Tuy nhiên, khi cần thiết, họ chăm sóc bệnh nhân ngay tại chỗ họ nằm - trên đường phố và các ngõ ngách.

Mẹ Teresa luôn lo lắng cho các thành viên trong nhóm. Bà nhớ đến lời khuyên của các nữ tu tại Patna, và đặc biệt quan tâm tới vấn đề dinh dưỡng trong bữa ăn của họ. Michael Gomes nhớ lại, có lần ông thấy Mẹ Teresa ngồi sau xe tải ôm vài túi gạo và bột mì trở về sau một ngày khát thực. Cả ngày hôm ấy bà chẳng dám ăn uống gì vì sợ ai đó sẽ lấy mất thực phẩm dành cho những nữ tu thực tập của bà. Bà có thể bỏ ăn bỏ uống để bảo đảm số lương thực đó được mang về nhà một cách an toàn.

Để giúp họ, Cha Van Exem và Cha Henry đã thông báo trong thánh lễ Misa kêu gọi lòng nhân ái *mushti bhikka* - một phong tục của người Bengal - rằng mỗi gia đình sẽ góp một nắm gạo giúp đỡ một người ăn xin. Việc làm này đánh dấu sự khởi đầu của chương trình lương thực do Dòng Thừa sai Bác ái quản lý và sau này không chỉ có lương thực mà còn có cả quần áo và xà phòng cho người nghèo.



“Không phải chúng ta làm bao nhiêu điều tốt, mà là chúng ta đặt bao nhiêu tình yêu vào những điều tốt chúng ta làm. Không phải chúng ta cho đi nhiều bao nhiêu, mà là bao nhiêu tình yêu chúng ta đã đặt vào những gì được cho đi.”

- Mẹ Teresa

KẾT THÚC NĂM ĐẦU TIÊN

Và rồi năm đầu tiên của Mẹ Teresa cũng qua đi. Vào ngày 16 tháng 8 năm 1949, Mẹ Teresa kết thúc năm ngoại tu “thí điểm” đầu tiên. Giờ đây Tổng giám mục Périer phải quyết định xem nên để Mẹ Teresa tiếp tục cuộc sống bên ngoài hay quay trở lại bên trong bốn bức tường của Tu viện Loreto. Sau khi đọc các báo cáo về Mẹ Teresa và sự phát triển của nhóm, ông cho rằng sẽ không có bất cứ sự rút lui nào đối với bà; bà sẽ tiếp tục ở ngoài tu viện. Nếu bà trở về, những thành viên kia sẽ phải giải tán. Họ không được công nhận là một dòng tu chính thức mà chỉ đơn giản là một nhóm phụ nữ sùng đạo sống chung với một nữ tu phi chính thống. Ông có một cách giải quyết

để Mẹ Teresa tiếp tục công việc của mình với nhóm, đó chính là chấp nhận họ là một giáo đoàn trong giáo khu Calcutta dưới sự dẫn dắt của Tổng giám mục, giống như Mẹ Teresa từng làm. Điều này có thể trở thành hiện thực bởi nhóm của bà đã vượt con số mười người – con số tối thiểu để thành lập một giáo đoàn mới.

Nhưng vị Tổng giám mục vẫn giữ thái độ thận trọng. Trước khi ra quyết định, ông phải biết chắc chắn rằng không có bất kỳ một báo cáo nào phản đối Mẹ Teresa và những công việc của bà. Ông hỏi Cha Van Exem và cha đã thú nhận rằng có một báo cáo của một tu sĩ già Dòng Tên nói rằng Mẹ Teresa đang làm công việc của quỷ Satan. Tu sĩ đó đã tới gặp Mẹ Bề trên của Tu viện Loreto và hỏi tại sao một giáo viên giỏi của một trường dòng danh tiếng lại bỏ đi lang thang trong các khu ổ chuột của Calcutta. Vị Tổng giám mục nổi giận, yêu cầu tu sĩ kia phải ngay lập tức xin lỗi Mẹ Bề trên vì đã có những lời lẽ xúc phạm Mẹ Teresa và công việc của bà.

Trong lúc chờ đợi quyết định từ vị Tổng giám mục, Mẹ Teresa dẫn thêm một bước quan trọng: bà nộp đơn xin nhập quốc tịch Ấn Độ và được chấp thuận. Hành động này có sức ảnh hưởng rất lớn, thể hiện không chỉ việc bà từ bỏ nguồn gốc châu Âu của mình, mà còn là sự cam kết hòa nhập thật sự vào cộng đồng những người mà bà hướng đến để phục vụ. Đến cuối năm 1949, vị Tổng giám mục hết lòng ủng hộ Mẹ Teresa và những nỗ lực của bà, ông tuyên bố sẵn sàng công nhận nhóm của bà là một dòng tu thuộc giáo phận ông cai quản. Quyết định cuối cùng chỉ

còn phụ thuộc vào Rome, và vị Tổng giám mục sẵn sàng đích thân tới Rome, lên tiếng thay cho Mẹ Teresa. Ông lên kế hoạch đi Rome vào tháng 4 năm 1950 để đệ trình những tài liệu cần thiết trước Tòa thánh Vatican.

Lúc này, Mẹ Teresa lo thảo hiến chương hoạt động của hội, lên danh sách những quy tắc sống cho các nữ tu của mình. Bà viết lại ơn kêu gọi tinh thần của mình trên chuyến tàu tới Darjeeling và liệt kê ba lời khấn trọn mà tất cả sẽ phải tuyên thệ khi gia nhập dòng: (1) Nghèo khó (*Poverty*), (2) Thanh khiết (*Chastity*) và (3) Vâng lời (*Obedience*). Và bà bổ sung thêm lời khấn thứ tư: “Tự nguyện phục vụ và tận tâm với những người bản cùng nhất trong xã hội”^(*) sau này được gọi là “cách của chúng ta” (“*our way*”)^(**). Bà quyết định đặt tên cho dòng tu của mình là Dòng Thừa sai Bác ái (*Missionaries of Charity*).

Mẹ Teresa đưa bản phác thảo của mình cho Cha Van Exem để ông chỉnh sửa lại ngôn từ (do vốn tiếng Anh của bà chưa được tốt lắm). Sau đó, Cha Van Exem gửi bản phác thảo tới một linh mục thông thạo về các quy tắc tôn giáo, giáo hội và pháp luật. Vị linh mục này sao thành năm bản và mang tới cho Tổng giám mục đệ trình tài liệu này lên Đức Hồng y Pietro Fumasoni-Biondi - người đứng đầu Bộ Truyền giáo của Vatican. Tòa thánh chấp nhận bản hiến chương, kể cả lời khấn thứ tư do Mẹ Teresa đề ra

* Trích: “*Such a Vision of the Street: Mother Teresa – The Spirit and the Work*”, tác giả Eileen Egan (New York: Sách Hình, 1986), trang 48.

** Trích: “*Faith and Compassion: The Life and Work of Mother Teresa*”, tác giả Raghu Rai và Navin Chawla (Rockport, Mas.: Element, 1999), trang 42.

– lời khấn sau này thu hút nhiều người tìm đến với hội và khiến cả những người hoài nghi nhất cũng phải im lặng. Vào ngày 7 tháng 10, năm 1950, giáo hội đã có một giáo đoàn mới dưới quyền kiểm soát: Dòng Thừa sai Bác ái, do Mẹ Teresa đứng đầu.

XÂY DỰNG TUƠNG LAI TRÊN NỀN QUÁ KHỨ

Hiến chương của Dòng Thừa sai Bác ái có thể đã được nhiều linh mục tham gia “đánh bóng”, nhưng tài liệu này chỉ cốt thể hiện tinh thần của Mẹ Teresa. Bà không chỉ liệt kê những lời khấn nguyện cho dòng tu của bà và lý do tại sao bà tin những việc bà làm thật sự quan trọng, mà còn liệt kê những quy tắc cơ bản mà Dòng Thừa sai Bác ái vẫn tuân theo cho đến ngày nay. Bà mở đầu bằng cách tuyên bố mục đích của Hội:

Mục đích của chúng ta là làm dịu cơn khát vô cùng của Chúa Giêsu trên cây thập giá vì tình yêu thương đối với con người bằng việc truyền giáo và tận tâm phục vụ những người bản cùng trong xã hội. Theo lời dạy và cuộc đời của Chúa, chúng ta sẽ minh chứng cho sự cứu rỗi của Người theo cách riêng của chúng ta... Nhiệm vụ cụ thể của chúng ta là tận hiến để đem đến sự cứu rỗi tinh thần cho những người cùng khổ ... Và tên của chúng ta là DÒNG THỪA SAI BÁC ÁI.^()*

* Trích: “*Mother Teresa of Calcutta: A Biography*”, tác giả Edward Le Joly (San Francisco: Harper & Row, 1977), trang 28.

Mẹ Teresa muốn lời khấn về việc sống “nghèo khó” phải được tuân thủ nghiêm ngặt. Bà viết:

Cho dù những người bản cùng nhất xã hội là ai đi chăng nữa thì đối với chúng ta, họ đều là hiện thân của Chúa. Cách chúng ta ăn, cách chúng ta mặc phải giống hệt như họ. Người nghèo chính là Chúa. Chúng ta không phục vụ họ vì họ giống Chúa Giêsu, mà chúng ta phục vụ họ vì họ chính là Chúa Giêsu.^()*

Mẹ Teresa còn củng cố lời khấn bằng nhiều cách khác nhau. Hiến chương của hội viết rằng dù trong bất kỳ hoàn cảnh nào, Dòng Thừa sai Bác ái không bao giờ được sở hữu một tài sản gì. Các nữ tu phải là một thành viên của Giáo hội Thiên Chúa giáo La Mã. Đây cũng là quy định cốt lõi của giáo đoàn. Sau này, do Giáo hội Công giáo không phải là một tổ chức mạnh tại Ấn Độ nên quy định này phải thay đổi. Tuy nhiên, những quy định cốt lõi trong hiến chương của giáo đoàn mới vẫn thể hiện sự ảnh hưởng của các giáo đoàn trước đó đến cuộc đời Mẹ Teresa, từ những nỗ lực truyền giáo của các tu sĩ Dòng Tên với lời khấn cống hiến trọn đời cho Hội Thánh Tâm Giêsu, đến những nữ tu Loreto, những người thể hiện một lòng sùng kính và mộ đạo tương tự, thực hiện công việc của Chúa trên trái đất này.

Vấn đề cuối cùng cần nói đến là về trang phục của các nữ tu. Ba tấm ảnh được gửi đi Rome: một tấm chụp

* Trích: “Mother Teresa: In My Own Words” (Mẹ Teresa: Tự thuật), tác giả Mẹ Teresa cùng Jose Luis Gonzales-Balado (New York: Gramercy Books, 1996), trang 24, 30.

một nữ tu với bộ đồ sari trắng, áo chùng ngắn tay, tấm thứ hai là một nữ tập sinh trong bộ đồ sari trắng với áo chùng tay dài che hết cả cánh tay, và tấm cuối cùng là hình Mẹ Teresa trong đồng phục của Hội: bộ sari trắng với viền xanh nổi bật. Bộ đồng phục được thiết kế theo phong cách mới, mặc dù phi truyền thống, nhưng vẫn được Vatican chuẩn thuận.

GIÁO ĐOÀN MỚI

Vào ngày 7 tháng 10 năm 1950, Tổng giám mục Périer lần đầu tiên tới ngôi nhà số 14 đường Creek tham dự thánh lễ Misa tại phòng nguyện nhỏ bé trên tầng hai. Rất đông người có mặt để nghe Cha Van Exem đọc quyết định công nhận Dòng Thừa sai Bác ái là một giáo đoàn mới thuộc giáo phận Calcutta. Cùng ngày hôm đó, 11 cô gái trẻ bắt đầu cuộc sống của những nữ tập sinh trong một dòng tu mới.

Hai năm tiếp theo, thêm 29 cô gái trẻ tham gia dòng tu của Mẹ Teresa. Tất cả đều dọn vào ở tầng hai trong ngôi nhà của gia đình Gomes, khiến ngôi nhà thêm náo nhiệt. Trong nhật ký của mình, Mẹ Teresa cũng dành nhiều trang viết về những thành viên mới – những con người đầy niềm tin, vui vẻ và phục tùng. Bà quan sát và tự hào khi các thành viên mới chấp nhận lời khấn trọn đời sống nghèo khó.

Cuộc sống đó không hề dễ dàng chút nào. Họ tắm rửa và giặt giũ bằng những chiếc xô chung. Họ đánh răng

bằng tro và ngủ trên những tấm nệm rơm mỏng. Vật dụng hàng ngày của họ chỉ gói gọn trong vài bộ sari, đồ lót thô, một đôi dép, một tượng Chúa Giêsu bị đóng đinh trên thánh giá ghim lên vai áo trái, một xâu chuỗi và một cây dù để che mưa. Tất cả các vật dụng này được gói trong một túi vải (*potla*) và họ dùng nó để làm gối hàng đêm.

Để kỷ niệm việc hoàn thành giai đoạn sơ tu của những nữ tu mới gia nhập, và cũng là dịp để họ tuyên thệ, Cha Van Exem tổ chức một buổi lễ đặc biệt. Các nữ tu thực tập tới nhà thờ lớn, ăn mặc như những cô dâu Bengal. Trong thánh lễ, họ lần lượt đi vào một căn phòng để được Mẹ Teresa cắt tóc. Tục lệ này thể hiện một sự hy sinh rất lớn, bởi với thiếu nữ Bengal, mái tóc dài vốn được xem là một món quà quý báu. Tóc của các cô gái trẻ dài đến nỗi Mẹ Teresa phải mất vài giờ đồng hồ mới có thể cắt xong cho tất cả họ. Sau đó, họ quay lại giáo đường trong đồng phục nữ tu thực tập của mình. Thánh lễ diễn ra tốt đẹp, đó cũng là thánh lễ mà Mẹ Teresa chấp nhận việc kết hợp một nghi thức quan trọng của nhà thờ với văn hóa địa phương. Cha Van Exem nhớ lại sự ngạc nhiên của một số giáo dân khi lần đầu tiên đến dự một buổi lễ như vậy: “*Lễ thụ phong linh mục mất hai giờ, lễ thụ phong giám mục mất ba giờ, nhưng lễ kết nạp của Dòng Thừa sai Bác ái mất đến bốn giờ đồng hồ!*”^(*). Tuy nhiên, không phải ai cũng hài lòng khi nhìn thấy cảnh những “cô dâu Bengal” không làm lễ cưới mà lại đi vào một Nhà thờ Thiên Chúa giáo.

* Trích: “*Mother Teresa*”, tác giả Kathryn Spink (San Francisco: Harper & Row, 1997), trang 43.

Chẳng bao lâu sau, trụ sở của họ tại đường Creek trở nên quá nhỏ bé trước số lượng nữ tu không ngừng tăng lên. Cha Van Exem và Cha Henry một lần nữa lại bắt tay vào việc tìm kiếm một trụ sở mới cho Hội. Một trong những nữ tu đầu tiên của Hội kể lại rằng:

Cha Henry tổ chức lễ rước thánh giá vào mỗi tối. Ông cùng các nữ tu vừa đi vừa đọc kinh Mân Côi thật lớn trên đường phố Calcutta... Từ sáu giờ tới chín giờ tối, đám rước bắt đầu từ nhà nguyện, đi qua các dãy phố cho tới Nhà thờ Thánh Teresa, sau đó tới Thánh đường Fatima cầu nguyện, rồi quay trở về. Chúng tôi cậy nhờ Đức Mẹ Fatima tìm giúp chúng tôi một ngôi nhà mới.^()*

Cuối cùng, họ cũng tìm thấy một căn nhà thích hợp tại số 54A đường Lower Circular. Ngôi nhà vốn thuộc quyền sở hữu của một cựu quan tòa theo đạo Hồi, được giáo xứ Calcutta mua lại và Mẹ Teresa sẽ phải trả lại khoản tiền vay. Vào tháng 2 năm 1953, Mẹ Teresa và nhóm của bà dọn vào nơi ở mới. Để tỏ lòng tôn kính đối với người sáng lập Hội, các nữ tu quyết định đặt tên nơi đó là Nhà Mẹ (Motherhouse).

* Trích: "*Mother Teresa of Calcutta: A Biography*", tác giả Edward Le Joly (San Francisco: Harper & Row, 1977), trang 30.

CHƯƠNG 5

NGHÈO KHÓ LÀ NGƯỜI CHE CHỞ CHÚNG TA

Đường Lower Circular là một trung tâm náo nhiệt ở Calcutta. Đường phố lúc nào cũng tấp nập khách bộ hành và xe cộ. Hàng ngày, tiếng người huyên náo, tiếng còi tàu, tiếng



Nhà Mẹ (X) tại số 54A đường Lower Circular Calcutta, Ấn Độ.

chuông xe kéo, tiếng tàu điện đứt quãng bởi những đoàn diễu hành người Hindu và nhiều cuộc diễu hành chính trị khác. Sự hỗn loạn ấy khiến người ta chẳng mấy để ý đến ngôi nhà số 54A đường Lower Circular với những lời kinh cầu đều đều hàng ngày vọng ra từ ngôi nhà.

Để tới số nhà 54A đường Lower Circular, người ta phải đi qua một con hẻm dẫn tới một ngôi nhà ba tầng màu nâu. Nếu nhìn kỹ hơn thì đó là hai ngôi nhà bao quanh một khoảnh sân nhỏ. Đi hết con đường, bạn sẽ bắt gặp cánh cổng màu nâu; tại đây có một sợi dây nhỏ nối với chiếc chuông bên trong. Do Calcutta thường xuyên mất điện nên người ta phải làm những chiếc chuông này thay vì dùng chuông điện. Ngày nay, khi đã ở bên trong cánh cổng này có nghĩa là bạn đã tới một nơi đặc biệt: trụ sở của Dòng Thừa sai Bác ái và là nơi ở của người sáng lập quá cố, Mẹ Teresa.

SỰ NGHÈO KHÓ ĐƯỢC CHỌN LỰA

Với việc dọn vào Nhà Mẹ vào đầu năm 1953, Dòng Thừa sai Bác ái giờ đây đã có trụ sở của riêng mình. Nơi ở mới không những có không gian rộng rãi mà còn có phòng cầu nguyện và nhà ăn riêng. Mẹ Teresa cũng có phòng làm việc riêng.

Mặc dù không gian mới khá rộng rãi nhưng Mẹ Teresa vẫn yêu cầu các thành viên trong giáo đoàn giữ nếp sống khắc khổ. Họ có thể nhận những gì phục vụ nhu cầu thiết yếu hàng ngày; nhưng họ phải luôn từ chối một cách lịch sự và kiên quyết những món quà vật chất vượt quá nhu cầu bình thường từ những người ủng hộ. *“Nghèo khó là sự an toàn của chúng ta.”* - Mẹ Teresa nói. Sau này bà giải thích rằng Dòng Thừa sai Bác ái không muốn đi theo con đường mà nhiều giáo đoàn khác từng làm - đó là bắt đầu

bằng việc phục vụ người nghèo, nhưng rốt cuộc lại phục vụ người giàu và bản thân. *“Để có thể hiểu và giúp đỡ những người cùng khổ, chúng ta phải sống cuộc sống của họ... Điều khác biệt duy nhất là họ sinh ra trong nghèo khó, còn chúng ta là những người chủ động chọn lựa cuộc sống nghèo khó”*^(*).

Những ngày đầu tiên của hội, việc duy trì lời tuyên thệ nghèo khó không mấy khó khăn. Ngoài những vật dụng sơ sài, các nữ tu nhanh chóng học được cách xin những thứ cần thiết cho họ cũng như cho người nghèo. Tuy nhiên, họ luôn đặt nhu cầu của người nghèo lên trên hết. Giai đoạn này, có rất nhiều chuyện đã xảy ra, trong số đó có không ít chuyện hài hước xoay quanh việc các nữ tu học cách ứng biến trước hoàn cảnh và nhiệm vụ của mình.

Việc tìm được một đôi giày vừa chân cũng là một thử thách đối với các sơ. Một lần, Mẹ Teresa chỉ kiếm được một đôi giày duy nhất, trong khi cả ba nữ tu của bà đều rất cần giày. Lần khác, đôi giày duy nhất bà xin được cho một nữ tu để cô đi lễ lại là một đôi giày cao gót đỏ. Nhưng cô vẫn quyết định mang chúng. Mỗi khi nhớ lại cảnh cô đi khập khiễng trong ngày hôm đó, mọi người lại cười khúc khích.

Trang phục cũng là những thứ xa xỉ đối với họ. Quần áo của họ được làm từ những chiếc bao tải đựng thóc cũ kỹ; thậm chí sau nhiều lần giặt, người ta vẫn có thể thấy nhãn mác của bao tải qua lớp khăn trùm mỏng màu

* Trích: *“Mother Teresa”*, tác giả Kathryn Spink (San Francisco: Harper & Row, 1997), trang 44.

trắng. Một lần vào dịp Giáng sinh, do không có đủ khăn trùm đầu cho tất cả các nữ tu trong thánh lễ nửa đêm; họ đành phải dùng những tấm vải trải giường để thay thế.

GIA NHẬP DÒNG

Những ngày mới thành lập Dòng Thừa sai Bác ái, Mẹ Teresa phải làm việc hết sức vất vả để tiếp nhận những phụ nữ trẻ gia nhập hội. Cha Van Exem và Cha Henry cũng giúp bà hướng dẫn các thành viên mới chuẩn bị cho một cuộc sống tu hành. Dần dần, công việc này trở thành nhiệm vụ của những nữ tu lâu năm. Mẹ Teresa luôn nhấn mạnh rằng công việc của Dòng Thừa sai Bác ái cũng giống như công việc của những người làm công tác xã hội. Những người làm công tác xã hội làm việc với những người thiệt thòi, nhưng họ thường cố gắng thay đổi các vấn đề xã hội - nguyên nhân dẫn đến đói nghèo. Trong khi đó, Mẹ Teresa và hội của bà chủ động chung sống với người nghèo, và sống như người nghèo được họ xem là con đường tìm thấy Chúa, chứng kiến sự hiện hữu của Chúa và làm việc theo ý của Người.

Để gia nhập dòng, người phụ nữ phải hội đủ các điều kiện: khỏe mạnh cả về thể chất lẫn tinh thần; có nhiệt huyết và tinh thần học hỏi; có sự hiểu biết và tính tình vui vẻ. Đó là những phẩm chất giúp họ có thể làm việc được với người nghèo. Trước hết, những phụ nữ này sẽ sống thử trong hội một vài tuần hoặc vài tháng; điều này giúp họ có thể quyết định việc mình có thực sự có cơ duyên trở

thành một tu sĩ chính thức của Dòng Thừa sai Bác ái hay không. Một số người không thích nghi được với lối sống lặng lẽ, nghèo khó và gian khổ nên quyết định rời hội về lập gia đình. Những phụ nữ chọn con đường ở lại hiểu rằng họ sẽ phải cắt đứt mối quan hệ với gia đình mình. Họ hiếm có dịp được về thăm nhà, tuy rằng họ được thăm nhà định kỳ khoảng 10 năm một lần; trong trường hợp có các thành viên trong gia đình lâm bệnh nặng, họ được phép về thăm nhà. Thông thường, nếu một nữ tu nhận nhiệm vụ tại nước ngoài, họ sẽ được phép thăm các thành viên trong gia đình trước khi lên đường.

Khi gia nhập dòng, một phụ nữ trẻ sẽ có sáu tháng thử thách như một thỉnh sinh (aspirant) và theo sau đó là sáu tháng làm tập sinh (postulant). Giai đoạn này cũng là cơ hội để họ quyết định ra đi hay ở lại. Hai năm tiếp theo là thời kỳ sơ tu (novitiate); và đây là một cơ hội nữa dành cho ai muốn rời hội mà không cần phải xin đặc phép. Sau hai năm này, người sơ tu sẽ có lời khấn đầu tiên. Năm năm tiếp theo, họ sẽ là những nữ tu mới (juniorate); kể từ đó trở đi cứ mỗi năm một lần, họ sẽ phải nhắc lại lời khấn của mình để củng cố cam kết của mình với Chúa và hội. Đối với những người muốn rời bỏ hội; họ cần có đặc phép của người đứng đầu dòng tu. Từ năm thứ sáu họ bước vào giai đoạn thứ ba; trước khi có lời khấn cuối cùng, các nữ tu được về thăm gia đình để suy nghĩ về việc có sẵn sàng chấp nhận sống trọn đời là một thành viên trong Dòng Thừa sai Bác ái hay không. Khi được hỏi về những điều bà trông đợi ở các nữ tu của mình, Mẹ Teresa đáp rằng:

Hãy để Thiên Chúa tỏa ánh hào quang và sự sống của Người qua họ giữa cuộc sống những người nghèo khó. Hãy để những kẻ bệnh tật và khốn cùng nhìn thấy những thiên thần đích thực trong niềm an ủi và bình yên mà họ mang lại. Hãy để họ là bạn của trẻ đường phố... Tôi thà thấy họ vì lòng tốt mà phạm sai lầm còn hơn là làm những điều kỳ diệu với thái độ tàn nhẫn.^(*)

CUỘC SỐNG TẠI NHÀ MẸ

Ngày làm việc của các nữ tu Dòng Thừa sai Bác ái thường rất dài và vất vả. Sáng, họ dậy từ 4 giờ 40 phút và chào nhau bằng lời nguyện "*Benedicamus Domino*" (Cầu Chúa phù hộ cho chúng con!) và đáp lại "*Deo Gratias*" (Tạ ơn Chúa). Họ thay quần áo ngay tại giường với một tấm chăn trùm qua đầu, rồi xuống nhà lấy nước từ một cái thùng chứa ngoài sân rửa mặt, những hộp sữa bột bỏ đi được dùng làm ca mức nước. Sau đó họ đánh răng bằng tro trong bếp. Mỗi người có một miếng xà phòng nhỏ để tắm và giặt giũ. Từ 5 giờ 15 phút đến 6 giờ 45 phút, các nữ tu dự buổi cầu nguyện, tĩnh tâm và lễ Misa. Sau đó, họ tới sảnh ăn, mỗi người sẽ uống một cốc nước trước khi ăn sáng. Thời gian đầu, vào bữa sáng, họ không có trà để uống, thay vào đó họ dùng sữa bột. Khẩu phần cho bữa sáng là năm miếng *chapattis* (bánh tự làm từ bột mì hoặc các loại bột ngũ cốc khác và nướng mà không có men nổi)

* Trích: "*Faith and Compassion: The Life and Work of Mother Teresa*", tác giả Raghu Rai và Navin Chawla (Rockport, Mas.:Element, 1999), trang 47.

được phết bơ đã tinh lọc (*ghee*). Bánh chapattis cung cấp năng lượng chính cho họ trong ngày và tất cả đều phải ăn hết khẩu phần của mình; rất nhiều người cảm thấy ăn hết phần thức ăn đó còn khó hơn cả nhin ăn. Cha Henry từng kể lại, nhiều người khi mới gia nhập hội cứ đinh ninh rằng thực phẩm ở đây sẽ rất thiếu thốn và đây sẽ là một trong những khó khăn mà họ gặp phải. Nhưng, ngay trong bữa ăn đầu tiên, khi Mẹ Teresa đặt đĩa thức ăn trước mặt họ, họ không khỏi ngạc nhiên trước những đĩa thức ăn đầy ắp. Họ được bảo rằng phải ăn hết khẩu phần ấy và đó là trách nhiệm của họ. Mẹ Teresa thường nhắc nhở các thành viên rằng “*Chúa muốn những người vâng lời hơn là những người tự biến mình thành nạn nhân*”^(*). Ngoài thức ăn, mỗi người còn uống một viên thuốc bổ sung vitamin. Sau bữa ăn, các nữ tu sĩ nhanh chóng xuống các con phố lúc 7 giờ 45 phút và bắt đầu công việc của mình. Họ đi thành từng đôi để bảo đảm an toàn cho bản thân và có thể giúp đỡ lẫn nhau.

Trong phòng khách của Nhà Mẹ có một sơ đồ vẽ bằng tay liệt kê những hoạt động của các nữ tu. Những hoạt động này bao gồm: chăm sóc các em nhỏ, chương trình giáo dục và dinh dưỡng thường nhật; tuyên truyền kế hoạch gia đình; phân phát thuốc men; trạm xá cho người hủi; phòng phục hồi chức năng; nơi ở cho người vô gia cư, người tàn tật và thiếu năng; nơi ở cho những bà mẹ có con ngoài giá thú; nhà tế bần cho người bệnh và những

* Trích: “*Mother Teresa Calcutta: A Biography*”, tác giả Edward Le Joly (San Francisco: Harper & Row, 1977), trang 23.

người hấp hối. Có một cột riêng ghi tổng số cơ sở và tổng số người hưởng lợi ích từ những cơ sở từ thiện này. Bên cạnh đó là một bản đồ thế giới được ghim bằng đinh đỏ đánh dấu những khu vực mà Dòng Thừa sai Bác ái đã thiết lập cơ sở. Sau này, Dòng Thừa sai Bác ái tại Tây Âu và Hoa Kỳ cho phép các nữ tu đến thăm viếng các gia đình và các nhà tù. Tuy nhiên, các hoạt động của Dòng Thừa sai Bác ái chủ yếu tập trung ở Ấn Độ và các nước thuộc Thế giới thứ Ba. Ngoài việc đem đến cho người nghèo một nền giáo dục cơ bản và chăm sóc những người hấp hối, Dòng còn xây dựng nhiều nhà chung dành cho người nghiện rượu, người vô gia cư, tổ chức phát chẩn và xây dựng nhà tế bần cho bệnh nhân AIDS.

Buổi trưa, nhiều nữ tu trở về Nhà Mẹ cầu nguyện và ăn trưa. Bữa ăn của họ gồm năm muỗng cháo lúa mì và ba miếng thịt, nếu có, rồi họ làm ít việc nhà và nghỉ ngơi 30 phút. Sau đó, họ tiếp tục cầu nguyện và dùng trà với hai lát *chapattis* khô. Tiếp đến là nửa tiếng đọc kinh sách và nghe lời chỉ giáo của Mẹ Teresa. Rồi họ tiếp tục trở lại đường phố.

Sáu giờ tối, các nữ tu sĩ quay lại Nhà Mẹ cầu nguyện và dùng bữa. Bữa tối thường có cơm, *dhal* (một món cay được nấu với đậu lăng), cà chua, hành, nhiều loại gia vị và các loại rau củ khác. Trong khi dùng bữa, họ cũng đọc kinh sách trong khoảng 10 phút. Sau bữa tối, họ tập trung làm các công việc may vá. Ngoài ra, họ còn dành thời gian nghỉ ngơi thư giãn. Đây là khoảng thời gian duy nhất họ được phép nói chuyện về các chủ đề khác ngoài công việc.

Tín hiệu bắt đầu cho thời gian trò chuyện thư giãn này là câu "*Laudetur Jesus Christus*" (Hãy ca tụng Chúa Giêsu), các nữ tu sẽ đáp lại "*Amen*". Đây là khoảng thời gian họ có thể chia sẻ về tất cả những gì diễn ra trong ngày. Đến 10 giờ tối, một ngày của họ kết thúc và họ đi nghỉ.

Vì Chủ nhật thường là ngày bận rộn không kém gì các ngày trong tuần nên Mẹ Teresa chỉ định ngày nghỉ ngơi cho các nữ tu trong Nhà Mẹ là vào thứ Năm. Ngày này, các nữ tu có thể tập trung cầu nguyện và tĩnh tâm. Thời gian đầu, Mẹ Teresa thường dẫn nhóm đến nhà một vị bác sĩ ở Calcutta để mọi người có dịp nghỉ ngơi, thư giãn.

Công việc của các nữ tu sĩ đòi hỏi gặt gao về mặt thể lực. Ngày nào họ cũng có thể phải nhảy qua đường tàu hay rãnh nước, hoặc phải lội bì bõm qua những vùng nước tù đọng. Vào mùa mưa, lũ quét luôn là mối đe dọa đối với họ. Mẹ Teresa luôn căn dặn các nữ tu của mình phải luôn mang theo chuỗi hạt bên mình. Sau này, đơn vị họ dùng để đo quãng đường đã đi qua trong ngày không phải là số ki-lô-mét mà bằng số lần họ lần một chuỗi hạt. Khi đối mặt với những hoàn cảnh khó khăn hay kinh khủng, họ thường hát các bài thánh ca trong các thánh lễ trọng bằng tiếng La-tinh.

Mặc dù chủ trương sống cuộc đời nghèo khổ, nhưng đôi khi ngay cả những nhu cầu thiết yếu của các nữ tu cũng không được đáp ứng đầy đủ. Khi không có củi lửa để nấu nướng, họ phải ngâm lúa mì vào nước qua đêm và ăn sống. Có những lúc, họ phải bấm bụng dùng món cà ri

đăng để có cơ hội truyền giáo cho bộ lạc Mau Mau châu Phi. Bất kể sự hy sinh nào, các nữ tu này đều làm một cách tự nguyện với nụ cười luôn nở trên môi.

Nhưng, không phải ai cũng chào đón Mẹ Teresa và Dòng Thừa sai Bác ái của bà. Một số người nghèo khước từ sự giúp đỡ của các nữ tu vì cho rằng những nữ tu này đang cố lôi kéo họ gia nhập đạo Thiên Chúa. Một số khác chỉ đơn giản là không muốn bị thương hại. Với những người phụ nữ hiến dâng cả đời mình để phục vụ người nghèo, sự ghẻ lạnh cũng chờ đợi họ. Nhiều gia đình cảm thấy xấu hổ khi thấy con gái mình nhiệt tình giúp đỡ người nghèo và những người bị ruồng rẫy trong xã hội. Thậm chí, nếu tình cờ bắt gặp con gái hoặc chị em gái mình trên đường phố, họ cũng quay mặt làm ngơ. Nhiều bậc cha mẹ ra sức thuyết phục con gái mình rời khỏi hội, nhưng họ rất sững sốt khi thấy con gái không nghe lời mình.

HẠNH PHÚC TRONG NGHÈO KHÓ

Suốt những năm đầu mới thành lập Dòng, Mẹ Teresa luôn làm việc hết sức mình. Bà dậy sớm nhất và thường vẫn còn làm việc ngay cả khi các nữ tu đã đi ngủ hết. Dường như bà luôn có việc để làm, từ việc thuyết phục những người giàu có chia sẻ tài sản cho người nghèo đến việc quản lý các hoạt động hàng ngày trong Nhà Mẹ, hoặc ghi chép nhật ký của giáo đoàn. Bà dường như chẳng bao giờ mệt mỏi, luôn vui vẻ và sẵn sàng đón nhận những công việc tiếp theo. Đối với các thành viên của Hội, bà là một người kỳ diệu. Một nữ tu nói rằng, dường như hiến chương của giáo đoàn đang được thực hiện ngay trước

mắt họ. Mẹ Teresa trở thành tấm gương về sự hạnh phúc trong nghèo khó, một tấm gương lao động hết mình và đặt trọn niềm tin vào Chúa.

Đối với Mẹ Teresa, không có công việc nào là thấp hèn hoặc ghê tởm đến mức không thể đảm nhận. Một lần, một nữ tu cảm thấy khó chịu với ý nghĩ phải dọn toilet nên đã tìm cách lảng tránh. Không để ý tới sự hiện diện của nữ tu ấy, khi đi ngang qua, thấy toilet cáu bẩn, Mẹ Teresa liền xắn tay áo lên tự mình dọn dẹp. Mãi về sau, nữ tu ấy vẫn không quên được những gì mình chứng kiến, cô tự nhắc nhở bản thân phải dồn hết tâm trí hoàn thành tốt các nhiệm vụ.

Mẹ Teresa yêu cầu tất cả các nữ tu phải luôn tuân thủ mọi quy định của Dòng. Những ai không thể ăn hết khẩu phần năm miếng bánh *chapattis* trong bữa sáng thì sẽ không được xem là thành viên và buộc phải rời khỏi hội. Một yêu cầu nữa là họ phải luôn nói chuyện với nhau bằng tiếng Anh. Những người gia nhập Dòng mà vẫn chưa hoàn thành việc học tập của mình thì ngoài các công việc phải làm tại Nhà Mẹ, họ sẽ phải học cho đến nơi đến chốn.

Đôi lúc, các nữ tu còn phải hy sinh một số điều cấm kỵ trong văn hóa của mình. Chẳng hạn, nhận thấy giáo đoàn cần có người được đào tạo về y tế, Mẹ Teresa đã yêu cầu một số thành viên tham gia các lớp học tập, huấn luyện cho dù điều này nghĩa là họ phải làm việc rất gần với đàn ông. Tuy nhiên, các nữ tu sĩ vẫn tuân thủ cho dù điều đó

đồng nghĩa với việc họ bị khai trừ khỏi gia đình và truyền thống văn hóa của mình.

Mẹ Teresa không bao giờ yêu cầu các thành viên của mình làm những gì mà bản thân bà không làm. Bà làm việc cùng với họ và luôn quan tâm đến sức khỏe của họ. Bà cũng không ngừng tin tưởng rằng Chúa sẽ luôn ở bên cạnh và nâng đỡ tất cả. Lòng tin nơi Chúa cũng như sự hiến dâng cho Người của Mẹ Teresa và các nữ tu thường được đền đáp bằng những cách thức kỳ diệu. Một lần, khi họ cạn kiệt thức ăn thì có tiếng gõ cửa. Một người phụ nữ đứng bên ngoài, trên tay là những túi gạo nặng. Sau này người phụ nữ ấy kể lại với Mẹ Teresa rằng bà không hề có ý định đến đó, nhưng không hiểu điều gì mách bảo mà bà đã đem gạo tới.

Một lần khác, Cha Henry tới hỏi Mẹ Teresa một ít tiền để in tờ rơi. Bà tìm mãi mới được hai rupee và vui vẻ đưa cho Cha. Trước khi đi, ông chợt nhớ rằng mình có đem theo một lá thư cho bà. Sau khi mở lá thư, bà thấy trong đó là 100 rupee. Hoặc một lần nọ, khi một thành viên mới tới Nhà Mẹ, họ không còn chiếc gối nào dành cho cô; Mẹ Teresa đã nhường lại chiếc gối của mình, nhưng các nữ tu không đồng ý, họ bảo rằng bà cần gối để nghỉ ngơi. Mẹ Teresa vẫn khẳng khái muốn nhường lại chiếc gối, và đúng lúc đó, một người đàn ông người Anh xuất hiện với một tấm nệm. Ông chuẩn bị dọn đi và hỏi các nữ tu sĩ có cần dùng tới tấm nệm ấy hay không. Những điều ấy khiến Mẹ Teresa luôn tin tưởng vào sự phù hộ của Chúa và hoàn toàn phó mình cho Người.

Các nữ tu sớm nhận ra niềm vui tuyệt vời từ những điều bình dị giữa cuộc sống nghèo khó. Ví dụ, trong dịp lễ Giáng sinh đầu tiên của Dòng, một nữ tu kể lại rằng sáng hôm ấy khi thức dậy, họ thấy sảnh ăn được trang hoàng sẵn bằng giấy màu và bóng bay; mỗi vị trí đặt một túi giấy trắng trên bàn với tên của từng nữ tu. Trong mỗi túi là những lá thư gia đình họ gửi tới và quà tặng của Mẹ Teresa. Tất cả đều nhận được những cây bút chì. Một nữ tu nhớ lại rằng còn có cả một bánh xà phòng, một cái mắc áo, huy hiệu Thánh Christopher và Miraculous, kẹo và một quả bóng bay. Cô tâm sự rằng cô thực sự xúc động khi nhận được món quà và sự hào phóng của Mẹ Teresa đối với các thành viên trong giáo đoàn.

VUON RA BÊN NGOÀI

Tới năm 1953, công việc của Dòng Thừa sai Bác ái phát triển mạnh mẽ. Vào ngày 12 tháng 4, năm 1953, nhóm đầu tiên của Dòng tuyên khấn lần đầu tại Nhà thờ lớn ở Calcutta. Cũng trong thánh lễ này, Mẹ Teresa tuyên khấn lần cuối cùng làm một nữ tu trọn đời của Dòng Thừa sai Bác ái. Bà cũng thay Tổng giám mục Périer giữ vai trò là Mẹ Bề trên của Dòng. Mặc dù trước đây Tổng giám mục vẫn còn do dự trước những nỗ lực của Mẹ Teresa, nhưng giờ đây ông đã hoàn toàn ủng hộ bà, và giống như bao người khác, ông tin rằng bàn tay của Chúa đang làm việc tại thành phố này.

Sau này, hình ảnh Mẹ Teresa và các nữ tu của mình trở nên quen thuộc với mọi người trên đường phố Calcutta. Khi tiếng tăm của họ lan truyền rộng rãi, Mẹ Teresa thỉnh thoảng được mời đi nói chuyện về công việc của mình. Và kết quả là nhiều nhóm và tổ chức xã hội đã tình nguyện hỗ trợ công việc của Dòng Thừa sai Bác ái. Ít lâu sau, nhiều bác sĩ, y tá và cả người dân cũng hăng hái cống hiến thời gian và công sức của mình giúp đỡ người nghèo tại Calcutta. Khi số lượng tình nguyện viên y tế tăng lên, nơi phân phát thuốc chăm sóc người nghèo và người hấp hối cũng tăng theo. Mẹ Teresa còn mở rộng trường học tại các khu ổ chuột; tăng cường giáo viên. Ngày càng có nhiều trẻ em nghèo biết đọc và biết viết. Thậm chí cả chính quyền thành phố Calcutta cũng lên tiếng ủng hộ hoạt động của họ. Cứ khu vực nào có khoảng 100 học sinh theo học tại Dòng Thừa sai Bác ái, chính quyền thành phố sẽ cho xây dựng một ngôi trường nhỏ ở đó.

Mặc dù đã đạt được những bước tiến lớn, nhưng Mẹ Teresa vẫn cảm thấy bà và giáo đoàn chưa giúp được nhiều trước số lượng người nghèo không ngừng gia tăng. Sau khi Ấn Độ giành được độc lập, thực trạng xã hội trên toàn đất Ấn, mà cụ thể là tại Calcutta ngày càng tồi tệ. Dân cư đông đúc, nạn đói kém hoành hành khiến số lượng bệnh nhân tăng cao. Chính quyền thành phố gần như bất lực.

Trong thành phố có khoảng 3.000 khu ổ chuột với hơn hai triệu người cư ngụ. Không kiếm được chỗ ở, nhiều người phải sống vất vưởng bên đường ray xe lửa, trong

các hang cùng ngõ hẻm hoặc lây lất ngay trên đường phố. Các nhà tù cũng quá tải và bệnh viện phải từ chối nhận thêm bệnh nhân vì họ không còn một khoảng trống nào. Thậm chí với cả sự trợ giúp của các tổ chức từ thiện, chính quyền thành phố vẫn gặp khó khăn trong việc giải quyết vấn đề. Kết quả là những người bệnh tật và đói khát có thể chết gục bất cứ lúc nào, ở bất cứ nơi đâu. Đối với nhiều người, Mẹ Teresa và các nữ tu sĩ của bà là nguồn hy vọng nhỏ nhoi giữa chốn bể khổ trần gian.

HOẠT ĐỘNG CỦA DÒNG THỪA SAI BÁC ÁI

Trước những thay đổi đang diễn ra trong Giáo hội Thiên Chúa giáo La Mã, mà kết quả là sự ra đời của Công Đồng Vatican II^(*), dưới sự dẫn dắt của Giáo hoàng John

* **Công Đồng Vatican II** hay còn gọi là **Va-ti-ca-nô II** là công đồng đại kết (*ecumenical council*) của Giáo hội Công giáo La Mã, được Giáo hoàng John XXIII triệu tập ngày 01 tháng 10 năm 1962 và Giáo hoàng John VI kết thúc ngày 26 tháng 10 năm 1965. Công đồng này có 2.344 giám mục trên toàn cầu đến Vatican tham dự. Đây là công đồng thứ 21 và là công đồng lớn nhất trong lịch sử của Giáo hội Công giáo (Công đồng đầu tiên là Công đồng Giêrusalem. Đó là cuộc hội nghị của các Tông Đồ và những môn đệ khác của Đức Giêsu, vào khoảng năm 48-50). Thật đáng ngạc nhiên, từ phiên họp khai mạc của công đồng, có bốn vị sau này trở thành giáo hoàng, đó là: Hồng y Giovanni Battista Montini, tức là Giáo hoàng Phao-lô VI (kế vị Gioan XXIII); Giám mục Albino Luciani, tức Giáo hoàng John Paul I; Giám mục Karol Wojtyła, tức Giáo hoàng John Paul II; và linh mục Joseph Ratzinger, 35 tuổi, có mặt trong vai trò cố vấn thần học, là đương kim Giáo hoàng Benedict XVI (được bầu chọn ngày 19/04/2005, lễ đăng quang ngày 24/04/2005).

Một trong những hình ảnh nổi tiếng nhất thể hiện tinh thần của công đồng này là khi Giáo hoàng John XXIII trả lời câu hỏi tại sao cần triệu tập một công đồng, ông mở cửa sổ và nói: *"Tôi muốn mở lớn các cửa sổ Giáo hội để cho chúng ta nhìn ra được và công chúng nhìn vào được"*.

XXIII từ năm 1962 đến 1965, nhiều giáo đoàn gặp khó khăn trong việc xác định vị trí của mình trước một thế giới đầy biến động. Mục tiêu của Giáo hoàng là thổi vào giáo hội một sức sống mới. Ông cho rằng việc thay đổi các nghi thức hành lễ và những quy định mới trong việc quản lý các giáo đoàn sẽ là bước khởi đầu hiệu quả. Theo gương Công Đồng Vatican II, nhiều giáo đoàn không chỉ tiến hành thay đổi mà còn cố gắng làm cho các công việc

Cần biết thêm rằng, Công Đồng là một hội nghị gồm các Giám mục cùng một số chức vị trong Giáo hội chính thức nhóm họp với mục đích bàn luận và quyết định những vấn đề thuộc giáo lý hoặc quy luật của Giáo hội.

Thông thường, Công Đồng là một giải đáp của Giáo hội trước một khủng hoảng rõ ràng, chẳng hạn một lạc giáo hay một cuộc ly khai v.v. Thế nhưng vào năm 1959, người ta có cảm tưởng rằng Giáo hội không phải bận tâm về một khó khăn nào: không có lạc giáo, không có bách hại. Hơn thế, uy quyền Giáo hội lớn mạnh hơn lúc nào hết. Tuy nhiên, phải nhìn thẳng vào bề mặt của Giáo hội, người ta mới nhận thấy rằng hơn bao giờ hết, Giáo hội đang đương đầu với những vấn nạn cực kỳ khó khăn. Từ Va-ti-ca-nô I, thế giới đã đổi thay còn nhanh hơn 19 thế kỷ qua. Cuộc cách mạng khoa học và kỹ thuật đã có hấp lực hướng về viễn ảnh tương lai, mà đối với họ, hình như đang ở trong tầm tay. Con người đặt trọn niềm hy vọng của mình nơi thế giới vật chất này, vì đối với họ, những hứa hẹn của các tôn giáo đều tan vỡ. Nhưng đồng thời và hơn bao giờ hết, con người lại cảm thấy luôn bị đe dọa do chính những khám phá của họ: hiểm nguy tiêu diệt của bom nguyên tử, bầu khí thiếu lành mạnh và nhiễm độc của môi trường văn minh, chiến tranh liên miên...

Đang khi đó, các Kitô hữu, thành phần thiểu số của thế giới, lại chia rẽ hơn bao giờ hết. Giáo hội Công giáo đã mất đi những cơ hội truyền giáo hứa hẹn nhất, và đau đớn vì những rạn nứt nội bộ không ngừng xảy ra nơi các xứ Kitô giáo lâu đời.

Vì sự hiệp nhất Kitô hữu đã trở nên hết sức cần thiết. Nhưng sự hiệp nhất không thể đương nhiên thành tựu, mà trái lại chính người Kitô hữu phải bắt đầu và khởi sự đi dần tới hiệp nhất. Bởi vậy, cần phải thay đổi nhiều và "tự cải hóa"...

Những vấn đề trên là lý do để khai mở Công Đồng Vatican II.

liên quan đến tôn giáo trở nên có ý nghĩa và phù hợp hơn trong thế kỷ 20. Tuy nhiên, không phải ai cũng tán thành những thay đổi này; một số giáo đoàn vẫn thích duy trì cái cũ.

Bắt đầu từ thập niên 70 của thế kỷ 20, khi Giáo hội đưa ra những sửa đổi để phù hợp và dễ áp dụng, nhiều giáo đoàn bắt đầu có sự biến đổi sâu sắc. Một số giáo đoàn dành cho nữ giới thay đổi trang phục truyền thống - hoặc biến cải những bộ áo chùng nữ tu, hoặc bỏ hẳn. Nhiều nữ tu cho rằng để hòa nhập và phục vụ thế giới, họ nên mặc thường phục. Họ cho rằng việc bỏ lại sau lưng bộ áo chùng - bộ đồ thường bị coi là rào cản khi làm việc nơi công cộng - sẽ khiến người ta cảm thấy dễ gần hơn. Việc bỏ đồng phục tu hành cũng khuyến khích phát triển cá tính của các nữ tu trong hội, từ đó hy vọng tài năng cá nhân của họ cũng được phát huy. Một số hội thì giảm bớt các quy tắc khắt khe để thu hút thêm nhiều người gia nhập, đặc biệt là những phụ nữ có kinh nghiệm làm các công tác xã hội, y tế hoặc những ngành nghề cao cấp khác.

Nhưng, với Dòng Thừa sai Bác ái thì khác, Mẹ Teresa gần như không thực hiện bất cứ một sự thay đổi nào; thậm chí cho đến nay, nhiều phụ nữ trẻ vẫn sẵn sàng xin gia nhập Dòng với lời khấn nguyện trọn đời sống trong nghèo khó và phục vụ người nghèo. Mọi hoạt động của Dòng đều hướng đến một tư tưởng mang tính chất truyền thống, đó là vai trò chăm sóc của người phụ nữ và lối sống phụ thuộc vào người đàn ông. Đó cũng là lối sống mà một

người phải tự kìm nén những mong muốn cá nhân vì lợi ích chung. Quan niệm này có tầm ảnh hưởng lớn đối với văn hóa phương Tây - nơi mà hình ảnh người phụ nữ trong bộ áo chùng tu sĩ chăm sóc người bệnh và người nghèo được xem là biểu tượng về lòng bao dung, mặc dù thời hiện đại với sự phát triển của các phong trào phụ nữ, hình ảnh này đang ngày một phai mờ.

Cách Mẹ Teresa nói chuyện với các thành viên trong hội cũng củng cố cho tư tưởng này. Đối với Mẹ Teresa, bà và các nữ tu của mình là “những người hôn phối” của Chúa Giêsu, mối quan hệ giữa họ với Chúa là một cuộc kết hôn thần bí. Bà mô tả tình yêu mà Dòng Thừa sai Bác ái thể hiện với Chúa cũng giống như tình yêu giữa vợ chồng. Điều này trái ngược với cách hiểu của nhiều hội tôn giáo ngày nay. Với họ, ý niệm xem mỗi nữ tu giống như một cô dâu của Chúa không những hết sức lỗi thời, mà còn lỗi bịch.

Qua việc thiết lập Dòng Thừa sai Bác ái, Mẹ Teresa cũng tỏ rõ bà sẽ không chấp nhận việc các linh mục hoặc các thế lực bên ngoài can thiệp vào Dòng, cho dù với thiện ý tốt đẹp như thế nào chăng nữa. Bà bác bỏ bất kỳ lời khuyên nào về việc dạy các nữ tu của mình. Thái độ kiểm soát khắt khe ấy đã tạo ra những ảnh hưởng không nhỏ đối với hội. Mặc dù người ta có thể hiểu được việc không đặt ti-vi trong tu viện, nhưng người ta sẽ khó hiểu khi không thấy báo và tạp chí ở đây. Sự thật là trong tu viện có rất ít tài liệu để đọc. Mẹ Teresa cho rằng biết quá

nhiều những biến động bên ngoài sẽ khiến các nữ tu của bà sao nhãng tâm trí. Bà đặt hết niềm tin vào Chúa - người sẽ cho bà tất cả những gì cần biết. Sách dành cho các nữ tu sĩ đều mang nội dung tôn giáo, chẳng hạn như những cuốn viết về lòng mộ đạo hay về cuộc đời của các thánh. Trừ những nữ tu theo học ngành y, còn lại, Mẹ Teresa không muốn các nữ tu của mình nhận được thông tin hoặc được giáo dục nhiều hơn những người họ đang phục vụ - một sự trái ngược đáng ngạc nhiên so với nhiều giáo đoàn luôn khuyến khích các thành viên của mình theo học đại học hoặc các khóa đào tạo đặc biệt.

Thông lệ này gây nên nhiều lời chỉ trích trong Giáo hội. Một số người nói rằng giáo dục là cần thiết, không chỉ những kiến thức về thần học mà cả những kiến thức thế tục khác. Quan điểm về giáo dục của Mẹ Teresa đặc biệt khó hiểu vì bản thân bà rất coi trọng giáo dục. Có lẽ bà cho rằng giáo dục cũng giống như sự giàu có, đó là tài sản thế tục và là nguồn gốc của sự phù phiếm mà những người mộ đạo phải hy sinh vì sự vinh quang của Chúa.

Mẹ Teresa để lại dấu ấn ở hầu hết các phương diện của Dòng. Những đòi hỏi về kỷ luật theo lối cũ và sự phục tùng nghiêm khắc là quá mức chịu đựng của con người, xưa và nay. Một số người cảm thấy không thích vì luôn bị bắt phải làm điều này, điều nọ. Họ cảm thấy không thoải mái khi những người phụ nữ già đi và có thứ bậc cao trong hội vẫn phải duy trì mối quan hệ kẻ dưới - bề trên với Mẹ Teresa. Đối với nhiều người, điều này rõ ràng

không thích hợp, nó ngăn cản sự trưởng thành của các nữ tu sĩ. Một số thậm chí cảm thấy không thoải mái khi sử dụng từ “Mẹ”, vốn được Mẹ Teresa khuyến khích, vì nó thể hiện sự lệ thuộc vào Mẹ Teresa.

Tuy nhiên, có người lại bị thu hút vào Dòng Thừa sai Bác ái bởi vì họ không phải tự đưa ra những quyết định khó khăn mà lẽ ra một người trưởng thành phải làm. Cuộc sống bên trong Dòng là cuộc sống mà những người suy nghĩ đơn giản dễ thích nghi với sự khắt khe hơn những người có xu hướng luôn đưa ra câu hỏi và ham tìm hiểu. Điều này trái ngược với những gì xảy ra ở các dòng tu khác - nơi các điều luật không quá gắt gao và các nữ tu được phép tự ra quyết định nhiều hơn. Và thật trở trêu, chính những cải cách của Công Đồng Vatican II đã khiến số lượng tu sĩ giảm đi một cách rõ rệt. Từ con số kỷ lục gần một triệu nữ tu vào năm 1970, đến năm 1990, số lượng ấy đã giảm hơn một nửa. Ngày nay, số lượng tu sĩ tại các nước thuộc Thế giới thứ ba có xu hướng tăng lên trong khi số lượng tu sĩ tại phương Tây tiếp tục giảm.

SỐNG NGHÈO KHÓ

Một trong những thử thách lớn nhất mà Mẹ Teresa gặp phải, thậm chí còn tồn tại cho đến ngày nay đó là khó khăn trong việc cân bằng thực tế với lý tưởng. Bên cạnh nhiệt tâm giúp đỡ người nghèo, Dòng Thừa sai Bác ái còn đưa ra những lựa chọn khá kỳ quặc. Một lần, các nữ tu của bà đã dỡ bỏ lò sưởi ra vì họ cho rằng người nghèo không

có lò sưởi trong nhà. Một nữ tu của Dòng Sion cho rằng hành động đó là: “*cổ xúy nghèo khó*”, và rằng “*chúng ta học từ người nghèo, cách chúng ta đáp lại người nghèo thể hiện chúng ta cùng hoàn cảnh với họ... Tất nhiên, chúng ta có thể tự tước đi những quyền lợi của bản thân, nhưng khi đã có cơ hội được giáo dục tốt, có nghĩa rằng ta là một người giàu; chúng ta phải nhận ra điều đó và không giả vờ nghèo khó. Bạn có thể sống chung với người nghèo, nhưng bạn cũng cần có những suy nghĩ thực tế.*”^(*)

Mặc dù Mẹ Teresa và các nữ tu của bà sống hòa nhập với những người nghèo tại Ấn Độ và sau này là cả ở những nước thuộc Thế giới thứ ba, nhưng khi thiết lập các cơ sở hoạt động ở phương Tây, họ thường gặp những hoàn cảnh khác hẳn những gì từng gặp. Đây là giới hạn họ cần đồng nhất, nghĩa là họ phải hòa nhập như thế nào với người nghèo phương Tây, những người có nền văn hóa rất khác biệt so với những nước thuộc Thế giới thứ ba. Chẳng hạn, việc thiết lập một nơi tạm trú cho phụ nữ Hoa Kỳ, liệu các nữ tu có phải đảm bảo rằng những phụ nữ này không chỉ có được nơi ở và thực phẩm, mà họ còn được giúp làm các thủ tục hành chính gửi đến các tổ chức xã hội để tìm kiếm việc làm và các dịch vụ hỗ trợ khác? Dòng Thừa sai Bác ái sẽ nói không; đó là do lời tuyên thệ của họ không nhắc đến những công việc này, trong khi đó, nhiều giáo đoàn lại có thể đưa ra những quyết định khác.

* Trích: “*Mother Teresa: Beyond the Image*” (Mẹ Teresa: Trên cả hình tượng), tác giả Anne Sebba (New York: Doubleday, 1997), trang 169.

Một ví dụ về thái độ khát khe của Mẹ Teresa trước phương châm sống khổ hạnh của Dòng là: Tại San Francisco, họ được phân cho một tu viện cũ. Khi tới ngôi nhà, Mẹ Teresa không mấy hài lòng và nói với vị giám mục rằng ngôi nhà này quá lớn và sang trọng, không hợp với tôn chỉ của Dòng. Kết quả là các tấm nệm, thảm cùng nhiều đồ đạc khác bị vứt ra đường. Ấm đun nước nóng trong nhà cũng bị bỏ đi. Một số người trong Dòng cho rằng điều này lẽ ra nên được giải quyết một cách kín đáo và họ không hài lòng trước sự ầm ĩ này. Một lần khác, Mẹ Teresa quát mắng các nữ tu vì cất giữ cà chua hộp. Bà nói với họ rằng họ không được dự trữ thức ăn mà hãy trông cậy hoàn toàn vào Chúa.

LUẬN THUYẾT

Luận thuyết mà Mẹ Teresa đi theo thực ra xuất phát từ các giáo huấn của Giáo hội Công giáo trước khi Công Đồng Vatican II diễn ra. Luận thuyết này nhấn mạnh tầm quan trọng của linh hồn hơn thể xác; theo đó, linh hồn phải được quan tâm đến trước tiên. Quan điểm này đề cao sự vinh quang của gian khổ, trong khi thân xác con người thường bị coi là yếu đuối và tội lỗi. Các nhà lý luận thần học hiện đại đã thay đổi quan điểm này và nói rằng sức khỏe đóng vai trò quan trọng đối với cả thể xác lẫn linh hồn. Tôn vinh sự đau khổ không có ý nghĩa gì ngoài sự tàn nhẫn với chính mình. Chịu đựng đau khổ chỉ tốt khi có một mục đích nào đó và có khả năng biến thành một thứ gì đó đáng giá.

Đối với Mẹ Teresa thì ngược lại, bà coi sự đau khổ là con đường mà con người phải trải qua để có thể đến được thiên đường. Quan điểm này giúp giải thích tại sao những nơi như Nirmal Hriday, ngôi nhà dành cho những người hấp hối, được chọn. Bằng cách chăm sóc những người bệnh tật và đang hấp hối, Mẹ Teresa muốn đem đến sự khuây khỏa và niềm an ủi tinh thần thay vì sự hỗ trợ y tế. Thông lệ này có từ thời trung cổ khi các hội tôn giáo quản lý trại tế bần cho những người hành hương hoặc các điện thờ dành cho người nghèo. Nhìn chung, dịch vụ y tế còn rất hạn chế; những gì các nữ tu có thể làm là giúp những bệnh nhân hấp hối dọn mình trước khi về thiên đàng.

Đến thế kỷ thứ XIX, quan điểm này có một sự thay đổi lớn cùng với những nữ tu như Mẹ Mary Aikenhead - người sáng lập *Dòng Nữ tu Bác ái Ai-len* và là người đặt nền móng cho phong trào xây dựng nhà tế bần thời hiện đại dành cho những người nghèo trong cơn hấp hối. Nhiều người khác như Mẹ Bề trên Cicely Saunder hoặc Sơ Frances Dominica là những người đã góp phần thay đổi cái nhìn của mọi người đối với những người bệnh nặng hay đang hấp hối. Thành tựu của họ bị che khuất bởi tiếng tăm và sức ảnh hưởng của Mẹ Teresa và Dòng Thừa sai Bác ái. Tại Ấn Độ và các nước thuộc Thế giới thứ ba khác, có rất ít sự lựa chọn dành cho người chết. Điều này khiến thành tựu của Mẹ Teresa được đề cao tuy trong một số trường hợp bà cũng bị hiểu lầm. Đây là cách tiếp cận vấn đề khiến bà trở thành mục tiêu của sự chỉ trích trong nhiều năm sau này.

Mother Teresa: A Biography

Nhưng lúc bấy giờ, hầu hết những lời phê bình này đều vẫn chưa xuất hiện. Rõ ràng, Dòng Thừa sai Bác ái đã tạo tiếng vang lớn trong cộng đồng dân cư Calcutta. Đối với Mẹ Teresa, vẫn còn nhiều việc phải làm, bà và hội chị em mới bắt đầu công việc của mình.



Mẹ Teresa và Giáo hoàng John Paul II tại Calcutta, 1986. AP/Wide World Photos

Mẹ Teresa - Nguồn sáng từ trái tim



Mẹ Teresa đứng trên ban công lắng nghe các nữ tu sĩ của Dòng Thừa sai Bác ái hát tặng bà bài “Chúc Mừng Sinh Nhật”, tại Calcutta, ngày 26 tháng 8 năm 1990. AP/Wide World Photos



Mẹ Teresa cùng Ann Petrie và Jeanette Petrie – hai nhà làm phim tư liệu “Mẹ Teresa: Một Di Sản”, được chiêu tại lễ tuyên phước của bà.

Mother Teresa: A Biography



*Tượng Mẹ Teresa tại Skopje,
Macedonia, được khánh thành
ngày 5 tháng 9 năm 1999.
AP/Wide World Photos*

KALIGHAT

Vào một ngày mưa gió năm 1952, một cậu bé độ 13 - 14 tuổi đang nằm chờ chết trên phố gần một khu ổ chuột. Nhìn vẻ ngoài người ta có thể thấy cậu bé là một trong số rất nhiều trẻ ăn xin trên đường phố Calcutta. Nó nằm co ro, trần truồng và hốc hác, tay chân nó chẳng khác nào những thanh củi khô. Một người dân đã gọi xe đưa nó tới bệnh viện gần đó. Vốn đã quá tải nên bệnh viện từ chối giúp đỡ. Thế là cậu bé lại bị đưa ra và bỏ mặc bên một rãnh cống và nó chết lúc nào không ai biết. Hôm sau, chính quyền thành phố điều một chiếc xe tới chôn xác nó đi. Mặc dù tại Calcutta, người ta đã quá quen thuộc với những hình ảnh như thế nhưng khi một tờ báo địa phương viết lại câu chuyện này, người ta bắt đầu để ý nhiều hơn tới những người nghèo đang cận kề cái chết.

Những chuyện như vậy không còn mấy xa lạ đối với Mẹ Teresa. Trong những cuộc nói chuyện gần đây với công chúng về giáo đoàn của bà, bà cũng nhắc đến một

câu chuyện tương tự. Một ngày, khi bà và một nữ tu của mình vừa bắt đầu công việc, họ bỗng gặp một thứ trông giống như một mớ giẻ rách nằm bên vệ đường. Khi tới gần, họ bàng hoàng nhận ra rằng đó là một người phụ nữ trung niên đang nằm mê man, khuôn mặt đã bị chuột và kiến gặm mất một nửa.

Mẹ Teresa và nữ tu kia đưa người phụ nữ ấy đến bệnh viện gần nhất. Các y tá ở đó từ chối nhận bệnh nhân với lý do bệnh viện không còn chỗ trống. Khi Mẹ Teresa hỏi họ rằng bà có thể đem bệnh nhân đến đâu, họ bảo hãy đem người phụ nữ đó trả về chỗ cũ. Tức giận, Mẹ Teresa không chịu rời đi cho đến khi nào bà có được lời hứa rằng bệnh viện sẽ dành một chỗ cho người phụ nữ bất hạnh đó. Cuối cùng, những người quản lý bệnh viện đành cho phép bà để người phụ nữ sắp chết kia nằm trên một tấm đệm trên sàn nhà. Cô ấy chết sau đó vài tiếng, lúc ấy Mẹ Teresa vẫn ở cạnh bên. Sau này bà tâm sự rằng đó chính là lúc bà quyết định tìm một nơi để tự bản thân có thể chăm sóc những người hấp hối.

NGUYỄN CẦU MỘT MÁI ẤM

Một nữ tu kể lại: *“Từ lúc làm việc tại các khu ổ chuột, chúng tôi thường nhìn thấy những người sắp chết, hoặc đôi khi đã chết”*^(*). Những khi có thể, các nữ tu sẽ đưa họ tới bệnh viện, nhưng đa số trường hợp đều bị từ chối. Lúc

* Trích: *“Mother Teresa”* (Mẹ Teresa), tác giả Raghu Rai và Navin Chawla (Rockport, Mass.: Element, 1992), trang 159.

đó, họ chỉ còn cách bầu bạn và vỗ về cho đến khi người ấy trút hơi thở cuối cùng. Đã có lúc Mẹ Teresa thuê hai căn phòng trong khu ổ chuột Motijhl, mỗi căn giá năm rupee một tháng để làm việc này. Nhưng với diện tích vón vện chưa đầy một mét vuông, hai “căn phòng” chỉ có thể chứa được nhiều nhất hai hoặc ba người và chỉ còn lại một không gian vừa đủ để các nữ tu đứng chăm sóc người bệnh. Khi một bệnh nhân chết trong đêm, những bệnh nhân khác thường rất hoảng sợ. Không nản lòng, các nữ tu tiếp tục đưa người bệnh và những người sắp chết về để chăm sóc tại hai căn phòng nhỏ, đồng thời cầu xin ơn trên giúp họ tìm được một ngôi nhà lớn hơn phù hợp với nhu cầu của họ.

Mẹ Teresa cũng nhận ra rằng để tìm kiếm một ngôi nhà cho những người đang hấp hối, bà cần hành động nhiều hơn là chỉ biết cầu nguyện. Nghĩ thế, bà tìm tới Trưởng ban Y tế của thành phố, Bác sĩ Ahmed, giải thích rõ mong muốn của mình và xin được giúp đỡ. Vốn đã biết danh tiếng của Mẹ Teresa, vị bác sĩ suy nghĩ nghiêm túc về lời đề nghị của bà. Bằng cách này, Mẹ Teresa và các nữ tu của bà sẽ giúp giải quyết được phần nào gánh nặng mà thành phố Calcutta đang phải đối mặt.

Thế rồi Bác sĩ Ahmed đưa Mẹ Teresa đến xem xét ngôi nhà trước đây vốn được dùng làm nhà nghỉ cho những người hành hương đến Đền Kali - nữ thần tượng trưng cho sự chết và tái sinh của Hindu giáo. Thuộc quận Kalighat, ngôi đền nằm gần bờ sông Hooghly. Địa danh

này khá nổi tiếng với người Hindu vì họ thường tới đây thờ phụng. Theo truyền thuyết thì nữ thần Kali từng tự thiêu để lấy lại danh dự cho chồng là thần Shiva. Đau đớn trước cái chết của vợ, thần Shiva đã bồng vợ trên tay và đe dọa sẽ hủy diệt bất cứ nơi nào thần đi qua. Để cứu rỗi loài người, một vị thần khác - Vishnu, đã ném một chiếc đĩa vào xác của Kali. Xác Kali vỡ tan, rơi thành từng mảnh xuống vùng đất mà giờ đây được coi là đất thánh.

Trong khu thánh địa, nơi linh thiêng nhất là nơi các ngón chân phải của thần Kali rớt xuống. Tại đây, một ngôi đền thờ vị nữ thần đã được dựng lên. Cùng với thời gian, ngôi đền được bao bọc bởi các dãy phố theo hình của vị thần và trở thành một trung tâm thờ phụng của người Hindu trên khắp Ấn Độ. Có những người tới để hoàn thành một lời thề; có những người tới cầu xin khỏi bệnh, lại có những người tới để tổ chức các buổi lễ như lễ đặt tên cho con, cưới xin, hay lễ hỏa táng tại một trong những lò thiêu nằm gần ngôi đền. Đền thờ thần Kali có tầm quan trọng đến mức nhiều người Hindu ước mong được hỏa thiêu tại đây khi chết đi.

Ngôi nhà mà Bác sĩ Ahmed dẫn Mẹ Teresa đến gồm hai phòng lớn nằm vuông góc nhau và nối với nhau bằng một hành lang nhỏ. Trước đó, các quan chức Calcutta đã nhận được rất nhiều lời phàn nàn về những người chiếm dụng ngôi nhà. Họ hy vọng sẽ có ai đó đến cai quản nơi này và bảo vệ nó trước tình trạng xuống cấp trầm trọng. Ngoài những căn phòng lớn và thoáng, căn nhà còn có

điện, ga để nấu nướng và một sân rộng bên trong để bệnh nhân có thể hít thở không khí trong lành, đón ánh nắng mặt trời, phơi phóng quần áo và tắm trái giường. Mẹ Teresa quyết định nhận căn nhà. Vị bác sĩ đại diện chính quyền thành phố đồng ý để bà sử dụng tạm thời. Sau này, khi được hỏi tại sao bà lại nhận căn nhà ấy; bà giải thích rằng vì căn nhà đó gắn liền với ngôi đền Hindu nổi tiếng, đây là nơi những người hành hương thường nghỉ lại, do đó những người sắp chết cũng sẽ được nghỉ ngơi tại đây trước khi bước vào hành trình cuối cùng – hành trình về thiên đường. Mẹ Teresa cùng một số nữ tu và tập sinh nhanh chóng bắt tay vào việc. Nơi này cần được dọn dẹp sạch sẽ từ trên xuống dưới trước khi đón người mới đến.

NIRMAL HRIDAY

Vào ngày 22 tháng 8 năm 1952, ngôi nhà nghỉ dành cho người hành hương được mở cửa với tên gọi là Nirmal Hriday, theo tiếng Bengal nó có nghĩa là Trái tim Thanh khiết. Vì ngôi nhà mở cửa vào ngày lễ kính *Trái tim Thanh khiết Đức Mẹ Maria*, nên ngôi nhà được đặt tên để tưởng nhớ Đức Mẹ. Để chuẩn bị cho những bệnh nhân sắp được chuyển vào, các nữ tu mắc võng và trải đệm ở cả hai phòng lớn, mỗi phòng có thể chứa đến 30 người, một phòng dành cho nam giới và một phòng cho nữ giới. Mẹ Teresa và những người phụ tá không có nhiều thời gian để ngắm nghía món quà vừa được Chúa ban tặng. Họ bắt tay ngay vào tìm kiếm những người bệnh tật khốn khổ,

không nơi nương tựa đang sống vất vưởng trên đường phố.

Ngay từ đầu, Mẹ Teresa đã đưa ra một số quy định cho Nirmal Hriday. Họ sẽ không nhận các bệnh nhân hủi nhằm giảm bớt nỗi lo sợ cho các bệnh nhân khác để họ không từ chối sự giúp đỡ hoặc bỏ trốn. Mẹ Teresa cũng nói rằng những quy định này sẽ làm giảm bớt nỗi lo sợ cho cư dân địa phương và những người hành hương. Tại Nirmal Hriday, tất cả mọi người, bất kể sự khác biệt về tôn giáo, sắc tộc đều được chào đón. Mẹ Teresa cũng quy định rằng chỉ có những bệnh nhân bị các bệnh viện thành phố từ chối mới được nhận vào Nirmal Hriday; có điều số bệnh nhân dạng này khá nhiều. Chẳng bao lâu sau, xe cứu thương của thành phố bắt đầu đưa những bệnh nhân bị các bệnh viện từ chối tới trước cửa Nirmal Hriday. Trong khi đó, Mẹ Teresa và các nữ tu vẫn tiếp tục tìm kiếm những người bệnh và hấp hối trên đường phố rồi dùng xe cút kít đẩy họ về.

Tất cả các bệnh nhân được đưa tới Nirmal Hriday đều được chăm sóc ngay lập tức. Những người bệnh nặng không thể cứu chữa sẽ nhận được nghi lễ cuối cùng theo tín ngưỡng của họ. Chẳng hạn, với người Hindu, họ sẽ được bôi lên môi một ít nước sông Hằng được lấy ở gần đó. Với những tín đồ Hồi giáo, họ sẽ được đọc một đoạn Kinh Koran. Với những người theo đạo Thiên Chúa, họ sẽ được xưng tội và xúc dầu thánh. Nếu như việc khỏi bệnh là lý do để họ tỏ lòng biết ơn thì mục đích chính của Nirmal Hriday lại là đem đến cho những người sắp

chết một cơ hội ra đi trong yên bình và danh dự. Như Mẹ Teresa từng nói: *“Cái chết đẹp là cái chết dành cho những người từng sống một cuộc đời thấp hèn nhưng ra đi như một thiên thần – được yêu thương và chăm sóc”^(*)*.

MỘT SỨ MỆNH BỊ PHẢN ĐỐI

Nhưng không phải ai cũng hài lòng với việc thành lập Nirmal Hriday. Mặc dù Mẹ Teresa tin rằng vị trí gần ngôi đền của ngôi nhà sẽ có lợi cho những người sắp chết nhưng cư dân địa phương và khách viếng thăm ngôi đền lại không nghĩ thế. Nhiều người cho rằng căn nhà với những người sắp chết ở đó sẽ làm ô uế khu thánh địa. Theo như Cha Van Exem thì hoàn cảnh của họ thật trở trêu. Mặc dù ngôi nhà dành cho những người hấp hối nằm gần đền thờ vị thần chết nhưng *“người ta lại không muốn những người sắp chết được tới đó để chết”^(**)*. Nhiều ngày liền, Mẹ Teresa và các nữ tu phải đối mặt với những người phản đối giận dữ chỉ muốn đuổi họ đi. Có lần, những người này còn ném đá vào các nữ tu. Thậm chí Mẹ Teresa và các nữ tu của bà không ít lần bị đe dọa tính mạng. Một lần trên đường về nhà, Mẹ Teresa bị một người đàn ông chặn đường dọa giết. Không hề sợ hãi, bà bình tĩnh bảo rằng nếu ông ta giết bà thì bà sẽ được về nước Chúa sớm hơn. Thế là ông ta để bà đi.

* Trích: *“Mother Teresa”*, tác giả Kathryn Spink (San Francisco: Harper & Row, 1997), trang 55.

** Trích: *“Mother Teresa”*, tác giả Raghu Rai và Navin Chawla (Rockport, Mass.: Element, 1992), trang 160.

Những người Hindu khác phản nản rằng bằng cách chăm sóc các bệnh nhân Hindu, Mẹ Teresa và các nữ tu sĩ đang cố gắng cải đạo cho những người sắp chết để họ theo Thiên Chúa giáo. Nhiều người Bà La Môn (tầng lớp trên trong xã hội Ấn Độ), các thầy tu tại ngôi đền, thường xuyên viết thư gửi chính quyền thành phố Calcutta phản nản về Nirmal Hriday, yêu cầu chính quyền trục xuất những người cư ngụ trong đó. Họ nói rằng thỏa thuận với Mẹ Teresa chỉ là tạm thời, và rằng bà và các bệnh nhân của mình phải rời khỏi khu vực đó càng sớm càng tốt.

Cuối cùng, Bác sĩ Ahmed cùng một viên cảnh sát tới Nirmal Hriday để tận mắt chứng kiến chuyện gì đang xảy ra. Khi bước vào ngôi nhà, họ thấy Mẹ Teresa đang gấp từng con giời ra khỏi da thịt của một bệnh nhân. Mùi hôi thối nồng nặc khiến hai người phải cố gắng lắm mới có thể ở lại căn phòng. Sau đó, Bác sĩ Ahmed nghe thấy Mẹ Teresa bảo người bệnh đọc lời cầu nguyện theo tín ngưỡng của ông ta, còn bà thì đọc lời cầu nguyện của bà. Bà nói, cả hai lời cầu nguyện ấy sẽ làm nên một điều gì đó tốt đẹp. Khi bà quay lại và nhìn thấy hai người đàn ông, bà mời họ đi tham quan ngôi nhà. Viên cảnh sát với gương mặt đầy nước mắt, từ chối, nói rằng ông chẳng cần phải chứng kiến thêm nữa. Khi quay trở lại đám đông đang la ó bên ngoài, viên cảnh sát nói với họ rằng ông sẽ đưa Mẹ Teresa ra khỏi căn nhà với điều kiện những người phụ nữ quanh đó phải vào tiếp tục công việc của bà. Mặc dù cuộc viếng thăm của Bác sĩ Ahmed có làm tình hình dịu đi đôi chút, nhưng thái độ thù nghịch đối với ngôi nhà

và các nữ tu vẫn tồn tại, đặc biệt là từ phía các giáo sĩ Bà La Môn. Họ tiếp tục khiếu nại chính quyền yêu cầu giải tán Nirmal Hriday.

Rồi một ngày nọ, một thầy tu của ngôi đền, một trong những người từng chỉ trích Mẹ Teresa nặng nề nhất, ngã bệnh. Ông ấy nôn ra máu và được chẩn đoán bị lao giai đoạn cuối và không bệnh viện nào nhận chữa trị. Thế rồi chính ông ấy tìm tới Nirmal Hriday. Ông ấy được sắp xếp một chỗ nằm trong góc và được các nữ tu chăm sóc tận tình. Không lâu sau đó, thầy tu này qua đời. Khi các thầy tu Bà La Môn khác biết được cách chăm sóc, đối xử của những người của Dòng Thừa sai Bác ái với vị thầy tu nọ, thái độ thù nghịch của họ lắng xuống. Họ nhận ra điều mà nhiều người khác cũng đang nhận ra: các nữ tu tại Nirmal Hriday chăm sóc tất cả những ai tới đó bằng tất cả tình yêu thương và lòng nhân ái mà không hề đòi hỏi sự đáp đền.

CUỘC SỐNG TẠI NIRMAL HRIDAY

Cũng giống như ở Nhà Mẹ trên đường Lower Circular, sinh hoạt hàng ngày tại Nirmal Hriday có một thời gian biểu riêng. Bất kỳ ai cũng có thể bước vào cánh cổng của Nirmal Hriday. Hai căn phòng lớn được chia làm hai khu vực: một cho nam giới, một cho nữ giới. Một tấm bảng đơn giản được treo trong sảnh liệt kê số lượng bệnh nhân nam và nữ đang được điều trị tại Nirmal Hriday. Thời gian đầu, bệnh nhân phải nằm trên nền nhà lát đá đen.

Mother Teresa: A Biography

Tuy nhiên, chẳng bao lâu sau, mỗi căn phòng đã được kê các giường sắt thấp, xếp thành ba dãy, cộng với hai dãy trên một bệ của sàn nhà. Phía trên mỗi giường là một con số được sơn trên tường để các nữ tu dễ theo dõi bệnh nhân. Những bệnh nhân cần được truyền nước biển có các ống tĩnh mạch nối với nhiều bình khác nhau. Những bệnh nhân sắp chết được đặt gần lối ra vào để các nữ tu có thể chăm sóc họ tốt hơn. Nirmal Hriday khá yên tĩnh. Âm thanh duy nhất người ta nghe thấy là tiếng bước chân đi lại chăm sóc người bệnh của các nữ tu. Phía cuối sảnh là một tấm rèm bằng vải bố; phía sau là xác những người đã chết chờ đưa đi chôn cất. Nhiều trường hợp, sau khi bệnh nhân chết, các nhóm tôn giáo địa phương đại diện các cộng đồng tôn giáo như Hồi giáo, Hindu, hoặc Thiên Chúa giáo sẽ tới nhận xác để có thể chôn cất họ theo đúng tín ngưỡng của từng người.



Nirmal Hriday khá yên tĩnh. Âm thanh duy nhất người ta nghe thấy là tiếng bước chân đi lại chăm sóc người bệnh của các nữ tu.

Từ ngày Nirmal Hriday mở cửa, Mẹ Teresa luôn ghi chép tỉ mỉ số lượng bệnh nhân ra vào. Khi có bất cứ bệnh nhân mới nào, tên tuổi và địa chỉ của họ đều được ghi lại; việc bệnh nhân xuất viện hoặc qua đời cũng được ghi. Với những trường hợp không tên tuổi hoặc địa chỉ, các mục đó được ghi là “Không xác định” cùng với ngày tháng nhập viện. Qua nhiều năm, cùng với ý thức giữ gìn vệ sinh và chế độ dinh dưỡng của dân chúng được nâng lên, thêm vào đó là nhiều bệnh viện và trạm xá cho người nghèo được xây dựng, tỉ lệ tử vong tại Nirmal Hriday đã giảm từ 50% xuống còn 10%.

Tiếng tăm của Nirmal Hriday nhanh chóng lan rộng, nhiều tình nguyện viên tìm tới hỗ trợ Mẹ Teresa và các nữ tu. Những người Hindu hành hương đến ngôi đền giờ đây cũng quyên góp cho Nirmal Hriday. Một doanh nhân địa phương tháng nào cũng cử một cậu bé mang thuốc lá Ấn Độ (còn gọi là *bidis*) đến, đôi khi ông cũng tự tay mang tới. Vào Chủ nhật, một số người giàu có ở Calcutta cũng tới Nirmal Hriday để tắm rửa và cạo râu cho các bệnh nhân. Nhiều tình nguyện viên tới giúp rửa vết thương, cắt tóc cho bệnh nhân, hoặc cho bệnh nhân ăn. Những người khác thì lau dọn bằng một hỗn hợp gồm nước, tro và chất khử trùng. Hầu hết những người từng đến thăm Nirmal Hriday sau khi về đều cảm thấy mình thay đổi hẳn. Đối với Mẹ Teresa, những trải nghiệm như vậy rất cần thiết để hiểu được cảnh ngộ khốn khổ của người nghèo. Bà nói với những người mới tới: “Đừng chỉ đứng nhìn như một khán

giả, hãy thực sự tìm hiểu bằng tai và mắt, các bạn sẽ biết mình có thể giúp được gì.”()*

Mẹ Teresa cũng quy định rằng tất cả từ nữ tập sinh đến các nữ tu chính thức đều phải làm việc. Công việc ở đây hết sức nặng nhọc. Họ phải đảm nhận vai trò của bác sĩ, y tá, phu khuân vác và người phục dịch vào bất cứ lúc nào. Ngày làm việc của họ dài 18 tiếng đồng hồ và được xem là bình thường. Vì luôn có việc cần làm như cho bệnh nhân uống thuốc, tắm rửa, cho bệnh nhân ăn hoặc cầu nguyện nên họ có rất ít thời gian để nghỉ ngơi. Óc hài hước là cần thiết vì giúp họ đối mặt với đau khổ và chết chóc. Rất ít người trong số họ phàn nàn và điều đáng ngạc nhiên hơn nữa là rất nhiều thành viên của Dòng Thừa sai Bác ái đã chủ động xin được làm việc tại Nirmal Hriday.

SỨ MỆNH KHÔNG NGỪNG NGHỈ

Mặc cho tất cả những gì Mẹ Teresa đã làm, vẫn còn một số người giữ thái độ giận dữ trước sự hiện diện quá gần của bà với ngôi đền Hindu. Một thành viên trong hội đồng thành phố Calcutta khởi xướng phong trào kêu gọi di chuyển ngôi nhà tới một địa điểm thích hợp hơn. Các quan chức thành phố tranh cãi về vấn đề này và cuối cùng đồng ý rằng, ngay khi tìm được một địa điểm thích hợp cho Nirmal Hriday, họ sẽ di dời ngôi nhà. Tuy nhiên, hầu

* Trích: “*Mother Teresa*”, tác giả Kathryn Spink (San Francisco: Harper & Row, 1997), trang 57.

hết các quan chức thành phố đều vui mừng trước việc làm của Mẹ Teresa nên họ có xu hướng xoa dịu lời phàn nàn. Và vì họ không muốn Mẹ Teresa rời đi nên chẳng ai buồn đề xuất một địa điểm mới cho Nirmal Hriday. Ngôi nhà vì vậy vẫn tiếp tục hoạt động cho đến ngày nay.

Hầu hết các bệnh nhân tại Nirmal Hriday thường rơi vào hai trường hợp: hoặc được tìm thấy sắp chết trên đường phố, hoặc vô gia cư hay từng quần bị gia đình hắt hủi, đặc biệt là những người già đau ốm. Đối với trường hợp có gia đình, nếu bệnh nhân lớn tuổi hồi phục, các nữ tu sẽ nỗ lực hết sức để họ đoàn tụ với gia đình. Còn đối với các bệnh nhân bị gia đình bỏ mặc, sau này họ được đưa tới Prem Dan, một ngôi nhà được xây dựng vào năm 1975 dành cho người già từng quần và những người bệnh có nhiều khả năng phục hồi. Bất kể bệnh nhân thuộc hoàn cảnh nào, các nữ tu luôn cố gắng không bao giờ từ chối khi người ấy cần sự giúp đỡ.

Kể từ khi được mở cửa (năm 1952) cho đến nay, Nirmal Hriday đã cứu giúp được hơn 54.000 người trên khắp các đường phố. Một nửa số đó đã chết trong ngôi nhà yêu thương này. Mặc dù tỉ lệ tử vong 50% là cao, vì Nirmal Hriday vốn là ngôi nhà dành cho những người hấp hối, nhưng ở một khía cạnh nào đó, phải nói Mẹ Teresa và Dòng tu của bà đã thành công trong việc xây dựng một mái ấm dành cho những người không nơi nương tựa để họ có thể về với Chúa trong sự thanh thản. Căn nhà cũng được xem là một trong những biểu tượng nổi bật

của phương Tây cho thấy những đóng góp của Mẹ Teresa và những gì bà đã làm. Sau này bà viết: *“Trong trái tim tôi chứa đựng những ánh nhìn cuối cùng của những người đang hấp hối, từng giây xa dần cõi đời này. Tôi làm tất cả những gì có thể để họ cảm nhận được tình yêu vào giây phút quan trọng nhất khi sự tồn tại vô ích của họ có thể được cứu rỗi”*^(*).

NHỮNG CHỈ TRÍCH BAN ĐẦU

Chẳng bao lâu khi những lời chỉ trích về Nirmal Hriday dội xuống, thì những lời bàn tán về Mẹ Teresa lại rộ lên. Suốt nhiều năm liền, bà bị những lời chỉ trích ấy đeo bám. Cùng với số lượng người gièm pha tăng lên, những cuộc tranh luận về tính cách và thái độ của bà đối với những vấn đề gây nhiều tranh cãi như phá thai và kế hoạch hóa gia đình cũng trở nên căng thẳng hơn. Khi số tiền quyên góp cho Dòng tăng lên, Mẹ Teresa bỗng trở thành tâm điểm của sự chú ý vì đã nhận những khoản đóng góp từ “những kẻ đáng ngờ”.

Một trong những người đầu tiên đặt câu hỏi với Mẹ Teresa về việc quản lý Nirmal Hriday là Marcus Fernandes - một sinh viên trẻ đang theo học ngành y. Trước khi tới Nirmal Hriday, Fernandes biết khá rõ về Mẹ Teresa và công việc của bà. Chị của anh đã học tại Loreto, và qua cô ấy, anh nắm được nhiều thông tin về Dòng Thừa sai Bác ái.

* Trích: *“Mother Teresa: In My Own Words”*, tác giả Mẹ Teresa cùng Jose Luis (New York: Gramercy Books, 1996), trang 70.

Mặc dù khi đó anh còn thiếu kinh nghiệm và kiến thức về y khoa, nhưng Fernandes vẫn cảm thấy không hài lòng trước cách làm và các hoạt động chữa trị tại Nirmal Hriday. Anh góp ý với Mẹ Teresa những việc bà nên làm để có thể cải thiện khả năng sống sót cho bệnh nhân. Theo Fernandes, vấn đề lớn nhất tại Nirmal Hriday không phải là ung thư, bệnh lao hay bệnh tim, mà là vấn đề suy dinh dưỡng. Fernandes nói rằng cho bệnh nhân ăn cơm kèm theo uống vitamin bổ sung sẽ làm tăng khả năng sống sót của họ. Anh cũng góp ý về những cách chẩn đoán mới và nên dành một khu vực riêng để bệnh nhân được khám một cách kỹ lưỡng hơn. Những ý kiến của anh đã không thuyết phục được Mẹ Teresa. Sau này, Patricia Fernandes, người vợ góa của anh, nhớ lại: “Ông ấy đã không thể thuyết phục bà kết hợp việc chữa trị với bổ sung vitamin. Bà ấy không muốn các bệnh nhân của mình bình phục mà chỉ mong họ chết để nói một câu nhẹ tênh rằng: ‘Ôi, thế là một linh hồn nữa được về với Chúa’. Bà ấy không quan tâm đến y học!”^(*).

Một số người từng đến thăm hoặc làm việc tại Nirmal Hriday nói rằng Mẹ Teresa có vẻ đứng đưng trước cái chết của người khác. Một người khách kể lại, khi các nữ tu sĩ nhờ Mẹ Teresa cố gắng cứu sống một cậu bé 16 tuổi, bà chỉ đơn giản cầu nguyện cho cậu bé rồi nói: “Đừng lo, hôm nay là một ngày tuyệt đẹp để lên thiên đường”^(*). Một nữ tình nguyện viên, khi đó đang dẫn đo về việc gia

* Trích: “Mother Teresa: Beyond the Image”, tác giả Anne Sebba (New York: Doubleday, 1997), trang 60.

nhập Dòng, giúp một phụ nữ trẻ bị bệnh tim vào Nirmal Hriday. Nhưng, Mẹ Teresa đã nói với cô ấy rằng bà không thể làm gì hơn, và việc người phụ nữ trẻ kia sống hay chết phụ thuộc hoàn toàn vào Chúa.

Bác sĩ Fernandes từng có hai năm làm việc tại Nirmal Hriday, trước khi rời đến Luân Đôn để hoàn thành nốt khóa đào tạo của mình, ông quay lại Ấn Độ và một lần nữa muốn giúp đỡ Mẹ Teresa. Nhưng ông cảm thấy thất vọng khi thấy Nirmal Hriday vẫn thế, chẳng có gì thay đổi ngoại trừ một số thứ trở nên tệ hại hơn trước. Một lượng tiền lớn đã được quyên góp cho Nirmal Hriday và bị sử dụng lãng phí. Các trang thiết bị ở đây cần được nâng cấp. Fernandes giận dữ khi thấy chiếc máy chụp X quang đang bị rỉ sét chẳng khác nào một đồng sắt vụn. Khi ông nói chuyện với Mẹ Teresa về vấn đề này, bà bảo rằng không có ai đào tạo họ cách sử dụng. Bác sĩ Fernandes tiếp tục quay lại gặp Mẹ Teresa, nhưng sau khi bà từ chối trả tiền khi ông chữa trị một căn bệnh ngoài da đã ám ảnh bà, ông cắt đứt quan hệ với bà. Tuy nhiên, ông vẫn tiếp tục dành thời gian và công sức phục vụ cho các tổ chức từ thiện và truyền giáo khác tại Calcutta. Khi được hỏi về Mẹ Teresa, ông không bao giờ thay đổi cách nhìn của mình. Đối với ông, bà là một người phụ nữ bảo thủ và cực kỳ nhẫn tâm^(*).

Một người khác lên tiếng chỉ trích Mẹ Teresa là Major E. John Somerset - một bác sĩ nhãn khoa người Anh. Ông

* Trích: "*Mother Teresa: Beyond the Image*", tác giả Anne Sebba (New York: Doubleday, 1997), trang 61.

làm việc tại Bệnh viện Đại học Y khoa Calcutta từ năm 1939 đến năm 1961. Những năm đầu thập niên 1950, khi Mẹ Teresa và Dòng Thừa sai Bác ái mới được biết đến, Bác sĩ Somerset từng bỏ thời gian giúp đỡ ở năm hoặc sáu ngôi nhà từ thiện dành cho người già và bệnh tật tại Calcutta. Ông nhanh chóng nhận được những cuộc viếng thăm thường xuyên của Mẹ Teresa cùng với những bệnh nhân bà tìm thấy trên phố đang cần được chữa trị. Rất nhiều trường hợp Bác sĩ Somerset điều trị là những đứa trẻ bị thiếu vitamin A trầm trọng đến nỗi giác mạc của chúng hồng dần. Mặc dù Somerset hứa với Mẹ Teresa rằng ông sẽ khám cho bất cứ trường hợp nào có thể, nhưng ông cũng yêu cầu bà cho ông biết trước và đừng tới khi ông đang khám cho những bệnh nhân quen thuộc của mình. Nhưng, Somerset bắt đầu thấy nản lòng khi Mẹ Teresa chẳng để ý gì tới yêu cầu của ông mà vẫn tiếp tục đem bệnh nhân tới mà không hẹn trước. Cách cư xử đó làm ông đi đến kết luận rằng bà là một người gây phiền hà và khó chịu.

Một tình nguyện viên khác, Sue Ryder, từng làm y tá trong Chiến tranh Thế giới II, cũng có điều không hài lòng về Mẹ Teresa. Khi Ryder cùng chồng tới Ấn Độ, bà thường cùng Mẹ Teresa viếng thăm các khu ổ chuột. Bà đặt vấn đề với Mẹ Teresa về việc sáp nhập Dòng Thừa sai Bác ái với tổ chức từ thiện của riêng bà, nhưng bị từ chối thẳng thừng. Khi Ryder đề nghị nên tăng cường số người làm việc ban đêm vì khi đó là thời gian bệnh nhân cần được chăm sóc và an ủi nhất, Mẹ Teresa đã từ chối xem

xét đề nghị này với lý do: buổi tối các nữ tu của bà phải quay trở về tu viện để cầu nguyện và nghỉ ngơi, chuyện đó không cần bàn cãi gì thêm.

NGƯỜI ANH VÀ TỘI ÁC THỰC DÂN

Những lời phàn nàn về Mẹ Teresa không mấy ảnh hưởng đến thiện chí của những người muốn giúp đỡ bà và giáo đoàn. Cụ thể là trong cộng đồng người Anh theo đạo Thiên Chúa sống tại Calcutta, không ít phụ nữ đã tình nguyện đi vận động quần góp tiền, đồ chơi, thực phẩm và quần áo cho các bệnh nhân của bà, đặc biệt là cho trẻ em. Một nữ tình nguyện viên người Anh, Ann Blaikie, đã đứng ra tổ chức các đợt quần góp và có những buổi nói chuyện với các tổ chức của thành phố cũng như một số nhóm khác về hoạt động của Dòng Thừa sai Bác ái.

Theo như Anne Sebba, một trong những người nghiên cứu tiểu sử Mẹ Teresa thì thái độ của người Anh, đặc biệt là phụ nữ Anh, đóng một vai trò quan trọng đối với những thành công ban đầu của bà. Nhiều người trong số họ sống tại các khu biệt lập và giàu có ở Calcutta, là thành viên của một đoàn hội nào đó và chỉ giao lưu, quan hệ nội bộ với nhau. Đối với người Bengal, họ chỉ dừng lại ở mối quan hệ công việc. Một số người Anh từng sống tại Ấn Độ trước và sau khi đất nước này giành được độc lập tin rằng Mẹ Teresa đã giúp họ đền đáp lại cho xã hội vì cuộc sống đặc quyền đặc lợi của chính họ. Nhiều người nói rằng, việc bước chân ra khỏi cuộc sống quý tộc để đến

các khu ổ chuột, đến với Nirmal Hriday hay một trong các ngôi trường, trạm xá do Mẹ Teresa thành lập làm họ cảm thấy nhẹ nhõm hơn. Và rằng Mẹ Teresa rất biết cách lôi cuốn người nghe, dù nói chuyện với một người hay với cả một khán phòng. Một người đàn ông biết Mẹ Teresa từ khi ông còn nhỏ, đã mô tả cách Mẹ Teresa vận động quyền góp tiền và các nhu yếu phẩm khác. Theo ông, bà thường nhìn thẳng vào mắt người đối diện, nói về những thứ Dòng Thừa sai Bác ái đang cần và không biết phải xin ở đâu. Thế rồi, người ấy cảm thấy như bị thôi miên; hầu hết họ sẽ lôi ra một tấm séc và viết vào đó bất cứ con số nào Mẹ Teresa cần^(*). Những người Anh khác sống tại Ấn Độ và từng giúp Mẹ Teresa cũng cảm thấy một điều gì đó rất đặc biệt. Một người đàn ông kể lại rằng, quãng thời gian ông sống tại Ấn Độ trong suốt cuộc chiến, hầu như ông không tiếp xúc với những người nghèo, dù ông biết lẽ ra mình nên làm thế. Ông cũng cho rằng người Anh đã lấy đi nhiều thứ ở Ấn Độ hơn là những gì họ mang lại. Và kết cục là người Anh đã thất bại trong việc giúp đỡ người nghèo ở Ấn Độ^(**).

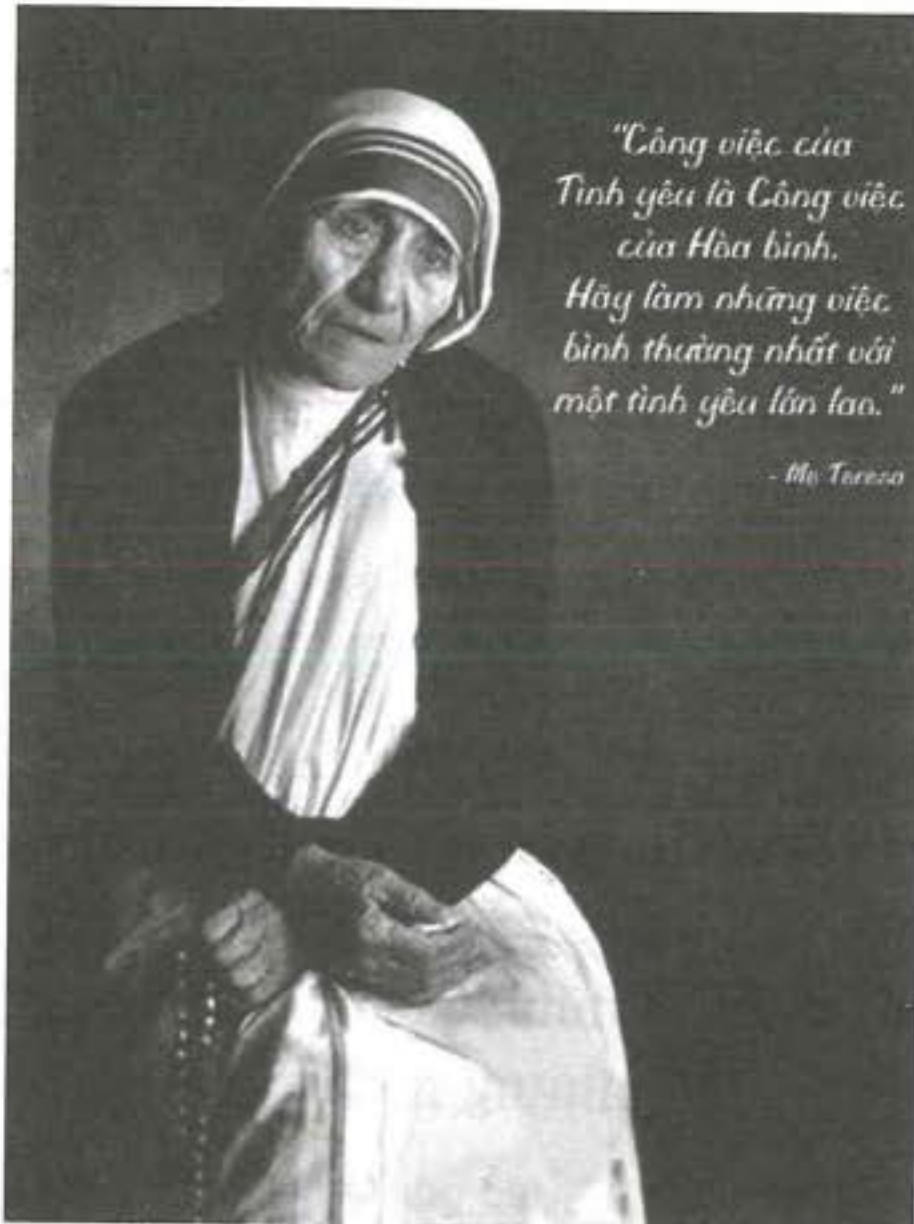
Mặc dù quan điểm này có thể xoa dịu nhiều người, nhưng nó cũng góp phần làm tức giận những người lẽ ra được hưởng lợi từ sự hào phóng này và cả những người cảm thấy khó chịu trước cử chỉ hạ mình của người phương Tây. Đối với nhiều người Ấn Độ, những nỗ lực của người

* Trích: *"Mother Teresa: Beyond the Image"*, tác giả Anne Sebba (New York: Doubleday, 1997), trang 65.

** Trích: *"Mother Teresa: Beyond the Image"*, tác giả Anne Sebba (New York: Doubleday, 1997), trang 63-64.

phương Tây, cụ thể là của người Anh, làm tăng ấn tượng sai lầm rằng người Ấn Độ bàng quan trước sự đau khổ của đồng bào mình. Theo thời gian, những chỉ trích này dần thay đổi. Người phương Tây, trong đó đại diện là Mẹ Teresa và Dòng Thừa sai Bác ái, có vẻ như đang là những người duy nhất giúp đỡ những người nghèo và đau ốm tại Ấn Độ, trong khi sự thực không phải vậy.

Tuy nhiên, với việc thành lập Nirmal Hriday, Mẹ Teresa và Dòng Thừa sai Bác ái rõ ràng đã trở nên nổi tiếng vì những việc tốt họ làm. Và họ không chỉ trở nên nổi tiếng



tại Calcutta, mà tiếng tăm của họ còn lan truyền trên khắp Ấn Độ cũng như trên thế giới. Đến năm 1955, Mẹ Teresa bắt đầu đặt ra những mục tiêu khác. Bà tập trung sức lực và tâm trí vào hai nhóm người cần sự giúp đỡ - trẻ em và người hủi - những người trước đó bà chưa làm được gì nhiều để giúp họ.

CHƯƠNG 7

SHISHU BHAVAN VÀ SHANTINAGAR - NHỮNG VÙNG ĐẤT BÌNH AN

Năm 1955, Mẹ Teresa hướng sự tập trung của mình vào một đối tượng khác: trẻ em nghèo. Chỉ trong một thời gian ngắn, bà cùng Dòng Thừa sai Bác ái đã đạt được những thành tựu đáng kể trong việc đưa giáo dục đến với trẻ em qua việc thành lập nhiều trường học trong các khu ổ chuột. Nhưng, vấn đề giáo dục trẻ em nghèo cần gác lại trước một thực trạng đáng lo ngại hơn: số trẻ em bị bỏ rơi trong thành phố ngày càng tăng.

Từ khi Ấn Độ giành được độc lập, số lượng trẻ em không nơi nương tựa trên đường phố Calcutta tăng lên rõ rệt. Nhiều đứa trẻ mồ côi, ốm đau và tật nguyền bị ném ra đường. Một số ra sức tồn tại bằng cách ăn xin, số khác thì trộm cắp. Sự nghèo đói và bất lực khiến cho nhiều gia

đình phải bỏ rơi con cái của mình. Vì xã hội Ấn Độ là một xã hội trọng nam nên những bé gái và trẻ sơ sinh phải đối mặt với rủi ro nhiều hơn. Bằng chứng về định kiến xã hội này có ở khắp mọi nơi. Đối với Dòng Thừa sai Bác ái, cảnh những bé gái sơ sinh bị bỏ mặc cho đến chết là những gì họ chứng kiến thường ngày. Với Mẹ Teresa, trẻ em là món quà đặc biệt của Chúa. Bà viết:

Bọn trẻ khao khát được một ai đó thừa nhận, yêu thương, khen ngợi và tự hào về chúng. Chúng ta cần đặt trẻ em vào vị trí trung tâm, được chăm sóc và lo lắng. Đây là cách duy nhất để thế giới tồn tại, bởi vì trẻ em là niềm hy vọng duy nhất của tương lai. Khi những người già về với Chúa, chỉ có trẻ em có thể thay thế vị trí của họ.^()*

Mặc dù đã có nhiều tổ chức từ thiện Thiên Chúa giáo hoạt động trong khu vực, thêm vào đó Calcutta cũng có một số trại trẻ mồ côi, nhưng số lượng trẻ em đường phố tăng lên quá nhanh khiến cho các tổ chức này không thể đáp ứng kịp.

SHISHU BHAVAN

Cảnh tượng quá nhiều trẻ em bị bỏ rơi và thiếu thốn tình cảm khiến Mẹ Teresa thực sự đau lòng. Các tổ chức từ thiện và trại trẻ mồ côi không đủ đáp ứng một số lượng lớn trẻ em trên đường phố, cống rãnh, bãi rác và các ngõ

* Trích *"The Joy in Loving: A Guide to Daily Living"* (Niềm vui trong tình yêu: Hướng dẫn cho cuộc sống thường nhật), tác giả Mẹ Teresa, Jaya Chaliha và Edward Le Joly (New York: Viking, 1996), trang 327.

ngách. Cần phải có một trại trẻ, nơi bọn trẻ được nhận vào, nuôi dưỡng và yêu thương. Với Mẹ Teresa, những trẻ em này chẳng khác nào hiện thân con cái của Chúa. Mặc dù các hội từ thiện khác tại Calcutta đã cố gắng giải quyết vấn đề, nhưng rõ ràng họ cần thêm nhiều sự giúp đỡ. Cũng giống như Nirmal Hriday, Mẹ Teresa lại một lần nữa nhận ra vấn đề khiến các quan chức thành phố Calcutta phải đau đầu. Với những thành công đạt được trước đây, Mẹ Teresa không chỉ được khen ngợi mà còn có được sự hợp tác từ các văn phòng cấp cao của thành phố.

Một trong những lần dọc ngang thành phố, Mẹ Teresa được làm quen với Tiến sĩ B.C. Roy - Thủ hiến Tây Bengal đồng thời cũng là một bác sĩ y khoa. Tiến sĩ Roy thường tư vấn miễn phí tại văn phòng tại gia và Mẹ Teresa ngày nào cũng đến xếp hàng cùng người nghèo từ lúc 6 giờ sáng. Các câu hỏi của bà thường liên quan đến chính trị nhiều hơn là y tế. Bà nói với vị bác sĩ về nhu cầu nước sạch và điện ở một khu ổ chuột mà bà từng đến thăm. Là một người có trách nhiệm, Tiến sĩ Roy đã viết thư gửi đến vị quan chức phụ trách vấn đề này. Dần dần, Tiến sĩ Roy bắt đầu chú ý nhiều hơn đến người nữ tu nhỏ bé luôn quan tâm lo lắng cho người nghèo. Ông bảo bà đến văn phòng của ông rồi giúp bà có nhiều mối quan hệ hữu ích với các phòng ban của chính quyền thành phố. Mẹ Teresa có thể gọi điện cho ông bất cứ khi nào. Sau này, Tiến sĩ Roy hoàn toàn tin tưởng bà. Với sự giúp đỡ của ông, bà bắt tay vào thực hiện dự án mới nhất của mình dành cho trẻ em nghèo.

Và ngày 23 tháng 9 năm 1955, Mẹ Teresa mở Shishu Bhavan - ngôi nhà đầu tiên cho trẻ em. Nằm tại đường Creek, chỉ cách Nhà Mẹ một đoạn ngắn, ngôi nhà gỗ một tầng nhỏ nhắn không sơn phết là ngôi nhà đầu tiên trong số những ngôi nhà sau này được Dòng Thừa sai Bác ái xây dựng cho trẻ em. Giống với Nirmal Hriday, các nữ tu nhanh chóng bắt tay vào dọn dẹp để chuẩn bị đón trẻ. Mặc dù ngôi nhà khá nhỏ, nhưng trước nó là một cái sân rộng; Mẹ Teresa đã thuê ngôi nhà này từ một người Hồi giáo mới rời khỏi thành phố.

Khi ngôi nhà Shishu Bhavan đầu tiên đã sẵn sàng, các nữ tu bắt đầu cuộc tìm kiếm “cư dân” mới cho ngôi nhà. Họ không cần tìm đâu xa; đặt chân đến bất cứ đâu, họ cũng gặp những em nhỏ cần sự giúp đỡ, rất nhiều trong số đó là trẻ sơ sinh, thậm chí có những đứa trẻ chưa được một ngày tuổi đã bị bỏ rơi. Những đứa trẻ này được đưa về ngôi nhà, được tắm rửa, cho ăn và điều trị bệnh. Rất nhiều trong số trẻ đó bị suy dinh dưỡng và mắc bệnh lao. Những đứa trẻ sống sót được mặc các bộ đồ kẻ sọc ca rô trắng và xanh, được đặt nằm trong các hộp hoặc thùng chứa hàng, thậm chí ngay trên sàn nhà. Những đứa trẻ bệnh quá nặng sẽ được các nữ tu bồng bế yêu thương cho đến khi qua đời. Cũng giống như tại ngôi nhà cho người sắp chết, Mẹ Teresa muốn trẻ sơ sinh cũng như những đứa trẻ khác phải được tắm rửa sạch sẽ, được bồng bế, yêu thương, cho dù cái chết có gần kề. Mặc dù ngôi nhà Shishu Bhavan rất đông nhưng Mẹ Teresa chẳng bao giờ từ chối nhận thêm một em bé nào, thậm chí điều đó đồng

nghĩa là những đứa trẻ sơ sinh phải nằm ba, bốn em trong cùng một cũi. Với những đứa trẻ đang phải vật lộn giữa sự sống và cái chết, các nữ tu sử dụng một chiếc hộp sưởi bằng bóng đèn điện.



Trẻ em bị bỏ rơi được nuôi dưỡng tại một Shishu Bhavan, Calcutta, Ấn Độ.

Đến năm 1958, Dòng Thừa sai Bác ái đã thành lập được nhiều ngôi nhà Shishu Bhavan, chăm sóc cho hơn 90 trẻ em. Thêm vào đó, Mẹ Teresa nhận được một khoản tiền hỗ trợ từ chính phủ với 33 rupee/tháng cho mỗi em nhỏ. Nhưng sau vài tháng hoạt động dưới sự chỉ đạo của chính phủ, Mẹ Teresa quyết định ngừng nhận số tiền hỗ trợ này. Bà tin rằng mình có thể hoạt động tốt chỉ với 17 rupee dành cho mỗi em.

Ngoài việc đi tìm trẻ em nghèo đưa về chăm sóc, Dòng Thừa sai Bác ái còn gửi thư cho tất cả các trạm y tế và nhà

điều dưỡng ở Calcutta, thông báo rằng họ luôn chào đón những đứa trẻ vô gia cư. Và thường trong số những phụ nữ trẻ mang thai, nhiều người sau khi bị đuổi ra khỏi nhà đã tìm đến Shishu Bhavan để nương nhờ. Các nữ tu cho họ vào ở, họ sẽ làm việc tại các ngôi nhà tình thương cho đến khi sinh con. Nếu vì lý do nào đó, người mẹ trẻ không thể chăm sóc con mình, các nữ tu sẽ chăm sóc đứa bé, nhưng chỉ khi nào họ không còn sự lựa chọn nào khác.

Chiều đến, vào giờ bọn trẻ trai thường lang thang ngoài đường để trộm cắp, ngôi nhà được sử dụng làm trường học cho chúng.

NÂNG BƯỚC TRẺ THO

Cũng giống như nhiều dự án trước đây của mình, Mẹ Teresa chọn một phương pháp thực tế để quản lý các Shishu Bhavan. Bà tin rằng việc truyền đạt kỹ năng cho những em lớn tuổi hoặc mang đến cho chúng những kinh nghiệm thực tiễn sẽ giúp chúng thích ứng tốt hơn trong xã hội. Một trong những việc đầu tiên bà làm khi mở cửa căn nhà này là kiếm được vài chiếc máy đánh chữ cũ kỹ. Bà dạy một số bé gái lớn tuổi cách đánh máy với hy vọng sau này chúng có thể trở thành thư ký. Ngoài ra, các nữ tu còn dạy nghề mộc cho bé trai và nghề thêu thùa cho bé gái. Do trường học của Mẹ Teresa không được chính phủ công nhận, thêm vào đó, các trường học tại Calcutta cũng không nhận học sinh, trừ phi chúng trả học phí, nên bà phải trông cậy rất nhiều vào lòng hảo

tâm của các nhà tài trợ. Người đầu tiên trong số đó là một phụ nữ Hindu giàu có - người đã bảo trợ cho 10 đứa trẻ trong 10 năm liền.

Qua thời gian, các nhà hảo tâm cũng làm tương tự. Điều này giúp các em nhỏ được giáo dục hoặc trau dồi những kỹ năng cần thiết để có thể tự lập. Việc các nhà hảo tâm giúp trả tiền học phí cho một em bé từ khi mới sinh đến lúc học xong trở nên khá phổ biến. Qua nhiều năm, số lượng các nhà hảo tâm giúp đỡ trẻ em tại các khu Shishu Bhavan tăng lên một cách đáng kể, mở rộng trên phạm vi cả thế giới. Những khoản tiền tài trợ được gửi vào ngân hàng cho đến khi đứa bé đó đến tuổi đi học; khoản tiền này sẽ được dùng để chi trả suốt thời gian đứa trẻ đi học. Hệ thống này thành công đến mức vào năm 1975, Mẹ Teresa đứng ra thành lập Quỹ Phúc lợi Trẻ em Thế giới, chia sẻ tài chính cho tất cả trẻ em dưới sự bảo trợ của Dòng Thừa sai Bác ái.

HỨA HẸN MỘT CUỘC SỐNG MỚI

Khi những đứa trẻ ở Shishu Bhavan đến tuổi lập gia đình, Mẹ Teresa thường đứng ra làm chủ hôn cho chúng theo truyền thống Hindu. Với tư cách là người kết tóc se duyên, Mẹ Teresa tiếp xúc với các gia đình Hindu để tìm một cô dâu tương xứng cho từng chàng trai. Vì địa vị xã hội của các cô gái sống tại Shishu Bhavan thường thấp hèn nên Mẹ Teresa bảo đảm rằng mỗi cô gái trẻ đều có của hồi môn hoặc các món quà trước khi về trình diện gia đình chú

rẻ. Của hồi môn thường là một bộ sari mới, một vài món nữ trang rẻ tiền và một chiếc nhẫn cưới. Các nhà hảo tâm trong vùng cũng góp thêm những món quà cưới khác, như một số trang sức bằng vàng, vật dụng gia đình, đồ đạc, và thậm chí là một khoản tiền nho nhỏ trong tài khoản cô dâu tương lai. Đôi khi, người ta thấy nhiều cặp đôi tụ tập bên ngoài Nhà Mẹ để chào mừng Mẹ Teresa và các thành viên của Dòng Thừa sai Bác ái. Qua thời gian, người ta hay đùa với nhau rằng chú rể tương lai phải cẩn thận vì anh ta không chỉ “thừa kế” một mà rất nhiều bà mẹ vợ.

Nhưng có lẽ chương trình quan trọng nhất mà Mẹ Teresa đề ra cho Shishu Bhavan là chương trình nhận con nuôi. Ngay khi chương trình được triển khai, phần lớn lũ trẻ đã được gửi đến các gia đình theo đạo Công giáo. Dần dần, nhiều gia đình trung lưu người Hindu cũng mở rộng vòng tay đón những đứa trẻ bị bỏ rơi. Lúc đầu, các bé trai vẫn được ưu ái hơn các bé gái, nhưng rồi, ngày càng nhiều gia đình Hindu sẵn sàng đón bọn trẻ về nhà, bất kể giới tính. Mẹ Teresa sớm tìm tới những gia đình đến từ châu Âu hoặc Bắc Mỹ để tìm mái ấm cho bọn trẻ. Tuy nhiên, hầu hết các gia đình đều mong muốn nhận những đứa trẻ khỏe mạnh. Sau khi vận động, một số em bị khuyết tật vẫn có thể được một gia đình châu Âu nào đó nhận nuôi, còn những em thiếu năng sẽ ở lại Shishu Bhavan.

Bên cạnh việc đẩy mạnh nhận con nuôi, Mẹ Teresa còn kêu gọi chống nạn phá thai. Bà từng viết về nạn phá thai như sau:

Có những người mẹ đang tâm tự giết con mình để giải quyết những vấn đề của bản thân. Và, qua việc phá thai, người lẽ ra là cha của đứa trẻ được bảo rằng ông ta không phải gánh vác bất cứ trách nhiệm nào với đứa bé mà mình đã mang đến thế giới này. Thế rồi, người cha này lại đặt những người phụ nữ khác vào hoàn cảnh tương tự. Như vậy phá thai lại dẫn đến phá thai. Bất kỳ một đất nước nào chấp nhận nạo phá thai đều không thể dạy cho các công dân của mình tình yêu thương mà chỉ dạy cho họ cách đạt được mục đích bằng bạo lực.^()*

Với Mẹ Teresa, nhận con nuôi là cách tốt nhất để đấu tranh với không chỉ nạn nạo phá thai, mà còn chống lại biện pháp triệt sản đối với phụ nữ. Chính quyền Ấn Độ ủng hộ biện pháp triệt sản vì đó là cách hạn chế tốc độ gia tăng dân số. Để đối phó với nạn phá thai, Mẹ Teresa và các nữ tu gửi thông điệp tới các trạm xá, bệnh viện và các trụ sở cảnh sát rằng Dòng Thừa sai Bác ái sẽ nhận tất cả những đứa trẻ ra đời ngoài ý muốn của cha mẹ chúng.

Bên cạnh chương trình nhận con nuôi, Mẹ Teresa cũng tham gia vào các chương trình kế hoạch hóa gia đình. Bà bắt đầu hướng dẫn một chương trình có tên là *Noi gương Thánh Gia*. Chương trình này nhấn mạnh việc kế hoạch hóa gia đình một cách tự nhiên bằng phương pháp tính chu kỳ kinh nguyệt - phương pháp duy nhất được Giáo hội Thiên Chúa giáo La Mã chấp nhận. Dòng cũng thành lập một số trung tâm kế hoạch hóa gia đình dạy các cặp

* Trích "*The Joy in Loving: A Guide to Daily Living*", tác giả: Mẹ Teresa, Jaya Chaliha và Edward Le Joly (New York: Viking, 1996), trang 371.

vợ chồng trẻ không chỉ về phương pháp tính chu kỳ, mà còn cùng nhau kiêng khem tình dục để tránh thụ thai ngoài ý muốn. Mặc dù các phương pháp này khá đơn giản nhưng việc phổ biến chúng cho người nghèo vẫn gặp nhiều trở ngại. Chuyện kể rằng, có một phụ nữ vốn đông con, vì muốn tránh thai nên bà áp dụng cách tính chu kỳ. Bà nhận được một chuỗi hạt nhiều màu để dễ theo dõi chu kỳ rụng trứng của mình. Vài tháng sau, bà quay lại một trong những trung tâm kế hoạch hóa gia đình, và bà đang... mang bầu. Bà nói với các nữ tu rằng mình đã treo chuỗi hạt quanh bức tượng thần Kali và quên bẵng nó đi. Sau đó, bà cũng không hiểu vì sao mình lại mang thai.

Cũng giống như những chỉ trích về cách thức điều hành của Mẹ Teresa tại Nirmal Hriday, những người thích gièm pha bắt đầu lên tiếng chỉ trích quan điểm của bà đối với vấn đề nạo phá thai và kế hoạch hóa gia đình. Nhiều người cho rằng đã có quá nhiều trẻ em được sinh ra ngoài ý muốn tại Ấn Độ, và rằng Dòng Thừa sai Bác ái không thể nào chăm sóc hết tất cả. Mặc dù vẫn có những trạm xá nạo phá thai, nhưng chúng khá hiếm hoi và tốn kém nên sự giận dữ của Mẹ Teresa là vô lý. Việc cấm phá thai có thể khiến nhiều phụ nữ tìm cách tự phá thai, và điều này sẽ dẫn đến những hậu quả khôn lường, thậm chí gây tử vong. Đối mặt với những chỉ trích trên, Mẹ Teresa giữ vững lập trường và không bao giờ thay đổi thái độ đối với những gì Giáo hội quy định trước vấn đề kiểm soát dân số và kế hoạch hóa gia đình. Nhưng sự tranh cãi vẫn tiếp diễn. Nhiều năm sau đó, Mẹ Teresa

vẫn là một mục tiêu chỉ trích của những người ủng hộ phá thai trên toàn thế giới.

HƯỚNG TỚI NGƯỜI NGHÈO BẰNG NHIỀU CÁCH KHÁC NHAU

Ngoài việc thành lập nhà tình thương cho trẻ em, Mẹ Teresa còn hướng tới người nghèo bằng nhiều cách khác nhau. Vào năm 1956, bà thành lập trạm xá di động đầu tiên để giúp đỡ những người không thể tới các trạm xá miễn phí. Bà được Cơ quan Cứu trợ Thiên Chúa giáo New York hỗ trợ. Cơ quan này đã tài trợ 5.000 đô-la để biến chiếc xe tải cũ thành một trạm xá di động có thể tới thăm các khu ổ chuột trên toàn thành phố và cung cấp dịch vụ y tế miễn phí. Với sự trợ giúp của một số bác sĩ, một phòng thí nghiệm nhỏ được dựng lên tại Shishu Bhavan nhằm thực hiện các xét nghiệm đơn giản.

Shishu Bhavan cũng trở nên náo nhiệt với các hoạt động phân phát lương thực cho người nghèo. Trong căn bếp nhỏ của ngôi nhà, các nữ tu luôn cố gắng nấu thật nhiều cơm, sau đó họ phát kèm với chuối. Hàng ngày, vào các buổi trưa, trước cửa căn nhà có khoảng từ 50 đến 100 phụ nữ và trẻ em đứng đợi nhận khẩu phần ăn. Với nhiều người, đây là bữa cơm duy nhất trong ngày.

Việc phân phát lương thực cũng gặp một số rủi ro. Một ngày nọ, khi các nữ tu không có gì để phân phát vì cơ quan cung cấp lương thực tạm ngừng chuyển thực phẩm tới ngôi nhà. Đám đông đói khát mỗi lúc một giận dữ;

thậm chí một số còn định đốt ngôi nhà. Có những lúc, Mẹ Teresa, bằng một sức mạnh đáng kinh ngạc, đã đẩy lùi cả một hàng dài phụ nữ đang lao tới để nhận phần ăn. Nhờ sự can thiệp kịp thời của cảnh sát và lính cứu hỏa, sự việc không bị đẩy đến mức nghiêm trọng hơn. Một lần khác, nhà bếp không còn đĩa, các nữ tu phải sử dụng đĩa ăn từ Nhà Mẹ để phân phát thức ăn cho người nghèo.

CHĂM SÓC NGƯỜI HỦI

Để đối phó với một vấn nạn ngày càng lớn trên đường phố Calcutta - người hủi - năm 1956, Mẹ Teresa cho mở trạm phát thuốc di động đầu tiên. Trước đó, bệnh viện Gobra - nơi nhiều bệnh nhân hủi tìm đến chữa trị, đã bị đóng cửa, bỏ mặc hàng ngàn bệnh nhân không biết đi về đâu. Mẹ Teresa đã tích cực vận động chống lại quyết định đóng cửa, nhưng áp lực ngày càng lớn từ phía cư dân địa phương nhằm chuyển bệnh viện ra vùng xa thành phố khiến chính quyền thành phố buộc phải đóng cửa bệnh viện. Không lâu sau đó, một bệnh viện mới dành cho người hủi được xây tại vùng ngoại ô.

Nhận thấy những bệnh nhân cũ của bệnh viện Gobra sẽ gặp rất nhiều khó khăn để tới địa điểm mới, Mẹ Teresa quyết định mở một trạm xá của riêng mình. Cũng giống như Gobra trước đây, bà tìm một địa điểm nằm gần trung tâm để bệnh nhân có thể dễ dàng tìm tới điều trị. Tuy nhiên, sau khi biết trạm xá được đề xuất tại đó, cư dân xung quanh đã tìm cách ngăn cản bà. Một lần, khi bà tới

xem xét địa điểm, một số người địa phương giận dữ ném đá về phía bà. Bà xem sự giận dữ đó như một điểm báo rằng Chúa không muốn trạm xá được đặt tại đó. Bà cầu nguyện xin sự chỉ dẫn.

Dường như để đáp lại lời cầu nguyện của bà, một số nhà hảo tâm người Mỹ đã gửi tặng một chiếc xe cấp cứu cho Dòng Thừa sai Bác ái. Mẹ Teresa hy vọng chiếc xe sẽ trở thành trạm xá di động đầu tiên dành cho người hủi. Bà còn nhận thêm được nhiều sự giúp đỡ khác từ Bác sĩ Sen, một bác sĩ chuyên khoa về bệnh ngoài da và bệnh hủi. Ông từng làm việc tại bệnh viện Carmichael và mới nghỉ hưu. Đang lúc chưa biết làm gì trong thời gian rảnh rỗi thì ông nghe nói tới những việc làm của Dòng Thừa sai Bác ái, ông tình nguyện làm việc cho hội. Mẹ Teresa chào đón ông với sự biết ơn chân thành. Trợ giúp cho Bác sĩ Sen là ba nữ tu sĩ từng qua khóa đào tạo y tá.

Vào tháng 9 năm 1957, trạm xá di động đầu tiên cho người hủi đi vào hoạt động. Chiếc xe cấp cứu có thể chứa sáu người cùng với một lượng lớn thuốc men, thực phẩm và tài liệu y khoa. Dòng Thừa sai Bác ái tìm người hủi trong thành phố bằng cách đi từ khu ổ chuột này tới khu ổ chuột khác. Theo thời gian, đã có đến tám trạm điều trị được thiết lập trong toàn thành phố, đem hy vọng tới cho khoảng 30.000 bệnh nhân. Chiếc xe màu xanh dương nhanh chóng trở thành biểu tượng của sự giúp đỡ và niềm an ủi. Tại mỗi điểm dừng, các nữ tu phân phát thuốc men, vitamin bổ sung và những gói thức ăn. Tới tháng

1 năm 1958, đã có hơn 600 người hủi thường xuyên tìm đến điều trị tại trạm xá di động này.

CĂN BỆNH PHẢI LẤN TRỐN

Trong khi cố gắng giúp đỡ những người bị bệnh hủi hành hạ, Mẹ Teresa phải đối diện với một thực tế: căn bệnh này được biết đến với tên gọi Hansen, từng được ghi chép lại từ thời xưa trong kinh thánh. Căn bệnh này ít có những triệu chứng biểu hiện, nhưng lại bộc phát rất nhanh. Vi khuẩn gây bệnh hủi tấn công hệ thần kinh và phá hủy khả năng cảm giác của cơ thể. Vì không thấy đau nên người bệnh không hay biết. Vết thương bị nhiễm trùng khiến cho các lớp biểu bì bị mất đi nhanh chóng. Các ngón chân ngón tay bị co rút lại, biến dạng rồi rụng dần.

Những triệu chứng đầu tiên là da biến đổi màu sắc hoặc xuất hiện những đốm sáng màu cùng với hiện tượng mất cảm giác. Khi hệ thần kinh bị ảnh hưởng, các cơ bắp nhỏ trở nên tê liệt, khiến các ngón tay bị co quắp. Khi bệnh hủi tấn công hệ thần kinh vùng chân, người bệnh sẽ mất cảm giác ở các bàn chân. Bàn chân có thể bị ăn mòn từ những vết thương không được chăm sóc và bị nhiễm trùng. Nếu vùng thần kinh trên mặt bị nhiễm bệnh, bệnh nhân bị mất phản xạ chớp mắt, mắt sẽ bị khô, mờ đục dẫn tới mù lòa. Các vi khuẩn hình que khi xâm nhập vào xoang mũi có thể dẫn tới những chấn thương bên trong và để lại sẹo, dần dần mũi sẽ bị xẹp xuống. Căn bệnh lây truyền do tình trạng kém vệ sinh, ho và hắt hơi. Trong

một gia đình, nếu không giữ vệ sinh tốt, bệnh có thể lây lan cho cả nhà.

Căn bệnh cũng để lại định kiến nặng nề trong xã hội Ấn Độ cũng như bất kỳ nơi đâu. Nỗi sợ hãi bị lây bệnh thường khiến người hủi bị xua đuổi. Sau khi Bệnh viện Gobra phải đóng cửa, người hủi tại Calcutta không còn nơi nào để tới ngoài khu ổ chuột và các vùng quê, nơi nhiều người trong số họ chết lúc nào không ai biết. Ngay cả khi khỏi bệnh, họ vẫn bị xã hội xa lánh và thường không thể tìm được chốn nương thân, việc làm hoặc sự trợ giúp.

Với các nước châu Âu và Bắc Mỹ, bệnh hủi đã hoàn toàn biến mất từ thế kỷ 16, nhưng ở khu vực châu Á, châu Phi, Nam Mỹ và Trung Đông, căn bệnh này vẫn còn tồn tại. Vào năm 1873, Bác sĩ Armauer Hansen người Na Uy đã phát hiện vi khuẩn gây ra căn bệnh, nhưng phải gần một thế kỷ sau người ta mới tìm ra cách chữa trị. Trong suốt thập niên 1950, khi Mẹ Teresa mở trạm xá di động đầu tiên, bệnh hủi được chữa trị bằng thuốc dapsons. Tuy nhiên, vi khuẩn hủi bắt đầu kháng thuốc dapsons và gây trở ngại không ít trong việc điều trị.

TITLAGARH

Với những người mắc bệnh hủi, có một địa điểm bên ngoài Calcutta dành cho họ: Titlagarh. Đó là một khu ngoại ô cách Calcutta khoảng một giờ xe chạy. Hai bên đường ray xe lửa là những túp lều lụp xụp tồi tàn. Nơi đây trở thành một ngôi làng của người nghèo, với những

người hủi sống tập trung hai bên đầm lầy. Khu vực này rất kém vệ sinh: không hệ thống thoát nước, không nước sạch, không điện. Thậm chí ngay cả những người cùng khổ nhất cũng không muốn dính dáng gì đến người hủi. Người thành thị và cảnh sát cũng tránh xa khu vực này vì sợ lây nhiễm. Kết quả là tội phạm tràn lan với đủ mọi thành phần; tình trạng bạo lực và các vụ giết người thường xuyên xảy ra. Nghèo đói và bệnh tật khiến cho những người mắc bệnh hủi không có được bất cứ sự điều trị nào. Chẳng một bác sĩ, bệnh xá, hoặc bệnh viện nào tại Titlagarh muốn nhìn thấy họ.

Trong khi đó, mặc dù dự án trạm xá di động đang rất thành công, nhưng Mẹ Teresa và các nữ tu nhận thấy vẫn có nhiều bệnh nhân tại Titlagarh không thể trả nổi tiền xe buýt hoặc tàu hỏa hàng tuần để tới điều trị. Những người có khả năng chi trả thì thường không được lên tàu hoặc xe. Thêm vào đó, Mẹ Teresa và các nữ tu ngày càng nhận được nhiều trẻ sơ sinh mắc bệnh hủi; và việc đưa con tới các trạm xá là cả một gánh nặng cho các bà mẹ. Rất nhiều bệnh nhân đề nghị Mẹ Teresa mở một trạm xá cố định gần nơi mình ở.

Ngay từ lần đầu tiên tới thăm Titlagarh, Mẹ Teresa đã nhận ra rằng cần phải làm một điều gì đó. Vài tháng sau, bà đã mở một trạm xá nhỏ trong một cái lều gần đường xe lửa. Vài nữ tu sĩ được cử tới đó để xử lý một số lượng khổng lồ bệnh án tại trạm y tế Titlagarh. Họ sớm nhận ra rằng họ còn vô số việc phải làm.

Để thu hút sự chú ý của dư luận tới hoàn cảnh khốn khó của người hủi, Mẹ Teresa một lần nữa nhờ đến các tình nguyện viên và các nhà hảo tâm. Nhiều nhóm từ thiện sau khi biết điều kiện sống của những người hủi, đã tập hợp lại, phát động quyên góp trên toàn thành phố. Dấu hiệu của cuộc vận động quyên góp là một chiếc chuông - một dấu hiệu lâu đời để nhận biết người hủi, nhưng giờ đây nó được sử dụng như một biểu tượng của lòng trắc ẩn. Khẩu hiệu của cuộc vận động quyên góp là "*Chạm vào những người hủi bằng lòng trắc ẩn của bạn*", được viết trên các tờ rơi, bảng hiệu, báo chí và cả trên trạm xá di động. Cuộc quyên góp toàn thành phố giúp cho nhiều bệnh nhân hủi được chữa trị, thông qua đó phát hiện những khu vực khác có sự tập trung của người hủi.

Cuối cùng, dự án được bắt đầu bằng việc xây dựng một ngôi nhà cố định. Nhưng ngay từ đầu, dự án đó đã gặp phải những ngăn trở. Việc cải thiện chất lượng cuộc sống quanh khu vực đường tàu bị các băng nhóm tội phạm trong vùng quấy phá. Chào đón những người tình nguyện đến dọn dẹp là những loạt đá bay thẳng vào họ, nhưng họ vẫn kiên trì. Việc xây dựng hai ngôi nhà tranh cuối cùng cũng được bắt đầu, và đến lúc này thì hành động quấy phá cũng giảm dần. Các băng nhóm tội phạm rời đi nơi khác, cư dân quanh vùng tới giúp xây dựng hai ngôi nhà. Ngoài việc trạm xá được mở vào tháng 3 năm 1959, trụ sở ở đó còn thành lập một trung tâm hồi phục sức khỏe, một bệnh viện và một nhà ăn. Đến khi công trình hoàn thành vào năm 1968, các tòa nhà tạo thành một quần thể dài

gân một dặm^(*). Mẹ Teresa yêu cầu chính quyền Titlagarh xây dựng hệ thống nước sinh hoạt, nước thải và điện cho khu vực. Trẻ em được đưa tới các trường học địa phương. Các cửa hàng tạp hóa nhỏ bắt đầu xuất hiện tại những nơi mà trước kia chỉ có tội phạm và bạo lực hoành hành.

Nhưng ngay khi trạm xá được khánh thành, các quan chức chính quyền bắt đầu lo lắng việc những người hủi sẽ tràn vào Titlagarh. Họ đề nghị Mẹ Teresa mở thêm một trụ sở khác cho người hủi. Cùng lúc nghĩ đến việc này, Mẹ Teresa bắt đầu hướng tới kế hoạch tiếp theo của bà: Shantinagar.

SHANTINAGAR

Vào năm 1961, Mẹ Teresa nhận được một món quà từ chính phủ Ấn Độ: 13 hecta đất nằm cách Calcutta hơn 320 km. Hằng năm bà phải nộp cho chính phủ một rupee tiền thuê cho khu đất đó. Khu đất hoàn toàn chưa được khai phá, trông như một cánh rừng nếu nhìn từ bên ngoài. Với số tiền quyên góp được từ buổi biểu diễn từ thiện của trẻ em Đức, Mẹ Teresa bắt đầu xây dựng Shantinagar – *Nơi bình yên dành cho người hủi*.

Số tiền đó không đủ để bà hoàn thành dự án. Hy vọng vào một phép lạ, Dòng Thừa sai Bác ái cầu xin Chúa soi đường. Năm 1965, lời nguyện cầu của họ đã được đáp lại bằng món quà là một chiếc xe hơi Lincoln Continental đời 1964. Đó vốn là món quà của các tín đồ Thiên Chúa

* 1 dặm = 1,609 km.

giáo Hoa Kỳ tặng cho Giáo hoàng Paul VI. Chiếc xe được đưa tới bằng đường hàng không nhân chuyến viếng thăm Ấn Độ của Giáo hoàng năm 1964. Trong thời gian lưu lại đây, ông ghé thăm Mẹ Teresa và ngôi nhà Nirmal Hriday. Thực sự cảm kích trước những việc làm của Dòng Thừa sai Bác ái, ông quyết định tặng Mẹ Teresa chiếc xe trước khi trở về Vatican. Do không biết dùng chiếc xe vào mục đích gì, Mẹ Teresa đã mở một cuộc xổ số từ thiện, lấy chiếc xe làm giải thưởng, và kết quả là bà đã kiếm được một khoản tiền lớn hơn nhiều so với việc bán chiếc xe theo cách thông thường. Với số tiền 460.000 rupee, tương đương với 100.000 đô la Mỹ, Mẹ Teresa đủ khả năng chi trả cho việc xây dựng bệnh viện tại Shantinagar.

Vào năm 1968, Mẹ Teresa gửi sơ Francis Xavier cùng với một vài nữ tu khác tới giám sát xây dựng và quản lý khu đất. Trong vòng hai năm sau đó, một số tòa nhà quan trọng đã được hoàn thành, bao gồm trung tâm hồi phục sức khỏe và một khu nhà tranh nội trú dành cho người hủi, do bản thân những người bệnh tự xây dựng. Thêm vào đó, hoa quả, cây cối, rau xanh cũng được trồng trên khu đất. Gần đó là một cái ao dùng để thả cá. Mọi người đều cố gắng biến nơi đây thành khu vực tự cung tự cấp.

Thời gian trôi qua, ngôi nhà cho người hủi đã điều trị cho gần 400 người, giúp người bệnh và gia đình có cơ hội sống một cuộc sống bình thường. Những người mới tới được dạy cách đóng gạch để có thể xây thêm nhà cho những bệnh nhân tương lai. Khu dân cư tự nuôi gia

súc, tự trồng lúa gạo, lúa mì và các loại rau củ. Một số người mở quầy tạp hóa; số khác thì tự làm các loại đan lát bán cho các mỏ than gần đó. Thậm chí họ còn có cả một xưởng in ấn. Shantinagar còn có cả “chính quyền” riêng do người dân nơi đây tự bầu chọn. Trạm y tế cách đó không xa, và nhờ các loại thuốc tiên tiến có từ thập niên 70, nhiều người hủi đã khỏi bệnh. Trong khu vực, Hội cũng thành lập một Shishu Bhavan dành cho trẻ em. Nơi này nuôi dưỡng các em nhỏ và giúp các em tránh bị lây nhiễm từ người bệnh.

Với mỗi thành công mới và nhiệm vụ mới, người ta dần dần nhận ra rằng Mẹ Teresa có một tầm nhìn phi thường. Bà đã tự tạo dựng tên tuổi bản thân. Danh tiếng của bà không chỉ được người dân thành phố Calcutta hay Ấn Độ biết đến, mà còn vang xa hơn nữa. Sự kiên định và quyết tâm của bà trong việc giúp đỡ những người không thể tự giúp đỡ bản thân khiến bà chiếm được cảm tình của đông đảo quần chúng. Tuy nhiên những lời chỉ trích bà cũng vẫn không ngừng xuất hiện. Quy mô của Dòng Thừa sai Bác ái càng lớn thì các cuộc tranh cãi càng tăng lên. Đến cuối thập niên 1950, Mẹ Teresa và dòng tu của bà rõ ràng không còn phải làm những công việc cực nhọc trong âm thầm nữa.

CHƯƠNG 8

ĐIỀU KỲ DIỆU

Đến cuối thập niên 1950, Mẹ Teresa đã trở thành một gương mặt quen thuộc trên các mặt báo, ít nhất là tại Calcutta. Nhiều bài báo địa phương đã viết về bà bằng cả tiếng Anh lẫn các thứ tiếng bản ngữ được sử dụng tại Ấn Độ. Sự chú ý này đánh dấu một mối quan hệ đáng nhớ giữa Mẹ Teresa và giới báo chí Ấn. Một điều quan trọng là các bài báo về Mẹ Teresa và Dòng Thừa sai Bác ái thường đem đến nhiều khoản quyên góp từ các nhà hảo tâm. Một số người quyên tặng tiền bạc, số khác tặng các nhu yếu phẩm, thời gian và sức lực.

Aruna Paul, vợ của một doanh nhân người Anh và cũng là một học sinh cũ của Trường Loreto, đã tình nguyện tới dạy học cho trẻ em ở khu ổ chuột. Bà còn tổ chức những buổi tiệc mừng Giáng sinh cho lũ trẻ. Sau khi có con, bà bắt đầu tổ chức các bữa tiệc sinh nhật cho lũ

trẻ cùng với tiệc sinh nhật của các con mình. Rồi bà đưa các con tới Shishu Bhavan để chúng thấy rằng chúng may mắn đến thế nào. Paul còn có mối quan hệ với một nhà máy dệt; và với sự giúp đỡ của bà, hàng năm các nữ tu luôn nhận được những bộ sari mới. Nhiều năm sau, Paul kể lại rằng Mẹ Teresa chẳng bao giờ có vẻ vội vã và luôn dành thời gian cho những ai tìm tới, cho dù ngay khi bà đang chuẩn bị lên đường đi đâu đó. Nhưng điều này sớm thay đổi khi Mẹ Teresa bắt đầu thu hút sự chú ý của quần chúng, và nhận ra rằng có nhiều nơi trên thế giới có thể nhận được lợi ích từ tầm nhìn rộng lớn của bà.

BUỐC RA THẾ GIỚI

Gần 10 năm rông, hoạt động của Dòng Thừa sai Bác ái bị bó hẹp trong phạm vi thành phố Calcutta. Điều này là do quy định của Giáo hội, không cho phép các giáo đoàn mới thành lập các trụ sở bên ngoài giáo khu của mình. Ban đầu, Mẹ Teresa nhận ra rằng do vị tổng giám mục tuân thủ quy định này, cùng với những trở ngại mà bà đang phải đương đầu tại Calcutta, nên việc mở rộng hoạt động ra bên ngoài dù dưới bất kỳ hình thức nào đều không thích hợp.

Nhưng vào năm 1959, mọi thứ bắt đầu thay đổi. Hội Truyền giáo Bác ái còn một năm cuối cùng trước khi giai đoạn thử thách chính thức kết thúc, các nữ tu sĩ đều nóng lòng mang sứ mệnh của hội ra ngoài ranh giới thành phố Calcutta và bắt đầu làm việc tại nhiều vùng khác của Ấn

Độ. Khi Mẹ Teresa tới nói chuyện với Tổng giám mục Périer, ông thông cảm và đồng ý. Nhưng ông bảo với Mẹ Teresa rằng Hội của bà chỉ có thể mở rộng ra các khu vực khác giới hạn ở phạm vi trong nước. Bà đồng ý. Nhiều trụ sở mới của Dòng Thừa sai Bác ái được thành lập tại Delhi và Jhansi và họ được những người đứng đầu nhà thờ và các quan chức chính phủ chào đón nồng nhiệt. Những việc làm của họ đã lan truyền đến những quan chức cao cấp nhất của chính quyền Ấn Độ; trong lễ khai trương một ngôi nhà tình thương dành cho trẻ em tại Delhi, Thủ tướng Ấn Độ - Jawaharlal Nehru đã đến tham dự. Khi được giới thiệu với ông, Mẹ Teresa bèn nói về Hội của mình, nhưng Nehru nhẹ nhàng bảo rằng bà không cần phải kể, bởi ông đã biết hết về những hoạt động ấy và đó là lý do ông tới dự buổi lễ. Dòng Thừa sai Bác ái cũng gửi một nhóm nữ tu tới Ranchi, một thành phố nằm tại bang Bihar, một bang cực kỳ nghèo khổ của Ấn Độ. Tại đây, nhiều cô gái từ các bộ tộc được tuyển chọn vào Dòng đã đạt được các thành công lớn trong các hoạt động thiện nguyện sau này.

Tại Bombay, một thành phố với nhiều nhà thờ và trường học Thiên Chúa giáo, Dòng Thừa sai Bác ái được người đứng đầu Giáo hội Thiên Chúa giáo tại Bombay - Hồng y Valerian Gracias - chào đón. Sau một chuyến tham quan ngắn quanh thành phố, Mẹ Teresa khiến nhiều cư dân địa phương tức giận khi bà nhận xét rằng các khu ổ chuột tại Bombay thậm chí còn thảm hại hơn cả các khu ổ chuột ở Calcutta. Với sự ủng hộ của Hồng y Gracias,

chẳng bao lâu sau, Mẹ Teresa mở một ngôi nhà dành cho những người sắp chết, tương tự như Nirmal Hriday.

Mùa thu năm 1960, Mẹ Teresa hướng tầm nhìn ra ngoài ranh giới Ấn Độ, đất nước mà bà đã chọn định cư suốt đời, và nhận lời mời đến nói chuyện tại Hội Phụ nữ Thiên Chúa giáo Hoa Kỳ tại thành phố Las Vegas, bang Nevada. Las Vegas, vùng đất của sông bạc và sự hào nhoáng, có vẻ không thích hợp cho một người phụ nữ được xem là vị thánh của dân nghèo Ấn Độ, nhưng Mẹ Teresa vẫn đồng ý tới đó với hy vọng có thể quyên góp được thêm tiền cho các hoạt động của Dòng Thừa sai Bác ái.

Lúc này, Mẹ Teresa đã bước sang tuổi 50 và đang quản lý 119 nữ tu, trong đó có ba người mang quốc tịch ngoại quốc, còn lại tất cả đều là người Ấn Độ. Bà ao ước mang thông điệp của mình tiến xa hơn nữa. Danh tiếng của bà đã được biết đến trên toàn thế giới. Tại Hoa Kỳ, bà từng được lên trang bìa của tờ tạp chí *Jubilee: Tạp chí dành cho Nhà thờ và Giáo dân* vào năm 1958, khiến toàn bộ cộng đồng Thiên Chúa giáo Hoa Kỳ biết đến bà.

Tháng 10 năm ấy, Mẹ Teresa đặt chân tới Los Angeles và đi Las Vegas cùng với một cựu tình nguyện viên của Dòng Thừa sai Bác ái, Katherine Bracken. Tại đây, Mẹ Teresa đã có một bài diễn thuyết với tựa đề “*Sứ mệnh của Tình yêu*” nói về những việc làm của Dòng Thừa sai Bác ái.

Mẹ Teresa chưa bao giờ diễn thuyết trước đám đông. Trước đó, bà thường nhờ những người khác nói thay bà.

Nhưng diễn thuyết trước 3.000 phụ nữ, bà phát hiện ra rằng sự bất lợi của mình lại thực sự là một lợi thế. Thay vì đọc một bài diễn thuyết trau chuốt, Mẹ Teresa thể hiện bản thân là một nhà hùng biện bẩm sinh. Bà nói chuyện một cách trôi chảy về những việc bà và các nữ tu của Dòng Thừa sai Bác ái đã làm tại Ấn Độ. Bà tuyên bố rằng mình không đến để xin tiền quyên góp; mà nói rằng mình phó thác tất cả vào Chúa. Đồng thời, bà cũng bày tỏ với khán thính giả rằng bản thân họ cũng có thể làm một điều gì đó tốt đẹp để dâng cho Chúa. Và bà nhận ra rằng cách quyên góp này hiệu quả hơn hẳn so với việc đề cập vấn đề một cách trực tiếp. Sau buổi diễn thuyết, Mẹ Teresa ngồi lại tại sảnh hội nghị, chứng kiến từng người từng người dừng lại bỏ tiền vào chiếc túi bà mang theo. Trong suốt buổi hôm đó, người ta phải trút túi tiền ra vài lần do nó quá đầy. Mẹ Teresa đã tìm ra một phương thức hiệu quả và thành công trong việc quyên góp từ thiện cho các dự án của mình. Trong những năm về sau, bà ít khi làm trái với phương thức này.

Suốt quãng thời gian ở Las Vegas, Mẹ Teresa chẳng mấy may chú ý đến các sông bạc và các câu lạc bộ nhộn nhịp gần đó, bà dành thời gian đi loanh quanh ngoài sa mạc. Khi được hỏi bà nghĩ thế nào về thành phố, bà trả lời rằng bóng đèn nê-ông trong các sông bạc và khách sạn khiến bà nhớ tới Dewali, lễ hội ánh sáng của người Hindu được tổ chức hàng năm. Để làm quà lưu niệm cho chuyến viếng thăm Nevada, bà đem về vài cây xương rồng tìm được trong sa mạc. Những cây xương rồng sau này được

cuốn lại thành một chiếc vương miện đầy gai và đặt lên đầu tượng Chúa Giêsu bị đóng đinh được treo phía sau phòng thờ phụng trong giáo đường của các nữ tập sinh của Dòng Thừa sai Bác ái tại Calcutta.

MỘT CHUYẾN ĐI ĐÁNG NHỚ

Từ Las Vegas, Mẹ Teresa tới Peoria, Illinois, để nói chuyện với một nhóm phụ nữ Thiên Chúa giáo. Sau đó bà tới Chicago và New York. Tại mỗi thành phố, bà đều được chào đón nồng nhiệt và chẳng mấy khó khăn trong việc quyên góp tiền cho Dòng tu của mình. Một điều đáng tiếc trong chuyến đi của bà là cuộc gặp mặt với ứng cử viên tổng thống của đảng Dân chủ - John F. Kennedy - một tín đồ Thiên Chúa giáo, đã không diễn ra như kế hoạch. Cũng tại New York, Mẹ Teresa gặp lại Mẹ Anna Dengel - một phụ nữ gốc Áo, người thành lập Hội Nữ tu Truyền giáo Y học, đồng thời cũng là người từng giúp Mẹ Teresa có được khóa đào tạo về y khoa tại Patna hơn một thập kỷ trước. Bà cũng tới thăm Quỹ Cứu trợ Thiên Chúa giáo và gặp gỡ Giám mục Fulton J. Sheen - một người được biết đến trên các kênh truyền thanh và truyền hình Hoa Kỳ. Sheen đứng đầu một tổ chức truyền giáo nước ngoài tại một khu vực của Hoa Kỳ, Tổ chức Truyền bá Tin ngưỡng, giúp chuyển tiền quyên góp tới các tổ chức truyền giáo Thiên Chúa giáo khắp nơi trên thế giới. Nhưng có lẽ một trong những cuộc gặp gỡ quan trọng nhất của Mẹ Teresa trong chuyến đi này là với Marcolino Candau - Giám đốc

Tổ chức Y tế Thế giới (WHO). Bà nói với Candau về những nhu cầu cấp thiết của người hủi và trẻ em nghèo tại Ấn Độ. Candau nói với bà rằng nếu bà gửi yêu cầu thông qua chính phủ Ấn Độ, WHO sẽ xem xét khả năng hỗ trợ thuốc men và vật dụng y tế cho bà.

Sau New York, điểm dừng chân tiếp theo của Mẹ Teresa là London. Tại đây, bà dành một buổi tối trò chuyện tại nhà chị gái của Thủ tướng Ấn Độ Nehru, người đã khuyến khích bà mở rộng phạm vi hoạt động của Dòng Thừa sai Bác ái, cụ thể là những nơi có các tình nguyện viên quan tâm. Mẹ Teresa cũng gặp gỡ một đại diện của cơ quan cứu trợ Oxfam và đã có buổi phỏng vấn đầu tiên trên truyền hình với một phóng viên người Anh trên kênh BBC.

Điểm dừng chân tiếp theo của bà là nước Đức. Tại đây, Mẹ Teresa tạo được tiếng vang lớn hơn nhiều so với những điểm dừng chân trước; bà được ca ngợi trên tạp chí *Weltelend*, do một Hội Thiên Chúa giáo tại Đức tên gọi Miseror xuất bản. Bài báo còn đăng những bức ảnh về cảnh nghèo khổ cùng cực tại Calcutta và ngôi nhà Nirmal Hriday. Một cuốn tạp chí khác, *Erdkreis* đã đăng các bức hình về Kalighat. Ngay khi Mẹ Teresa vừa bước xuống máy bay, rất đông phóng viên đã vây lấy bà.

Trong buổi gặp gỡ đại diện của Miseror, Mẹ Teresa liệt kê kế hoạch xây dựng một ngôi nhà tình thương mới dành cho những người sắp chết tại Delhi. Bà đã có sẵn đất, nhưng cần được giúp đỡ trong việc xây dựng cơ sở hạ

tăng. Mặc dù Miseror thường chỉ hỗ trợ về mặt tài chính cho các dự án, thế nhưng họ đã sẵn sàng đồng ý với yêu cầu của bà. Về phía mình, họ chỉ yêu cầu Dòng Thừa sai Bác ái gửi các bản báo cáo tài chính để họ có thể giám sát số tiền được sử dụng. Nhưng thật bất ngờ, Mẹ Teresa thẳng thừng từ chối đề nghị của họ, bà trả lời rằng các nữ tu không có thời gian để chuẩn bị các báo cáo tài chính phức tạp. Bà bảo đảm với các đại diện rằng họ không cần phải lo lắng về tiền bạc; sẽ không có một xu nào bị lãng phí. Nhưng lời từ chối ghi lại bản kê khai chi tiết của bà đã đánh dấu sự khởi đầu của một thông lệ sau này trở thành tâm điểm của nhiều sự chỉ trích. Theo giải thích của Mẹ Teresa thì việc lập các bảng báo cáo tài chính chi tiết cho từng nhà tài trợ sẽ khiến họ mất nhiều thời gian, mà lẽ ra thời gian đó họ có thể dành để chăm sóc người nghèo. Mặc dù bà và các nữ tu luôn lưu giữ một bảng thống kê việc sử dụng các khoản tiền tài trợ, nhưng họ lại không lập báo cáo tài chính chi tiết theo yêu cầu các tổ chức đóng góp. Và cũng như mọi khi, Mẹ Teresa để ngoài tai tất cả những lời phàn nàn về sổ sách kế toán của Dòng.

Trước khi rời Đức, Mẹ Teresa tới viếng thăm Dachau, một trong những trại tập trung khét tiếng nhất của Phát xít Đức. Hơn 28.000 người Do Thái đã chết tại đây trong khoảng thời gian từ năm 1933 đến năm 1945. Sau khi nghe kể về lịch sử của trại tập trung, Mẹ Teresa nói rằng trại tập trung này cũng giống như đấu trường Colosseum thời La Mã, nơi những người theo đạo Cơ Đốc bị ném đá đến chết. Trong mắt Mẹ Teresa, con người thời hiện đại

hành xử cũng không khá hơn, nếu không muốn nói là tệ hại hơn.

Sau một cuộc viếng thăm ngắn ngủi tới Thụy Sĩ, Mẹ Teresa dừng chân tại Rome với hy vọng có thể gặp trực tiếp Giáo hoàng John XXIII và chính thức xin phép cho Dòng Thừa sai Bác ái được nằm dưới quyền quản lý trực tiếp của Giáo hoàng. Nếu Giáo hoàng đồng ý, Dòng Thừa sai Bác ái có thể bắt đầu làm việc ở các quốc gia khác. Tuy nhiên, khi gặp gỡ Giáo hoàng, do quá run sợ nên Mẹ Teresa đã không đủ can đảm đưa ra lời thỉnh cầu, thay vào đó, bà chỉ xin được ông ban phúc. Sau đó Mẹ Teresa đã gửi lời thỉnh cầu của mình tới Hồng Y Gregory Agagianian, ông đồng ý xem xét vấn đề này. Nhưng có một điều rõ ràng rằng Tòa thánh Rome công nhận giá trị và tầm quan trọng của Mẹ Teresa không chỉ ở khía cạnh nhân đạo, mà còn về khía cạnh truyền giáo.

LẦN ĐOÀN TỤ NGẮN NGỦI

Trong thời gian ở Rome, Mẹ Teresa sắp xếp để gặp Lazar - người anh trai mà hơn ba mươi năm qua bà chưa gặp lại. Lazar lúc này đang sống tại Palermo, Sicily, Ý và đang làm việc cho một công ty dược. Ông kết hôn với một phụ nữ Ý và có một cô con gái 10 tuổi. Trong Chiến tranh Thế giới II, ông gia nhập quân đội Ý khi họ chiếm đóng An-ba-ni. Việc hoạt động trong quân đội Ý khiến ông bị tuyên án tử hình vắng mặt tại An-ba-ni; Lazar không bao giờ có thể quay lại nơi chôn nhau cắt rốn của mình.

Khi hai người gặp lại, họ đã nói về tình trạng đáng lo ngại của chị gái Aga và mẹ của họ, cả hai vẫn còn ở lại An-ba-ni. Mẹ Teresa đã xin visa để quay lại thăm An-ba-ni, nhưng có thể do quá khứ chính trị của anh trai mình, hay phần nhiều là do chính những hoạt động của bà, nên bà bị từ chối. Chính quyền An-ba-ni không mấy thân thiện với những người hoạt động tôn giáo, đặc biệt là những nhà hoạt động tôn giáo nổi tiếng trên phạm vi toàn thế giới.

Thời gian thấm thoát trôi đi, đã đến lúc bà phải quay trở lại Ấn Độ. Khi về tới Calcutta, Mẹ Teresa lại lao vào cùng các nữ tu tiếp tục công việc, mở thêm nhiều ngôi nhà tình thương. Trong vòng 5 năm tiếp theo, các giáo đoàn mới xuất hiện trên nhiều thành phố và tiểu bang trên khắp Ấn Độ. Học tập theo khuôn mẫu được thiết lập sẵn tại Calcutta, Dòng Thừa sai Bác ái ước lượng nhu cầu của các khu vực và thay đổi các chương trình của mình cho phù hợp. Với mỗi ngôi nhà mới, một ngôi trường mới, một trạm y tế di động mới, tên tuổi và những thành tựu của Mẹ Teresa càng nhận được nhiều lời tán dương. Nhưng với Mẹ Teresa, như vậy vẫn chưa đủ, và bà nóng lòng chờ đợi tin tức từ Vatican.

VÀ ĐIỀU KỲ DIỆU NHẤT ĐÃ XẢY RA

Vào tháng 2 năm 1965, Mẹ Teresa cuối cùng cũng nhận được câu trả lời: Dòng Thừa sai Bác ái đã được Đức Giáo hoàng cho phép trở thành một dòng tu dưới quyền quản lý trực tiếp của ngài. Trong sắc lệnh, Giáo hoàng

Paul VI, người vừa kế nhiệm Giáo hoàng John XXIII, giao nhiệm vụ cho Mẹ Teresa và Dòng của bà tiếp tục hiến dâng cho Chúa và làm các công việc từ thiện. Giờ đây, Mẹ Teresa có thể làm những công việc từ thiện bên ngoài phạm vi Ấn Độ. Theo thời gian, hoạt động của Dòng Thừa sai Bác ái bao trùm lên nhiều lĩnh vực như: trạm xá cho bệnh nhân lao; trạm xá phụ sản; trạm xá cho các bệnh thông thường; trạm xá di động cho người hủi; nơi qua đêm cho những người vô gia cư; nhà tình thương cho trẻ em, người nghèo và những người đang cận kề cái chết; nhiều trường mẫu giáo, tiểu học và trung học; các chương trình lương thực; nhiều ngôi làng cho người hủi; các trường tư thục; các trường dạy nghề mộc, nghề rèn, thêu thùa và các kỹ năng khác; các lớp dạy về chăm sóc trẻ em và quản lý gia đình; cứu trợ trong các sự kiện khẩn cấp và thiên tai như lũ lụt, động đất, nạn đói, bệnh dịch, bạo loạn và chiến tranh.

Năm 1965, Mẹ Teresa nhận được lời mời đầu tiên từ nước ngoài. Bà được yêu cầu mở một ngôi nhà tình thương tại Venezuela để giúp những người đang bị bản cùng hóa và mất niềm tin vào Chúa do thiếu linh mục và nữ tu làm linh hướng cho họ. Tổng giám mục James Robert Knox, Công sứ Tòa thánh tại New Delhi đã gặp gỡ một giám mục Nam Mỹ và nhận được lời thỉnh cầu rằng họ rất cần sự giúp đỡ của Dòng Thừa sai Bác ái. Knox muốn Mẹ Teresa nhận lời mời, ông đã thuyết phục bà nhưng Mẹ Teresa do dự. Bà không chắc các nữ tu của mình đã sẵn sàng đảm nhận một nhiệm vụ như thế. Bà

muốn có thêm thời gian. Nhưng Tổng giám mục Knox nói rằng nhu cầu của Giáo hội quan trọng hơn nhu cầu của các nữ tu. Và câu trả lời xuất hiện: Mẹ Teresa và các nữ tu của bà sẽ đến Venezuela.

Vào tháng 7 năm 1965, Dòng Thừa sai Bác ái mở ngôi nhà tình thương đầu tiên bên ngoài lãnh thổ Ấn Độ tại Cocorote, Venezuela. Mẹ Teresa cùng với năm nữ tu đã đến thị trấn nhỏ bé đó. Làm việc tại Cocorote đã đặt Dòng Thừa sai Bác ái vào một tình thế rất khác biệt. Họ không chỉ phải sử dụng một ngôn ngữ hoàn toàn khác mà còn sống trong một nền văn hóa khác. Trong thời gian ở Cocorote, các nữ tu lần đầu tiên cùng nhau phối hợp giáo dục tôn giáo. Do thiếu linh mục nên họ phải đảm nhận công việc chuẩn bị cho các em nhỏ tham dự lễ Rước lễ Vỡ lòng và lễ Thêm sức. Đây là hai nghi lễ quan trọng dành cho trẻ em từ 8 đến 12 tuổi của Thiên Chúa giáo.

Đến năm 1970, trọng trách mà các nữ tu phải gánh vác tăng lên nhiều. Sau khi mở một ngôi nhà tại thủ đô Caracas của Venezuela, họ nhận được quyết định của Tòa thánh cho phép ba nữ tu quyền ban Thánh thể^(*), một nghi thức thường chỉ có linh mục mới được phép làm. Việc nới lỏng các luật lệ này giúp Dòng Thừa sai Bác ái có thể ban Thánh thể cho những người bệnh tật và hấp hối. Thêm vào đó, các nữ tu còn phải bận rộn tổ chức các đám tang, giặt giũ tắm rửa cho người già và cung cấp thực

* Holy Community: Lễ ban Thánh thể, một nghi thức hành lễ của Thiên Chúa giáo, trong đó linh mục, hoặc người được cho phép, trao bánh thánh và rượu thánh cho các tín hữu.

phẩm cho những người đói kém. Vào năm 1972, Dòng Thừa sai Bác ái giúp sửa chữa nhiều ngôi nhà bị tốc mái do gió lốc, khiến nhiều người không có được nơi ở tử tế. Đối lại, các nữ tu có thể nhận được những món quà nhỏ như một quả trứng hoặc một quả chuối và họ luôn nhận với lòng biết ơn chân thành.

LỜI ĐỀ NGHỊ TỪ ROME

Vào năm 1968, Mẹ Teresa nhận được một lời mời khác, lần này, bà được mời tới làm việc giữa những người nghèo khổ ngay tại Rome. Lời mời này khiến Mẹ Teresa ngạc nhiên. Rome có hơn 22.000 nữ tu thuộc 1.200 giáo đoàn khác nhau. Mẹ Teresa thầm nghĩ tại sao Giáo hội lại cần một giáo đoàn khác tới làm việc với người nghèo? Nhưng lời mời này khá đặc biệt; nó do đích thân Giáo hoàng Paul VI đưa ra.

Ba năm trước đó, vào tháng 7 năm 1965, Mẹ Teresa nằm trong nhóm 40 người được diện kiến Giáo hoàng. Mẹ Teresa và cả sáu nữ tu tháp tùng bà lòng ngập tràn hạnh phúc khi được gặp mặt Giáo hoàng, nhưng chính ông cũng rất xúc động khi nhìn thấy Mẹ Teresa. Ông đề nghị bà cầu nguyện và viết thư cho ông. Giờ đây, Giáo hoàng đã trực tiếp yêu cầu bà giúp đỡ những người nghèo tại Rome. Tháng Tám năm đó, Mẹ Teresa và một nhóm nhỏ nữ tu tới Rome để bắt đầu công việc. Khu vực họ sẽ làm việc được biết đến với tên gọi *borgate*, thuộc vùng ngoại ô của Rome. Những người nghèo khổ nhất thành

phố sống tại đây; rất nhiều người trong số họ thậm chí bắt đầu không thể chi trả tiền thuê nhà khá cao của thành phố. Hàng ngàn người nhập cư đến từ Sicily và Sardinia sinh sống tại vùng này. Các khu ổ chuột của Rome cũng được biết đến với kiến trúc đặc biệt. Các khu nhà tạm trú được gọi là *barraca* có cấu trúc giống như một trại lính, chiếm một diện tích khá lớn trong khu ổ chuột. Các khu nhà này cũng nổi bật với mái ngói nâu đỏ, được chằng giữ bằng những tảng đá lớn. Rất nhiều trong số các khu nhà này không có điện, nước sinh hoạt và hệ thống nước thải. Một số gia đình trồng trọt trong một khu vườn nhỏ gần nhà nhằm bổ sung vào nguồn thực phẩm cho gia đình, nhờ đó mảnh đất cần cỗi có vẻ tươi tắn hơn.

Những nỗ lực đầu tiên trong việc tìm kiếm một ngôi nhà cho Dòng gần như vô vọng; có vẻ như chẳng có gì cho họ. Cuối cùng, Mẹ Teresa cũng tìm được một *barracche*. Cho đến thời điểm này, đây là nơi nghèo nàn nhất mà các nữ tu từng sống, đồng thời cũng được Mẹ Teresa lưu tâm nhất. Điểm khác biệt duy nhất là ngôi nhà có đường dây điện, còn lại nó chẳng là gì so với những ngôi nhà khác. Do không có hệ thống cấp nước; các nữ tu sĩ phải lấy nước từ một con suối làm nước sinh hoạt như các cư dân xung quanh đó. Qua thời gian, Dòng Thừa sai Bác ái đã xây dựng được nhiều chương trình thực sự dành cho người nghèo tại Rome giống với những gì họ đã làm ở các nơi khác.

KHÔNG NGỪNG PHÁT HUY SỨ MỆNH

Những năm sau đó, Mẹ Teresa và Dòng Thừa sai Bác ái tiếp tục mở thêm nhiều ngôi nhà khác trên khắp thế giới. Năm 1967, ngôi nhà đầu tiên tại Sri Lanka ra đời. Vào tháng 9 năm 1968, một tháng sau khi tới Rome, Mẹ Teresa đến Tabora, Tanzania, nơi Dòng Thừa sai Bác ái bắt đầu nhiệm vụ đầu tiên của họ tại châu Phi. Một năm sau đó, Dòng Thừa sai Bác ái có mặt tại Úc và mở một trung tâm từ thiện cho những thổ dân. Từ thời điểm này cho đến thập kỷ tiếp theo, trung bình sáu tháng lại có một trung tâm mới được mở ra trên thế giới.

Không chỉ mở rộng về số lượng, Dòng Thừa sai Bác ái còn phát triển nhiều mặt khác. Đến năm 1963, Mẹ Teresa nhận ra rằng nhiều công việc phù hợp với nam giới hơn là nữ giới, ví dụ việc chăm sóc các bé trai. Sau khi được Cha Van Exem tư vấn, bà đệ đơn lên Tổng giám mục của Calcutta xin phép được thành lập một chi nhánh mới của hội: Dòng Thừa sai Bác ái Nam. Không cần phải đắn đo, vị Tổng giám mục chấp nhận lời thỉnh cầu.

Nhưng có nhiều vấn đề cần phải giải quyết trước khi dòng tu mới được đưa vào hoạt động. Đàn ông do dự chưa muốn gia nhập vì dòng tu này vẫn chưa được công nhận. Để được công nhận, hội cần phải phát triển và cần một người đứng ra định hướng và chỉ dẫn. Mặc dù Dòng Thừa sai Bác ái Nam là “anh em” với Dòng Thừa sai Bác ái (Nữ), nhưng theo luật của Giáo hội, Mẹ Teresa không thể đứng đầu một giáo đoàn nam giới. Bà đặt vấn đề với

hai vị linh mục khác, nhưng vì nhiều lý do, bà không thể thuyết phục được họ rời bỏ giáo đoàn hiện thời để quản lý giáo đoàn mới. Cuối cùng, một linh mục trẻ nộp đơn xin vào vị trí này. Mặc dù cá nhân bà không biết gì về linh mục này, nhưng Mẹ Teresa vẫn đồng ý để ông đảm đương nhiệm vụ lãnh đạo giáo đoàn mới.

Thế là vào năm 1966, một linh mục Dòng Tên người Úc - Cha Ian Travers-Ball - trở thành người đứng đầu Dòng Thừa sai Bác ái Nam, và đổi danh xưng thành Thầy Andrew (Brother Andrew). Travers-Ball là một người trẻ và có uy tín trong Dòng. Do đã đến Ấn Độ từ năm 1954 khi mới trở thành linh mục nên ông nắm khá rõ tình hình nơi này. Ông quan tâm tới những công việc liên quan đến người nghèo, đặc biệt là cách thức làm việc với Mẹ Teresa và Dòng Thừa sai Bác ái.

Ngay từ đầu, Thầy Andrew cho rằng Dòng Thừa sai Bác ái Nam cần tạo vị thế và một hình ảnh riêng. Mặc dù rất ngưỡng mộ Mẹ Teresa, nhưng Thầy Andrew muốn thoát khỏi cái bóng của bà. Để thành lập nền tảng cho Dòng Thừa sai Nam, Thầy thuê lại một ngôi nhà nhỏ tại Kidderpore mà Mẹ Teresa đã mua trước đó. Cùng với hơn 10 bé trai vô gia cư, Thầy Andrew dọn vào ngôi nhà. Qua thời gian, ngôi nhà dần đi theo nề nếp sinh hoạt khác xa với những gì diễn ra tại Nhà Mẹ.

Nhìn chung, Dòng Thừa sai Nam đã áp dụng một cách làm việc ít khuôn phép hơn. Họ không có nhiều trụ sở như Dòng Thừa sai Nữ, nhưng họ có thể tiếp cận với

người nghèo bằng những cách mà các nữ tu không thích. Việc tiếp cận thoải mái hơn giúp các thầy tu có thể thích nghi dễ dàng với những khác biệt về văn hóa và vùng miền – một lợi thế hơn hẳn so với các nữ tu. Và vì họ tập trung giúp đỡ các bé trai nghèo khó nên những ngôi nhà của họ thường nhỏ hơn và gắn kết hơn.

Một trong những địa điểm đầu tiên mà Dòng Thừa sai Nam chọn để bắt đầu là ga tàu hỏa Howrah - nơi có rất nhiều trẻ trai nghèo khó cư ngụ. Cũng tương tự như Mẹ Teresa khi bà mới bắt đầu làm việc với người nghèo, các thầy tu bắt đầu bằng cách tiếp cận và giúp đỡ các bé trai từ những thứ nhỏ nhất như cho chúng từng bánh xà phòng hoặc giúp chúng điều trị bệnh. Dần dần, họ tổ chức các bữa ăn tối tại ga cho bọn trẻ. Một số cậu bé được đón về nuôi dưỡng và cho đi học nghề. Cùng với những cậu bé sống tại ngôi nhà Shishu Bhavan, một số được chuyển tới các ngôi nhà khác quanh phạm vi thành phố, như Nabo Jeevan (*Cuộc sống mới*), hoặc Dum-Dum, nơi có một xưởng sửa chữa đài thu thanh. Những cậu bé cần được điều trị y tế hoặc bị tâm thần thì được đưa tới Nurpur - một trang trại cách Calcutta hơn 30 km. Tại đây, chúng được dạy cách làm ruộng. Các thầy còn tích cực tham gia vào chương trình trạm xá di động dành cho người hủi. Dần dần, họ đảm nhận hoàn toàn công việc hàng ngày tại khu người hủi tại Titlagarh.

Cũng giống như Dòng Thừa sai Nữ, Dòng Thừa sai Nam phát triển nhanh chóng. Trong vòng một thập kỷ

từ khi thành lập, Thầy Andrew đã mở được ngôi nhà đầu tiên ở nước ngoài tại Việt Nam – một đất nước bị chiến tranh tàn phá. Từ điểm khởi đầu đó, họ bắt đầu mở nhiều trụ sở khác khắp thế giới, thường là ở những nơi chưa có sự hiện diện của Dòng Thừa sai Bác ái. Vào năm 1975, các thầy tu mở một ngôi nhà tại khu dân cư nghèo đầy rẫy tội phạm tại thành phố Los Angeles, tiểu bang California, Hoa Kỳ, giúp đỡ những người nghiện ma túy, nghiện rượu sống lang thang trên các đường phố.

Những khu dân cư nghèo khó nơi nào cũng có và Thầy Andrew với nhiệt tâm của mình luôn cố gắng tìm kiếm chúng. Nhiều trụ sở đã được thành lập tại Hồng Kông, Nhật Bản, Đài Loan, Hàn Quốc, Guatemala, Philippines, El Salvador, Cộng hòa Dominica, Haiti và Brazil. Bất cứ nơi nào đặt chân đến, các thầy đều làm những công việc mà họ thành thạo nhất. Nhiệm vụ của họ còn nhiều hơn so với Dòng Thừa sai Bác ái. Họ tiếp cận với cư dân trên các con phố tối tăm, giúp đỡ những người bị xã hội ruồng bỏ: tội phạm, người nghiện ma túy, nghiện rượu. Dòng Thừa sai Nam cũng tiếp tục công việc giúp đỡ những bé trai mồ côi và bụi đời. Đi đến bất cứ đâu, họ đều thành lập các bếp ăn cho trẻ em nghèo và giúp đỡ những em cần được điều trị y tế.

Nhưng con đường dẫn đến thành công của Dòng Thừa sai Bác ái Nam chẳng phải không có chông gai. Giữa Thầy Andrew và Mẹ Teresa có những bất đồng trong việc quản lý Dòng. Một trong những vấn đề đó là về trang

phục. Thầy Andrew yêu cầu các thầy tu không mặc đồng phục, mà thay vào đó là quần jeans và áo thun. Cách ăn mặc này giúp họ năng động hơn, nhưng lại khiến người ta khó nhận biết. Nhiều lần, họ bị cảnh sát bắt cùng với người đang được họ trợ giúp và bị tạm giam qua đêm. Mẹ Teresa muốn các thành viên của Dòng Thừa sai Bác ái Nam mặc bộ đồ tu sĩ truyền thống. Ngoài ra, bà cũng không đồng tình với thái độ giao phó công việc của Thầy Andrew, bà muốn ông quản lý chặt hơn và nghiêm khắc hơn, giống như cách quản lý của bà. Chuyện Mẹ Teresa thành lập một nhà tĩnh tâm cho Dòng Thừa sai Nam mà không bàn bạc với Thầy Andrew chẳng khác nào một giọt nước làm tràn ly. Hành động của bà gây ra mối bất hòa giữa hai Dòng. Năm 1987, Thầy Andrew rời khỏi Dòng. Thay thế ông là Thầy Geoff – một người đồng quan điểm với Mẹ Teresa trong cách thức quản lý và thái độ làm việc.

TÌNH NGUYỆN VIÊN

Tôi giúp đỡ Dòng Thừa sai Bác ái Nam là rất nhiều tình nguyện viên, Thầy Andrew gọi họ là *Chúng nhân* (*Come and See*). Nhóm người này đa phần trẻ tuổi, thích làm việc cùng các thầy trong vài tuần hoặc vài tháng. Một số cũng muốn gia nhập Dòng, do đó họ muốn tìm hiểu xem mình có đủ khả năng đảm đương các công việc của hội hay không.

Mẹ Teresa cũng áp dụng một cách thức tương tự đối với những cô gái trẻ muốn gia nhập Dòng, nơi có hàng

trăm tình nguyện viên, và họ được gọi là *Cộng sự (Co-Worker)*. Cách gọi này xuất phát từ cách gọi Mahatma Gandhi dành cho những người giúp đỡ mình. Cũng như Gandhi, các cộng sự của Mẹ Teresa gồm cả đàn ông, phụ nữ, và trẻ em từ khắp nơi trên thế giới. Họ mang nhiều sắc tộc, tôn giáo khác nhau, nhưng tất cả đều có một điểm chung: muốn giúp đỡ người nghèo.

Trong số những cộng sự đầu tiên giúp đỡ Mẹ Teresa có gia đình nhà Gomes, các bác sĩ, y tá và nha sĩ cung cấp dịch vụ y tế miễn phí. Tới những năm 1950, một tổ chức cộng sự chính thức được thành lập, phần lớn nhờ vào công lao của các bà vợ người Anh đang tham gia công tác xã hội tại Calcutta. Khi một vài người trong số họ quay trở lại Anh, họ bắt đầu họp mặt và vào năm 1960, *Hội Mẹ Teresa (Mother Teresa Committee)* được thành lập và bắt đầu các hoạt động giúp đỡ người nghèo tại Anh. Đến thập niên 1990, họ đã có gần 30.000 tình nguyện viên tại Anh.

Các nhóm tình nguyện với quy mô nhỏ hơn cũng xuất hiện ở nhiều nước khác. Tại Hoa Kỳ, họ có khoảng 10.000 cộng sự. Tại châu Âu, số lượng cộng sự ít hơn, chỉ vài trăm người, nhưng thành công của nhóm này thường dẫn đến việc thành lập thêm một nhóm khác. Mặc dù bị cấm tổ chức các sự kiện công chúng và những buổi quyên góp, nhưng nhóm vẫn cho phát hành *Bản tin Cộng sự viên (Co-Workers Newsletter)* rồi gửi tới tất cả các thành viên. Họ không phải trả tiền thuê văn phòng và tiền công cho nhân viên in bản tin; tất cả đều được làm một cách tự nguyện.

Hơn nữa, Mẹ Teresa cũng quy định rằng mọi địa điểm nhận quần áo, thực phẩm quyên góp phải được đặt tại nhà một ai đó để tiết kiệm tiền thuê mặt bằng.

Tại một số khu vực, các cộng sự quản lý tiền quyên góp rồi chuyển cho Dòng Thừa sai Bác ái hoặc dùng số tiền đó để mua một số lượng lớn thực phẩm, quần áo, thuốc men. Có những lúc khoản tiền quyên góp được rất lớn. Chẳng hạn, năm 1990, họ quyên được 17.000.000 franc Bỉ (tương đương 680.000 đô la vào năm 2004) được dùng để mua sữa bột, trong khi 200.000 gulden Hà Lan (tương đương 146.000 đô la vào năm 2004) dùng để mua bánh quy dinh dưỡng. Cả hai lô hàng này đều được gửi đến các chi nhánh của Dòng Thừa sai Bác ái tại châu Phi, châu Á, Trung và Nam Mỹ. Thêm một khoản 3.000.000 franc Bỉ (tương đương 120.000 đô la vào năm 2004) được dùng để mua quần áo với giá bằng một phần mười giá bán lẻ và được gửi đến nhiều nước thuộc châu Phi. Cuối cùng, 24 con-ten-nơ khác được gửi đi nhiều nước châu Á, bao gồm quần áo, chăn màn và vải vóc cũ được các tình nguyện viên ở Anh quyên góp từ các gia đình.

Mẹ Teresa cũng nhắc nhở các tình nguyện viên của mình rằng không nên bỏ qua những công việc hèn mọn thường ngày, đơn giản như viết một lá thư thăm hỏi ai đó, giặt giũ quần áo hoặc đọc sách cho người bệnh nghe.

Vào thập niên 1960, một nhóm cộng sự đặc biệt được thành lập mang tên: *Những Cộng sự Người Bệnh tật và Đau khổ (The Sick and Suffering Co-Workers)*. Nhóm

bao gồm những người lớn tuổi, ốm yếu hoặc tật nguyền không thể tham gia các công việc nặng nhọc như những nhóm khác, thay vào đó họ cầu nguyện cho hoạt động của Mẹ Teresa và Dòng Thừa sai Bác ái. Thông thường, các tình nguyện viên này có mối liên hệ với thành viên của một nhóm tình nguyện viên trong khu vực. Cho đến nay, nhóm *Những Công sự Người Bệnh tật và Đau khổ* có khoảng 5.000 thành viên tại 57 quốc gia trên thế giới.

ĐIỂM HỘI TỤ

Vào năm 1968, Oliver Hunkin - người phụ trách chương trình tôn giáo của đài BBC - gọi điện cho Malcolm Muggeridge - một phóng viên nổi tiếng người Anh - và hỏi liệu ông có thể thực hiện một cuộc phỏng vấn ngắn trên truyền hình với một nữ tu vô danh đến từ Ấn Độ không. Việc Hunkin chọn Muggeridge là rất đúng đắn. Muggeridge nổi tiếng là người ủng hộ thuyết bất khả tri^(*) và luôn có thái độ chế giễu những tôn giáo có tính quy củ. Thời trẻ, ông từng ấp ủ mơ ước trở thành linh mục, nhưng sau đó ông lại chọn con đường trở thành một phóng viên. Tuy nhiên, từ sâu thẳm tâm hồn ông, niềm tin vào Chúa chưa bao giờ tắt. Những năm sau này ông đã quay lại nhà thờ. Nhưng tại thời điểm đó, Muggeridge có chút do dự về cuộc phỏng vấn do Hunkin không cung cấp đủ thông tin cho ông.

* Học thuyết cho rằng Chúa Trời có hiện hữu hay không, không thể biết được.

Muggeridge chưa bao giờ nghe nói đến Mẹ Teresa, nhưng buổi chiều hôm sau, ông lại tự mình tìm đường tới Đan viện Chúa Cứu thế tại London. Trước các câu hỏi của Muggeridge, Mẹ Teresa có vẻ bối rối, bà trả lời nhỏ nhẹ và ngập ngừng. Muggeridge khéo léo dẫn dắt bà qua câu chuyện về sứ mệnh, về những gì bà mong muốn hoàn thành, và hoàn toàn tránh các câu hỏi có thể gây tranh cãi. Về phía Mẹ Teresa, bà cũng không đưa ra bất cứ một lời kêu gọi đóng góp nào. Đã có lúc Muggeridge e rằng mình không thể kéo cuộc phỏng vấn dài đủ 30 phút. Khi cuộc phỏng vấn được phát cho ban giám đốc đài BBC xem trước, một số ý kiến cho rằng không nên phát trên truyền hình cuộc trao đổi không rõ ràng và quá bình thường này.

Nhưng cuối cùng, cuộc phỏng vấn cũng được phát sóng vào tháng 5 năm 1968 trên chương trình *Điểm Hội tụ* của đài BBC vào tối Chủ nhật. Phản ứng của dư luận thật bất ngờ và kỳ diệu. Rất nhiều khán giả Anh xúc động khi nghe câu chuyện của Mẹ Teresa và Dòng Thừa sai Bác ái. Kết quả là chỉ trong vòng mười ngày sau khi phát sóng, 9.000 bảng Anh (tương đương với 16.000 đô la vào năm 2004) đã được gửi tới Hội. Một câu chuyện khác chứng thực sự thành công của cuộc phỏng vấn là nó đã đem lại cho Hội tổng số tiền quyên góp lên đến 25.000 bảng Anh (tương đương 45.000 đô la vào năm 2004). Mặc dù con số thực vẫn còn gây tranh cãi, nhưng có một điều không thể chối cãi: Mẹ Teresa đã làm rúng động dư luận. Ban giám đốc đài BBC thực sự sửng sốt trước phản ứng của

khán giả. Họ quyết định phát sóng lại một lần nữa và đem lại thêm nhiều tiền quyên góp đổ về cho Dòng Thừa sai Bác ái.

MỘT PHÉP MÀU THỰC SỰ?

Nhìn từ bên ngoài, cuộc phỏng vấn có vẻ rất bình thường, nhưng với Malcolm Muggeridge, nó lại có một tầm ảnh hưởng sâu sắc. Sau này, ông thú nhận rằng ngay khi nhìn thấy Mẹ Teresa bước vào phòng, ông đã nhận thấy ở bà một điều gì đó đặc biệt và thiêng liêng. Ông cũng rất hứng thú nếu được làm việc với bà một lần nữa, do đó ông đề nghị BBC cho ông tới Calcutta để ông có thể quay những thước phim trực tiếp về cảnh Mẹ Teresa khi bà làm việc.

Mùa xuân năm 1969, Muggeridge cùng với một nhà đạo diễn và quay phim lên đường tới Calcutta. Lúc đầu, Mẹ Teresa có phần do dự trước lời yêu cầu này, nhưng về sau bà đổi ý và hợp tác nhiệt tình với đoàn làm phim. Trong năm ngày tiếp theo, Muggeridge và đoàn làm phim theo chân Mẹ Teresa và ghi lại toàn bộ công việc hàng ngày của bà. Sau này, Muggeridge kể lại rằng chính những ngày quay phim tại Nirmal Hriday, ông đã được chứng kiến một phép nhiệm màu.

Lúc đầu, cả Muggeridge và Kenneth Macmillan - nhà quay phim - đều lưỡng lự trước việc quay phim bên trong ngôi nhà do không gian thiếu ánh sáng. Macmillan chỉ mang theo bên mình một cái đèn nhỏ duy nhất, và việc

có đủ ánh sáng dường như bất khả thi. Thật may, anh vừa mới mua một cuộn phim Kodak và chưa thử loại phim này bao giờ. Anh quyết định tiến hành quay trong ngôi nhà Nirmal Hriday với cuộn phim mới. Khi Muggeridge và đoàn của mình quay trở về London, họ bắt tay vào việc quay một cuốn phim tư liệu khác. Vài tuần sau, khi xem lại những thước phim cận cảnh ngôi nhà Nirmal Hriday, Macmillan kể lại rằng:

Thật đáng kinh ngạc. Tất cả đều rõ nét đến từng chi tiết. Tôi đã phải thốt lên rằng: “Thật kỳ diệu!”. Và tôi định nói... tất cả là nhờ Kodak. Nhưng tôi chưa kịp nói thế thì Malcolm, đang ngồi hàng ghế trước, quay lại và nói: “Thật thiêng liêng! Đó là do Mẹ Teresa. Cậu có thấy đó là ánh sáng thiêng liêng không, ông bạn?” ()*

Những ngày sau đó, Macmillan bị các phóng viên báo chí vây quanh để hỏi ông về phép lạ mà ông được chứng kiến.

Bộ phim tài liệu hoàn chỉnh *Điều tốt đẹp dâng cho Chúa (Something Beautiful for God)* được chiếu lần đầu tiên vào tháng 12 năm 1969 và thành công vang dội. Sau này, Muggeridge, Macmillan và Peter Chafer, đạo diễn bộ phim, khen ngợi Mẹ Teresa là một hình tượng có tầm ảnh hưởng vô cùng to lớn. Tuy nhiên, cả Chafer và Macmillan đều do dự không muốn công nhận ánh sáng rõ nét lạ thường của thước phim quay tại Nirmal Hriday là do sự

* Trích: “*Mother Teresa: Beyond the Image*”, tác giả Anne Sebba (New York: Doubleday, 1997), trang 83.

Hiển Linh của Chúa hay không. Khi Macmillan quyết định thử nghiệm loại phim đó trong điều kiện thiếu ánh sáng tương tự, kết quả là ông thu được những hình ảnh chất lượng rất kém.

Bộ phim tài liệu không những quảng bá hình ảnh Mẹ Teresa ra khắp thế giới, mà còn ảnh hưởng lớn tới Dòng Thừa sai Bác ái. Kết quả là một lượng lớn phụ nữ trẻ xin gia nhập Dòng. Vào năm 1970, một năm sau khi bộ phim tài liệu được phát sóng, Dòng Thừa sai Bác ái đã có thêm 139 thành viên mới. Những người này đến từ khắp nơi trên thế giới: Pakistan, Sri Lanka, Nepal, Malaysia, Nam Tư, Đức, Malta, Pháp, Mauritania, Ireland, Venezuela, Ý và Ấn Độ. Tổng số thành viên của giáo đoàn lúc này là 585 người, trong đó có 332 nữ tu chính thức, 175 thỉnh sinh và 78 tập sinh. Đây là một thành công lớn đối với một giáo đoàn chỉ mới được thành lập sau gần hai thập niên.

ƠN PHÚC VÀ NHỮNG LỜI CHỈ TRÍCH

Thành công của bộ phim *Điều tốt đẹp dâng cho Chúa* (*Something Beautiful for God*) khiến Mẹ Teresa không còn là của riêng Calcutta hay Ấn Độ nữa. Bà đã thuộc về cả thế giới. Phóng viên Malcolm Muggeridge giờ đây trở thành một trong những người ủng hộ Mẹ Teresa nhiều nhất. Ông tiếp tục viết một cuốn sách và được xuất bản với cùng đề tựa vào năm 1971. Ông sử dụng các đoạn ghi âm từ bộ phim để làm nội dung chính của cuốn sách và đưa vào cuốn sách nhiều bức ảnh đen trắng mô tả cuộc đời và sự nghiệp của Mẹ Teresa. Muggeridge còn dành chín trang trích dẫn những câu nói của bà. Ông nói rằng, do Mẹ Teresa sẽ chẳng bao giờ viết về bản thân và công việc của mình, vậy nên cần phải có ai đó ghi lại những lời nói của bà.

Cuốn sách đạt được một thành công phi thường; tái bản 20 lần, được dịch ra 13 ngôn ngữ và trong vòng 30 năm, số lượng bán ra là 300.000 bản. Năm 1990, trước khi qua đời, Muggeridge đã trao tặng lại Mẹ Teresa toàn bộ tiền bản quyền của cuốn sách, tổng cộng khoảng 60.000 bảng Anh.

Sự ra đời của bộ phim, cuốn sách, và các chuyến đi khắp thế giới của Mẹ Teresa đã đặt cả bà và Hội vào tâm ngắm của dư luận. Mặc dù tiếng tăm mang lại cho họ nhiều lợi ích, đặc biệt đối với Mẹ Teresa trong việc quyên góp và giúp đỡ người nghèo, nhưng nó cũng khiến bà trở thành một mục tiêu chỉ trích trước sự bất đồng quan điểm, chê trách và những lời kết tội không ngừng tăng lên. Trước đó, Muggeridge từng tiên đoán rằng một ngày nào đó Mẹ Teresa sẽ được nhận giải Nobel Hòa Bình, và sự thực thì đơn đề cử bà nhận giải thưởng này đã bị từ chối đến ba lần.

TIẾP TỤC NHỮNG CHUYẾN ĐI

Vào những năm 1970, Mẹ Teresa tiếp tục đi khắp nơi để diễn thuyết đồng thời thành lập thêm nhiều trụ sở mới cho Dòng Thừa sai Bác ái. Trong khoảng thời gian này bà đã thành lập một trụ sở tại thủ đô Amman của Jordan. Vào tháng 12 năm 1970, một viện sơ tu, nơi huấn luyện những thành viên mới được mở tại Anh; nhiều trụ sở của hội được mở tại Quận Paddington, London và tại Bronx, New York vào năm 1971. Mẹ Teresa và hội không hề né

tránh những điểm nóng trên thế giới. Năm 1972, một cơ sở mới được mở tại Belfast, Bắc Ireland. Năm 1973, Mẹ Teresa mở thêm một cơ sở giúp 380.000 người tị nạn Ả Rập sống và làm việc trong vùng chiếm đóng của Israel tại dải Gaza. Việc này vẫn tiếp diễn trong suốt thập niên và lên đến đỉnh điểm vào năm 1979, là năm Dòng Thừa sai Bác ái mở thêm 14 cơ sở mới. Với việc mở rộng trụ sở ra khắp các quốc gia, Mẹ Teresa đã nhận được sự ủng hộ của nhiều nhà lãnh đạo trên thế giới. Chỉ riêng tại Hoa Kỳ, bà đã nhận được sự ủng hộ nhiệt tình của gia đình Kennedy thuộc đảng Dân chủ và Richard M. Nixon, cựu Tổng thống thuộc đảng Cộng hòa.

Bà cũng bắt đầu nhận được một số giải thưởng danh dự. Năm 1962, bà nhận Giải thưởng Magsaysay vì Tinh thần Thấu hiểu Quốc tế. Cũng trong năm đó bà được nhận giải thưởng Padma Shri, nghĩa là *Bông sen Vĩ đại*, giải thưởng cao quý thứ 2 của Ấn Độ. Đầu tiên, Mẹ Teresa không muốn nhận giải, nhưng sau khi được sự cho phép, bà đã tới New Delhi để nhận giải thưởng từ Tổng thống Ấn Độ - Tiến sĩ Rajendra Prasad.

Các giải thưởng này thường đi kèm với một số tiền thưởng lớn. Ví dụ, số tiền nhận được từ giải thưởng Magsaysay đủ để bà mua một ngôi nhà cho lũ trẻ. Vào tháng 1 năm 1971, Mẹ Teresa lên đường tới Rome để nhận một tấm ngân phiếu từ Giáo hoàng Paul VI, trị giá 10.000 bảng Anh (tương đương 17.000 đô la) sau khi được trao *Giải thưởng Hòa bình Giáo hoàng John XXIII* đầu tiên. Số

tiền đó được sử dụng trực tiếp vào việc xây dựng ngôi nhà cho người hủi trên mảnh đất do chính phủ Ấn Độ quyên tặng. Năm 1971, bà lại tới New Delhi một lần nữa để nhận Giải thưởng Nehru vì Tinh thần Thấu hiểu Quốc tế do chính phủ Ấn Độ trao tặng. Năm 1973, Mẹ Teresa trở thành người đầu tiên nhận Giải thưởng Templeton vì Sự Phát triển của Tôn giáo. Bà được một hội đồng giám khảo đại diện cho các tôn giáo lớn trên thế giới bao gồm Thiên Chúa giáo, Hồi giáo, Do Thái giáo, Phật giáo và Hindu giáo bình chọn trong số 2.000 người được đề cử. Dù trong bất cứ trường hợp nào, Mẹ Teresa đều sẵn sàng đại diện người nghèo trên thế giới nhận giải thưởng.

ĐẤU TRANH CHỐNG LẠI SỰ NGHÈO NÀN VỀ TINH THẦN

Là người quá quen thuộc với cuộc sống nghèo khó của người dân trong các nước thuộc Thế giới thứ ba nhưng khi đối mặt với sự nghèo khổ tại những nước phương Tây, Mẹ Teresa vẫn không khỏi bàng hoàng. Hơn một lần, bà đã nhắc đến với sự mỉa mai rằng những người phương Tây gửi tiền quyên góp giúp người nghèo tại Ấn Độ, nhưng lại quay lưng với những người nghèo khổ, đau khổ và bị lãng quên ngay trên chính đất nước mình. Tại nhiều khu vực, Dòng Thừa sai Bác ái mở nhiều nhà tình thương cho những người cùng khổ sống trên đường phố. Các nữ tu sĩ cũng kiểm tra sức khỏe cho những người già và cô đơn không nơi nương tựa.

Đối với Mẹ Teresa, sự nghèo đói trong những xã hội như Hoa Kỳ và Anh Quốc thực ra là sự nghèo đói về tinh thần. Nó xuất hiện dưới dạng cảm giác cô đơn và bị ruồng bỏ, như một căn bệnh truyền nhiễm lan truyền qua những người vô gia cư, người lang thang, nghiện rượu, những người mắc bệnh thần kinh bị bỏ mặc tự xoay xở. Điều Mẹ Teresa cảm thấy phiền lòng khi đi ngang qua những khu dân cư tồi tàn ở London và New York là phản ứng của xã hội trước những con người khốn khổ này: xa lánh và bỏ mặc họ cho lòng thương hại của những kẻ khỏe mạnh hơn.

Nhưng Mẹ Teresa không phán xét những xã hội ấy. Thay vào đó, bà chỉ nhẹ nhàng chỉ ra rằng Chúa không tạo ra người nghèo trên thế giới này, Người cũng không tạo ra sự nghèo đói hay mất cân bằng trong xã hội mà đó là do con người không chia sẻ đúng mực với nhau, khiến một số người quá dư thừa và một số khác thì luôn thiếu thốn. Khi đối mặt với lời chỉ trích rằng việc giúp đỡ tất cả những người thiếu thốn trên thế giới là một điều không tưởng, bà trả lời rằng bà và các nữ tu của mình sẽ làm bất cứ điều gì, và vào bất cứ lúc nào nếu có thể để biến cái không thể thành có thể. Nếu buộc phải đưa ra kết quả công việc từ lần thâm nhập đầu tiên vào những khu ổ chuột 20 năm về trước, Mẹ Teresa có thể sẽ phải ngạc nhiên khi biết rằng bà và dòng tu của mình đã cứu giúp hàng chục ngàn mạng sống. Nhưng những con số này chẳng có ý nghĩa gì đối với Mẹ Teresa. Với bà, mỗi hành động nhỏ, mỗi tình thương dành cho những người thiếu thốn, được làm nhân danh Chúa, mới thật sự quan trọng.

LÃNH ĐẠO BẰNG CÁCH NÊU GUƠNG

Với số lượng trụ sở không ngừng tăng lên, lịch làm việc của Mẹ Teresa trở nên dày đặc. Vì bà giám sát chặt chẽ hoạt động dòng tu của mình và lãnh đạo bằng cách nêu gương, nên bà cần phải thăm tất cả những Nhà Mẹ để theo dõi công việc hàng ngày. Bà nhắc nhở các nữ tu không được lãng phí tiền quyên góp bởi nhiều người đã phải hy sinh để họ có được số tiền ấy. Thuốc men và thực phẩm cần được phân phát càng sớm càng tốt để tránh bị hư hỏng. Bà yêu cầu các linh mục đỡ đầu về mặt tinh thần cho các nữ tu nhưng không can thiệp vào chuyện nội bộ của dòng, cụ thể là về việc thực hiện lời khấn sống trong nghèo khó của họ. Cho dù vào thời điểm nào, Dòng cũng không được nâng tiêu chuẩn sống của mình; điều này có nghĩa là họ phải sống mà không có những thứ đơn giản như rèm cửa hoặc khăn trải giường. Những đồ vật được quyên tặng như máy giặt, thảm và các tiện nghi khác đều được đem cho người khác. Mẹ Teresa không ngừng nhắc nhở các nữ tu sĩ của mình rằng: người nghèo sống thiếu thốn, và họ cũng phải sống như vậy.

Bà cố gắng viết thư đều đặn cho từng nhà để gửi những lời khuyên, sự khôn ngoan và lời an ủi đến các nữ tu đang không ngừng tăng lên. Bà viết thư cảm ơn đến những bậc cha mẹ có con gái hiến dâng cuộc đời mình cho Chúa. Bà nhắc nhở các nữ tu sĩ hãy luôn vui vẻ và mỉm cười vì Chúa cần và yêu thương những người hiến dâng một cách tự nguyện. Sự vui vẻ cũng lôi cuốn những

người tìm kiếm sự an ủi từ Dòng Thừa sai Bác ái. Bà luôn chia sẻ tin tức về các chuyến đi, về các cuộc họp mặt với các chức sắc của nhà thờ, và những chuyện hài hước mà bà được chứng kiến trong các chuyến công du của mình.

Ngay cả khi đã trở nên nổi tiếng, Mẹ Teresa vẫn luôn giữ tính khiêm nhường. Bà thường ngủ ở giá hành lý của một toa tàu hạng thấp nhất hoặc ngồi chung ghế xe lửa, hay ghế xe buýt giữa một bà nông dân và lũ gia cầm của bà. Những lúc có chỗ ngồi tử tế, bà cố tận dụng tối đa thời gian đó để suy nghĩ và thường viết những ghi chú ngắn hoặc những lá thư gửi các nữ tu sĩ và các nhà hảo tâm.

Tuy nhiên, bà vẫn từ chối lời đề nghị về các khoản đóng góp đều đặn được gửi về hội. Bà tự nhủ rằng quyền góp tiền không phải là công việc của bà, bởi bà lo rằng Dòng Thừa sai Bác ái sẽ trở thành một tổ chức kinh doanh hơn là một tổ chức từ thiện. Bà phó mặc cuộc đời và số phận vào tay Chúa. Bà hoàn toàn tin rằng Người sẽ chu cấp cho bà những thứ cần thiết để giúp đỡ người nghèo. Việc bà từ chối một số khoản đóng góp lớn khiến người khác phải ngạc nhiên, nhưng hoàn toàn phù hợp với niềm tin đó. Có một lần bà đã từ chối lời đề nghị từ Hồng y Terence Cooke của thành phố New York rằng ông sẽ cung cấp 500 đô la hàng tháng cho mỗi nữ tu sĩ làm việc tại khu ổ chuột Harlem. Bà hỏi liệu ông có nghĩ rằng Chúa sẽ “phá sản” tại thành phố New York hay không?

MẤT MÁT VÀ THẤT BẠI

Thập niên 1970 là giai đoạn phát triển đỉnh cao của Dòng Thừa sai Bác ái cũng như những ghi nhận cống hiến dành cho Mẹ Teresa. Tuy nhiên, đây cũng là một thập niên đầy sóng gió khi Mẹ Teresa phải chịu cả những mất mát cá nhân và thất bại trong mắt dư luận. Có lẽ bà cũng nhận ra rằng không phải mọi thứ đều có thể đạt được chỉ bằng niềm tin và tình thương.

Năm 1970 bắt đầu bằng một lá thư báo tin xấu từ chị gái Aga, người đang sống cùng mẹ tại Tirana, An-ba-ni. Sức khỏe của Drana lúc này rất yếu và ngày càng xấu đi. Thêm vào đó, cuộc sống tại An-ba-ni ngày càng khó khăn, cả hai phải chật vật kiếm sống từng ngày. Đối với Mẹ Teresa, điều này thật cay đắng. Sự cứu trợ thần thánh của bà, người đã biến những điều không thể thành có thể, bỗng dưng bất lực một cách kỳ lạ. Bà đón nhận tin xấu với một tinh thần vững vàng song vẫn không khỏi buồn phiền vì không giúp được gì cho mẹ và chị gái trong khi đã giúp biết bao người khác trên khắp trên thế giới.

Vào tháng 6 năm 1970, Mẹ Teresa thực hiện một chuyến hồi hương buồn vui lẫn lộn. Hội Chữ thập đỏ đã mời bà tới thăm Nam Tư. Từ đó, bà lên đường tới Prizren, nguyên quán của gia đình, rồi tới Skopje, thành phố quê hương của bà. Tại đây bà gặp gỡ giám mục địa phương và thăm giáo đường tại Letnice, nơi bà thường đến cầu nguyện và tĩnh tâm khi còn là một cô bé. Bà nói với mọi người rằng bà hy vọng một ngày nào đó sẽ quay lại Skopje để mở một trụ sở của Dòng Thừa sai Bác ái.

Cuối năm đó, Drana viết một lá thư gửi con trai Lazar nói rằng ước muốn duy nhất của bà là được gặp con trai, gia đình con trai và cô con gái Gonxha (tức Mẹ Teresa) trước khi từ giã cõi đời. Cả Lazar và Mẹ Teresa nỗ lực hết mình để đưa Aga và Drana qua Ý tái hợp. Một lần, trong cuộc viếng thăm Rome, Mẹ Teresa đã đến đại sứ quán An-ba-ni xin phép đưa mẹ và chị sang Ý. Lazar bị giới hạn những việc có thể làm, ông tìm đến Quỹ Cứu trợ Thiên Chúa giáo để giúp Aga và mẹ mình xuất cảnh khi họ có cơ hội. Nhưng, các nỗ lực này đều vô ích: chính quyền An-ba-ni từ chối cấp phép cho Aga và Drana xuất cảnh.

Mẹ Teresa bèn nghĩ cách tự mình tới An-ba-ni. Nhưng điều khiến bà nản lòng dù được phép nhập cảnh vào An-ba-ni, nhưng chính quyền có thể không cho bà xuất cảnh. Cuối cùng, vào ngày 12 tháng 7 năm 1972, Mẹ Teresa nhận được tin mẹ bà qua đời. Một năm sau đó, vào ngày 25 tháng 8 năm 1973, thêm một tin buồn được gửi tới: Aga – người chị gái thân yêu của bà cũng về với Chúa. Bà đau đớn, tiếc thương khôn nguôi cho mẹ và người chị đã phải chịu nhiều đau khổ.

Năm 1971, Dòng Thừa sai Bác ái gặp phải một bước lùi lớn. Sau một thời gian khuyếch trương rộng rãi, Dòng mở một ngôi nhà tại Belfast, Bắc Ireland tại khu ổ chuột của người Thiên Chúa giáo Ballymurphy. Tại thời điểm đó, Belfast là một thành phố hỗn loạn, cuộc đối đầu bạo lực giữa các phe phái Thiên Chúa giáo và Tin Lành thường xuyên xảy ra. Mẹ Teresa gửi đi bốn nữ tu cùng một cây

đàn vĩ cầm và hai chiếc chăn cho mỗi người. Ngôi nhà họ sẽ tới ở trước đây có một linh mục từng bị bắn khi ông vừa hoàn thành lễ rửa tội cuối cùng cho một người đàn ông bị thương trên đường phố. Ngôi nhà bị bỏ hoang và trở thành mục tiêu của những kẻ phá hoại. Không sợ hãi, các nữ tu bắt đầu làm việc cùng một nhóm nữ tu sĩ Anh giáo với hy vọng sẽ giúp kết thúc cuộc xung đột trong thành phố.

Nhưng, chỉ sau 18 tháng tại Belfast, các nữ tu đã phải rời khỏi đây với lý do rằng mình không được chào đón và không thấy cần thiết phải đặt bản thân vào vòng hiểm nguy thêm nữa. Mẹ Teresa nhìn nhận việc ra đi của họ không phải là một thất bại, mà là một “lời gọi” do vẫn còn rất nhiều nơi khác cần đến họ hơn. Bà phái họ tới Ethiopia, nơi họ sẽ giúp đỡ những nạn nhân giữa cơn hạn hán nghiêm trọng đang tàn phá đất nước này.

Trong suốt thập niên 1980, Dòng Thừa sai Bác ái còn gặp phải nhiều sự cố khác. Tháng 3 năm 1980, một kẻ nào đó đã phóng hỏa đốt cháy ngôi nhà dành cho những phụ nữ nghèo khó do họ xây dựng tại Kilburn, London. Vào năm 1986, hai nữ tu sĩ bị chết đuối tại Dehra Dun, Ấn Độ do một cơn mưa lớn khiến cây cầu gỗ bị sập trong lúc xe cứu thương của họ chạy qua. Với Mẹ Teresa, hai tai họa trên thực sự là những tổn thất to lớn của Dòng Thừa sai Bác ái.

Điều đau đớn hơn đối với Mẹ Teresa là các nữ tu sĩ đã tuyên khấn nhưng rồi lại chọn con đường rời bỏ Dòng.

Trong số mười hai nữ tu đầu tiên, hai người đã ra đi, tiếp sau đó là một số người khác. Có nhiều lý do khiến họ ra đi: một số quyết định phục vụ Chúa theo cách khác, một số ra đi vì lý do sức khỏe; số khác ra đi vì mong muốn kết hôn, xây dựng cuộc sống gia đình. Mẹ Teresa không phát ý trước các quyết định của họ; bà cảm ơn họ vì đã cống hiến và nỗ lực thực hiện các hoạt động của Dòng Thừa sai Bác ái. Nhưng lẽ tự nhiên bà rất buồn khi mất đi các thành viên.

Mặc dù có những bước thăng trầm, nhưng Dòng Thừa sai Bác ái vẫn tiếp tục lớn mạnh. Đến năm 1979, Dòng đã có 158 trụ sở được thành lập trên khắp thế giới, với 1.187 nữ tu đã tuyên khấn, 411 thỉnh sinh và 120 tập sinh. Có lẽ điều đáng ngạc nhiên nhất là việc phát triển không ngừng của Dòng diễn ra vào thời điểm mà lòng mộ đạo của người Thiên Chúa giáo nhìn chung đang trên đà đi xuống. Tinh thần nguyện sống trong nghèo khó và tận hiến trọn đời phục vụ Chúa có một sức lôi cuốn mãnh liệt đối với phụ nữ khắp nơi. Với Mẹ Teresa, việc không ngừng đón các thành viên mới sẵn sàng giúp đỡ người nghèo khiến bà cảm thấy ấm lòng. Hầu như tuần nào cũng có một nhóm mới rời Nhà Mẹ để tới làm việc tại những nơi cần sự có mặt của họ. Theo cách nói của Mẹ Teresa, đó chính là tinh thần: *“Nếu có người cùng khổ trên mặt trăng, chúng tôi cũng sẽ lên đến đó”*^(*).

* Trích: *“Mother Teresa”*, tác giả Kathryn Spink (San Francisco: Harper & Row, 1997), trang 102.

ĐÒN ĐÁNH ĐẦU TIÊN

Một trong những đòn tấn công đầu tiên và dữ dội nhất vào những việc làm của Mẹ Teresa diễn ra tại Bangladesh – một quốc gia mới được thành lập. Trong khoảng thời gian từ năm 1947 và 1971, trước khi giành được độc lập, Bangladesh lập thành phần phía Đông của Pakistan và được gọi là Đông Pakistan. Trước khi Ấn Độ bị chia cắt thành hai nước độc lập Ấn Độ và Pakistan vào năm 1947, khu vực Bangladesh hay “vùng đất Bengal” lúc này là phần phía Đông của tỉnh Bengal.

Vào tháng 12 năm 1971, chiến tranh nổ ra tại biên giới phía Tây giữa Ấn Độ và Pakistan. Quân đội Ấn Độ chiếm Đông Pakistan và giành quyền kiểm soát nước này trong hai tuần lễ. Chính quyền lưu vong Bangladesh tự thành lập tại Dhaka vào ngày 22 tháng 12 năm 1971, nhưng vào tháng 1 năm 1972, các nhà lãnh đạo đã quay về nước để cai quản đất nước mới.

Nền độc lập của Bangladesh phải trả bằng một cái giá rất đắt. Trong chín tháng chiến tranh, ba triệu người Bengal đã thiệt mạng và hơn một triệu ngôi nhà bị phá hủy. Trong số những người thiệt mạng có rất nhiều trí thức: giáo viên, kỹ sư, bác sĩ, luật sư và công nhân tay nghề cao. Nhiều đồn điền chè và nhà máy bị tàn phá. Hệ thống giao thông bị phá hủy nghiêm trọng. Hàng chục triệu dân tị nạn quay trở về nhà trong đống đổ nát. Một số khác chui rúc trong những đường ống cống gần đó để trú ẩn.

Thêm vào đó, đất nước này còn phải gánh chịu hậu quả nặng nề từ cuộc nội chiến. Mặc dù chịu nhiều tổn thất trực tiếp do các hành động của quân đội Pakistan, nhiều người không phải người Bengal, sống tại Đông Pakistan, như người Bihari chẳng hạn, đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành một lực lượng bán quân sự trợ giúp quân Pakistan chống lại người Bengal. Sau cuộc chiến, nhiều người Bihari bị bắt giam và một số bị giết. Cuộc thảm sát vẫn chưa dừng tại đó. Quân đội Pakistan bị cho là đã làm nhục 4.000 phụ nữ, nhưng theo một số nguồn tin khác thì con số đó phải lên tới 200.000 người.

Vào ngày 14 tháng 1 năm 1972, Mẹ Teresa thông báo bà sẽ tới Bangladesh cùng với 10 nữ tu để trợ giúp các nạn nhân bị hăm hiếp, rất nhiều người trong số họ hiện nay đã ở vào giai đoạn chuẩn bị sinh nở. Đi qua Khulna, Pabna, Rajshashi và Dhaka, Mẹ Teresa và các nữ tu tìm kiếm những phụ nữ này với hy vọng có thể sắp đặt việc nhận con nuôi càng nhiều càng tốt. Với người Hồi giáo, vì cưỡng hiếp bị xem là một tội nặng, nạn nhân thường bị gia đình, bạn bè, thậm chí cả làng ruồng bỏ. Vì vậy, với nhiều phụ nữ, vứt bỏ đứa trẻ là lựa chọn duy nhất của họ.

Tại Dhaka, các nữ tu sĩ được phép sử dụng một tu viện cũ làm nhà tình thương cho nạn nhân. Nhưng có ít người tới tìm kiếm sự giúp đỡ. Một số nạn nhân không mang thai, một số khác thì cố gắng phá bỏ thai nhi. Cuối cùng, tu viện được chuyển thành một ngôi nhà Shishu Bhavan khác, dành cho trẻ mồ côi và trẻ em bị bỏ rơi.

Một trong những người bất đồng quan điểm và không ủng hộ cách làm của Mẹ Teresa là Germaine Greer - một phụ nữ Úc đấu tranh cho quyền bình đẳng nữ giới và là một nhà văn theo đạo Thiên Chúa. Trong một bài báo viết cho tạp chí *Independent* vào năm 1990, bà đề cập đến một mục đích khác đằng sau hoạt động từ thiện của Mẹ Teresa:

Năm 1972, khi bà tới Dhaka hai ngày sau khi mảnh đất này được giải phóng khỏi quân đội Pakistan, có 3.000 phụ nữ được tìm thấy tại các lô cốt quân đội trong tình trạng không một mảnh vải che thân. Các bộ sari của họ bị lột sạch để họ không thể treo cổ tự vẫn. Những phụ nữ mang thai muốn được phá thai, nhưng Mẹ Teresa không cho họ sự lựa chọn nào khác ngoài việc phải sinh con, dù đó là đứa con của sự thù hận. Thế giới của bà không có chỗ cho sự lựa chọn các giá trị đạo đức của người khác. Bà ấy không hề đoái hoài đến việc cho những người phụ nữ khốn khổ đó một sự lựa chọn.^()*

Chưa dừng lại ở đó, Greer tiếp tục viết về vấn đề này theo lời kể lại của những người đỡ đẻ mà bà từng nói chuyện vào thời điểm đó, rằng những phụ nữ mang thai bị ảnh hưởng bởi sự hành hạ về thể xác, suy dinh dưỡng cũng như những phụ nữ sẩy thai đều bị trạm xá của Mẹ Teresa từ chối. Theo Greer, những phụ nữ đó bị các nữ tu Dòng Thừa sai Bác ái làm việc tại trạm xá kết tội là cố tình giết chết đứa con trong bụng mình. Hơn nữa, khi chính phủ mới của Bengal cấm đưa trẻ mồ côi Bengal ra

* Trích: "*Heroes and Villains*" (Những vị anh hùng và kẻ bất lương), tác giả Germaine Greer (*Independent*, ngày 22 tháng 9, năm 1990).

nước ngoài, Mẹ Teresa bằng cách nào đó đã được phép sắp đặt cho các em bé Bengal vào sống trong nhiều gia đình Thiên Chúa giáo tại các nước khác. Và theo như các nguồn tin của Greer, tất cả những người trong Ủy ban Kế hoạch hóa Gia đình biết về việc này đều bị cấm có những phát ngôn chỉ trích Mẹ Teresa và việc làm của bà.

GIẢI NOBEL HÒA BÌNH

Bước sang thập niên 1970, Mẹ Teresa trở thành nhân vật chính của một câu chuyện đầy cuốn hút trên khắp các tờ báo và tạp chí trên thế giới. Người nữ tu bé nhỏ có chiều cao khiêm tốn này (chỉ nhỉnh hơn một mét rưỡi) lại là bạn của nhiều lãnh đạo và chính trị gia quyền lực trên thế giới. Mặc dù số tiền quyên góp cho Dòng Thừa sai Bác ái ngày một lớn, nhưng Mẹ Teresa nhất quyết không cho phép bản thân có bất cứ thứ gì trái với lời tuyên thệ sống trong nghèo khó. Và mặc dù có vóc dáng nhỏ bé, nhưng rõ ràng bà sở hữu một quyền lực khá lớn.

Vào tháng 12 năm 1975, tạp chí *Time* không chỉ dành hẳn một bài viết dài về Mẹ Teresa mà còn đưa cả hình ảnh bà lên trang bìa. Mẹ Teresa giải thích rằng bà chỉ đồng ý ngồi cho phóng viên chụp ảnh sau khi đã cầu nguyện tại lễ Misa vào sáng hôm đó. Bà nguyện xin với Chúa rằng với mỗi tấm hình mà họ chụp, một linh hồn sẽ được cứu rỗi khỏi nơi đau khổ.

Trong bài "*Các vị thánh giữa đời thường*", ngoài việc đem lại một cái nhìn tổng quan về công việc của Mẹ

Teresa, tác giả còn khuyên nhiều người ủng hộ và xem bà là một vị thánh sống, danh hiệu mà Mẹ Teresa luôn từ chối. Bài báo cũng bàn về những phẩm chất tạo nên một vị thánh. Ví dụ, rất nhiều vị thánh sống cuộc đời vượt ra ngoài khuôn khổ thông thường của xã hội và thường bị xem là lập dị. Trong khi đó, những người có xu hướng tuân theo các chuẩn mực văn hóa ít khi thể hiện những phẩm chất thần thánh. Theo như một giáo sư thần học, các vị thánh thường là những người đứng gần ranh giới của những kẻ điên khùng, người thiên tài hoặc kẻ ngu dốt. Họ phá vỡ hầu hết các quy tắc xã hội thông thường để làm những công việc của mình.

Không chỉ chỉ ra những phẩm chất của một vị thánh trong con người Mẹ Teresa, bài viết trên tạp chí *Time* còn chỉ ra sự nghiêm khắc trong tổ chức và sự thấu hiểu sâu xa mà bà dành cho người nghèo. Bên cạnh đó, bài viết cũng nêu tên tuổi một số cá nhân từng cống hiến cả cuộc đời cho người nghèo nhưng họ không được biết đến nhiều như Mẹ Teresa. Chẳng hạn như Dorothy Day - người sáng lập ra Phong trào Công nhân Thiên Chúa giáo; nhà truyền giáo y học người Na Uy Annie Skau sống và làm việc tại Hồng Kông; Bác sĩ Cicely Saunders - người khởi xướng phong trào Trăm Tế bản; và Matta el Meskin, một linh mục thuộc chủng viện Coptic (Ai Cập) được biết đến với tên gọi Matthew Nghèo khó.

Cho tới thời điểm này, Mẹ Teresa đã nhận được nhiều giải thưởng cùng rất nhiều lời tán tụng. Tuy nhiên, nhiều người vẫn cho rằng sự hy sinh của Mẹ Teresa chưa được

đánh giá đúng mức, họ mong ước bà sẽ nhận được phần thưởng cao quý nhất thế giới: Giải Nobel Hòa bình.

Những người có quyền đề cử giải Nobel Hòa bình có thể là một thành viên nào đó thuộc một trong số bảy tổ chức sau: Tòa án Quốc tế tại The Hague, Hà Lan; Ủy ban Nobel của Quốc hội Na Uy; các cố vấn được Viện Hàn lâm Nobel Na Uy chỉ định; các giáo sư đại học chuyên về khoa học chính trị, luật, lịch sử và triết học; và cuối cùng là những người từng được nhận giải Nobel Hòa bình.

Lần đầu tiên Mẹ Teresa được đề cử là năm 1972, nhưng năm đó bà không giành được giải thưởng. Rất nhiều người ủng hộ bà, trong số đó Malcolm Muggeridge, đã đưa tên bà vào danh sách đề cử năm 1975. Lần này, có thêm một số nhân vật quan trọng lên tiếng đề cử bà, như Thượng nghị sĩ Edward Kennedy, Robert McNamara^(*) - sau này là Chủ tịch Ngân hàng Thế giới, Ủy ban Quốc gia Phụ nữ Công giáo, Thị trưởng thành phố Addis Ababa, Faruk Berkol - Chủ tịch Cơ quan Cứu trợ Thiên tai Liên Hiệp Quốc và một số nữ tu tại Tây Ban Nha.

Nhưng giải thưởng một lần nữa lại tuột khỏi tay bà và thuộc về Andrei Sakharov - một nhà khoa học nổi tiếng người Nga, cũng là một người đấu tranh cho nhân quyền. Năm 1977, tên Mẹ Teresa lại được đề cử. Một lần nữa, Hội đồng Nobel không trao cho bà giải thưởng mà trao

* Robert Strange McNamara (9/6/1916 - 6/7/2009) là cựu Chủ tịch Tập đoàn Xe hơi Ford, cựu Bộ trưởng Quốc phòng Hoa Kỳ nhiệm kỳ 1961-1963 và 1963-1968, cựu Chủ tịch Ngân hàng Thế giới nhiệm kỳ 1968-1981.

cho Tổ chức Ân xá Quốc tế ghi nhận công lao đi đầu trong công cuộc đấu tranh cho nhân quyền trên thế giới. Sau này bà nói đùa rằng giải thưởng chỉ đến với bà khi Chúa Giêsu nghĩ rằng thời điểm đó là thích hợp.

Vào năm 1979, tên bà lại một lần nữa được đề cử, và lần này được tiến hành ít ồn ào hơn. Mặc dù dư luận không biết ai là người đề cử Mẹ Teresa, nhưng người ta cho rằng đó có thể là Robert McNamara. McNamara đã biết Mẹ Teresa gần hai thập kỷ và rất quen thuộc với công việc giúp đỡ người nghèo của bà. Ông cùng làm việc với bà trong chương trình Thực phẩm cho Hòa bình (Food for Peace). Vào năm 1975, McNamara từng viết về Mẹ Teresa và công việc của bà như sau:

Quan trọng hơn cả các công việc được tổ chức chặt chẽ của bà là thông điệp rằng hòa bình đích thực không phải chỉ là không có chiến tranh hay xung đột, mà là sự bình yên có được từ một hệ thống xã hội mà ở đó con người biết cảm thông và đối xử với nhau một cách công bằng. Những cuộc chiến tranh và xung đột trong lịch sử loài người cho thấy nếu không có một cái nhìn tổng quát hơn về một điều – điều mà những lo lắng của Mẹ Teresa dành cho người cùng khổ đã minh họa một cách sinh động – thì triển vọng về một nền hòa bình trên thế giới sẽ mãi mãi mong manh và có thể tan biến bất cứ lúc nào.^()*

* Trích: *"Mother Teresa: Faith and Compassion"* (Mẹ Teresa: Niềm tin và Lòng trắc ẩn), tác giả Raghu Rai và Navin Chawla (Rockport, Mas.: Element, 1992), trang 184; *"Mother Teresa: Beyond the Image"*, tác giả Anne Sebba (New York: Doubleday, 1997), trang 100.

Và rồi vào ngày 16 tháng 10 năm 1979, tin tức mà nhiều người chờ đợi sau bao nhiêu năm đã được công bố: Hội đồng Nobel đã quyết định trao giải thưởng Nobel Hòa bình năm 1979 cho Mẹ Teresa. Sau công bố đó, có một số câu hỏi hăm hực dành cho hội đồng xét giải Nobel. Một số người đã cật vấn Hội đồng tại sao lại chọn Mẹ Teresa vào thời điểm này mà không phải ai khác? Ai là những người đã đề cử bà? Nhưng theo nguyên tắc, các cuộc họp của hội đồng được giữ bí mật, nên không ai có thể biết được điều gì đã diễn ra trong cuộc tranh luận này.

Trong khi đó, tại Calcutta, khi tin tức được báo về, hàng loạt phóng viên và thợ săn ảnh đã xô tới tìm Mẹ Teresa và phỏng vấn bà về tin vui này. Đứng trước Nhà Mẹ, bà phát biểu với đám đông báo chí rằng: *“Tôi chưa xứng đáng. Tôi xin đại diện những người nghèo khó nhận giải thưởng này. Phần thưởng này là dành cho thế giới nghèo đói... Phục vụ người nghèo là tôi đang phụng sự Chúa”*. Một buổi tiệc được tổ chức để chúc mừng bà. Trong buổi tiệc này, một quan chức chính phủ phát biểu rằng: *“Bà từng là người mẹ của Bengal, và giờ đây, bà là mẹ của cả thế giới”*^(*). Cùng ngày hôm đó, một bé gái sơ sinh bị bỏ rơi được mang đến Shishu Bhavan tại Calcutta. Cô bé được đặt tên là Shanti, trong tiếng Hindu có nghĩa là “Hòa Bình” để kỷ niệm giải thưởng Mẹ Teresa vừa được trao tặng.

Đó mới chỉ là sự khởi đầu của lễ ăn mừng. Những ngày tiếp theo, Mẹ Teresa nhận được hơn 500 bức điện

* *“Such a Vision of the Street: Mother Teresa – The Spirit and the Work”*, tác giả Eileen Egan (Garden City, New York: Sách hình, 1986), trang 396.

chúc mừng từ các nhà lãnh đạo khắp nơi trên thế giới. Những lá thư chúc mừng và ca ngợi bà tiếp tục được ồ ạt gửi tới. Nhiều người còn đến Nhà Mẹ để chúc tụng bà. Người Ấn Độ vui mừng vì giải Nobel Hòa bình lại một lần nữa được đem về cho đất nước họ; sáu thập kỷ trước đó, Hội đồng xét giải Nobel đã trao giải thưởng này cho Mahatma Gandhi. Chính phủ Ấn cũng phát hành một loại tem bưu chính để vinh danh Mẹ Teresa. Khắp nơi trên thế giới, người ta tổ chức ăn mừng vì cuối cùng hội đồng xét giải đã gạt bỏ vấn đề chính trị sang một bên để chọn một con người hoạt động nhân đạo đích thực, một người có thể tương xứng với những người được trao giải trước kia như Albert Schweitzer, Mahatma Gandhi và Martin Luther King Jr. Nhiều người cho rằng với giải Nobel Hòa bình được trao, chính Mẹ Teresa đã góp phần làm tăng danh giá của giải thưởng này.

Tuy nhiên, vẫn có những ý kiến bất đồng và những lời gièm pha, trong đó phải kể đến việc một nhóm cực đoan có tư tưởng chống Gandhi cho ra đời bài báo *"Giải Nobel không danh giá"*. Bài báo có đoạn:

Sau tất cả những gì đã nói và làm thì Mẹ Teresa cũng chỉ là một nhà truyền giáo. Bằng việc giúp đỡ người nghèo và bệnh tật, mục đích cuối cùng của bà là tìm cách tạo thiện cảm với mọi người về Thiên Chúa giáo và, nếu có thể thì cải đạo họ. Dòng Thừa sai chỉ là công cụ của các nước đế quốc phương Tây, không phải là tiếng nói vô tư của Chúa.^()*

* *"Such a Vision of the Street: Mother Teresa – The Spirit and the Work"*, tác giả Eileen Egan (Garden City, New York: Sách hình, 1986), trang 398.

Mẹ Teresa - Nguồn sáng từ trái tim



Ấn Độ phát hành tem vinh danh Mẹ Teresa nhân sự kiện bà nhận giải Nobel Hòa bình năm 1979.

Một nhà phê bình viết trên tờ *New York Times* rằng theo những gì ông hiểu về giải Nobel Hòa bình thì nó được dành cho các cá nhân có những đóng góp quan trọng cho hòa bình thế giới, không phải dành cho ai đó chỉ đi giúp đỡ những cá nhân đau

khổ. Một bài báo khác, trên tờ *National Catholic Reporter* nói rằng Mẹ Teresa và Dòng Thừa sai Bác ái chỉ đơn thuần che đậy những vết thương do chủ nghĩa tư bản gây ra và họ chẳng làm được gì nhiều trong việc thay đổi những căn nguyên khiến con người nghèo khổ. Nhìn chung, những lời bàn tán xôn xao quanh giải Nobel Hòa bình của Mẹ Teresa đã làm lu mờ những người đoạt các giải Nobel khác trong năm 1979.

ĐI OSLO

Tháng 12 năm 1979, Mẹ Teresa cùng với bốn nữ tu tháp tùng bà đến Oslo để nhận Giải Nobel và một tấm séc trị giá 90.000 bảng Anh (tương đương 161.000 đô la). Ngoài ra, bà còn nhận được một ngân phiếu khác trị giá 36.000 bảng Anh (tương đương 64.000 đô la) do Hội Thanh niên Na Uy trao tặng, và 3.000 bảng Anh khác (tương đương 5.300 đô la) dự định được dùng để tổ

chức một cuộc diễu hành theo truyền thống để vinh danh người đoạt giải, nhưng theo yêu cầu của Mẹ Teresa, số tiền đó được dùng cho những người cần một bữa ăn hơn.

Đó là một ngày giá buốt, rất nhiều người đã khoác lên mình những bộ áo choàng và mũ lông thú để tới Đại học Aula Magna tại Oslo - nơi diễn ra lễ trao giải và nghe bài phát biểu của Mẹ Teresa. Trong đám đông có cả nhà vua và thái tử của Na Uy cùng nhiều quan chức tầm cỡ khác trên thế giới. Sân khấu được trang hoàng lộng lẫy với thật nhiều hoa tươi; gần đó, một dàn nhạc giao hưởng đang chơi bản nhạc của Edvard Grieg - nhà soạn nhạc vĩ đại người Na Uy. Chỉ mặc một chiếc áo len đan tay màu nâu và một chiếc áo choàng màu đen khoác bên ngoài bộ sari vải cotton mỏng, Mẹ Teresa bước lên bục trao giải. Sau lời kêu gọi khán giả cùng cầu nguyện, bà bắt đầu bài diễn thuyết của mình. Theo phóng viên của tờ tạp chí *National Review*, bài diễn thuyết của Mẹ Teresa không chỉ bàn về các vấn đề của người nghèo, mà còn về nạn phá thai, rằng những đất nước cho hợp pháp hóa việc phá thai là những đất nước nghèo nàn nhất. Bà cũng nhấn mạnh rằng tội ác khủng khiếp nhất trên thế gian này là *“chối bỏ một đứa trẻ vô tội chưa chào đời”*^(*).

Một phóng viên khác ghi lại lời phát biểu của Mẹ Teresa như sau:

“Tôi cảm thấy hành động phá vỡ hòa bình ngày nay chính là việc phá thai bởi đó là một cuộc chiến trực tiếp,

* Bán nguyệt san, *National Review*, ngày 4, tháng 1 năm 1980, trang 12.



Mẹ Teresa nhận giải Nobel Hòa bình tại Oslo, Na Uy năm 1979.

một hành động giết người trực tiếp – hành động sát nhân trực tiếp do chính người mẹ gây ra... Hãy thử tưởng tượng xem, nếu một người mẹ có thể giết chính đứa con của mình, thì việc tôi giết bạn hay bạn giết tôi có gì ngăn cản nổi? Không có gì độc ác hơn hành động đó!”^(*)

Mẹ Teresa cũng nói về sự thiếu thốn về mặt tinh thần tại phương Tây:

“Không chỉ riêng những quốc gia nghèo, tôi còn nhìn thấy sự nghèo nàn ngay trong lòng các nước phương Tây. Sự nghèo khổ ấy thật khó có thể xóa bỏ... những con người bị ném ra ngoài vòng xã hội – sự khốn khổ đó đau lòng đến mức tôi cảm thấy thực sự bức rứt. Các nữ tu của tôi đang làm việc với những con người đó tại phương Tây.”^(*)

Mặc dù tờ báo của Na Uy *Aftenposten* bình luận rằng giới báo chí như bị hút hồn trước lời phát biểu của vị nữ tu nhỏ bé đoạt giải Nobel, nhưng vẫn có không ít người chỉ trích bài phát biểu của bà. Qua bài diễn thuyết, có thể thấy Mẹ Teresa không chỉ nêu lên quan điểm của mình về vấn đề phá thai, mà còn tỏ rõ rằng bà sẽ không thay

* Nobel Foundation, trích: *Bài phát biểu của Mẹ Teresa trong lễ trao giải Nobel*, <http://www.nobel.se/peace/laureates/1979/teresa-lecture.html> (tham khảo vào ngày 19 tháng 11 năm 2003).

đổi cái nhìn của mình. Và bất cứ khi nào có cơ hội, bà sẵn sàng nói lên quan điểm ấy.

Dường như vấn đề phá thai vẫn chưa đủ gây tranh cãi, Mẹ Teresa còn khiến nhiều người An-ba-ni phật ý khi bà đề cập đến vấn đề tự do tôn giáo tại đất nước này. Khi được một phóng viên hỏi ý kiến, Mẹ Teresa đã do dự và nói rằng bà không thể nói thêm do không nắm được cụ thể những gì đang diễn ra. Nhưng nhiều nhà bình luận đã chỉ ra rằng việc bà liên lạc với mẹ và chị cho đến khi họ qua đời, cộng thêm nhiều lần cố gắng đưa họ rời khỏi đất nước, hoặc ít nhất là việc bà cố gắng xin phép được thăm họ, cho thấy Mẹ Teresa thực sự biết rõ tình hình hiện tại của đất nước An-ba-ni. Hơn nữa, đầu năm đó, Mẹ Teresa đã gặp người vợ góa của vua An-ba-ni, Hoàng hậu Geraldine, và chắc chắn họ đã bàn luận về tình thế khó khăn của đất nước.

Sau lễ nhận giải Nobel Hòa bình, nhiều người ủng hộ Mẹ Teresa nói rằng, sở dĩ Mẹ Teresa không bàn luận về câu hỏi liên quan đến An-ba-ni là do bà không muốn bị lôi vào một cuộc tranh cãi chính trị, điều đó không thích hợp với mục đích chính của cuộc đời bà: giúp đỡ người nghèo. Nhưng những người chỉ trích thì nói rằng, bằng những phát ngôn về nạn phá thai, Mẹ Teresa đã tự đưa bản thân vào một cuộc tranh cãi nóng bỏng có cả màu sắc chính trị.

DAPHNE RAE VÀ YÊU HẾT LÒNG DÙ CÓ BỊ TỔN THƯƠNG

Sau sự kiện Mẹ Teresa đoạt giải Nobel Hòa bình, các hoạt động tại Nhà Mẹ ở số 54A đường Lower Circular tăng tốc một cách đáng kể. Các khoản quyên góp được gửi về tới tấp từ khắp nơi trên thế giới, kèm theo một số lượng lớn các cá nhân và công ty ngỏ lời muốn giúp đỡ Dòng Thừa sai Bác ái. Công ty Giày Bata gửi da tới cho các bệnh nhân hủi để họ tự làm giày. Một tổ chức phi lợi nhuận có trụ sở đặt tại Anh với tên gọi *Trợ Giúp Người Lớn Tuổi* đã quyên tặng tiền để mua thực phẩm. Tổ chức quốc tế Rotary Club hứa trợ giúp về tài chính và giúp đỡ Mẹ Teresa khi cần thiết. Như vậy, hỗ trợ Mẹ Teresa là một lượng lớn các tổ chức và cá nhân giàu có; họ dành cả thời gian lẫn tiền bạc giúp đỡ người nghèo.

Một trong những tình nguyện viên này là Daphne Rae. Bà từ Anh tới Calcutta để làm việc trong các khu ổ chuột. Rae là vợ của hiệu trưởng trường Westminster - một trong những trường học tốt nhất tại Anh. Rae là người gốc Sri Lanka, cải đạo theo Thiên Chúa giáo vào năm 1977 và tới Calcutta vào năm 1979. Bà xa chồng và sáu đứa con để tới làm việc với Mẹ Teresa. Để được làm việc với Dòng Thừa sai Bác ái, bà đã phải tới thành phố này ba lần. Ngoài việc mang theo những khoản đóng góp lớn gồm thuốc men và thiết bị y tế, bà còn dành nhiều thời gian tại Nirmal Hriday và ngôi nhà tình thương của lũ trẻ. Nhưng rồi bỗng dưng bà ngừng làm việc với Mẹ Teresa và dành sức lực làm việc với các

tổ chức ít có tiếng tăm hơn cũng chăm sóc người nghèo tại Ấn Độ.

Mặc dù bà chưa bao giờ tuyên bố trước công luận lý do mình ngừng làm việc với Dòng Thừa sai Bác ái, nhưng quyển sách của Rae vào năm 1981 với tựa đề *Yêu cho đến khi bị tổn thương: Mẹ Teresa và Dòng Thừa sai Bác ái* đã hé mở một vài lý do khiến bà thay đổi ý định. Trước đây Rae từng giúp đỡ những người bệnh nặng và hấp hối, bà không hề xa lạ với những nơi như Nirmal Hriday. Tuy nhiên, bà cảm thấy lo lắng khi làm việc với Mẹ Teresa bởi phải chứng kiến cảnh các kim tiêm y tế lẽ ra chỉ sử dụng một lần, nhưng lại được dùng đi dùng lại; thậm chí có khi lên đến 40 hoặc 50 lần.

Rae cũng là người kịch liệt phản đối việc phá thai, nhưng bà cảm thấy khó chịu trước cách đối xử của các nữ tu đối với các bà mẹ đơn thân tại Shishu Bhavan. Với một cô gái Hindu trẻ, việc chưa có chồng mà có thai sẽ bị xem là một vụ tai tiếng, bởi vậy với nhiều người, phá thai dường như là lựa chọn duy nhất. Một số người không muốn phá thai có thể tìm đến tá túc tại Shishu Bhavan. Thường thì những cô gái tới đây biết rằng họ sẽ có được một nơi để ngủ, được chăm sóc y tế, và em bé sắp sinh sẽ được giúp đỡ tìm người nhận nuôi, bù lại họ sẽ phải làm công việc nhà. Theo Rae, những sắp xếp thế này thường dẫn tới kết cục là các cô gái bị đối xử như một người hầu thấp kém và chỉ được nhận tối thiểu những thứ cần thiết. Bà cũng nhận thấy thái độ bề trên của các nữ tu, rõ ràng là họ không giữ một thái độ khoan dung đối với những người phụ nữ chưa chồng mà có con, khác với những gì họ nói với xã hội.

NGƯỜI PHỤ NỮ ĐƯỢC CHÀO ĐÓN

Bước sang thập niên 1980, Mẹ Teresa tăng cường các cuộc viếng thăm đến các nước trên khắp thế giới để gặp gỡ các nhà lãnh đạo hoặc để mở thêm trụ sở của Dòng Thừa sai Bác ái. Lịch di chuyển dày đặc khiến bà không có nhiều thời gian dành cho Nhà Mẹ. Việc bà đi vắng 10 tháng mỗi năm đã trở thành điều bình thường. Theo chỉ thị của Giáo hoàng John Paul II, người mà bà có mối quan hệ thân thiết, Mẹ Teresa dùng các chuyến đi và sự quan tâm của báo chí để truyền đi các thông điệp của bà, điều này giúp bà có một vị thế không thua kém bất cứ một vị lãnh đạo tôn giáo nào.

Thập niên tiếp theo Mẹ Teresa quay trở lại quê hương Skopje một lần nữa với tư cách là khách mời của thành phố. Nhiều tháng sau đó, bà mở một ngôi nhà tại Zagreb, Croatia. Bà tham dự hội nghị nói về cuộc sống gia đình tại Guatemala; sau đó thăm đảo quốc Haiti nghèo xơ xác và hội kiến Tổng thống Jean-Claude Duvalier và Phu nhân. Từ Haiti, bà tới Ai Cập và khiến chính quyền Athen một phen hoảng hốt khi kêu gọi các bà nội trợ Ai Cập hãy sinh thật nhiều con. Số là, Chính phủ Ai Cập vừa cho sản xuất hàng loạt phim ngắn về chính sách kế hoạch hóa gia đình, nhưng vẫn chưa cải thiện được nạn nhân mãn của họ.

Sau những chuyến công tác không ngừng của Mẹ Teresa, Dòng Thừa sai Bác ái đã mở các cơ sở mới khắp nơi trên thế giới. Năm 1980, có 14 ngôi nhà mới được mở; năm 1981 là 18; năm 1982, 12; năm 1983, 14. Vào đầu thập niên này, Dòng Thừa sai Bác ái thành lập được

140 trường học tại các khu ổ chuột, một chương trình cung cấp thức ăn hàng ngày cho gần 50.000 người tại 304 trung tâm. Có 70 Shishu Bhavan chăm sóc khoảng 4.000 trẻ em, trong đó có khoảng 1.000 trường hợp nhận con nuôi được sắp xếp. Dòng còn có 81 ngôi nhà chăm sóc những người hấp hối và 670 trạm xá di động điều trị cho khoảng 6 triệu bệnh nhân. Mặc dù Dòng Thừa sai Bác ái đã có mặt và làm việc khắp nơi trên thế giới, nhưng tập trung đông nhất tại Ấn Độ.

Mẹ Teresa cũng tiếp tục xem nhẹ sự an toàn của bản thân và tiến vào nhiều điểm nóng của thế giới. Vào năm 1982, bà tới phía Tây Beirut, nơi các bệnh viện trong khu vực thường xuyên bị pháo binh Israel bắn phá. Trong thời gian tại đây, bà đưa được 37 trẻ nhỏ bị mắc kẹt tại một bệnh viện tâm thần lên một đoàn xe của Hội Chữ thập đỏ tới Đông Beirut một cách an toàn. Vào năm 1984, bà tới Bhopal, Ấn Độ, nơi xảy ra một vụ rò rỉ khí ga độc tại nhà máy Union Carbide làm chết hàng ngàn người và gây hại tới sức khỏe của nhiều người khác.

Trong giai đoạn này, Mẹ Teresa cũng tích cực hoạt động vì những bệnh nhân AIDS. Bà mở một trạm tế bần tại Làng Greenwich tại New York để chăm sóc bệnh nhân của căn bệnh mà bà thường gọi là “căn bệnh hủi mới tại phương Tây”. Trong số những bệnh nhân đầu tiên của bà có ba phạm nhân bị lây bệnh từ nhà tù Sing-Sing khét tiếng gần New York. Nhưng mặc cho tinh thần sẵn sàng đấu tranh với căn bệnh chết người, Mẹ Teresa vẫn bị chỉ trích về cách bà chăm sóc các bệnh nhân AIDS. Theo một nguồn tin, một bác sĩ làm việc tại trạm tế bần hoảng sợ

khi biết các nữ tu gần như không biết gì về căn bệnh. Vị bác sĩ đó nói với Mẹ Teresa rằng việc đeo một cây thánh giá quanh cổ chẳng thể nào bảo vệ bà khỏi bị lây nhiễm. Mẹ Teresa trả lời rằng Chúa sẽ che chở cho bà. Đối với một số nhà bình luận, câu nói của bà thật khinh suất, vì: *“Chúa chẳng bao giờ cung cấp cho bà kiến thức hay kỹ năng. Sự thật là, chỉ có Chúa không thôi vẫn chưa đủ... rằng AIDS là một căn bệnh không thể được chữa trị bằng những lời yêu thương và một bát xúp nóng”^(*).*

THÁNH NHÂN VÀ KẺ TỘI ĐỒ

Vào năm 1985, thế giới được chứng kiến một cặp đôi kỳ quặc nhất từ trước đến giờ: một ca sĩ nhạc rock trẻ tuổi chống Thiên Chúa giáo người Ireland và một nữ tu nhỏ nhắn cùng làm việc với người nghèo khắp nơi trên thế giới. Thoạt nhìn, người ta có thể thấy việc một ngôi sao nhạc rock Bob Geldof, giọng ca chính của nhóm Boomtown Rats, gặp gỡ Mẹ Teresa không chỉ là một sự kỳ quặc, mà còn là một chuyện hết sức phi lý, nhưng cả hai lại có một điểm tương đồng: làm việc để giúp đỡ người nghèo.

Geldof, một người Ireland theo đạo Thiên Chúa, vào năm 1984 đã đi đầu trong việc tổ chức các buổi hòa nhạc của nhóm để quyên góp tiền cho người nghèo tại châu Phi. Tháng 1 năm 1985, khi đang trên đường tới Ethiopia để chuyển số tiền quyên góp thì ông gặp Mẹ Teresa tại sân bay Addis Ababa. Geldof nhớ lại ấn tượng đầu tiên

* Bài “Mother Teresa”, tác giả Anthony Burgess, *Evening Standard*, ngày 3 tháng 1 năm 1992.

khi ông gặp Mẹ Teresa là trông bà thật nhỏ bé. Ông cao lênh khênh, hơn bà đến hơn 60 cm. Ông mô tả bà là một người phụ nữ có dáng người khác khổ với điểm đặc biệt nhất là đôi chân. Đó là một đôi chân xương xẩu và biến dạng trên một đôi dép sút sẹo. Khi Geldof định hôn bà, bà liền cúi đầu xuống để ông chỉ có thể hôn vào khăn trùm đầu. Điều này khiến Geldof băn khoăn. Sau này, ông mới biết được rằng Mẹ Teresa chỉ để người hủi hôn mình.

Trong khi thợ chụp ảnh chụp hình họ, Mẹ Teresa và Geldof bắt đầu nói chuyện, bà nói về Dòng Thừa sai Bác ái còn ông nói về ban nhạc Boomtown Rats của mình. Ông đề nghị sẽ tổ chức một buổi hòa nhạc, toàn bộ số tiền thu được sẽ dành cho các công việc từ thiện của bà. Nhưng bà nhẹ nhàng từ chối, nói rằng Chúa sẽ chu cấp cho bà. Sau này, theo như Geldof hỏi tường lại, ông từng có dịp chứng kiến “sự chu cấp” ấy. Khi tới thành phố, Mẹ Teresa thấy một số tòa nhà bị bỏ trống, bà đã xin phép chính quyền cho bà sử dụng chúng làm trại trẻ mồ côi. Các quan chức chính phủ bối rối, không muốn từ chối bà nhưng không biết phải nói sao. Rõ ràng Mẹ Teresa đã biết về các tòa nhà từ trước. Khi vị quan chức trả lời rằng ông sẽ tìm cho bà một ngôi nhà khác để làm trại trẻ mồ côi, bà đáp rằng bà cần hai tòa nhà cho hai trại trẻ mồ côi chứ không phải một.

Sau này, khi được hỏi về ấn tượng của ông đối với Mẹ Teresa, Geldof trả lời rằng bà là hiện thân của điều tốt, nhưng nhấn mạnh rằng bà cũng là một người bình thường, hoàn toàn không phải một vị thánh như mọi người vẫn nghĩ. Bà hoàn toàn có khả năng làm việc với

báo chí và có thể điều khiển họ một cách dễ dàng. Ông cũng nói rằng ở bà không có bất cứ một sự khiêm tốn giả tạo nào; bà hoàn toàn nghĩ đến người khác trong những việc bà làm và dường như luôn quan tâm một cách chân thành tới những con người mà bà đang giúp đỡ.

Năm 1986, Mẹ Teresa tiến xa hơn một bước khi bà tới Liên bang Xô Viết để gặp gỡ các quan chức chính phủ. Hai năm sau, bà quay lại cùng với bốn nữ tu và bắt đầu làm việc tại một bệnh viện ở Moscow giúp đỡ những nạn nhân trong một vụ động đất. Cuộc viếng thăm của bà chưa hề có tiền lệ và đánh dấu lần đầu tiên một hội truyền giáo được phép mở một ngôi nhà tại đây kể từ Cách Mạng Tháng Mười Nga năm 1917.

MỘT CHUYẾN VIẾNG THĂM KHÔNG VUI

Vào năm 1988, Mẹ Teresa tới London gặp Thủ tướng Margaret Thatcher. Bà cũng viếng thăm Cardboard, khu vực dành cho những người vô gia cư. Bà yêu cầu Thatcher giúp đỡ bằng cách xây một nhà nghỉ cho họ, nhưng Thatcher nói rằng đã có nhiều tổ chức tình nguyện trong thành phố với mục đích giúp đỡ những người vô gia cư, vì vậy Mẹ Teresa không cần phải làm việc đó.

Giữa họ còn nảy sinh một số vấn đề khác. Cuộc viếng thăm của Mẹ Teresa trùng với phiên họp của Quốc hội Anh bàn về một đạo luật sẽ giảm thời gian cho phép phá thai từ 28 tuần xuống còn 18 tuần. Mẹ Teresa một lần nữa

tôi gặp Thatcher thỉnh cầu bà ấy ủng hộ đạo luật. Một lần nữa, bà bị Thatcher từ chối. Tại một hội thảo ở Oxford, Mẹ Teresa nói rằng tất cả những cặp vợ chồng sử dụng các phương pháp tránh thai khác với phương pháp chu kỳ được Giáo hội Thiên Chúa giáo chấp nhận sẽ không được nhận con nuôi từ Dòng Thừa sai Bác ái.

Không lâu sau đó, Mẹ Teresa gặp Robert Maxwell - một người Úc, chủ sở hữu tờ *Daily Mirror* tại London. Maxwell, vốn được biết đến với sự thiếu minh bạch trong kinh doanh, đã đề nghị giúp Mẹ Teresa quyên góp tiền cho Dòng Thừa sai Bác ái tại London. Maxwell rất thích gây sự chú ý, trong khi đó Mẹ Teresa hoặc do không biết về cách thức kinh doanh của Maxwell, hoặc do không chịu tin vào điều đó nên đã chấp thuận lời đề nghị của ông ấy. Đây cũng là một cơ hội giúp bà làm việc mà không phải thông qua chính phủ. Tổng cộng 169.000 bảng Anh sau khi quyên góp đã được chuyển vào tài khoản của Maxwell và tờ báo bên cạnh 90.000 bảng Anh do độc giả của một tờ báo Scotland trao tặng cho Dòng Thừa sai Bác ái. Với số tiền đó, bà hy vọng sẽ thành lập hai cơ sở cho những người vô gia cư tại London.

Nhưng Mẹ Teresa đã chẳng bao giờ nhìn thấy số tiền trên. Một số người đoán rằng Maxwell đã chiếm trọn số tiền đó. Sau này, đại diện tờ *Daily Mirror* nói rằng đó là do Mẹ Teresa không tìm được một ngôi nhà hoặc một khu đất thích hợp cho mục đích của bà. Ông ấy cũng phủ nhận việc số tiền đó bị thâm lạm. Nhiều người cho rằng việc nhận một số tiền từ một người đàn ông vốn được biết đến

là tay lừa đảo và cũng là kẻ làm ăn thiếu đạo đức là một điều nhớ bản. Nếu Mẹ Teresa có bất kỳ sự hối tiếc nào về những việc bà đã làm thì việc hợp tác với Maxwell là một trong số đó. Cuối cùng, vào năm 1993, một nhà nghỉ 35 phòng được mở tại London dành tặng cho Dòng Thừa sai Bác ái. Mẹ Teresa tới dự lễ khai trương và một lần nữa cảm ơn độc giả của tờ *Daily Mirror* vì lòng hảo tâm của họ. Tuy nhiên, bà phàn nàn về việc các quan chức chính phủ Anh không đóng góp nhiều trong việc làm giảm bớt đau khổ cho những người vô gia cư trong đất nước của họ, dù bà đã lên tiếng đề nghị.

Trong vòng hai mươi năm, tên tuổi Mẹ Teresa và dòng tu của bà lan rộng khắp nơi trên thế giới, nhưng đó cũng là khoảng thời gian chất chứa những mất mát, sự hối tiếc và nhiều điều tranh cãi. Với một thập niên mới đang mở ra trước mắt, Mẹ Teresa, lúc này đã 80 tuổi, không có một chút biểu hiện xuống sức nào. Tuy nhiên, những năm tiếp theo sẽ là giai đoạn xuống dốc của bà, ở cả cuộc sống cá nhân và công việc, khi bà cố gắng tiếp tục làm việc với người nghèo.



Giáo hoàng John Paul II, người hỗ trợ và theo sát từng bước đi của Mẹ Teresa và hoạt động của Dòng Thừa sai Bác ái.

Mother Teresa: A Biography



Hình ảnh Mẹ Teresa đã được in trên tem bưu chính của các nước Ấn Độ, Anh, Mỹ, Bhutan, Macedonia,...



“NGƯỜI PHỤ NỮ NGOAN ĐẠO NHẤT CỦA GIÁO HỘI”

Lịch làm việc của Mẹ Teresa vẫn dày đặc, nhưng vào đầu thập niên 1990, người ta nhận thấy việc bà tiếp tục đi từ nơi này qua nơi khác hay đến những điểm nóng trên thế giới không thể tiếp diễn mãi. Năm 1989, sức khỏe của bà bắt đầu yếu dần. Tháng Chín năm đó, bà bị lên cơn đau tim nguy kịch và phải trải qua một cuộc phẫu thuật lớn. Đây không phải lần đầu bà lên cơn đau tim, mười lăm năm trước bà từng được chẩn đoán về căn bệnh này. Tuy nhiên, bà vẫn theo đuổi lịch làm việc dày đặc của mình.

Sau khi được gắn máy trợ tim vào tháng 12 năm 1989, Mẹ Teresa tiếp tục thiết lập thêm nhiều trụ sở khác cho Dòng Thừa sai Bác ái. Năm 1991, bà lại phải nhập viện một lần nữa. Lần này bà được điều trị tim và bệnh nhiễm

khuẩn tại Bệnh viện Scripps, La Jolla, California. Sau đó, trong chuyến thăm Tijuana, Mexico, bà lại ngã bệnh. Các bác sĩ buộc phải tiến hành phẫu thuật để thông mạch máu cho bà.

Mặc dù sức khỏe ngày càng kém đi nhưng Mẹ Teresa vẫn không chịu nghỉ ngơi. Năm 1993, trong lúc ở Rome, bà bị ngã và gãy xương sườn. Tháng Bảy năm đó, bà phải nằm viện hai ngày tại Bombay do kiệt sức; chưa đầy một tháng sau, bà phải nhập viện tại New Delhi, lần này là do bị sốt rét, căn bệnh khiến cho bệnh tim và phổi của bà càng nặng hơn. Bà được chuyển tới Viện Y học Ấn Độ và được điều trị tại phòng săn sóc đặc biệt của khoa tim mạch. Bà trở về Calcutta chưa đầy một tháng thì lại cần đến bác sĩ, lần này là do động mạch tim bị nghẽn. Rõ ràng là tuổi già và hậu quả của nhiều năm sống trong thiếu thốn cùng với công việc nặng nhọc và những chuyến công tác triền miên đã bào mòn sức lực của Mẹ Teresa.

CHƯA THỂ BUÔNG BỎ

Đến năm 1990, do sức khỏe kém, Mẹ Teresa bắt đầu suy nghĩ nghiêm túc về việc thôi giữ chức lãnh đạo Dòng Thừa sai Bác ái. Thậm chí, bà đã thông báo với Giáo hoàng John Paul II về ý định của mình. Nhưng sau đó mọi việc lại lắng xuống. Một số người cho rằng Mẹ Teresa không muốn từ bỏ quyền kiểm soát Dòng; một số khác lại cho rằng bà sợ tiền quyền góp sẽ giảm đi đột ngột nếu bà nghỉ hưu. Do vậy, việc bà tiếp tục là người lãnh đạo

đóng một vai trò cốt yếu cho sự tồn tại của Dòng Thừa sai Bác ái.

Ngay cả những người ủng hộ Mẹ Teresa cũng cảm thấy băn khoăn về việc bà từ chối chỉ định người kế vị. Một số người cho rằng, việc bà thiết lập một cơ sở lớn với một lượng tiền và hoạt động từ thiện khổng lồ nhưng lại không lên kế hoạch cho tương lai cho thấy một cái nhìn thiếu cân và tham quyền cố vị. Các chức sắc của Giáo hội cũng quan tâm đến chuyện này; rõ ràng giai đoạn này nên để một người lãnh đạo trẻ hơn, năng động hơn, lên nắm quyền quản lý. Những người ủng hộ Mẹ Teresa cũng lo lắng rằng công tác từ thiện vĩ đại mà bà gây dựng nên có thể sẽ bị ảnh hưởng trước sức khỏe ngày càng yếu của bà. Một người làm việc trong Vatican, vốn rất ủng hộ bà cũng cho rằng kể cả khi đã nghỉ hưu, Mẹ Teresa vẫn có thể đóng một vai trò tích cực trong việc giải quyết các vấn đề của dòng tu. Bà có thể tập trung vào những việc như điều hành các công việc thường nhật và giáo dục, những công việc không đòi hỏi phải đi công tác đến kiệt sức như bà đã làm. Thời gian này, Mẹ Teresa thậm chí không hề nghĩ đến cả việc chuyển giao một phần công việc lại cho người khác.

Mặc cho sức khỏe suy giảm, Mẹ Teresa vẫn tiếp tục quan tâm đến các cuộc khủng hoảng khắp nơi trên thế giới. Bà cũng tiếp tục nhận được các khoản tiền quyên góp khổng lồ từ các nhà lãnh đạo trên thế giới. Yassir Arafat - lãnh tụ của Tổ chức Giải phóng Palestine PLO, đã

tự tay trao cho bà một tấm séc 50.000 đô la tại Calcutta, mặc dù ông chẳng bao giờ bình luận về lý do ông quyết tặng một khoản tiền hào phóng như vậy cho Dòng Thừa sai Bác ái.

Ba thập niên vừa qua mọi việc diễn ra khá suôn sẻ đối với Mẹ Teresa. Bà được dư luận tung hô và được giới báo chí ca ngợi hết lời, nhưng bước sang thập niên 1990, mọi việc bỗng chốc thay đổi, bắt đầu là bài báo của Germaine Greer về những gì Mẹ Teresa đã làm tại Bangladesh gần 20 năm về trước. Kế hoạch làm một bộ phim về cuộc đời Mẹ Teresa cũng gặp trở ngại. Diễn viên dự kiến được phân vai Mẹ Teresa là nữ diễn viên người Anh Glenda Jackson; kịch bản phim của Dominique LaPierre, người viết cuốn sách bán chạy *Thành Phố của Niềm Vui*, mô tả những gì Mẹ Teresa đã làm cho Dòng Thừa sai Bác ái. Bộ phim nhận được sự ủng hộ của Tòa thánh Vatican; nhưng Mẹ Teresa từ chối hợp tác với đoàn làm phim và chẳng bao giờ giải thích về quyết định của mình. Các tờ báo và tạp chí viết về bà giờ đây ít khen ngợi hơn, thay vào đó họ mô tả bà là một con người hay đòi hỏi và vị kỷ. Đây mới chỉ là điểm khởi đầu cho những gì sắp diễn ra tiếp theo.

THIÊN THẦN CỦA ĐỊA NGỤC

Vào ngày 8 tháng 11 năm 1994, nhân viên tổng đài kênh truyền hình Anh Channel 4 nhận đôn dáp hơn 200 cuộc gọi đến, đa số từ những khán giả bất bình sau khi xem một bộ phim dài 30 phút *Thiên thần của Địa ngục*

do Tariq Ali - một phát thanh viên người gốc Pakistan, đồng thời là một tác giả nổi tiếng gây nhiều tranh cãi - sản xuất. Thiên thần trong bộ phim chính là Mẹ Teresa. Những sóng gió xung quanh bộ phim, vốn đã gây nhiều tranh cãi khi mới được trích đoạn quảng cáo, càng khiến dư luận thêm xôn xao.

Bộ phim dựa trên câu chuyện của một phóng viên gốc Anh tên Christopher Hitchens. có nhiều lời buộc tội, trong đó, đa số đã được Hitchens nhắc đến trong các bài viết trên những tờ tạp chí nổi tiếng như tờ *Vanity Fair* và tờ *Tin tức tự do* cục đoan *Nation*. Một trong những phát biểu mang tính kích động của Hitchens là “Mẹ Teresa chọn con đường dễ dàng để thực hiện sứ mệnh qua các đảng quân vương và những con người quyền thế” và hoạt động “như một đại sứ lưu động dưới thể chế giáo hoàng chuyên chính ở mức cao”^(*) của Giáo hoàng John Paul II. Thêm vào đó, ông còn kết tội Mẹ Teresa là:

“... đã giải tỏa sự áy náy về mặt tinh thần cho những tên độc tài và những kẻ bóc lột bằng một chút cảm giác về sự giản dị, và rằng bà đã thuyết giáo về sự phục tùng và quy thuận người nghèo, một việc mà một người thực sự khiêm tốn ít khi có đủ dũng khí mà thực hiện... Trong một kỷ nguyên vô thần và phi đạo lý, rõ ràng con người xem trọng tính khiêm tốn, lòng vị tha và một trái tim trong sáng. Nhưng chỉ khi nào tất cả những nền tảng chúng ta đã xây dựng hoàn toàn sụp đổ, chúng ta mới có thể thấy rõ những

* Trích: “*Mother Teresa: Beyond the Image*”, tác giả Anne Sebba (New York: Doubleday, 1997), trang 122.

ảo tưởng của một kẻ mị dân, ngu dân và một kẻ phục vụ cho những thế lực trần gian.”^()*

Nguồn của bộ phim thực chất là từ Aroup Chatterjee, một bác sĩ vật lý trị liệu người Bengal sống tại London. Bác sĩ Chatterjee sinh ra và lớn lên tại Calcutta, sau này ông cảm thấy chán nản trước những bất đồng đối với các hoạt động của Mẹ Teresa và việc bỏ đờ gần như sùng bái ngày càng tăng đối với bà tại phương Tây. Trong lá thư gửi công ty sản xuất Bandung, Bác sĩ Chatterjee nói rằng tổng tài sản của Mẹ Teresa còn lớn hơn cả số tài sản của nhiều nước thuộc Thế giới thứ ba; trong khi đó, tại Calcutta, khác với tại phương Tây, Mẹ Teresa được coi là một người vô sản. Nhưng điều mà Chatterjee phản đối nhất là việc người ta gắn liền tên tuổi và công việc của Mẹ Teresa với Calcutta, một sự nhầm lẫn nửa của phương Tây. Chatterjee chỉ ra rằng một số cá nhân và nhóm hội khác đóng góp cho người nghèo của thành phố nhiều hơn cả Dòng Thừa sai Bác ái, trong khi tên tuổi của họ hoàn toàn không được nhắc đến.

Công ty sản xuất Bandung sẵn sàng lắng nghe ý kiến của Chatterjee. Và trong thời gian tồn tại ngắn ngủi của mình, công ty này đã lên tiếng phản ánh những gì Chatterjee nói. Người dân Calcutta cảm thấy khó chịu khi các phóng viên và nhà làm phim phương Tây mô tả thành phố của họ chẳng khác gì một mảnh đất thiếu tình người,

* Trích: “*Mother Teresa Dies*” BBC Politics 97, <http://www.bbc.co.uk/politics97/news/09/0905/teresa.shtml> (tham khảo thông tin ngày 13 tháng 10 năm 2003).

không quan tâm đến người nghèo, bệnh tật và kẻ hấp hối. Ví dụ, trong bộ phim *Thành Phố của Niềm Vui* vào năm 1991, Calcutta được mô tả như một vực sâu đen tối của đau khổ và tuyệt vọng.

Quyết định phỏng vấn Hitchens có vẻ hơi kỳ quặc. Nhưng thực ra, ông là người khá quen thuộc với Mẹ Teresa. Ông gặp bà lần đầu tiên vào năm 1980. Trong một bài báo đăng năm 1992 với nhan đề “*Kẻ lập dị Thành Calcutta*” (*Ghoul of Calcutta*), Hitchens đã mô tả ấn tượng của mình sau khi gặp Mẹ Teresa lần đầu tiên rằng bà là một “*thánh nhân già chỉ còn da bọc xương*”. Ông dừng chân tại một cơ sở của Dòng Thừa sai Bác ái trên đường Bose và ngay lập tức câu khẩu hiệu “*Người yêu Sửa đổi cũng yêu Kiến thức*” (“*He That Loveth Correction Loveth Knowledge*”) trước ngôi nhà khiến ông do dự và rồi đồng ý đi tham quan một vòng cùng Mẹ Teresa. Ban đầu, ấn tượng của ông về bà rất tốt:

*Tôi suýt bật ra vài lời khen ngợi các y tá và thậm chí đã định mở ví tiền của mình khi Mẹ Teresa tuyên bố: “Ông thấy đấy, đây là cách chúng tôi đấu tranh chống lại nạn phá thai và tránh thai tại Calcutta”. Chính câu nói này của Mẹ Teresa đã làm giảm đi giá trị các công việc từ thiện của bà và khiến nó có vẻ như một hoạt động tuyên truyền.**

Cùng với những đánh giá khá nặng nề này, Hitchens tiếp tục đưa ra những lời buộc tội trong bộ phim. Trước

* Trích: “*Ghoul of Calcutta*”, tác giả Christopher Hitchens, *Nation*, ngày 13 tháng 4 năm 1992, trang 474.

những cảnh phim thể hiện sự hạ mình và nhẫn nhục của Mẹ Teresa, Hitchens vạch rõ mối quan hệ giữa bà và nhà độc tài Haiti Jean-Claude “Baby Doc” Duvalier, người mà bà đã nhận nhiều khoản tài trợ lớn. Nhiều đoạn phim khác quay cảnh bà gặp gỡ với nhiều nhân vật tai tiếng trong giới kinh doanh. Theo Hitchens, tổng thu nhập hàng năm của Dòng Thừa sai Bác ái lên đến hàng chục triệu đô la.

Hitchens, cũng như nhiều nhà phê bình đã chỉ trích Mẹ Teresa, cho rằng nếu tổng số tiền đó được Hội giữ tại Calcutta, thì họ chắc chắn có nhiều cơ hội tạo được nhiều sự khác biệt hơn cho người nghèo. Thay vào đó, Mẹ Teresa rải mỏng tiền bạc và các nữ tu sĩ của mình ra, cố gắng mở nhiều cơ sở khắp nơi trên thế giới. Hơn nữa, Hitchens lập luận rằng Mẹ Teresa coi việc dạy giáo lý của nhà thờ và tu viện còn quan trọng hơn cả các công việc y tế của bà.

Theo BBC, kênh Channel 4 thu hút rất nhiều người xem (khoảng 1,6 triệu người). Sau khi bộ phim tài liệu được phát sóng, nhiều người gọi đến tổng đài và nói rằng đó là một sự sỉ nhục, xúc phạm, sai sự thật, ghê tởm, gây sốc và tệ hại. Thậm chí, một khán giả còn gọi Chủ tịch của đài - Michael Grade - là một tên Do Thái có thành kiến với Thiên Chúa giáo, trong khi đó Hitchens và Tariq Ali bị gọi là những tên cộng sản và Mác-xít. Nhiều khán giả cho rằng bộ phim thực ra là một âm mưu của Do Thái giáo và Hồi giáo.

Tất nhiên, Giáo hội Thiên Chúa giáo La Mã cũng lên tiếng bào chữa cho Mẹ Teresa, tố cáo bộ phim đã miêu tả bà và các công việc của bà một cách lối bịch. Nhà văn

Thiên Chúa giáo kiêm nhà sử học nổi tiếng Paul Johnson gọi bộ phim là một đòn tấn công hiểm ác của những tuyên truyền viên cánh tả. 130 khán giả khác thậm chí còn gửi thư phản nản tới Ủy ban Truyền hình Độc lập. Ủy ban này sau khi xem xét vấn đề đã từ chối phạt Channel 4 vì lý do phát sóng bộ phim.

Tại Calcutta, một số người ủng hộ Mẹ Teresa đã tụ tập lại để bảo vệ bà, nói rằng bộ phim làm ra là do thành kiến. Cho đến năm 2004, bộ phim vẫn chưa được trình chiếu tại Ấn Độ, một phần là do bộ phim quá đắt tiền, tuy rằng ai cũng có thể mua các đĩa sao chép. Mẹ Teresa không hề nao núng trước cuộc tranh cãi quanh bộ phim. Khi được hỏi về bộ phim trong một lần phỏng vấn, bà chỉ đơn giản trả lời rằng: *“Bất luận ai có nói gì đi chăng nữa, bạn cũng chỉ nên đón nhận với một nụ cười và tiếp tục làm công việc của mình”*^(*). Tuy nhiên, sau khi bộ phim được trình chiếu một ngày, bà đã hủy chuyến đi Đài Loan mà không đưa ra bất cứ một lý do gì.

Bên cạnh sự phản đối kịch liệt đối với bộ phim và Hitchens, vẫn có những người ủng hộ những gì bộ phim cố thể hiện. Một nhà phê bình viết cho tờ *Guardian* nói rằng Hitchens hoàn toàn đúng khi đặt vấn đề về điều mà ông gọi là *“sự tôn sùng Teresa”*. Một người khác ủng hộ bộ phim là Hồng y Andrew de Berry, ông từng gặp Mẹ Teresa nhiều năm trước, khi ông còn là một giáo sĩ trong giai đoạn

* Trích: *“Mother Teresa: A Profile”* (Tiểu sử Mẹ Teresa) CNN Interactive, <http://www.cnn.com/WORLD/9709/mother.teresa/profile/> (tham khảo ngày 15 tháng 10 năm 2003).

đào tạo. Ông nhớ lại rằng Mẹ Teresa đã khuyên phụ nữ Calcutta sinh thật nhiều con. Và theo De Berry, rõ ràng bọn trẻ chết trên đường phố Calcutta chính là con của những người mẹ đã nghe theo lời khuyên của Mẹ Teresa!

VAI TRÒ NHÀ TRUYỀN GIÁO

Sau bộ phim *Thiên thần của Địa ngục*, Hitchens cho xuất bản một cuốn sách nhỏ để nối tiếp bộ phim. Trong cuốn *Vai trò Nhà Truyền giáo*, Hitchens hy vọng có thể viết chi tiết về Mẹ Teresa và các công việc của bà bằng cách “đánh giá danh tiếng của Mẹ Teresa dựa trên hành động và lời nói của bà hơn là đánh giá hành động và lời nói dựa trên danh tiếng của bà”^(*). Theo Hitchens, danh tiếng của Mẹ Teresa được đánh bóng là bởi hàng triệu người có nhu cầu cảm thấy một ai đó, ở đâu đó, đang làm những việc mà họ không thể làm để giúp đỡ người nghèo. Thêm vào đó, Hitchens công kích rằng Mẹ Teresa sống dựa trên sự tôn sùng này, và trái với những gì bà nói, bà không chỉ nhận nó một cách đơn thuần, mà bà đòi hỏi điều đó.

Cuốn sách của Hitchens đặt ra một số câu hỏi nghi vấn về cách Mẹ Teresa sử dụng số tiền quyên góp được. Hitchens không thể tìm được một câu trả lời thỏa đáng, và Mẹ Teresa luôn từ chối bàn luận về vấn đề tài chính của mình. Như Hitchens tuyên bố: “Quyết định không tài trợ cho một bệnh viện đang hoang tử tế, thay vào đó là điều

* Trích: “*The Missionary Position: Mother Teresa In Theory and Practice*”, Christopher Hitchens (New York: Verso, 1995), trang 7.

hành một cơ sở y tế lộn xộn và xập xệ là một quyết định có chủ ý. Mục đích của quyết định này không phải là giải tỏa đau khổ thực sự mà là truyền bá cổ xúy sự sùng tín dựa trên cái chết, đau khổ và sự khuất phục”^().*

Những người ủng hộ Mẹ Teresa thì cho rằng, bà là một người ngây thơ, không rành về kinh doanh và chính trị, bà chỉ quan tâm tới Chúa và những gì Chúa mong đợi. Trong thực tế, như Hitchens đã chỉ ra, Mẹ Teresa giữ một số mối quan hệ đáng ngờ trong suốt nhiều năm. Bà đã nhận được sự tiếp đón nồng hậu, các giải thưởng, sự chú ý của công chúng và tiền bạc từ nhiều người công khai có động cơ chính trị hoặc những người có lý lịch kinh doanh mờ ám đương thời như Robert Maxwell, Duvalier, Tổng thống Mỹ Ronald Reagan, Thủ tướng Anh Margaret Thatcher, Tổng thống Mỹ Bill Clinton và phu nhân, rồi Charles Keating - một trong những nhân vật chủ chốt trong vụ tai tiếng tiền tiết kiệm và thế chấp vào thập niên 1990. Mối quan hệ giữa bà với Keating gây ra rất nhiều tai tiếng. Keating có nhiều khoản quyền góp hào phóng cho Mẹ Teresa và cho phép bà sử dụng chiếc máy bay riêng của mình. Khi Keating bị bỏ tù vì tội lừa đảo và tham ô, Mẹ Teresa thỉnh cầu quan tòa xử nhẹ ông ta. Khi nhận được thư của một ủy viên công tố nói rằng 10.000 đô la Keating đã quyền góp là số tiền bị đánh cắp từ những nhà đầu tư vô tội và không mấy giàu có, Mẹ Teresa không hề hồi âm bức thư ấy.

* Trích: *"The Missionary Position: Mother Teresa In Theory and Practice"*, Christopher Hitchens (New York: Verso, 1995), trang 41

Hitchens cho rằng hành động của Mẹ Teresa không bắt nguồn từ sự ngây thơ hay ngu dốt, mà từ tính kiêu ngạo. Tuyên bố rằng mình nằm ngoài vòng ảnh hưởng của chính trị, Mẹ Teresa cũng hưởng lợi từ một diễn đàn công luận chưa từng xảy ra trước đây. Nhưng trong khi bà lên tiếng chống lại việc phá thai tại Anh, Ireland và Hoa Kỳ, người ta dễ dàng nhận thấy bà giữ im lặng hoàn toàn về các vấn đề như những cái chết không minh bạch, những vụ giết người và đàn áp tại các điểm nóng chính trị như Ethiopia, Haiti và cả An-ba-ni, quê hương của bà.

Mẹ Teresa đã từ chối thừa nhận căn nguyên của sự nghèo đói được Hitchens chỉ ra trong cuộc viếng thăm Anacostia - một khu ổ chuột của những người Mỹ gốc Phi tại Washington, D.C. vào năm 1981. Lúc đó, Dòng Thừa sai Bác ái muốn thiết lập một cơ sở hoạt động tại đây, mặc dù nhiều người dân trong khu vực không muốn tạo ấn tượng rằng nơi này chỉ toàn những người nghèo và vô vọng như nhiều khu vực khác ở các nước Thế giới thứ ba mà Mẹ Teresa từng làm việc. Ngay trước buổi họp báo, một nhóm người Mỹ gốc Phi tới gặp Mẹ Teresa và nói:

Họ rất bức bối... Họ nói với Mẹ Teresa rằng Anacostia cần việc làm, nhà cửa và dịch vụ tử tế - chứ không phải lòng thương hại. Mẹ Teresa không tranh cãi với họ; bà chỉ lắng nghe. Cuối cùng một người trong số họ hỏi bà sẽ làm gì tại đây. Bà nói: "Trước tiên, chúng ta phải học cách yêu thương nhau". Họ không biết phản ứng ra sao trước câu trả lời đó.^()*

* Trích: "The Missionary Position: Mother Teresa In Theory and Practice", tác giả Christopher Hitchens (New York: Verso, 1995), trang 10.

Tương tự như bộ phim, cuốn sách của Hitchens nhận được cả lời khen ngợi lẫn chỉ trích. Trong một bài báo viết cho tờ *The National Review*, George Sim Johnston gọi tác phẩm của Hitchens là “sự khờ dại khó cưỡng”. Ông còn nói thêm rằng “điều tốt đẹp duy nhất đến từ cuốn sách này là những lời cầu nguyện mà chắc chắn các nữ tu của Mẹ Teresa sẽ cầu nguyện cho tác giả cuốn sách”. Tờ *The New York Times Book Review* thì thấy cuốn sách của Hitchens “được viết một cách quá nóng vội, và chửi bới lung tung để chứng minh cho một lời tuyên bố vô lý: Mẹ Teresa Calcutta thực sự không phải là một vị thánh mà là một người phụ nữ ích kỷ và xấu xa”. Tuy nhiên, tác giả bài báo kết luận rằng Hitchens cũng có luận điểm riêng: “Về cơ bản, ông lập luận rằng Mẹ Teresa quan tâm đến việc giúp đỡ người nghèo thì ít, mà quan tâm đến việc sử dụng họ như một nguồn đau khổ vô tận để mở rộng tín ngưỡng Thiên Chúa giáo La Mã chính thống của bà thì nhiều”.

Mary Poplin - phóng viên tờ tạp chí *Commonweal* có chuyến viếng thăm Calcutta vào năm 1996. Cô tới đó để viết về Mẹ Teresa và các công việc của bà. Cô cũng tận dụng cơ hội này để hỏi Mẹ Teresa về cuốn sách của Hitchens. Theo lời Poplin, khi được hỏi về lời công kích rằng Mẹ Teresa là một trong những phụ nữ giàu có nhất thế giới, và hẳn là bà không cần thêm nhiều tiền hơn nữa, sau một thoáng ngơ ngác, Mẹ Teresa trả lời rằng: “Ồ, phải rồi, là cuốn sách. Tôi chưa đọc nhưng một số nữ tu đã đọc nó. Không hề gì, ông ấy (Hitchens) đã được tha thứ”. Poplin cười và nói: “Đúng vậy, thưa Mẹ, ở cuối cuốn sách,

ông ấy đã viết thế nào Mẹ cũng nói rằng mình tha thứ cho ông ấy, và ông ấy giận dữ vì ông ấy không cần sự tha thứ của Mẹ và cũng không cần được tha thứ”. Bà nhìn Poplin cứ như thể cô chưa hiểu, rồi nhẹ nhàng và tự tin bảo: “Ồ, không phải là tôi tha thứ, mà là Chúa, là Chúa. Chúa tha thứ”^(*).

KHÔNG NGỪNG PHÁT TRIỂN

Cuộc tranh cãi này lửa về những lời công kích của Hitchens trong cả *Thiên thần của Địa ngục* và *Vai trò Người Truyền giáo* có lẽ đã kết thúc tại đây nếu không vì những người khác, với ngôn ngữ ôn hòa hơn, cũng bước ra chỉ trích Mẹ Teresa. Bác sĩ Robin Fox - chuyên gia giải phẫu ngực và là biên tập viên của *Lancet*, một tạp chí có uy tín - vào năm 1994 có bài viết về cơ sở y tế tồi tàn của Nirmal Hriday tại Calcutta. Theo Fox, ông thực sự sửng sốt khi biết rằng không có một quy trình kiểm nghiệm đơn giản nào được thực hiện để phân biệt bệnh chữa được và không chữa được: “Những cách chữa trị như vậy quá xa lạ với đặc tính của dòng tu này... Việc bỏ qua bước chẩn đoán và không sử dụng thuốc giảm đau cho thấy cách làm của Mẹ Teresa rõ ràng tách rời khỏi phương châm hoạt động của một nhà tạm dành cho người đau yếu và hấp hối”. Hơn nữa, rõ ràng cơ sở vật chất tồi tàn do Dòng Thừa sai Bác ái điều hành không thể bảo đảm các điều kiện y tế cơ

* Trích: “*No Humanitarian*” (Không có tinh thần nhân đạo), tác giả Mary Poplin, trên tờ *Commonweal*, ngày 19 tháng 12 năm 1997, trang 11-14.

bản nhất, trong khi bản thân Mẹ Teresa lại được điều trị bằng các dịch vụ y tế tốt nhất thế giới, đặc biệt từ khi bà được chẩn đoán có vấn đề về tim mạch.

Không lâu sau khi Bác sĩ Fox nêu lên lời chỉ trích của mình, một bài viết sâu sắc của Clifford Longley, nhà văn và cũng là cựu phóng viên phụ trách mảng tôn giáo cho tờ *Times* tại London, cảnh báo về sự tôn sùng cái chết của Mẹ Teresa. Longley e rằng điều này có thể biến nỗi đau thành một mục tiêu hoạt động. Thêm vào đó, nhiều nhân viên y tế sau khi tới thăm các trạm xá và nghe quan điểm của Mẹ Teresa về vấn đề phá thai đã thắc mắc rằng tại sao một người lo lắng về vấn đề nghèo đói như vậy lại không quan tâm tới vấn đề sinh nở, dân số và sức khỏe sinh sản. Những diễn biến xung quanh bộ phim *Thiên Thần của Địa ngục* mở ra cuộc tranh cãi về các hoạt động của Mẹ Teresa trong suốt 50 năm trước đó; lần đầu tiên các thế lực chống đối bà có vẻ như đang tập hợp lại và trở nên mạnh mẽ hơn. Phải chăng cách làm việc với người nghèo của Mẹ Teresa đã quá lỗi thời, theo lời những người chỉ trích, hay lúc nào cũng cần một kiểu từ thiện Ki-tô giáo mà Mẹ Teresa là một ví dụ?

Trong bài báo có tựa đề *No Humanitarian* (tạm dịch: “Không có tinh thần nhân đạo”), Mary Poplin, người đã làm việc tình nguyện trong hai tháng, mô tả điều kiện khó khăn tại các cơ sở y tế của Mẹ Teresa như sau:

Giống như nhiều du khách phương Tây khác, lần đầu tới đây, tôi cảm thấy lúng túng. Mặc dù Mẹ Teresa luôn

nhắc đi nhắc lại rằng nhiệm vụ chính của hội là phụng sự Chúa, chứ không phải công tác xã hội, nhưng hầu hết những người phương Tây tới ngôi nhà dành cho trẻ em bị bệnh và tàn tật đều mong đợi ngôi nhà trông giống như bệnh viện hoặc trạm xá. Nhưng ngôi nhà nhìn chẳng giống thế chút nào. Điều gây bất ngờ nhất đó là nơi này thiếu một quy trình tương tự như bệnh viện và thiếu các thiết bị y tế. Điều này có thể khiến những ai từng có kinh nghiệm làm việc trong môi trường bệnh viện tại Mỹ hay châu Âu cảm thấy bối rối... Vậy liệu với danh tiếng của Mẹ Teresa, họ có thể xin tài trợ các thiết bị y tế đó hay không?... Người ta sẽ nhận ra rằng Dòng Thừa sai Bác ái thường từ chối sở hữu bất cứ thứ gì mà đa số người nghèo không có, kể cả các thiết bị y tế.

ĐƯA HOẠT ĐỘNG VÀO QUY CỬ

Vào giữa thập niên 1990, Mẹ Teresa không chỉ chống chọi với sức khỏe ngày một kém đi mà còn phải đương đầu với những lời chỉ trích ngày càng gay gắt. Ý định về việc nghỉ hưu của bà giờ đây không được nhắc tới nữa. Những việc làm có vẻ như đầy mâu thuẫn cùng với sự nổi tiếng trên khắp thế giới đã đẩy bà vào một tình thế khó xử. Bà lắng nghe lời khuyên và sự hỗ trợ nhiều hơn từ các nữ tu; và một số người trong số họ cho rằng Mẹ Teresa đang cố gắng sắp xếp lại công việc của mình.

Tháng 5 năm 1993, Mẹ Teresa lên đường tới Bỉ để dự lễ kỷ niệm của Hội Cộng sự viên (Co-Workers). Do có quá

nhiều tình nguyện viên tới dự buổi họp mặt tại thành phố Antwerp nên họ quyết định tổ chức một buổi họp mặt chỉ có những người trong ban chấp hành bàn về việc lập hiến chương của Hội trong cuộc gặp tại San Diego, Hoa Kỳ vào năm sau. Nhiều người cho rằng cuộc họp mặt tại Antwerp là một cơ hội để mọi người nắm được các vấn đề quan tâm của Mẹ Teresa đối với tổ chức.

Mẹ Teresa được xếp lịch để nói chuyện vào ngày 8 tháng 5 năm 1993; tuy nhiên, buổi tối trước đó một ngày, Thầy Geoff - Tổng quản Dòng Thừa sai Bác ái Nam thông báo với nhóm rằng có nhiều lời đồn đại chống lại Hội Cộng sự và cáo buộc họ sử dụng tiền sai mục đích; các khoản tiền đáng lẽ phải tới tay người nghèo thì lại được dùng để trả chi phí đi lại của các thành viên, báo chí và bưu phí. Ông thông báo cho các thành viên trong nỗi sợ hãi rằng Mẹ Teresa sẽ giải tán Hội Cộng sự vào ngày hôm sau và hủy cuộc họp tại San Diego.

Lời thông báo là một cú sốc đối với họ. Nhưng với những người từng làm việc với Mẹ Teresa trước đó, họ hiểu rằng hành động đó hợp với tính cách của bà. Theo họ, làm việc với Mẹ Teresa luôn cần phải tự cân bằng: một mặt, bà có thể quyên góp được các khoản tiền khổng lồ cho người nghèo; mặt khác, bà không do dự khi nói với Hội Cộng sự rằng họ không thể làm thiệp Giáng sinh để quyên góp tiền. Thái độ này cho thấy mối quan tâm của Mẹ Teresa đối với vấn đề tiền bạc; cụ thể bà lo rằng việc quyên góp tiền sẽ trở thành công việc chính của hội và

các tình nguyện viên, trong khi việc giúp đỡ người nghèo mới là mục đích chính và phải đưa lên hàng đầu. Cuối cùng, với sự trợ giúp của Thầy Geoff, Hội Cộng sự thuyết phục được Mẹ Teresa rút lại quyết định giải tán hội.

Cùng với sự đau ốm về thể xác, Mẹ Teresa còn phải chống chọi với chứng suy giảm trí nhớ. Bà phụ thuộc vào người khác ngày càng nhiều. Lúc này, gặp và nói chuyện với bà không còn dễ dàng như nhiều năm trước. Nhiều tình nguyện viên đặt câu hỏi liệu những thay đổi này có ảnh hưởng đến các quyết định của bà và gây ra sự thất thường, thiếu nhất quán trước những quyết định ấy hay không. Nhưng những người ủng hộ bà vẫn tin rằng Mẹ Teresa chỉ muốn nhắc các tình nguyện viên không rời xa nhiệm vụ chính: sống một cuộc đời giản dị và giữ một niềm tin vững chắc nơi Chúa.

Vào tháng 9 năm 1993, Mẹ Teresa nhận được tin buồn: Cha Van Exem, vị linh mục đỡ đầu - cố vấn tinh thần cho bà suốt 50 năm trước đó đã về với Chúa. Sự ra đi của ông là một cú sốc lớn đối với Mẹ Teresa. Suốt những năm qua, cả hai đã trở thành đôi bạn thân. Do vẫn đang trong quá trình hồi phục sức khỏe nên bà không thể dự tang lễ, thay vào đó bà chỉ có thể quan sát từ cửa sổ phòng ngủ, buồn rầu nhìn cảnh đưa tiễn Cha Van Exem về nơi an nghỉ cuối cùng - nghĩa trang St. John.

Không lâu trước khi qua đời, Cha Van Exem có viết thư cho Mẹ Teresa nói rằng ông sẽ cầu nguyện cho bà để bà sớm thoát khỏi căn bệnh tắc nghẽn mạch máu tim

mà không cần phải phẫu thuật; và rằng bà sẽ tới Trung Quốc vào tháng 10 năm đó; ông cầu xin Chúa mang ông về với Người thay cho bà. Vào cuối tháng 10, Mẹ Teresa tới Trung Quốc để thu xếp việc mở một ngôi nhà cho trẻ em. Cuộc viếng thăm diễn ra nhanh chóng; bà dừng chân tại Thượng Hải và Bắc Kinh trước khi tới Rome và Ba Lan. Bà trở lại Trung Quốc một lần nữa vào tháng 3 năm 1994 với hy vọng sẽ mở một ngôi nhà dành cho trẻ khuyết tật. Mong ước của bà trong việc thiết lập Dòng Thừa sai Bác ái tại đây thất bại. Cũng từ năm 1994, Trung Quốc trở nên khép kín hơn, Mẹ Teresa dành tập trung sức lực của mình vào những nơi khác.

THÊM NHIỀU TRANH CẢI

Những năm cuối đời của Mẹ Teresa gây rất nhiều tranh cãi. Vào tháng 2 năm 1994, bà tham dự *Bữa Sáng Cầu Nguyện Toàn Quốc* tại Washington, D.C. Tổng thống Bill Clinton gửi lời mời, Mẹ Teresa miễn cưỡng sang tham dự. Bà được mời phát biểu và bài phát biểu của bà hầu hết tập trung vào vấn đề phá thai. Tuy nhiên, khi bà kết thúc, không ai ở bàn đầu tiên, nơi Tổng thống Clinton đang ngồi, vỗ tay chúc mừng cả. Sau này Tổng thống Clinton có xin lỗi bà vì chuyện này. Năm sau đó, Mẹ Teresa gặp phu nhân Hillary Clinton cùng cô con gái Chelsea khi họ tới Calcutta thăm các ngôi nhà của Dòng Thừa sai Bác ái. Với sự giúp đỡ của Bà Clinton, một nơi trú ngụ cho trẻ nhỏ đã được mở tại Washington vào tháng 6 năm 1995.

Hai sự kiện không vui khác diễn ra tại Calcutta khiến Mẹ Teresa phiền lòng, đó là vào tháng 9 năm 1995, một cô bé 15 tuổi sống trên đường phố đã đánh đổ bếp lửa và bị bỏng nặng trong lúc nấu ăn. Vài ngày sau, một vị bác sĩ địa phương tìm thấy cô bé nằm ngoài phố với những vết bỏng nặng và một cánh tay bị thương nặng. Ông đưa cô bé tới một bệnh viện công, nhưng việc chữa trị cho cô rất khó khăn. Họ hàng cô đưa cô đi và cô bé đã quay lại sống trên đường phố. Một tháng sau, các vết thương bị nhiễm trùng, họ hàng cô bé tìm kiếm một nơi khác để điều trị.

Khi ấy, báo chí địa phương cũng biết về câu chuyện đó. Dòng Thừa sai Bác ái được thông báo và họ đồng ý gửi xe cứu thương tới đón cô bé. Đầu tiên, cô được đưa tới Nirmal Hriday, nhưng bị từ chối bởi vì cô không ở trong tình trạng hấp hối. Điểm dừng chân tiếp theo là Shishu Bhavan, và cô lại bị từ chối một lần nữa do không phải là trẻ mồ côi. Tiếp theo, cô được đưa tới Prem Dan, nhưng cũng bị từ chối bởi cô không mắc bệnh lao hay tâm thần. Cuối cùng, cô bé bị trả trở lại đường phố.

Câu chuyện gây chấn động dư luận, lần đầu tiên một bài báo lên tiếng chỉ trích, chống lại Mẹ Teresa. Một phóng viên hỏi Mẹ Teresa về tình trạng của cô gái trẻ đó và ông hết sức ngạc nhiên khi Mẹ Teresa nói rằng bà sẽ không bàn luận gì về vấn đề này. Một số người còn nói với phóng viên kia rằng cô gái lẽ ra phải được đưa vào bệnh viện chứ không phải tới một trong số các ngôi nhà của Mẹ Teresa. Nhưng theo như phóng viên nói lại sau này,

mục đích của ông không phải là yêu cầu Mẹ Teresa nhận cô gái, mà là để hỏi bà rằng tại sao lại không nhận cô gái vào cơ sở của bà – trong khi bà tự nhận là chưa từng từ chối một ai đang cần sự giúp đỡ hoặc chăm sóc. Cô gái trẻ cuối cùng được đưa tới một bệnh viện công, nhưng dù sao câu chuyện cũng gây nên một cuộc tranh luận âm ỉ và ảnh hưởng không nhỏ đến hình ảnh Mẹ Teresa cũng như Dòng Thừa sai Bác ái trong mắt nhiều người.

Chưa đầy hai tháng sau, Mẹ Teresa một lần nữa lại bị vướng vào một vấn đề gây tranh cãi khác, lần này liên quan đến chính trị. Sự kiện này khiến cho các chức sắc Giáo hội Thiên Chúa giáo tại Ấn Độ lần đầu tiên công khai chỉ trích bà. Đây cũng là lần đầu tiên Mẹ Teresa phải đối mặt với sự chống đối liên tục trong công việc lẫn triết lý sống của mình và là một trong số ít những lần Mẹ Teresa can thiệp vào một cuộc tranh cãi mà dư luận quốc tế chỉ trích mạnh mẽ.

MẸ TERESA VÀ NGƯỜI DALIT^(*)

Vào ngày 18 tháng 11 năm 1995, Mẹ Teresa tổ chức một buổi cầu nguyện đặc biệt tại Nhà thờ Thánh Tâm ở New Delhi. Mục đích của buổi cầu nguyện này là để khởi đầu hai tuần lễ nhịn ăn và phản đối chiến dịch yêu cầu

* “Dalit” theo tiếng Phạn có nghĩa là “mặt đất”, “bị áp bức”, “bị chà đạp”. Từ này được sử dụng lần đầu tiên bởi Jyotirao Phule (1827 - 1890) - một nhà tư tưởng, nhà cải cách xã hội, tác giả, triết gia, nhà nghiên cứu thần học, nhà biên tập có tư tưởng tiến bộ người vùng Maharashtra, Ấn Độ - trong bối cảnh cuộc đàn áp những người Hindu “thứ dân”.

lập lộ trình công nhận giai cấp cho những người Dalit Thiên Chúa giáo. Phân chia giai cấp là một phần quan trọng trong xã hội Ấn Độ; nó không chỉ đơn giản là một lời tuyên bố về địa vị xã hội mà còn xác định hướng đi của cả một đời người. Những người xuất thân từ giai cấp cao nhất trong xã hội Ấn Độ thường là những người có tài sản, tiền bạc, được hưởng nền giáo dục tiên tiến và có nhiều cơ hội thăng tiến. Tầng lớp thấp nhất trong xã hội Ấn Độ là những người Dalit, còn gọi là “*tiện dân*” (“*untouchable*”)^(*).

Ấn Độ có khoảng 160 triệu người Dalit. Họ thường xuyên bị đối xử phân biệt và bị từ chối không cho phép sở hữu đất đai, phải làm việc trong môi trường độc hại và thường xuyên bị lạm dụng, thậm chí cảnh sát và những nhóm giai cấp cao hơn được chính phủ bảo trợ cũng có thể sát hại họ. Tình trạng đối xử phân biệt và chia cách đối với người Dalit còn gọi là “*nạn phân biệt chủng tộc ngầm*” tại Ấn Độ, nhiều ngôi làng hoàn toàn bị cô lập vì nạn phân biệt này.

Mặc dù từ “*tiện dân*” đã bị bãi bỏ theo Hiến pháp Ấn Độ vào năm 1950, sự phân biệt trong xã hội đối với một người sinh ra trong một giai cấp cụ thể vẫn còn ảnh hưởng sâu sắc tại các vùng quê Ấn Độ. Những người Dalit không được vượt qua ranh giới chia cắt làng của họ với làng của những người thuộc giai cấp cao hơn. Họ không được sử dụng giếng nước, viếng thăm những ngôi đền,

* Xã hội Ấn Độ coi việc chạm vào những người Dalit là ô uế.

uống những loại chén trà dành cho các giai cấp cao hơn, và cũng không được sở hữu những mảnh đất thuộc về họ một cách hợp pháp. Trẻ em Dalit phải ngồi cuối lớp, phụ nữ Dalit thường xuyên bị lạm dụng tình dục. Hầu hết người Dalit vẫn tiếp tục sống trong tình trạng vô cùng nghèo khổ, không có đất và không có cơ hội để có những công việc hay được giáo dục tốt hơn. Với trường hợp ngoại lệ dành cho nhóm thiểu số được hưởng lợi từ chính sách giáo dục và hành chánh công của chính phủ, người Dalit bị giao cho các công việc hèn kém nhất, như dọn rác bằng tay, dọn dẹp chất thải của người, xác thú vật, thuộc da, quét đường và đánh giày. Trẻ em Dalit đa số bị đem gán nợ cho các chủ nợ ở các tầng lớp trên.

Nhờ sự hỗ trợ của chính phủ mà một vài người Dalit được làm công việc rung chuông báo cháy. Nhưng những người Dalit đã cải đạo thành Thiên Chúa giáo bị từ chối những cơ hội này dựa trên lập luận rằng khi một người đã trở thành người Thiên Chúa giáo thì vấn đề giai cấp không còn quan trọng nữa. Người ta cũng lập luận rằng những người Dalit Thiên Chúa giáo có các cơ hội khác, chẳng hạn: theo học tại các trường Thiên Chúa giáo. Còn những người Dalit Thiên Chúa giáo thì nói rằng do sử dụng các cơ sở giáo dục này, họ bị phủ nhận các quyền lợi mà các công dân khác được hưởng. Nhưng theo như những người khác, một khi người Dalit theo đạo Thiên Chúa, họ sẽ không còn là người Dalit nữa, vì Thiên Chúa giáo không công nhận khái niệm giai cấp. Nếu họ là người Dalit, nghĩa là họ theo đạo Hindu, và

theo quan điểm của Mẹ Teresa, bà không việc gì phải bận tâm nhiều về họ.

Việc Mẹ Teresa tham gia vào chiến dịch khiến dư luận xôn xao. Khi bị buộc tội lợi dụng những người Dalit ngoại đạo để mang hệ thống giai cấp vào trong Thiên Chúa giáo, Mẹ Teresa đã mở một cuộc họp báo và phát biểu rằng mình hoàn toàn không biết gì về mục đích của buổi cầu nguyện. Lời tuyên bố của bà khiến tổ chức tài trợ cho buổi cầu nguyện tức giận. Thư ký của tổ chức phát biểu rằng Mẹ Teresa thực chất có biết về mục đích của buổi cầu nguyện vì phó giám mục của giáo xứ Delhi đã giải thích cho bà rất rõ ràng về việc này.

Lần khác, một sự kiện tương tự đã kéo những người ủng hộ xích lại phía bà hơn. Nhưng lần này, bà không chỉ khiến những người ngoại đạo nổi giận, mà cả bản thân những người Thiên Chúa giáo cũng bức xúc. Một chức sắc nhà thờ thậm chí còn phát biểu rằng Mẹ Teresa và quan điểm về vấn đề phá thai, kế hoạch hóa gia đình đã trở nên lỗi thời. Thực chất, bà chỉ càng làm cho một đất nước vốn bị chia cắt bởi nhiều phe phái nay lại càng bất hòa với nhau hơn.

CHUYỂN GIAO QUYỀN LỰC

Vào ngày 13 tháng 3 năm 1997, Dòng Thừa sai Bác ái đã có bước chuyển mình được trông đợi từ rất lâu: chọn người kế tục vị trí lãnh đạo Dòng. Thông báo này đã chấm dứt những lời đồn đại kéo dài nhiều tháng không chỉ về



*Sơ Nirmala Joshi, người kế nhiệm
Mẹ Teresa.*

tương lai của Mẹ Teresa mà còn về người sẽ kế vị bà. Cuộc bàn luận về người lãnh đạo mới bị bế tắc suốt nhiều tuần liền vì hội gặp khó khăn trong việc chọn lựa một người thay thế thích hợp. Cuối cùng, các thành viên buộc phải nhờ đến sự dàn xếp của Giáo hoàng John Paul II: Mẹ Teresa làm lãnh đạo danh dự của Dòng Thừa sai Bác

ái và Sơ Nirmala, một thành viên 63 tuổi của Dòng, nắm quyền điều hành và quản lý các công việc hàng ngày. Họ cũng thống nhất rằng bà sẽ giữ chức vụ đó trong 6 năm, sau đó nhóm sẽ họp lại để quyết định chọn người mới hoặc tái bầu chọn Sơ Nirmala.

Mặc dù đã nỗ lực dàn xếp, nhưng việc chuyển giao vẫn diễn ra không mấy suôn sẻ. Trong vòng vài tiếng đồng hồ trong lễ bổ nhiệm Sơ Nirmala, Mẹ Teresa công bố kế hoạch thành lập một số ngôi nhà mới. Sơ Nirmala không phản đối. Tính bà vốn rụt rè, vì vậy bà đã cư xử rất nhẹ nhàng, thậm chí bỏ qua cả danh xưng “Mẹ” trong thời gian đó. Trong khi đó, Mẹ Teresa vẫn làm những công việc như còn tại vị trong khi đã ban phúc lành cho người kế vị.

Mặc dù sức khỏe ngày càng yếu, Mẹ Teresa vẫn tiếp tục đi công tác, vận động quyên góp tiền và đi thăm nhiều ngôi nhà mới được Dòng Thừa sai Bác ái thành lập. Vào tháng 3 năm 1996, bà bị ngã khỏi giường và bị gãy xương đòn. Tuy nhiên, vào tháng Sáu năm đó, bà lại tiếp tục lên đường công tác và lại bị ngã thêm một lần nữa, lần này cổ chân bà bị bong gân nặng. Trong khi đó, trí nhớ của bà ngày càng kém đi và thường xuyên nhầm lẫn.

Tháng 8 năm 1996, Mẹ Teresa lại một lần nữa được đưa vào bệnh viện Woodland ở Calcutta. Bà khó thở. Nhiều người cho rằng bà sắp qua đời. Tuy nhiên bà đã hồi phục và rời bệnh viện vào ngày 6 tháng 9, bất chấp lời khuyên ở lại tĩnh dưỡng của các bác sĩ. Sau đó bà tham dự lễ kỷ niệm 50 năm thành lập Dòng Thừa sai Bác ái. Nhưng hai tuần sau bà lại phải nhập viện vì bị té cầu thang ở Nhà Mẹ. Nhiều ngày sau đó, bà phải nằm trên giường bệnh vì bị đau lưng dữ dội.

Cuối cùng vào tháng 1 năm 1997, Mẹ Teresa công bố quyết định từ chức Mẹ Bề trên; bà đã quá yếu và có lẽ bà cũng nhận ra rằng bà không thể chống chọi lại bệnh tật như trước. Tuy nhiên, vào tháng Năm năm đó, bà đã lên đường tới Rome để gặp Giáo hoàng, rồi tới Hoa Kỳ để nhận Huân Chương Tự Do của Quốc hội Mỹ vì những việc bà đã làm. Bà cũng dành thời gian để thăm khu phố Bronx tại New York cùng với Công nương Diana.

Cái chết bất ngờ của Công nương Diana ba tháng sau đó là một mất mát lớn đối với Mẹ Teresa. Bà và vị Công



Mẹ Teresa và Công nương Diana - hai nhân vật tích cực hoạt động vì quyền con người - gặp nhau ngày 18/06/1997, tại một sự kiện từ thiện của Dòng Thừa sai Bác ái. "Diana là con gái tôi", Mẹ Teresa thường nói như thế.

nương trẻ đã trở thành đôi bạn thân thiết, bà thường xuyên cho cô những lời khuyên. Họ cùng nhau bàn luận về các hoạt động của Dòng Thừa sai Bác ái. Công nương Diana cũng từng đến thăm Nirmal Hriday trong lần tới Ấn Độ nhiều năm trước đó. Lời bình luận của Mẹ Teresa

về cái chết của công nương cũng là lời nói cuối cùng của bà trước công chúng.

Vào ngày 5 tháng 9 năm 1997 - đêm diễn ra đám tang của Công nương Diana, con tim của Mẹ Teresa cũng ngừng đập. Sau buổi lễ nhỏ tại giáo đường của Nhà Mẹ, linh cữu bà được đưa lên một chiếc xe cứu thương của Dòng Thừa sai Bác ái với chữ "Mẹ" viết ngang thân xe để tới Nhà thờ Thánh Thomas, vốn đang được Dòng Loreto sử dụng. Hàng nghìn người yêu mến bà đã tụ tập tại đây để tỏ lòng thương tiếc đối với vị nữ tu nhỏ bé. Một tuần sau đó, Chính phủ Ấn Độ tổ chức quốc tang cho Mẹ Teresa. Vào ngày 13 tháng 9 năm 1997, linh cữu bà được đưa đi vòng quanh các đường phố Calcutta trên chiếc xe

từng được dùng chở thi hài của hai nhân vật vừa là nhà lãnh đạo vĩ đại vừa là vị anh hùng của Ấn Độ: Mahatma Gandhi và Jawaharlal Nehru. Hàng nghìn người đưa tiễn xếp hàng dọc các con phố khi chiếc xe đi tới sân vận động Calcutta, nơi lễ quốc tang được tổ chức; khá nhiều quan chức cấp cao cũng tới dự để tỏ lòng thành kính. Sau khi loạt súng tiễn đưa cuối cùng vang lên, Mẹ Teresa được đặt nằm bên dưới một phiến đá hoa cương ngay tại Nhà Mẹ trên đường Bose, nơi bà sẽ được tiếp tục kể chuyện với những người mà bà đã từng phục vụ và giúp đỡ.



Về với Chúa: linh cữu Mẹ Teresa được quàn tại Nhà thờ St. Thomas.

PHONG THÁNH

Sáu năm sau ngày bà qua đời, Mẹ Teresa một lần nữa xuất hiện trên mặt báo. Vào năm 2003, người ta thông báo rằng Giáo hoàng John Paul II, nhân kỷ niệm 25 năm giữ chức vụ giáo hoàng, sẽ tuyên chân phước cho Mẹ Teresa vào ngày 19 tháng 10. Sự kiện này đánh dấu bước cuối cùng trước lễ phong thánh. Đây là một sự kiện đặc biệt vì trước đó chưa từng có ai được tuyên phước trong một thời gian ngắn như Mẹ Teresa. Các chức sắc tại Tòa thánh Vatican đều tích cực chuẩn bị các thủ tục cần thiết cho buổi lễ phong thánh cho bà.

Ngay cả khi Mẹ Teresa còn sống, nhiều chức sắc tại Tòa thánh Vatican từng cho rằng nên phong thánh cho bà mà không cần phải thực hiện các cuộc điều tra thông thường. Giáo hoàng John Paul II thậm chí còn bỏ qua giai đoạn chờ đợi 5 năm như thường lệ để kiểm tra danh tiếng của người được chọn phong thánh. Đối với Cha Brian Kolodiejchuk, các công việc phía trước còn gian nan hơn: ông phải tổ chức nhóm người soạn thảo 67 chương với những lập luận rằng Mẹ Teresa hội đủ tất cả các yêu cầu của một vị thánh. Thêm vào đó, các luật sư của Tòa thánh lập ra 14 tòa án công luận khắp thế giới để thu thập những lời chứng từ những người quen biết Mẹ Teresa. Hầu hết đều là những nhân chứng thân thiện với Mẹ Teresa, họ phải trả lời 263 câu hỏi để làm bằng chứng rằng Mẹ Teresa hội đủ những phẩm chất để trở thành một vị thánh của Giáo hội Thiên Chúa giáo La Mã: niềm

tin, niềm hy vọng, lòng khoan dung, cũng như sự khiêm tốn, cẩn trọng, công minh, ngoan cường, dũng cảm và ôn hòa ở một mức độ phi thường. Mẹ Teresa cũng nhận được những lời chỉ trích: ba người ngoại đạo làm chứng chống lại bà, một trong số họ là Christopher Hitchens.

Cuối cùng, nhóm công tác của Cha Kolodiejchuk kết luận rằng việc Mẹ Teresa sẵn sàng cộng tác với những kẻ suy thoái về đạo đức và tham nhũng phù hợp với phương châm của bà: dùng đồng tiền bất chính để làm những điều tốt đẹp cho người nghèo, đem lại những giá trị tinh thần cho các nhà hảo tâm. Nhóm của ông còn bảo vệ bà trước thực tế bà đã không giữ vững lập trường chống lại các thể chế bất công. Họ lập luận rằng nhiệm vụ của bà là giúp đỡ các cá nhân và làm chứng cho sự hiện diện của Chúa trên trần gian, chứ không phải đấu tranh để thay đổi xã hội.

Đối với tất cả những người được đề cử phong thánh, Giáo hội đòi hỏi phải có một dấu hiệu thiêng liêng dưới dạng phép lạ. Nhiều lời làm chứng được đệ trình lên; và câu chuyện được chọn là chuyện về một bà mẹ Hindu tên là Monika Besra. Monika tìm tới Dòng Thừa sai Bác ái trong tình trạng nguy kịch với một khối u trong bụng. Các nữ tu đã nguyện xin Mẹ Teresa giúp đỡ, họ lấy một tấm huân chương tôn giáo mà Mẹ Teresa lúc sinh thời từng chạm vào, đặt lên bụng Besra. Năm giờ sau, khối u hoàn toàn biến mất.

Các nghi thức tuyên chân phước tại Rome chỉ là sự khởi đầu cho sự quá khích của giới truyền thông về vấn

đề phong thánh đối với Mẹ Teresa. Tại Calcutta, di sản của Mẹ Teresa được vinh danh bằng một Liên hoan phim quốc tế. Lần đầu tiên trong lịch sử Giáo hội Thiên chúa giáo người ta tổ chức một buổi Liên hoan phim quốc tế để vinh danh một vị thánh. Những bộ phim được chiếu gồm: *Something Beautiful for God* của Malcolm Muggeridge; *Mother Teresa - Her Legacy* của Anne Petrie, đạo diễn hai lần đoạt giải Emmy; *Mother Teresa and Her World* của đạo diễn người Nhật Shigeki Chiba; *Teresa's First Love* của Anna & Folco Terzani; *In the Name of God's Poor* của Dominique LaPierre. Bộ phim gây tranh cãi năm 1994 "*Thiên thần của Địa ngục*" cũng được công chiếu, nhưng đoạn cuối bị cắt.

Ngoài liên hoan phim quốc tế, Vatican còn cho phát hành một loại tem đặc biệt tưởng nhớ Mẹ Teresa. Các xưởng còn sản xuất thêm nhiều mặt hàng khác, bao gồm các chuỗi tràng hạt của Mẹ Teresa, cây thánh giá và xâu chìa khóa. Theo lời một nhà sản xuất, xưởng của ông hoạt động liên tục để sản xuất 10.000 chuỗi tràng hạt, xâu chìa khóa và các món nữ trang. Một vở nhạc kịch và một bộ phim hoạt hình dựa vào cuộc đời và sự nghiệp của bà cũng được trình chiếu. Một cách kỳ lạ hơn, để vinh danh một con người thiêng liêng, người ta còn tổ chức cả một cuộc trưng bày máu của Mẹ Teresa.

Ngày nay, tư tưởng của Mẹ Teresa vẫn còn được lưu giữ trong hơn 20 cuốn sách do bà làm đồng tác giả để gửi gắm những lời khuyên và chỉ dẫn về tinh thần cho mọi người. Dòng tu của bà vẫn tích cực hoạt động và nhanh chóng lớn

manh, dù rằng họ không có được số nhà tình thương và cơ sở hoạt động tăng vọt như 25 năm trước dưới quyền dẫn dắt của Mẹ Teresa. Hàng năm vẫn có khoảng hơn 3.000 tình nguyện viên đến Calcutta với hy vọng có thể làm nên một sự thay đổi nhỏ nhoi nào đó cho người nghèo khó.

Đồng thời, Dòng Thừa sai Bác ái đã chứng tỏ rằng họ đã trở nên hội nhập với thế giới hơn, họ đăng ký thành công bản quyền tên Mẹ Teresa vào năm 2003. Các nữ tu nói họ giành quyền sử dụng tên Mẹ Teresa, tên Dòng và biểu tượng chuỗi tràng hạt uốn quanh quả địa cầu để tránh việc lợi dụng vì mục đích thương mại. Khó có thể nói tương lai của Dòng Thừa sai Bác ái sẽ ra sao trong kỷ nguyên mới. Cũng giống như nhiều hội tôn giáo khác, thời thế thay đổi thường buộc họ phải thay đổi phương thức hoạt động nếu muốn tồn tại. Có thể họ sẽ thay đổi cách sống và cách quản lý của mình. Có thể có một sự thay đổi ngầm trong cách giúp đỡ người nghèo của họ, nhưng với sự diu dặt vững chãi của Sơ Nirmala – trái với việc tập trung vào hoạt động y tế hoặc công ích xã hội – Dòng Thừa sai Bác ái vẫn tiếp tục đi theo con đường Mẹ Teresa đã thiết lập ban đầu.

DI SẢN CỦA MẸ TERESA

Khi được yêu cầu giải thích về Dòng Thừa sai Bác ái, Mẹ Teresa từng nói: *“Chúng tôi là một hội tôn giáo; chúng tôi không phải là những người làm công tác xã hội, không phải là giáo viên, không phải là y tá hay bác sĩ, chúng tôi là tu sĩ.*

Chúng tôi phụng sự Chúa Giêsu thông qua người nghèo”^(*). Với lời phát biểu đó, Mẹ Teresa đã nêu rõ sứ mệnh của Dòng và cũng là sứ mệnh mà cá nhân bà luôn theo đuổi.

Tuy nhiên, rõ ràng trong 20 năm cuối đời, Mẹ Teresa và sứ mệnh của bà không ít lần bị hiểu sai. Bà khiến người ta cảm phục không phải từ những bài phát biểu hùng hồn hay những công việc vĩ đại mà bởi vì bà là một tấm gương biết sử dụng sức mạnh tình yêu để chữa trị và cứu rỗi. Theo phóng viên Mary Poplin thì điểm mấu chốt để hiểu mẹ Teresa và Dòng Thừa sai Bác ái là đức hy sinh mà họ dành cho tất cả mọi người và cách họ thực hiện công việc của mình trong sự khiêm nhường. Đối với Dòng Thừa sai Bác ái, Chúa Giêsu tồn tại trong mỗi con người họ gặp, cho dù người đó là một tình nguyện viên trẻ tuổi đến từ New Jersey hay một phụ nữ Hồi giáo lớn tuổi đang chết đói và bị chuột bọ gặm nhấm, hay một em bé sơ sinh dị dạng bị bỏ rơi giữa những đồng rác. Chúa tồn tại trong mỗi con người, đặc biệt trong những người bản cùng. Ngay từ đầu, Mẹ Teresa và Dòng tu của bà đã đối xử với từng người họ gặp như họ sẽ đối xử với Chúa Giêsu. Do vậy, họ thực hiện mỗi nhiệm vụ vì lợi ích của người nghèo như họ sẽ làm vì Chúa. Nói cách khác, họ đang giặt khăn cho Người, đang chuẩn bị cho Người những bữa ăn, đang chăm sóc thân thể Người, và đang nắm tay Người.

* “*Mẹ Teresa không xa lạ với vấn đề tranh cãi*”, tác giả Nelson Graves, trên Reuters: New York, ngày 24 tháng 8 năm 1996, <http://library.bigchalk.com/cgi-bin/WebObjects/WOPrimo.woa/20/wo/JW75gJ4TBP1s3EEW9q71laknBdo/3.27.2.12.3>

Nhìn kỹ hơn, người ta thấy trong Mẹ Teresa tồn tại những mâu thuẫn, nghịch lý, và sau này là hình ảnh một người phụ nữ không theo kịp thời đại. Nhưng cách đánh giá đó đã bỏ qua con người bà và những việc bà làm một cách quá dễ dãi. Phóng viên Mary Poplin đã lý giải về Mẹ Teresa theo cách hiểu của mình như sau:

Nhiều tác giả mô tả Mẹ Teresa như một người đã nhìn ra cảnh ngộ và thân phận của người nghèo và đáp ứng lại các nhu cầu của họ trong niềm cảm thông. Nhưng điều đó không hoàn toàn đúng. Mẹ Teresa phục vụ người nghèo không phải do họ cần bà, mà bởi vì Chúa đã kêu gọi bà làm công việc này. Bà hành động theo tiếng gọi của Chúa, chứ không phải vì lòng thương hại của bà đối với họ. Bà thường nhấn mạnh rằng nếu Chúa nói với bà điều gì sẽ xảy ra sau khi bà lần đầu tiên chăm sóc một người đàn ông đang hấp hối trên đường phố Calcutta, bà sẽ chẳng bao giờ làm điều đó, vì quá sợ hãi.^()*

Mẹ Teresa tự gọi mình là “cây bút chì trong tay Chúa”. Điều bà muốn nói là bà chỉ đơn giản là một công cụ của Chúa và làm theo sứ mệnh đã được giao phó. Bà phó thác cuộc đời cũng như Dòng tu của mình vào tay Người. Sự thành công của bà một phần là nhờ vào khả năng truyền cảm hứng tới một số lượng lớn tình nguyện viên, mà rất nhiều trong số họ là những người trẻ tuổi cần được giúp đỡ. Thông thường, chính những tình nguyện viên có kiến thức và kinh nghiệm gặp nhiều rắc rối nhất khi làm việc

* Trích: “No Humanitarian” trên tờ *Commonweal*, tác giả Mary Poplin, ngày 19 tháng 12 năm 1997, trang 11-14.

với Mẹ Teresa. Đối với những người trẻ tuổi, có lý tưởng cao cả nhưng không biết cách biến chúng thành thực tế thì việc tìm đến Mẹ Teresa và các công việc của bà khá thích hợp. Cho dù họ ở lại một giờ, một tuần hay một năm, họ vẫn luôn được chào đón. Vì khi họ ở lại, những tình nguyện viên này tạo được sự khác biệt cho những người xung quanh, và Mẹ Teresa rất biết ơn trước những nghĩa cử của họ. Với nhiều người khác, Mẹ Teresa là một con người đặc biệt, không phải do bà làm việc với người nghèo, mà bởi vì đối với nhiều người, bà đang làm một công việc mà họ ước ao được làm. Bà làm những gì họ không thể làm.

Về những sự vinh danh dành cho Mẹ Teresa, trong số 124 giải thưởng mà bà được trao tặng, có 10 phần thưởng cao quý nhất:

1. Huân chương Padma Shri của Tổng thống Ấn Độ, 08/1962;
2. Giải thưởng Hòa bình do Giáo hoàng John XXIII trao tặng tháng 01/1971;
3. Giải thưởng Quốc tế John F. Kennedy, 09/1971;
4. Huân chương Jawaharlal Nehru cho Sự Hiểu biết Quốc tế, 11/1972;
5. Giải thưởng Templeton vì Sự Tiến bộ Tôn giáo, 04/1973;
6. Giải Nobel Hòa bình, 12/1979;

Mother Teresa: A Biography

7. Huân chương Bharat Ratna, huân chương dân sự cao quý nhất của Ấn Độ, 03/1980;
8. Huân chương Công trạng của Nữ hoàng Elizabeth, Anh Quốc, 11/1983;
9. Huân chương Vàng của Ủy ban Hòa bình Liên Xô, 08/1987;
10. Huân chương Vàng của Quốc hội Hoa Kỳ, 06/1997.

Còn quan trọng hơn thế, tại thời điểm bà qua đời, Dòng Thừa sai Bác ái đã có hơn 4.000 nữ tu cùng với 400 thầy tu của Dòng Thừa sai Nam và hàng ngàn tình nguyện viên. Chính nhờ những tình nguyện viên này mà tinh thần của Mẹ Teresa tiếp tục sống mãi. Dù Mẹ Teresa là người bảo thủ, khó hợp tác và luôn đòi hỏi cao, nhưng có lẽ bà cần những tính cách đó để có thể hoàn thành những công việc mà bà tin rằng Chúa yêu cầu nơi bà. Bà xem tất cả các sinh linh đều thiêng liêng và nhìn thấy hình ảnh Chúa trong mỗi con người bà đã gặp. Với Mẹ Teresa, sự nghiệp của bà không đến từ sức mạnh của trí thông minh, mà từ một quyền năng lớn lao và một tình yêu bất tận trong trái tim bà.

Mục Lục

<i>Lời nói đầu</i>	5
<i>Những mốc quan trọng trong cuộc đời Mẹ Teresa</i>	7
Chương 1: Thành phố Skopje	13
Chương 2: Đáp lại ơn kêu gọi	35
Chương 3: Một hướng đi mới và một hành trình mới	65
Chương 4: Niềm hy vọng nhen nhóm trong khu ổ chuột	85
Chương 5: Nghèo khó là người che chở chúng ta	109
Chương 6: Kalighat	135
Chương 7: Shishu Bhavan và Shantinagar - Những vùng đất bình an	155
Chương 8: Điều kỳ diệu	175
Chương 9: Ôn phúc và những lời chỉ trích	201
Chương 10: “Người phụ nữ ngoan đạo nhất của giáo hội”	235

MEG GREENE

MOTHER TERESA

Nguồn sáng từ trái tim

FIRST NEWS

Chịu trách nhiệm xuất bản:

ĐỖ THỊ PHẦN

Biên tập : Đức Huy
Thiết kế bìa : Nguyễn Hùng
Trình bày : First News
Sửa bản in : Anh Khoa
Thực hiện : First News – Trí Việt

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA SÀI GÒN

90 Ký Con, Phường Nguyễn Thái Bình - Q.1, TP. HCM

ĐT: (848)38216009 - 39142419 - Fax: (848) 39142890

Email: nxbsaigon@vnn.vn - bientapvhsg@yahoo.com

In 3.000 cuốn, khổ 14,5 x 20,5 cm, tại Công ty TNHH một thành viên
In Phương Nam (160/13 Đội Cung, Q.11, TP. HCM). Giấy ĐKKHXB
số 619-2009/CXB/02-16/VHSG ngày 07/07/2009 - QĐXB số 549/QĐ -
VHSG cấp ngày 07/12/2009. In xong nộp lưu chiểu quý I/2010.

MẸ TERESA

MEG GREEN

TG.
344

NGUỒN SÁNG TỪ TRÁI TIM

Với cuốn sách *Mẹ Teresa - Nguồn Sáng Từ Trái Tim*, chúng ta sẽ khám phá bí ẩn cuộc đời Mẹ Teresa từ lúc thiếu thời với tên gọi Agnes Gonxha Bojaxhiu cho tới khi trở thành Mẹ Teresa nổi tiếng khắp thế giới. Chúng ta cảm động trước lòng quyết tâm phi thường của vị nữ tu nhỏ bé, khiêm nhường nhưng với một tình thương bao la, đã dành trọn cuộc đời mình yêu thương những con người khốn khổ, bẩn hàn. Chúng ta nghiêng mình cảm phục trước một tấm lòng cao cả, một trái tim ngời sáng tình yêu dành cho những con người bất hạnh ở mọi nơi. Người đã dành trái tim nhỏ bé của mình sưởi ấm trái tim hàng triệu con người trên khắp trái đất.

viết tốt
năm nhất
vietnamthebest



First News

CÔNG TY VĂN HÓA SÁNG TẠO **Trí Việt**

11H Nguyễn Thị Minh Khai, Q.1, TP. HCM - Tel: (08) 38227979 - Fax: 38224560
Email: triviet@firstnews.com.vn - Web: www.firstnews.com.vn

